

HOANG QUỐC HẢI

Bao Táp Cung Đình

TIỂU THUYẾT DẠNG SỬ

PN

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

LỜI TÒA SOẠN

Báo Bình Định đã từng giới thiệu và được bạn đọc nồng nhiệt chia sẻ tiểu thuyết lịch sử Huyền Trân công chúa. Hy vọng một lần nữa bạn đọc báo Bình Định sẽ có cảm giác thú vị tương tự với Bão táp cung đình.

Tôi vốn không có ý định viết gì thêm ngoài những gì đã được trình bày trong sách. Bởi tất cả những ý đồ nghệ thuật, người viết đều bày xếp trong đó cả. Cho nên khi sách đã in rồi, nếu dờ cũng không có cách gì biện bác để trở thành hay được. Nếu nó quả thực đã xuôi tai người đọc, hà tất phải dài dòng thêm nữa.

Thế nhưng cứ sau mỗi lần tái bản thì từ các bậc cao niên vào hàng túc nhỏ, cũng như các bậc thiện trí thức ưu thời mẫn thế, đều khích lệ tôi nên hé lộ cho độc giả biết, vì sao tôi viết tiểu thuyết lịch sử. Lại vì sao tôi chọn nhà Trần để viết. Và vì sao tôi không viết theo lối thông sử, lại cắt ngang lịch sử, chọn những thời điểm gay cấn nhất để làm nền cho cốt truyện. Và nữa, các độc giả ít tuổi thì hỏi tôi lấy tài liệu lịch sử ở đâu mà phong phú thế. Tại sao tôi có thể am hiểu đời sống chính trị xã hội cách đây tới bảy, tám trăm năm để có thể tạo dựng lên được gương mặt xã hội thời đó. Tại sao tôi lại biết được cả y phục, ngôn ngữ và phong tục, tập quán thời đó để mô tả... Với các độc giả trong quân đội, khi đọc “Thăng Long nổi giận” thì hỏi tôi dựa vào đâu để có thể dựng lại được cả một mặt trận quy mô như thế. Và với tất cả những mưu mô ác độc của quân thù cũng được phơi bày. Vần văn và v.v...

Vâng, những câu hỏi tưởng như đơn giản nhưng đó lại là một kho vốn liếng cho bất cứ một văn nghiệp nào.

Trước khi tường giải, mong bạn đọc hiểu cho: Sức người có hạn, dù lao động chân tay hay trí óc cũng vậy thôi. Tôi vốn không phải người giỏi giang uyên bác gì. Chẳng qua chỉ chịu khó học và hỏi, rồi tích lũy những điều mình đã học đã hỏi được mà cảm thấy có ích vào một kho chứa, nhưng có thể lấy nó ra dùng bất cứ lúc nào. Vậy là vốn liếng tôi đều vay mượn của thiên hạ.

Nhiều lúc tôi tự hỏi, phải chăng đây là một duyên nghiệp mà định mệnh đã ưu ái ban cho. Và những gì thuộc về huyền linh vô thức đều do định mệnh chi phối, chứ thực quả tôi cũng không có làm gì hơn một tên “phu chữ”.

Tôi xin được phép không đi vào giải đáp lần lượt từng câu hỏi một, mà chỉ xin bày tỏ đôi điều. Và tin chắc sẽ không làm hài lòng tất cả quý vị độc giả.

Xin thưa, khi đã viết được văn in báo, in sách, thậm chí tới 5 - 6 đầu sách, tôi vẫn chưa dám nghĩ tới việc viết tiểu thuyết lịch sử. Mặc dù tuổi thơ tôi rất hiếu đọc, đặc biệt là các loại tiểu thuyết lịch sử của cả trong nước và ngoài nước. Các truyện nôm khuyết danh tôi không bỏ cuốn nào, và thuộc khá nhiều. Loại truyện danh nhân văn hóa, hoặc tiểu sử các nhà khoa học cũng nằm trong sưu tập của tôi.

Khi lớn lên, tôi tìm đến các bộ lịch sử như: “Đại Việt thông sử” của Lê Quý Đôn, “Việt sử tiêu án” của Ngô Thời Sĩ, “Lịch triều hiến chương” của Phan Huy Chú, “Việt Nam sử lược” của Trần Trọng Kim, “Đại Việt sử ký toàn thư” của Ngô Sĩ Liên v.v...

Đọc chính sử đối chiếu với các tiểu thuyết lịch sử của các nhà từ “Hoàng Lê nhất thống chí” của văn phái họ Ngô, tiếp đến các nhà văn cận hiện đại như Nguyễn Triệu Luật, Ngô Tất Tố, Phan Trần Chúc, Lan Khai, Trúc Khê Ngô Văn Triện, Đào Trinh Nhất, Nguyễn Huy Tưởng, Trần Thanh Mại và sau này là Chu Thiên, Nguyễn Hồng, Hoàng Yển, Quỳnh Cư, Thái Vũ, Hoài Anh...

Đường như đây là tất cả các tác giả ít nhiều có viết truyện lịch sử của nước ta, kể từ “Hoàng Lê nhất thống chí” ra đời từ cuối thế kỷ 18 tới nay. Con số người viết thể loại này thật quá ít ỏi.

Khát vọng của tôi là muốn mở to đôi mắt nhìn vào quá khứ, thấy được những điều kỳ diệu, và cả những khổ đau xưa cha ông ta đã tạo dựng và nếm trải. Nhưng quá khứ luôn được phủ bởi một lớp sương khói khi thì dày đặc đến mịt mờ, khi thì mỏng lảng khiến tôi có thể nhận diện được lịch sử. Và vì vậy, ước vọng của tôi cứ mãi mãi lùi xa.

Có một lần tôi thử làm một nhận xét sau khi đọc hầu như tất cả các tác phẩm tiểu thuyết lịch sử của các nhà. Tôi giật mình nhận thấy, tại sao trải qua các triều đại huy hoàng như Lý - Trần - Lê, mà vẫn chưa có được một bộ tiểu thuyết nào khả dĩ như “Tam quốc”, “Thủy hử”, “Pi-e đại đế”, “Ba chàng lính ngự lâm”, “Aivanhô” v.v... của các nước Trung Hoa, Nga, Pháp, Anh.

Và một điều kinh ngạc nữa là các triều đại với các bậc vua giỏi như Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành... Lý Thái tổ, Lý Thái tông, Lý Thánh tông... Lê Thái tổ, Lê Thánh tông v.v... mà dường như bóng dáng họ đều bật vắng trên văn đàn, hoặc có được nhắc đến thì cũng đóng vai phụ làm nền cho các danh tướng như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Nguyễn Trãi... lừng lững nổi lên như những chủ thể duy nhất của các triều đại ấy.

Chính những điều đó làm tôi trăn trở, nghĩ suy. Thử hỏi không có Trần Thánh tông, Trần Nhân tông là các bậc vua anh hùng đức độ, giỏi về triết học, văn chương, tài năng quán thế về chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao, đoàn kết hết thảy mọi tầng lớp người trong nước để huy động vào việc chống ngoại xâm, thì dễ gì các bậc tể thần như Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư, Trần Nhật Duật ... làm nên nghiệp lớn.

Lại như khi giặc Minh sang xâm lược, nhà trí thức lớn Nguyễn Trãi, sau khi tiễn cha tới ải Nam Quan trở về, còn nằm nghe ngóng tình hình tại một góc thành Đông Quan, thì Lê Lợi đã phất cờ tụ nghĩa trên đất Lam Sơn, nhiều phen làm cho quân thù điêu đứng. Và mãi tới lần thứ hai ra mắt Lê Lợi, Nguyễn Trãi mới dâng “Bình Ngô sách”, mới nhập cuộc.

Ấy thế mà các tác giả văn học và văn học sử, hầu như chỉ viết về trận mạc với vai trò của một số vị tướng.

Lại những năm gần đây, khi đánh giá Nguyễn Trãi với thời đại của ông, các nhà sử học mãi tôn vinh ông mà quên khuấy mất vai trò của Lê Lợi, người anh hùng số một trong công cuộc đánh giặc Minh tàn bạo - người làm ra lịch sử.

Dành rằng như Trần Hưng Đạo là linh hồn, là trụ cột trong cuộc đánh thắng quân xâm lược Nguyên - Mông thế kỷ 13, Nguyễn Trãi là linh hồn của nghĩa quân Lam Sơn trong công cuộc bình định giặc Minh thế kỷ 15.

Ngay cả các bậc đại hùng đại trí ấy, cũng chưa phải là nhân vật duy nhất, là nhân tố duy nhất quyết định chiều hướng phát triển của lịch sử.

Một điều nữa làm tôi trăn trở, rằng dân tộc ta có một quá khứ dựng nước và giữ nước đầy nhọc nhằn và kiên dũng, không thua kém một dân tộc nào, nhưng sao thế giới biết đến ta quá ít.

Cũng bởi bộ môn tiểu thuyết lịch sử của ta chậm phát triển. Đến nỗi thanh thiếu niên của chúng ta rất thông thạo sử Tàu, sử Ấn, sử Hy - La, sử Anh, sử Pháp v.v... Trong khi đó có sinh viên đại học trả lời phỏng vấn: “Trương Định là tướng Lương Sơn Bạc”, và một hoa hậu trả lời các vị nữ anh hùng dân tộc có: “Hai Bà Trưng và Trưng Trắc, Trưng Nhị”; một thanh niên có bằng tú tài sinh ra và lớn lên tại phố Lý Đạo Thành mà không biết nhân vật này là ai v.v...

Những sự thật đau lòng ấy cứ dần dần thôi thúc tôi phải viết một cái gì đây về lịch sử; để cho con cháu hiểu được cội nguồn, tiên tổ. Ấy vậy mà vẫn chưa dám viết. Bởi tôi thấy sự hiểu biết và đánh giá các thời kỳ lịch sử, cũng như vai trò của các nhân vật lịch sử

trong tôi chưa chín. Nói cho đúng, trình độ tôi chưa với được.

Mãi tới đầu thập niên tám mươi, tôi thường vào công tác phía Nam. Có năm tôi lang thang tại Sài Gòn và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tới mười tháng. Thấy dân tình có vẻ ngao ngán. Nhiều người bỏ nước ra đi. Những ca, về đặt ra để phi báng lịch sử nhiều hơn là khích lệ mọi người phải vượt lên, khiến tôi nhức nhối.

Các bạn tôi ở Sài Gòn, nhất là tôi có người bạn tâm huyết, học với nhau từ thuở thiếu thời, anh thúc giục tôi, bằng mọi giá phải trở về với cội nguồn văn hóa dân tộc; phải làm một cái gì đấy thật cụ thể ... Anh bực bực với tôi mọi suy tư của anh về thời cuộc, về truyền thống văn hiến của tổ tiên. Phải nói, anh đã thức dậy trong tôi niềm say mê trở về với nền văn hóa dân tộc. Vì thế, khi “Bão táp cung đình” được in, ngay trong đầu tôi đã có lời đề tặng anh.

Tuy vậy, tôi mới chỉ ráo riết chuẩn bị viết thôi chứ chưa dám bắt tay vào việc.

Duyên may tôi được mời đi dự “Hội thảo về Trần Nhân tông với phái Thiền Trúc lâm”, tổ chức tại Yên Tử - nơi Trần Nhân tông xuất gia tu Phật.

Sau hội thảo này, tôi như được tiếp thêm sức mạnh. Tôi đã lờ mờ nhận ra vai trò của Trần Nhân tông trong lịch sử cũng như trong tôn giáo Việt Nam, nhất là phái Thiền Trúc Lâm.

Nghĩ về phương lược hòa bình của Trần Nhân tông đối với Champa, sau hai cuộc đại thắng giặc Nguyên - Mông 1284 - 1285; 1287 - 1288. Và mối nhân duyên giữa vua Champa Indrvarman III với công chúa Huyền Trân con gái út của ngài, sau gần một năm nhà vua qua thăm Chiêm Thành và điều đình tác hợp. Tôi liền làm một cuộc khảo sát văn hóa - phong tục Champa dọc theo ven biển miền Trung, bắt đầu từ Huế và kết thúc ở Bình Thuận. Qua khảo sát điền dã, kết hợp với các nguồn sử liệu, kể cả huyền thoại, cả những nơi thờ tự hai vị của hai dân tộc Việt - Chăm; lúc về, tôi viết Huyền Trân công chúa.

Nhà xuất bản Thuận Hóa đón nhận bản thảo rất hào hứng, và đưa ngay vào Sài Gòn in luôn 50.000 bản. Số lượng sách sau đó hai tháng đã bán hết. Nhà xuất bản Thuận Hóa đưa về Huế in nổi bản 20.000 cuốn nữa mới có sách đưa ra phía Bắc.

Chính sự tiếp nhận của bạn đọc đối với tiểu thuyết lịch sử, là sự khích lệ đáng trân trọng khiến tôi lao vào viết tiếp.

Tức là viết cuốn “Bão táp cung đình”. Đây là thời kỳ chuyển chính quyền từ Lý sang Trần, và nhà Trần đi vào công cuộc hồi sinh đất nước, để chuẩn bị đối phó với quân Mông Cổ đang tràn sang xâm lược Trung Hoa, và chúng lâm le tiến vào Đại Việt.

Tôi thường suy ngẫm về vai trò của nhà chiến lược thiên tài Trần Thủ Độ. Thế nhưng qua sử sách các đời, vẫn coi ông là kẻ tàn bạo, lộng hành và bất trung. Càng nghiền ngẫm, tôi càng thấy không thể đồng tình với các nhà sử gia trung đại. Mặt khác, tôi cũng chờ đợi các nhà lịch sử đương đại phán xét. Nhưng tuyệt nhiên không có một cuộc hội thảo nào, về vai trò của Trần Thủ Độ với vương nghiệp nhà Trần (cho tới trước 1993). Còn với các cuốn sử được viết lại thời nay, tuy không phê phán nặng hơn các sử gia thời trước, song cũng chưa có một đánh giá khả dĩ về nhân vật lịch sử này.

Tôi nghĩ, Trần Thủ Độ đối với nhà Lý tựa như Mạc Đăng Dung đối với nhà Lê. Bởi tới thời điểm lịch sử ấy, hai nhà Lý và Lê đều đã suy đồi tới cực điểm. Song với quan điểm cố chấp, nếu không nói là ngu trung của các sử gia phong kiến, nên đã coi hai nhân vật lịch sử tầm cỡ này như là giặc của nhà Lý và nhà Lê.

Với tấm lòng của kẻ hậu thế, nhìn vào quá khứ với thái độ khách quan, kính cẩn và thận trọng, tôi mạnh dạn viết giai đoạn đầu

của nhà Trần với vai trò chủ chốt của Trần Thủ Độ, mong trả lại sự công bằng cho nhân vật lịch sử cũng như giai đoạn lịch sử này. Tác phẩm viết xong từ năm 1988, nhưng mãi năm 1989 mới in được.

Sau khi tác phẩm ra đời, bạn đọc gần xa không những không phản ứng mà còn đồng tình cổ vũ. Thế là tôi lao vào viết tiếp hai tập “Thăng Long nổi giận”, nói về cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ II (1284-1285). Và “Vương Triều sụp đổ”, phản ánh 60 năm suy thoái rồi sụp đổ của cuối vương triều Trần.

Vậy là tôi đã hoàn thành bộ tiểu thuyết bốn tập về nhà Trần với 2.000 trang in. Đây không phải là bộ tiểu thuyết liên hoàn, bởi như phần trên đã nói, tôi cắt ngang lịch sử, chọn thời điểm gay gắt nhất để làm bối cảnh xã hội của truyện. Tuy nhiên, nếu đọc giả đọc cả 4 tập theo thứ tự: “Bão táp cung đình” - “Thăng Long nổi giận” - “Huyền Trân công chúa” - “Vương triều sụp đổ”, sẽ hình dung một cách có hệ thống về triều đại này.

Và nếu như đọc giả không có trọn bộ bốn tập, mà chỉ đọc riêng từng tập, vẫn nắm được trọn vẹn giai đoạn lịch sử mà tác phẩm phản ánh.

Cũng có bạn hỏi tôi chọn trường phái nào để viết.

Hiện trên thế giới đang tồn tại nhiều trường phái:

- Có trường phái tôn trọng các sự kiện lịch sử như nó đã xảy ra, trên cơ sở đó hư cấu, cấu trúc để tái tạo lịch sử, dựng lại gương mặt lịch sử như nó có. Và khi đọc, độc giả có cảm nhận: lịch sử là như thế. Điển hình cho trường phái này là Alexis Tolstoi nhà văn Nga, và tác phẩm nổi tiếng của ông là “Pi-e Đại đế”, “Con đường đau khổ”.

- Lại có trường phái không coi trọng sự thật lịch sử. Mà lịch sử chỉ là một cái có, để từ đó người nghệ sĩ biểu đạt cái mà mình cần phải biểu đạt. Điển hình cho trường phái này là Alexandre Dumas (cha) với tác phẩm “Les trois mousquetaires” (Ba chàng lính ngự lâm). Ông đã từng tuyên bố: “Qu'est ce que l'histoire? C'est un clou, auquel j'accroche mes tableaux” (Lịch sử là gì? Đó là một cái đinh, ở đó tôi treo móc những bức tranh của tôi).

- Và một trường phái khác cũng khá phổ biến, tức là dựa vào sự thật lịch sử, truyền thuyết lịch sử nhưng viết theo nhãn quan chính trị chính thống của thời đại tác giả. Tác phẩm được xem như có 40% sự thật và 60% hư cấu. Đó là trường hợp tiểu thuyết “Tam quốc chí” của La Quán Trung, được Mao Tôn Cương nhuận sắc theo cùng quan điểm.

- Một trường phái khác là dựa vào các sự thật lịch sử, sự kiện lịch sử rồi làm biến dạng nó đi một cách tự nhiên chủ nghĩa. Các nhân vật được đẩy lên hàng thần thánh hoặc tụt xuống hàng ma quái, yêu nghiệt. Và để cho hấp dẫn, các nhân vật được “chương hóa”. Loại tiểu thuyết này có tên là dã sử. Các tiểu thuyết đường rừng của nhà văn Lan Khai thuộc loại đó.

Ở Trung Quốc tiểu thuyết dã sử khá phát triển vì như “Phong Thần”, “Bí mật mã Tào Tháo”, “Mã Khổng Minh”, và hàng loạt tiểu thuyết “Chinh đông”, “Chinh tây” v.v...

- Còn một loại nữa, tuy không đủ sức trở thành trường phái nhưng đã thấy xuất hiện ở nước ta.

Đó là thể loại “Kể chuyện lịch sử”. Trong đó tác giả kể về các nhân vật và các chiến công của họ. Loại truyện này thường từ 30 trang tới 100 trang hoặc 200 trang, gồm nhiều mẫu ghép lại. Về dung lượng cũng như sức dựng truyện, dựng nhân vật chưa đạt tới trình độ tiểu thuyết. Và nó cũng không phát triển được.

Hiện nay loại hình hồi ký và tiểu thuyết lịch sử đang phát triển mạnh trên thế giới, nhất là phương Tây. Như nước Anh chẳng hạn, năm 1993 đã có hơn 1.200 đầu sách văn học viết về lịch sử được xuất bản. Riêng thi hào Byron có 300 đầu sách viết về ông.

Nước láng giềng của ta như Trung Quốc, đang ào ạt dựng phim theo tiểu thuyết lịch sử, và hàng loạt các hồi ký của các nhân vật tai mắt của thời đại, đã ra mắt công chúng.

Nhân dân có quyền được thông tin, kể cả thông tin về lịch sử. Đáng tiếc, về mặt này chúng ta làm được quá ít.

Còn một số câu hỏi mang tính bấp núc của nghề văn, như làm thế nào để biết phong tục, tập quán, y phục, ngôn ngữ... thời Trần. Đây là một vấn đề không nhỏ, mang tính nghề nghiệp khá lý thú. Tôi sẽ trình bày vào một dịp khác, mong bạn đọc lượng thứ.

Nhân đây, xin được tỏ lòng biết ơn, nếu như được các bậc cao minh chỉ giáo cho tác giả những điều còn thiếu sót, hoặc lầm lẫn trong khi viết.

Tác giả chịu ơn độc giả nhiều lắm.

Song càng viết, càng cảm thấy thiếu. Vậy xin mượn lời của một nhà thơ trữ tình nổi tiếng để kết thúc bài tựa này:

“Ai rằng vương nghiệp lung lay

Ta thành kính ngược thời gian hoài niệm”.

Hoàng Quốc Hải

Giảng Võ ngày Thân

Tháng Dần năm Đinh Sửu

(7-3-1997)

Cờ cấm la liệt khắp Hoàng Thành và phố xá. Những lá cờ ngũ hành và cờ phướn màu sắc rực rỡ, không có gió, cứ rũ xuống, nép vào thân cột như những hàng cờ tang. Thăng Long vào hội! Hội mừng đức vua đăng quang[1]. Một ngày hội buồn tẻ chưa từng thấy trong lịch sử hội hè của đất đế đô. Phường phố vắng ngắt không một bóng người qua lại. Chỉ thỉnh thoảng có một toán lính tứ sương[2] vác dao đi tuần lạng lẽ như những bóng ma. Rồi cứ chừng một khắc canh, lại có một đội kỵ binh phi nước đại vút qua đường, làm cuộn lên một lớp bụi mịn mờ, và ném vào cái không khí u tịch của kinh thành những tiếng vó ngựa khua đục đục đều đều, như có hàng trăm chiếc chày gõ nhịp trên sàn gỗ.

Trong hoàng thành, quân thánh dực[3] đứng ken dày bốn cổng đông - tây - nam - bắc; gương áo tuốt trần.

Nội điện đèn lồng, bạch lạp thi nhau tỏa sáng giữa ban ngày. Một tờ chiếu vẽ rồng và mây ngũ sắc trải rộng trên mặt án thư phía hữu ngai vàng, có đóng dấu ấn nhà vua.

Trống đăng văn vừa dứt. Quan hàn lâm phụng chỉ[4] cùng với quan hành khiển[5], mặc áo đại trào màu tía biếc kính cẩn nâng tờ chiếu lên. Và quan hàn lâm thị độc[6] bước lên bảy bước, nhìn vào tờ chiếu đọc. Đây là chiếu sách lập Chiêu Thánh, thứ nữ của nhà vua làm hoàng tử, và nhận ngôi báu cha truyền.

Giọng quan hàn lâm thị độc xướng lên với vẻ xúc động. Nhất là ở cái đoạn: “Ta vì đức bạc, không sinh đằng hoàng nam, lại chẳng may mang trọng bệnh. Mệnh ta sớm tối chưa biết thế nào. Nay ta trao ngôi báu cho Chiêu Thánh, mong các khanh hết lòng giúp rập...”.

Bá quan nhìn lên chiếc ngai vàng bỏ trống, ai nấy lòng đau như cắt. Dứt lời tuyên đọc, một chiếc kiệu rồng tiến vào, hạ ngay xuống cạnh ngai vàng. Nữ hoàng xứng xính trong bộ triều phục dài rộng quá khổ. Các quan hộ giá tả hữu cúi xuống nâng phẩm phục cho vua nhỏ, và bế nhà vua đặt lên ngai vàng. Đúng lúc nhà vua lắc lắc cái đầu, kêu “Rậm quá!”. Chiếc mũ miện đảo nghiêng rồi rơi bịch xuống thềm điện. Trời tháng mười se se lạnh mà trán nhà vua lấm tấm mồ hôi.

Yên vị xong, quan thừa chỉ[7] bèn dâng nhà vua tôn hiệu: “Thiên chương hữu đạo”. Triều đình im phăng phắc. Các đại thần đưa mắt rụt rè nhìn về phía điện tiền chỉ huy sứ[8] Trần Thủ Độ. Quan điện tiền vươn mình khỏi chiếc thái sư ý, đốc kiếm chạm vào tay ghế lạch cạch khiến các quan xanh cả mắt.

Chiêu Hoàng nhấp nhòm trên ngai vàng tỏ vẻ khó chịu, vì chiếc mũ đội đầu vừa nặng, vừa rộng trống trênh, và bộ triều phục thùng thình, khiến nhà vua có cảm giác như bị vướng bẫy. Bỗng có tiếng nói nhỏ từ bức trướng phía sau ngai: “Nữ chúa ngồi yên!”

Hệt như một đứa trẻ không thuộc bài, sau khi được nhắc, Chiêu Hoàng ngồi lại ngay ngắn, hai chân co lên, đầu gối bằng bạn, cánh tay khuỳnh ra, hai bàn tay với các ngón tay đan khít vào nhau. Giữa lòng bàn tay kẹp một kim hột. Chiếc hột vàng mà nữ chúa kẹp trong lòng tay kia, thường là để nhà vua ghi vào đó, những việc cần bàn bạc hoặc phán quyết, mỗi khi thiết triều. Nhưng với Chiêu Hoàng, nó chỉ là một thứ đồ chơi xấu xí.

Quan điện tiền nhìn về phía quan thái phó Phùng Tá Chu. Phùng Tá Chu bèn đứng bật dậy, hướng về phía ngai vàng vái ba vái rồi phủ phục xuống thềm điện:

- Muốn tâu thánh thượng, tôn hiệu quốc triều ta mà quan thừa chỉ vừa dâng, thần thấy rất hợp, chẳng hay tôn ý của bệ hạ thế nào? - Ngẩng nhìn nữ chúa, thấy nhà vua dường như không để ý gì đến việc triều thần đang bàn luận, Phùng Tá Chu nói tiếp: - Theo thiên ý của hạ thần, để tỏ lòng hiếu kính với thượng hoàng, triều đình ta cứ dùng tôn hiệu Kiến Gia của tiền triều cho hết năm.

Lui về chỗ ngồi, quan thái phó thăm nghì: “Quan thừa chỉ đúng là một người văn học thâm viển. Chỉ riêng việc ông dâng tôn hiệu, cũng đủ nói lên cái tâm và cái chí của ông: Thiên chương hữu đạo - Rõ là ông muốn chấn hưng nhà Lý. Muốn Chiêu Hoàng nữ chúa phải theo đúng con đường của vua mở nghiệp. Quả thật, nối tiếp mấy triều gần đây đã đi trệch con đường chính rồi. Cao tôn vô đạo sa vào mê lộ. Ham xây cất cung điện, đền đài, đình tạ, vất kiệt sức dân. Thường năm mất mùa. Dân phiêu bạt đi kiếm ăn, chết đói, chết rét chật đường chật quán. Nhà vua thì suốt đêm yến tiệc. Tai thích nghe nhạc Chăm ảo não. Mất thích ngắm những lầu cao, cao mãi. Cung nữ từng bảy, vẫn không thôi tuyển lựa. Cha nào con nấy, hèn gì Huệ tôn chẳng đi vào con đường ngu tối. Triều chính đổ nát. Đời suy. Đạo mờ. Con giết cha. Bảy tôi lập bè lập đảng chống lại vua. Giặc giã nổi khắp nơi. Ra khỏi kinh thành mười dặm đã là đất giặc. Cơ nghiệp nhà Lý thập phần nghiêng ngả.

Khó lắm! Khó lắm!...”

Lá màn phía sau ngai vàng lại lay động. Nữ chúa Chiêu Hoàng như giật thột, đứng phắt lên ngai, cầm chiếc hốt hương lên rồi phất tay áo thụng, miệng lắp bắp chưa nói được thành lời.

Triều thần đang còn ngơ ngác, thì quan điện súy đô áp nha thống chế^[9] chạy xộc vào thềm điện, tay cầm tấm hỏa bài của tốp lính viễn thám, vừa chạy theo đường ngựa trạm báo về. Quan điện súy xá Trần Thủ Độ một xá rồi dâng tấm hỏa bài.

Quan điện chỉ huy sứ sức lực cường tráng, quắc mắt nhìn vào tấm hỏa bài, chữ viết to như quả trứng ngỗng. Ngài lẩm nhẩm đọc: TẶC ĐÁO BỒ ĐỀ^[10].

Một vài vị tò mò liếc nhìn tấm hỏa bài. Trần Thủ Độ liền xoay mặt có chữ úp xuống rồi nói lớn: “Các quan không về phủ đệ còn ở đây làm gì?”. Bá quan vội tản ra. Còn nữ chúa được các quan cận thị thực lực cục^[11] đỡ vào hậu điện.

Quan điện tiền chỉ huy sứ, sắc mặt không hề thay đổi, ông sai lấy ngựa và tự mình ra chỉ huy việc cân giặc.

- (1) Dăng quang: Lễ lên ngôi vua.
- (2) Tứ sương: Quân canh gác bốn cửa thành
- (3) Quân thánh dục: Quân trực tiếp bảo vệ nhà vua mỗi khi xa giá ra ngoài cung.
- (4) Phụng chỉ: chức quan văn chuyên thảo các văn bản cho vua như chiếu, chế, cáo, sắc...
- (5) Hành khiển: chức quan văn đứng đầu hành khiển ty. Chức này đứng thứ hai sau tể tướng. Theo chế độ cũ của nhà Lý chỉ cho các trung gian (quan hoạn) giữ chức này.
- (6) Hàn lâm thị độc: chức quan văn phụ trách việc tuyên cáo các sắc chỉ, lệnh... của vua ban.
- (7) Thừa chỉ: Chức quan văn ở Hàn lâm viện.
- (8) Điện tiền chỉ huy sứ: Chức quan võ chỉ huy các sắc lính bảo vệ vua và kinh thành, cùng đội quân trực thuộc triều đình.

(9) Chức quan chỉ huy bảo vệ kinh thành đứng sau điện tiền chỉ huy sứ.

(10) Chữ Hán có nghĩa là: Giặc đến Bồ Đề.

(11) Chức quan hầu cận nội điện.

Từ bữa Trần Thủ Độ ép phải kí vào chiếu nhường ngôi cho tới nay, Huệ tôn thấy trong người vẫn tỉnh. Chính vì tỉnh táo suy nghĩ, nên nhà vua càng không thể nào hiểu được tại sao người ta cứ bắt ngài phải nhường ngôi cho Chiêu Thánh? Tội nghiệp, con bé mới bảy, tám tuổi, còn chưa biết hi mũi đã phải làm vua. Ngài đã nói tới bã bọt mép, rằng phải có truyền ngôi cho con gái, thà bắt con Thuận Thiên, trưởng nữ của nhà vua còn hơn. Nó vừa có sức vóc, vừa nhiều tuổi hơn; và lại nó cũng võ vè đọc được dăm ba chữ, chứ con Chiêu Thánh đã học hành gì đâu. Hoặc giả ngài cũng tỏ ý muốn truyền ngôi cho một người cháu họ, không những người ta không thuận, mà nghe cháu họ đã đem thằng bé đi biệt tích. Chắc hẳn chúng nó trầm hà thằng bé mất rồi. Trời, thế là ta đã giết cháu ta! Cái mặt cảm u uất cứ bám riết lấy tâm trí nhà vua, khiến ngài thấy đầu óc nặng nề quá. Để bớt phần bức bối, nhà vua cố gượng dậy đi dạo trong khuôn viên. Và cũng thử xem Trần Thủ Độ có phái tay chân đến rình mò? Nhìn khắp bốn bề đều vắng lặng, Huệ tôn liền ghé vào bụi tầm xuân, thổ lộ những điều mà bấy lâu ngài mang nặng như kết thành một khối ở trong ruột, trong gan. Nhà vua thì thầm: “Ồi cái bụi tầm xuân này. Ta chỉ có tin mày mới không phản ta thôi. Thân xác ta sao thống khổ thế này. Chẳng biết vận số cát hung ra sao mà cái năm Đinh Sửu (1217), cái năm ta mới có hăm mươi ba tuổi đầu, đã mắc phải chứng loạn tâm. Mặc dù tới nay ta đã bình phục, nhưng chú cháu nhà Trần Lý nó cứ phao ngôn rằng ta đã mất trí. Ngay cả con mụ vợ ta nó cũng không tin rằng ta đã dứt bệnh. Cha con chú cháu nó giam hãm ta suốt ngày trong cung cấm. Cận thân tâm phúc của ta, nó đây, nó dối đi viễn xứ. Nó tì tin cần của ta, phản thì nó giết, phản nó bắt đi khấn đất miền biên viễn. Chúng nó chặt hết chân tay, tai mắt của ta. Ta thật chẳng khác gì Hán Hiến đế bị Tào Tháo lộng hành, áp chế. Nhưng Hiến đế còn hơn ta nhiều lắm. Bởi ông ta còn có bấy tôi tâm phúc, nghĩ suy về sự nghiệp của nhà Hán, và cũng đôi ba lần khởi sự, tuy việc chẳng thành ... Còn nhà Lý ta, từ khi Thái tổ được quần thần khuông phò lên ngôi, kế tiếp nhiều đời đã làm cho dân giàu nước mạnh. Mặt Bắc, nhà Tống phải nể phục, không dám can dỡ. Mặt Nam thì Chân Lạp, Chiêm Thành phải sợ oai nập cống. Các quan trong triều ngoài nội, nối đời ăn lộc nhà Lý, mà sao không có được lấy một người tâm phúc với ta. Chẳng lẽ tất cả bọn họ đều là phường giả áo túi cơm, úy từ tham sinh? Chẳng lẽ tất cả đều về hòa với chú cháu thằng thuyền chài[1] để hãm hại cha con ta, mưu toan soán đoạt?...”. Huệ tôn xúc động, nước mắt chảy ròng ròng trên hai gò má hơi cao. Thân xác héo khô gầy guộc, mặt mũi hốc hác, râu tóc bờ phờ, nom Huệ tôn không ai có thể ngờ đó lại là một trang nam nhi ba chục tuổi. Chẳng bù với Trần Thủ Độ, ông ta chỉ hơn nhà vua có một tuổi, mà sao sinh lực tràn trề, uy dũng tỏ ra hơn đời nhiều lắm. Chính nhà vua cũng có ý như né tránh ông ta.

Lấy chéo áo lau khô khuôn mặt khắc khổ, hai tay chống gối toan đứng lên, bỗng từ phía bên kia bụi tầm xuân có tiếng sột soạt rồi có người từ đó bước ra, nhà vua hoa mắt, chân tay bủn rủn không thể nào lê nổi bước chân. Bỗng người đó tới trước nhà vua sụp lạy:

- Muôn tâu bệ hạ, con đã nghe hết mọi điều mà bệ hạ nói với bụi tầm xuân.

Không nén được giận dữ, Huệ tôn thu toàn lực vụt đứng lên, ngài rút chiếc dép gior thẳng cánh ném vào giữa mặt ả thị tì, và mắng:

- Đồ nghiệt súc! Ta căm ghét lũ nguoi. Ở đâu các người cũng rình rập, nghe ngóng. Nguoi cút xéo đi mà tâu với cha con chú cháu thằng thuyền chài!

Cũng may mà thị nữ đã né đầu tránh được. Nàng loay hoay tìm lại chiếc dép đưa cho nhà vua, và khép nép nói:

- Tâu bệ hạ, kẻ tôi đòi này chỉ mong có dịp được bệ hạ sai khiến, chứ không có tâm địa nào hại bệ hạ.

Nhà vua có phân bình tâm, ngài hỏi:

- Vậy chứ kẻ nào sai mi đến đây do thám?

- Trình bệ hạ, chẳng hay bệ hạ có nhớ quan thừa chi?

- A, lữ người giáo quyết. Thằng thuyền chài sai người đến đây để dụ ta vào bẫy hả? - Nhà vua chồm dậy giờ bàn tay yếu ớt của mình lên định tát vào mặt thị nữ. Bàn tay ấy lại từ từ buông thõng xuống. Nhà vua thờ dài ảo não, tuồng như tất cả ý chí và sức lực của ngài đều trút qua hơi thở.

Thị nữ không cầm được nước mắt. Nàng cũng bối rối, chỉ sợ có ai trông thấy cảnh này, thì vua tội khó mà toàn vẹn. Chợt lóe trong óc nàng một điều gì đấy, khiến nàng hoạt bát hẳn lên. Nàng tiến lên nửa bước, ghé sát tai nhà vua nói:

- Quan thừa chỉ dẫn con, nếu có cơ hội, bệ hạ nên sớm dứt bỏ chốn cung cấm thâm nghiêm này. Xin bệ hạ hãy tỏ ra thối chí, xuất gia tại một ngôi chùa nào đó trong kinh thành. Các bầy tôi trung thành với bệ hạ, vẫn đang chờ thánh chỉ để mưu việc lớn.

Nói xong, thị nữ bèn dâng lên Lý Huệ tôn một chiếc quạt. Đó là chiếc quạt mà nhà vua đã ban cho quan thừa chi. Nhà vua nhận ra chiếc quạt của mình và nhớ lại tất cả. Ngài hỏi:

- Người với quan thừa chi có thân thích gì không?

- Tâu bệ hạ, mẹ con là con nuôi của quan thừa chi. Mẹ con con chịu trọng ân của đức ngài. Dù việc con làm có phải gan nát óc lầy, cũng chưa dễ gì báo đền được ơn phúc đó.

- Người có được hoàng hậu tin cậy không?

- Bẩm hoàng thượng, hoàng hậu không nghi ngờ gì con. Nhưng chắc con không thuộc loại tâm phúc như những chị què ở Long Hưng^[2], ở Tứ Mạc^[3]

Nhà vua gật đầu. Một thoáng cân nhắc, ngài hỏi:

- Người có thấy quan điện tiền hay ra vào cung hoàng hậu bàn tính gì không? - Nhà vua phải hạ mình đi hỏi một thị nữ, về chuyện riêng của hoàng gia, quả thật là đau lòng. Bởi mấy năm nay nhà vua không được điều hành việc triều chính. Tất cả công việc đều đầu tư trong tay Trần Tự Khánh, anh ruột của hoàng hậu Trần Thị Dung. Từ năm ngoái, (Quý Mùi - 1223) Trần Tự Khánh chết, quyền hành ấy được chuyển sang Trần Thủ Độ, em họ y - Anh em nhà nó ép ta phải ốm. Chúng bắt ta phải ký vào chiếu do chúng thảo sẵn, để chúng lừa bịp triều đình và sai khiến trăm họ.

Chúng giam hãm ta tại một căn nhà ẩn mãi phía sau nội điện, bốn mặt tường cao, hào sâu, lính canh nghiêm cẩn. Ngay việc ta đi lại thăm hỏi các con ta, chúng cũng cản trở. Thật sự chúng biến ta thành một tên tù.

Ngẫm nghĩ giây lát, thị nữ bèn tâu:

- Trình bệ hạ, quả là quan điện tiền Trần Thủ Độ có năng lui tới cung hoàng hậu. Nhưng các bậc bề trên bàn tính chuyện gì thì kẻ hầu hạ chúng con không được biết. Lưỡng lự một thoáng, thị nữ lại tiếp:

- Tâu bệ hạ, người có hẳn bảo gì quan thừa chi, con sẽ thưa lại. Quan thừa chi có nhờ tâu cùng bệ hạ rằng: “Người gắng giữ gìn tấm thân muôn quý, để còn lo việc lớn cho thiên hạ. Bệ hạ nhất nhất không được tỏ lộ một điều gì khinh xuất, bởi gia nhân và tai mắt họ Trần

nhân nhân đây triều”.

Nhìn về phía non Tân, mặt trời ánh lên một màu tím sẫm, thị nữ chấp tay vái nhà vua ba vái, rồi nói:

- Lạy trình bệ hạ, mặt trời đã gác núi phía tây, xin bệ hạ kíp trở về hậu điện kéo quân canh nghỉ ngơi.

Nhà vua chợt hỏi:

- Vậy chớ bao giờ thì người lại gặp ta?

- Tâu bệ hạ. Con không được phép vãng lai vào khu hậu điện. Xin cũng cứ vào giờ này thì thoảng bệ hạ dạo chơi quanh đây, nếu có tin tức gì con sẽ tìm cách bẩm báo để bệ hạ tỏ tường - Xin bái biệt. Nói xong thị nữ vái dài rồi vụt biến mất, khiến Huệ tôn ngơ ngác, vì chưa kịp hỏi tên nàng.

Trở lại căn nhà vắng lặng như chốn mồ hoang, Huệ tôn sắp phải dùng bữa cơm chiều đạm bạc, thường do một tên lính tốt đưa vào. Nhìn mâm cơm, nhà vua không nén nổi cơn giận, bèn gọi tên lính quát mắng:

- Kê kia, về nói với chủ mày tàn ác vừa vừa chứ, không thì chết cả ba họ chúng bay đấy. Tiếc thay ta không nghe lời mẩu hậu, để cho cái dòng họ khổ rách áo ôm nhà chúng mày lọt vào triều đình, để đến bây giờ chúng mày tác yêu, tác quái.

Tên lính tốt nhìn lại mâm cơm vua, bây giờ nó mới nhận ra là sơ sài đạm bạc quá. Thật chẳng hơn gì bữa cơm lính. Nhưng biết làm thế nào, nó là lính chỉ biết tuân theo lệnh của người trên. Nó còn được quan đô áp dẫn, nếu nhà vua có thét mắng hoặc hờn dỗi không ăn thì cứ việc trả lời: “Khắp nơi loạn lạc, triều đình không thu được thuế. Dân trong nước chết đói gần hết rồi. Nay mai quân giặc sắp ủa vào kinh thành. Đến gạo hầm, cơm tấm cũng chẳng có mà ăn”. Tuy đã được quan đô áp căn dặn, tên lính tốt cũng không dám hé răng cãi lại nhà vua. Trái lại, nó còn thấy nhen lên một cái gì đó ở trong lòng, như là sự thương cảm ở tình người. Nó chỉ thương ông vua mất hết quyền bính, thân phận như một tên tù.

Đuổi tên lính và bắt nó bê cả mâm cơm đi rồi, nhà vua nằm thờ. Bây giờ ngài mới thấy thấm mệt. Vừa đói, vừa mệt, nghĩ lại lời quan thừa chỉ dặn, nhà vua thấy hối hận: “Việc ta mắng nhiếc những kẻ họ Trần kia, quả là khinh xuất. Kê kia sẽ ra sức tìm cách ám hại những bầy tôi còn trung thành với nhà Lý”.

Đêm phủ lên kinh thành một màu huyền đục. Bốn bề im lặng. Tiếng chó sủa thưa dần. Tiếng dế, tiếng trùng bật lên rền rĩ như tiếng những oan hồn than khóc. Đèn đèn của nhà vua ngọn bắc đang lập lòe, ông biết dầu đã cạn. Nhà vua nghiêng răng như muốn nghiền nát kẻ nghịch thần bạo ngược. “Y không cho ta lấy một người thiếp hoặc một tên nô để sai khiến. Đến dầu thấp, y cũng chỉ phát cho ta từng đêm. Mà cũng chỉ đến giờ này là lụi tắt. Chao ôi, đạo vua tôi đến thế là cùng! Lại còn con mụ vợ ta nữa. Gần một năm nay mụ không còn đoái tưởng gì đến ta. Quyền bính trong hoàng gia một tay mụ thủ tóm. Quyền hành nơi triều chính do em mụ thống lĩnh. Ta ngu tối vì quá tin kẻ ngoại tộc, đến nỗi trở thành trò cười cho chúng nó. Chị em nhà mụ lúc nào cũng cặp kè với nhau. Bên ngoài, chúng che dấu dưới những điều to lớn như việc nước, việc nhà. Kỳ thực bên trong thì chúng tư thông với nhau. Nghĩ tới đây, nhà vua rùng mình ghê tởm, ngài vội nhắm mắt lại, miệng nam mô niệm Phật. Vì chính ngài không dám tin rằng, con người ta dám làm những điều luân thường bại lý như vậy. Ngọn bắc chợt bùng sáng lên rồi phụt tắt. Đúng lúc, ngoài chòi quan điểm ba tiếng trống sang canh. Tuy căm tức nhưng Huệ tôn thầm khen cho tên rót dầu thật là tài, và tên lính đánh trống cũng thật đúng giờ. Vì đêm nào cũng vậy, cứ vào lúc ngọn bắc phụt tắt là trống sang canh ngoài hoàng thành lại điểm.”

Bình tâm, nhà vua nhớ lại cuộc gặp giữa ngài với quan điện tiền chỉ huy sứ Trần Thủ Độ, không lâu trước ngày đức vua bị bức phải ký vào chiếu nhường ngôi.

Bữa đó trời nóng, nhà vua cỡi trần, ngồi đánh cờ một mình. Vì gần một năm nay, Huệ tôn không được ló ra ngoài, không được tiếp xúc với ai, kể cả vợ con. Buồn đến nẫu ruột, tưởng như chứng loạn tâm lại tái phát, nhà vua phải bày ra chuyện giải khuây, bằng cách đánh cờ. Cuộc cờ đã gần mãn, rút vào thế. Một bên là tốt nhập cung, chỉ cần thọc một nước xe nách là bên kia hết cờ. Một bên chịu nước xe lệch. Nhà vua đang mải mê lo cho thế cuộc đôi bên, thì Trần Thủ Độ xộc vào. Ông bước đi hùng dũng, thanh trường kiêu ga, một bên hông. Nhà vua chợt ngừng lên. Thủ Độ lướt nhanh trên bàn cờ, rồi nhìn thẳng vào khuôn mặt nhợt nhạt của Lý Huệ tôn, ông nói:

- Tâu bệ hạ, tàn cuộc rồi, đánh ván khác thôi!

Huệ tôn nén giận đáp lời qua giọng nói run run:

- Chẳng cần đánh thì nhà ngươi cũng thắng ta rồi.

- Vậy là bệ hạ đã nắm được cái nhẽ mạnh, yếu ở đời. Tôi xin đi thẳng vào việc.

- Ngươi cứ nói.

Huệ tôn vẫn ngồi trên chiếc giường sơn thếp, mắt lơ đãng ngắm nhìn vài chiếc quân ngà lạc lổn, kỳ thực tâm trí nhà vua đang rất lao lung, không biết Trần Thủ Độ sắp bày đặt chuyện gì đây.

Thủ Độ hết nhìn nhà vua lại nhìn ra ngoài vòm trời chói chang nắng gắt. Ông đi đi lại lại quanh gian nhà hẹp, như đang bồn chồn chờ đón một điều gì. Đoạn ông đứng lại trước nhà vua, nói:

- Bệ hạ biết đấy. Vận nhà Lý hết rồi!

Huệ tôn giật bắn người, nhà vua tưởng như dứt lời nói ấy, Thủ Độ sẽ rút thanh trường kiếm chém bổ lên đầu ngài. Nhưng không, ông ta vẫn thẳng nhiên đứng đó, tay khoanh trước ngực. Phút im lặng nặng nề đầy hăm dọa hơn cả quãng đời tai biến mà nhà vua đã trải. Đức vua chợt nhìn nhanh ra dè dặt rồi lại ngược lên vòm nhà, chợt thấy một con tò vò đang vo vo giẫy dụa trong chiếc mạng nhện. Huệ tôn thâm nghĩ đến cảnh ngộ mình.

Tự trấn tĩnh giây lát, Huệ tôn lên tiếng:

- Vậy chứ khanh muốn gì ở ta? Mà lúc này ngươi muốn gì chẳng được, kể cả cái đầu ta.

Trần Thủ Độ nhếch mép cười:

- Bệ hạ quá lời. Hẳn ngài đã biết từ cái thưở chạy loạn Quách Bốc[4] rồi từ ấy tới nay, cảnh họ Trần chúng tôi đã vì nhà vua mà tiêu hao điền sản. Gia nhân chúng tôi và cả cha chú chúng tôi cũng hiến dâng tính mạng để giữ cho cái ngai vàng của bệ hạ được vững.

- Điều ấy ta biết, nhưng tiếc thay các ngươi làm những việc ấy vì sự bành trướng thế lực của họ Trần chứ không phải vì ta, vì trăm họ.

- Huệ tôn vừa nói vừa liếc nhìn thanh trường kiếm nơi hông Trần Thủ Độ.

- Cha con, bác cháu, anh em nhà chúng tôi dốc hết tài sản và sản nghiệp kuông phò bệ hạ, nhưng phải thừa nhận một điều rằng bệ hạ bất tài, nên không thu tóm được triều đình, bệ hạ cũng mong đức nên không sai khiến được thiên hạ.

Thay trời chấn dân, bệ hạ để cho trăm họ ta thán, nguyên rủa. Đất nước yên bình hàng trăm năm mà đi về phía nào cũng thấy cảnh

tiêu điều hoang phí. Ngã nào cũng có người chết đói, chết dịch bệnh. Từ đời Cao tông tới nay, dân chết đói quá nửa rồi. Bây giờ thì không chỉ đói, rét, bệnh tật, mà còn giặc cướp, loạn lạc nổi lên như muỗi, như ruồi. Bệ hạ thử đoái nhìn số tấu các nơi gửi về triều đình xem, có nơi nào không có giặc? Đông, tây, nam, bắc các nẻo đều nổi dậy chống lại bệ hạ. Không xa xôi gì, ngay cửa ngõ kinh thành đây, Nguyễn Nộn cũng hùng cứ, sớm tối đánh vào cửa khuyết lúc nào không hay. Mấy phen y đã đem quân tới Bồ Đề, nếu tôi không sớm ra tay, hẳn là thành tan, ngôi vỡ, ngai vàng sụp đổ từ lâu rồi.

Trần Thủ Độ ngừng lời, chợt thấy mặt nhà vua xám ngoét, mồ hôi toát trắng cả ngực, cả lưng, chảy thành dòng, ướt đen cả vùng cạp quần. Chợt trong lòng viên tướng nảy ra một ý nghĩ mơ hồ, ái ngại. Trần Thủ Độ tự biết việc đối xử với nhà vua như vậy là bạo ngược. Giá Huệ tôn là một người thủ đoạn, sắc sảo mưu toan chống lại ông và diệt vây cánh của ông, cũng như thế lực của họ Trần thì lại đi một nhẽ. Đằng này ông ta nhu nhược, chấp thuận ... Chợt Trần Thủ Độ ngừng phất đầu lên, tay nắm chặt đốc kiếm. Đường như ông ta làm như thế là để dứt khoát với chính mình, chặn đứng cái lối nhân theo kiểu đàn bà. Thủ Độ tự nhủ: “Nếu lúc này còn chần chừ là mất hết cơ hội. Khi mà Đoàn Thượng, Nguyễn Nộn hai thế lực kinh chống triều đình lớn nhất liên kết lại với nhau được, thì không những cơ đồ nhà Lý sụp đổ, mà vây cánh họ Trần cũng không có đất để chôn”.

Hành động của Trần Thủ Độ khiến Lý Huệ tôn không còn hồn vía. Nhà vua co rúm người lại, miệng lắp bắp:

- Ta muốn gặp lại các con. Ta chưa hề xử tệ với ông. Ta mong ông hãy gia ân. Dù sao...

Lời van vãn của Huệ tôn khiến Trần Thủ Độ bùng tỉnh hẳn. Nhìn tấm thân gầy guộc, khuôn mặt sallow héo toát lên vẻ uơn hèn ngu tối của một đấng quân vương, lòng viên tướng dấy lên nỗi khinh ghét, tòm lợm. Một ý nghĩ thoáng nhanh trong óc ông: “Đứng đầu một dân tộc quật cường như Đại Việt mà là kẻ ngu hèn kia sao? Tiếc thay cả dòng họ nhà ta đi kuông phò một tên vô lại”. Đoạn ông nói, lời nói rành rõ như một lời khuyên cáo, lời huấn dụ mà cũng là lời tâm sự thốt lên từ đáy lòng ông:

- Đất nước ngàn cân treo sợi tóc. Bên ngoài người Tống ráo riết nhòm ngó. Bên trong bè đảng nổi lên. Mỗi kẻ trấn trị một phương, cái họa nổi da xáo thịt chỉ là sớm tối. Dân tình đói khổ, rên xiết vì nạn sưu cao thuế nặng của triều đình. Nạn cướp bóc, nạn ức hiếp của giặc giã và bọn hào lý trùm lên đám cùng đinh. Phải lấy non sông xã tắc làm trọng.

Nói tới đây, Trần Thủ Độ liếc nhìn Lý Huệ tôn, rồi ông nói tiếp: - Bệ hạ phải thoái vị!

Huệ tôn tuy đã lường trước được việc này, nhưng ông không ngờ nó lại xảy ra sớm thế, khiến ông bần rùn cả tay chân, miệng há hốc, mặt trắng bệnh như sáp, nhưng không thốt ra được một lời, như kẻ chết không kịp ngáp.

- Vậy ý bệ hạ thế nào? - Trần Thủ Độ gắng hỏi.

- Ý ông là ý ta. Việc phải làm thế nào thì ông cứ thế mà làm. Có điều ta muốn biết, ai sẽ thay ta? Ông hay Nguyễn Nộn?

- Nhà vua nghĩ quân! - Trần Thủ Độ giậm chân thét lớn. - Nguyễn Nộn là giặc của triều đình, bệ hạ coi tôi như một tên giặc hiếp vua? Quá đáng, quá đáng!

Lý Huệ tôn thật sự lúng túng, ông cũng không biết nói thế nào cho hợp ý quan điện tiền. Giây lâu, ông tiếp:

- Hay ta bắt chức người xưa, nhường thiên hạ cho ông? - Huệ tôn ngừng lời để dò biết ý tứ Trần Thủ Độ.

- Nhà vua chưa đủ tư cách của một người hiền để làm việc đó. Thiên hạ không phải của riêng bệ hạ mà muốn cho hay giữ thế nào cũng được. Ngày xưa nhà Lý thay thế nhà Lê là thuận lòng dân, hợp với ý trời. Lý Thái tổ là người mở nghiệp huy hoàng đã đưa non

sống Đại Việt lên đài vinh quang chói lọi. Công ấy, sử sách muôn đời cháu con ghi nhớ. Nhưng hiện tình nhà Lý rối rắm quá, còn nát hơn cả nhà Lê trước nữa. Trên khuôn tranh thâm đậm như vậy, bệ hạ định treo một tấm gương gì? Lịch sử là chân thực nhưng sông phẳng, không thể chơi trò điêu sảo, mập mờ được đâu. Nói xong, Trần Thủ Độ cười sảng sặc, khiến Lý Huệ tôn căng hoang mang khiếp sợ.

Với giọng bạc nhược, nhà vua nói:

- Ta thật sự không biết làm gì trong lúc này, mong ông hết lòng giúp ta.

Trần Thủ Độ bèn thò tay qua tấm áo tía đại triều, nơi thêu cái đầu hổ phù trước ngực, rút ra một tờ chiếu thảo sắn. Đọc xong, nhà vua thất kinh hỏi:

- “Sách lập Chiêu Thánh làm hoàng thái tử”. Lạ quá! Lạ quá! Biển hoàng nữ thành hoàng nam, trong đời ta chưa từng thấy, mà lịch sử các đời cũng chưa từng có.

Trần Thủ Độ cười khẩy:

- Chúng ta là những người làm ra lịch sử, bệ hạ thử xét xem, trước bệ hạ đã có triều đại nào, chỉ hai cha con kế tiếp trị vì thiên hạ, đã biến đổi được một dân tộc hùng anh như Đại Việt này thành một lũ ăn mày. Cũng chỉ trong vòng mấy chục năm cha con bệ hạ đã tiêu diệt tới nửa số dân của mình bằng đói kém, dịch bệnh. Nếu bệ hạ tiếp tục nắm giữ ngôi trời, tôi tin với tài năng và trí tuệ của bệ hạ, chẳng bao lâu bệ hạ sẽ hoàn tất sứ mệnh diệt chủng!

- Sao khanh quá nặng lời. Chẳng qua chỉ tại tiên đế ham mê các thú vui, còn ta thì bệnh tật dày vò...

Với lòng khinh bỉ, Trần Thủ Độ rút chiếc bút lông thô đã quét son gài sau búi tóc đưa cho nhà vua.

Lý Huệ tôn xăng xái rót vào chén trà vài giọt nước xấp xấp ngon bút lông, ông xoay xoay tờ chiếu rồi nắn nót viết ba chữ tên mình. Đoạn ông đẩy tờ giấy ra xa rồi lẩm nhẩm đọc lại lời văn, và ông dừng lại rất lâu nơi ba chữ ký, tuồng như ông có vẻ miễn nguyện vì vừa làm được một việc độc nhất có ích trong đời...

Vừa đói, vừa mệt, vừa chập chờn hãi sợ, Huệ tôn chìm mình vào giấc ngủ muộn.

(1). Họ Trần xuất thân từ nghề đánh cá ở vùng biển Nam Định, Thái Bình, Huệ tôn gọi với ý khinh miệt.

(2), (3). hai miền đất khi nhà Trần dời từ Chí Linh về để lập nghiệp. Phủ Long Hưng thời Trần nay là huyện Hưng Hà - Thái Bình. Tức Mạc nay là đất ngoại thành Nam Định.

(4). Tháng 7 năm Kỷ ty (1209), Cao tôn giết Bình Di vô tội. Bộ tướng của Bình Di là Quách Bốc phá cửa Đại thành đánh thẳng vào cung, lập hoàng tử Thâm em ruột Huệ tôn lên làm vua. Huệ tôn phải chạy loạn về thôn Lưu Gia, phủ Long Hưng, gặp nhà Trần phò giúp từ đây.

Tới buổi thiết triều thứ ba thì Chiêu Hoàng không chịu nổi. Cô bé tám tuổi bậm môi ứa nước mắt bắt đền mẹ:

- Mẫu hậu ơi, sao cứ uất ức thế, cứ bắt con phải làm vua. Con đã bảo để chị Thuận Thiên chị ấy làm có được không? - Có phải chị thích làm vua không chị Thuận Thiên? Chiêu Hoàng ngoái về phía Thuận Thiên hỏi:

- Ai bảo với Chiêu Thánh chị thích làm vua? Chị ư thì làm vua. Chị chúa ghét mấy cái ông quan áo thụng, râu dài, răng rụng, mồm cứ quỳ mọp dưới chân em làm nhảm cái gì như một lũ ma ấy.

Thái hậu băn khoăn không biết nói thế nào, cho đứa con yêu của bà, hiểu được những điều phức tạp trong triều đình, cũng như trong gia cảnh hiện nay. Con bé hóm hỉnh, thông tuệ, nhưng tinh tinh hay cáu gắt, hờn dỗi thất thường, chứ không được thuần phác như con chị.

Bà cũng không hiểu tại sao trọng trách quốc gia lại đem đặt lên vai một đứa bé. Vậy là từ nay, ngoài việc dỗ dành Chiêu Thánh ưng thuận với ngôi trời, bà còn phải uốn nắn đưa dần con vào khuôn phép học hành, để mai sau con còn đủ trí khôn và chữ nghĩa mà sai khiến triều đình, chấn dất trăm họ.

Không thấy mẹ nói gì, Chiêu Hoàng nín sã một bên vai bà xuống nũng nịu:

- Từ mai con ư đội cái thứ mũ miện ấy nữa đâu, nó như một cái thúng úp chụp xuống đầu, che kín cả mắt, chẳng nhìn thấy cái gì. Lại còn đôi hia nữa chứ, xô chân vào hia cứ như bị cùm ấy, đi thì không nhất nổi chân, ngồi thì nó chọc vào khoeo sát cả da. Này, này mẫu hậu coi xem - Vừa nói Chiêu Hoàng vừa vén váy lên, hai vết đỏ bầm rớm máu kéo dài suốt hai bên khoeo chân Chiêu Thánh, làm bà xót xa.

Để con gái bé bỏng của bà quên đi cái công việc bó buộc nó phải làm, bà bày trò chơi cho các con. Thoạt đầu là trò chơi ô ăn quan. Chỉ một lúc sau, các con bà đã biết cách chơi và hai chị em chúng vừa trò chuyện, vừa chơi với nhau rí rầu như hai con thỏ non. Hoàng thái hậu bèn gọi mấy thị nữ vào chơi hầu hai chị em Thuận Thiên. Cho đến lúc gần tàn ván chơi, tức là mỗi bên đã chiếm gần hết số “nhà”, và cuộc chơi đi đến chỗ tranh chấp được thua. Vào cái phút trót ấy Chiêu Hoàng nhất định không chịu chơi nữa. Mặc dù Thuận Thiên bằng lòng trả lại các ô đã chiếm được của Chiêu Thánh, mà không bắt Chiêu Thánh phải bỏ ra một ô nào đã chiếm được của mình. Nhưng Chiêu Thánh quyết bỏ cuộc. Thuận Thiên dỗ em:

- Hay là hai chị em mình chơi lại từ đầu, chị cho Chiêu Thánh đi trước.

- Em đã bảo em không thích chơi. Bắt đầu thì vui đấy. Nhưng tàn cuộc thì chán lắm. Eo ơi, em cứ nghĩ các ô kia kia, nó y hệt như các ngôi nhà mình đang ở, nhưng nó tan hoang hết, có người đều đặn chiếm hết, rồi của cái, quân hầu cũng bị người ta chiếm nốt. Mọi sự đều trống rỗng, vắng ngắt, buồn tẻ như lúc mặt trời lặn. Em sợ cái cảnh như thế lắm, chị Thuận Thiên ơi. Từ rày đừng bao giờ chị rủ em chơi ô ăn quan nữa. Này nhé, chị có thấy không, các nhà dân kẹp giữa hai nhà quan. Đi đâu nào cũng phải qua cửa quan, phải cống. Trời, lúc chị chưa hốt mất hai cái ô quan đây chất đồng ấy đi, sao mà em ghét thế chứ. Là vì em cứ nghĩ đến mấy ông quan ở triều đình, giả vờ giả vịt cúi đầu, quỳ gối, nhưng rồi cũng bắt chẹt dân phải cống như trò chị em mình chơi đấy.

Chiêu Hoàng vươn vai ngáp dài rồi nói băng quơ:

- Sao mà buồn thế nhỉ?

Lại quay về phía Thuận Thiên, Chiêu Hoàng gặng hỏi:

- Chị làm vua hộ em nhá.

- Chịu thôi, đã bảo chị không thích, đừng có đùn cho chị.

- Hay là chị cứ nhận giúp em vài ngày cũng được, bao giờ khỏi chân, em lại làm. Eo ôi, chân em thế này, ngày mai lại phải mang hia thì chết mất. Nhìn vào mắt chị, Chiêu Hoàng thấy vẻ ngập ngừng, bèn nài nỉ - Thế chị có thương em không, chị Thuận Thiên?

Bà Trần Thị Dung thấy các con đùn đẩy ngôi trời, coi ngại vàng không bằng mấy cái vỏ hến, lòng bà dấy lên bao nỗi xót đau. Trong khi con bà coi việc nắm giữ ngôi báu như là một thứ tai họa, thì thiên hà đang chém giết nhau toi bời hầu mong chiếm đoạt. Ngay dòng họ Trần cũng đang chạy đua với họ Đoàn(1), họ Nguyễn(2) và hàng trăm tên đầu mục khác. Có điều chính bà, một đương kim hoàng thái hậu cũng không tài nào hiểu nổi, rằng Trần Thủ Độ, cậu em họ bà lại gạt phắt cái ý của nhà vua muốn truyền ngôi cho thẳng cháu họ. Hoặc nếu lập con gái làm hoàng nam để truyền ngôi, thì Huệ tôn cũng muốn truyền cho Thuận Thiên. Thế nhưng cậu ấy không nghe. Cứ nhất mực bắt nhà vua phải trao ngôi báu cho Chiêu Thánh. Gặng hỏi mãi, cậu ấy chỉ nói:

“Tôi làm việc này vì dân vì nước, vì mẹ con chị, vì cả dòng họ Trần nhà ta nữa. Tôi tuyệt nhiên không mưu lợi ích cho riêng mình. Nhưng nhiều người không hiểu, họ nguyên rửa tôi, trong đó có vợ chồng chị. Tôi biết, họ coi tôi như một kẻ lộng hành, bức bách nhà vua, soán đoạt ngôi trời. Ôi, tôi chán ngấy cái triều đình nhà chị lắm rồi...” Cậu ấy là một người kiệt kiệt, nhưng lại có tính hờn mát như đàn bà. Lòng bà ngổn ngang trăm mối. Gần một năm nay, cậu ấy không cho ba mẹ con lại vắng tới thăm nhà vua. Lầy cớ rằng nhà vua hoàn toàn mất trí. Mỗi khi lên con thường hành hung những kẻ hầu hạ, đàn bà trẻ con đến gần e mang họa. Nghe đâu cậu ấy mới gọi được một ông lang người Tống, hèo tay lắm. Mà bệnh tình nhà vua vài bữa nay có phần bớt bớt. Được cái ngày nào cậu ấy cũng ghé thăm mấy mẹ con.

Chiêu Hoàng vẫn ngồi rầu rĩ với vẻ mặt cầu khẩn Thuận Thiên, thái hậu bèn dỗ:

- Nếu con đau chân chưa đi được, ta sẽ xin với quan điện tiền cho con nghỉ thiết triều ít ngày. Việc triều đình sẽ nhờ cậu con cằng đáng.

- Nếu khỏi chân rồi, con không ra thiết triều nữa có được không, mẫu hậu?

Thái hậu nghiêm mặt nói:

- Đây là việc lớn của quốc gia. Phụ hoàng con chẳng may lâm bệnh, ta lại không sinh đẳng hoàng nam, con phải thay phụ hoàng giữ gìn ngôi báu, sao cho dòng họ Lý nhà ta muôn năm trường trị. Nay con còn nhỏ chưa hiểu được nhẽ lý ở đời, chưa tự mình quyết được việc gì. Cho nên các việc bên trong hoàng gia và hoàng tộc, từ nay sẽ tự ta quyết định lấy. Còn các việc bên ngoài, ta phó mặc cho quốc cữu điện tiền chỉ huy sứ Trần Thủ Độ trông coi. Vì quốc cữu, vừa là quan đầu triều, lại vừa là người thân tín trong nhà.

Mặc dù thái hậu có coi Chiêu Hoàng như một người thông tuệ, một đáng quân chủ, mà giáo huấn những điều trọng yếu nhất, có quan hệ đến sự mất còn của nhà Lý, và sự thịnh suy của nước nhà, cũng không vì thế mà vị vua trẻ này có thể hiểu được, và khuây lãng được nỗi ám ức thường ngày của một đứa bé tám tuổi. Nét mặt con bà vẫn nhăn nhó, rầu héo như một cái cây có sâu. Bà âu yếm kéo Chiêu Thánh vào lòng, dỗ dành, trò chuyện. Mãi một lúc lâu sau, khi thấy thái hậu sai lũ nô tì đi kiểm bộ que chuyên về, để bà dạy vua

nhỏ chơi cái trò chơi của lũ trẻ con dân dã, Chiêu Thánh mới he hé cười. Khi lũ thị nữ lấy về một bó que trúc đẵn ngà, chúng cắt cắt xén xén cho các que thật bằng bạn, và chọn lấy mười que đẹp nhất cùng một viên đất rắn gọt tròn, to bằng trái chanh dăng lên thái hậu, Chiêu Hoàng ngơ ngác không biết đó là trò chơi gì.

Để con gái ngồi đối diện với mình, xung quanh là bọn thị nữ quây quần, thái hậu bắt đầu chơi chuyền. Khi bàn tay với những ngón tay búp măng thon dài, trắng đẹp của bà rải que chuyền vàng óng, que nọ cách que kia đều tăm tắp, mắt Chiêu Thánh vụt sáng, trông mắt mở to ra như chờ đón một điều gì vui lắm sắp đến gần. Thật ra không phải chỉ có Chiêu Thánh vui mừng, mà khi quả cầu đất tung lên, chính thái hậu cũng thấy lòng mình reo vui. Hình ảnh cô gái làng Ngừ(3) cái thườ mười lăm mười sáu tuổi, chiều chiều thường tha thần chơi với đám trẻ chăn trâu cùng tuổi đánh chắt đánh chuyền trên những gò, bãi xanh ngắt vụt thức dậy trong bà. Mặt thái hậu hơi ửng hồng, thoát bà đã leo qua từ bàn một đến bàn mười và đang chuyền. Quả cầu tung lên, bó que chuyền nằm gọn trong tay, đôi mắt sáng như hai viên ngọc long lanh, bà vừa xoay trở hai đầu bó que vừa bắt lại quả cầu và lại tung, lại xoay, lại đập đập hai đầu bó que xuống đất nhịp với lời hát:

Đập xuống đất.

Cất tay lên.

Xoay ống nhỏ.

Đổ tay chuyền.

Chuyền chuyền một

Dù một đôi.

Chuyền chuyền....

Lời hát như không bao giờ ngừng. Trò chơi thu hút Chiêu Thánh ngay lập tức. Vua sà vào lòng mẹ, bắt lấy quả cầu đất, vợ lấy bó que chuyền và rải ra một cách vụng về. Bà thái hậu đỡ lấy bó que, dạy con chơi từ từ. Chiêu Thánh lúc đầu còn lóng ngóng, tới khi vừa tung cầu vừa bắt được một que, liền thích thú tung cả bó và quả cầu lên rồi reo hò âm ỉ. Bó que tán mác tung tóe, riêng hòn cái vỡ tan vụn như ai cầm chiếc chén sành ném thật mạnh vào bức tường đá. Cặp má Chiêu Thánh đỏ như, mắt anh ánh chớp. Đám thị nữ tranh nhau đi làm hòn cái khác. Một loáng đã có hai ba hòn đất mài gọt nhẵn nhụi. Mặt Chiêu Thánh lại tươi tỉnh mỉm cười. Chẳng mấy chốc Chiêu Thánh đã đánh xong bàn một, và đang lồm bồm tập bàn hai. Năm tay nhỏ nhắn rải rải bó que còn lộn xộn, riu lại vào nhau, nên chỉ chọn được một, hai que là đã bắt cặp nhịp tới ba, bốn que. Trò chơi hấp dẫn đã tạo cho Chiêu Thánh một đức kiên nhẫn đến lạ lùng. Bà Thái hậu nhìn con chơi mà lòng vui chấp chới. Nhớ cái thườ cách đây chừng mười ba, mười bốn năm, bọn con gái cũng túm tụm chơi với nhau ngoài bãi thả trâu như thế này. Ngày ấy, nhà vua còn là hoàng thái tử Sâm, lánh giặc về vùng Long Hưng. Một bữa thái tử rình xem bọn con gái làng Ngừ đánh chuyền. Rồi thái tử nhất quyết chọn cô Trần Thị Dung con nhà Trần Lý, phú hào của vùng đất anh kiệt này để đưa về triều hầu thái tử. Thái hậu đưa hai bàn tay lên che mặt, khẽ rùng mình. Như nỗi sợ hãi từ cái thườ tiến kinh vẫn còn ám ảnh bà. Thái hậu vui hẳn lên khi thấy các con bà túm tụm chơi với bọn ti nữ. Chiêu Thánh mãi miết tập đánh chuyền. Bà nghe rõ con gái bà đếm ...

Que một.

Que mai.

Con trai.
Con hến.
Con nhện.
Giăng tơ.
Quả mơ.
Quả táo.
Cái gáo.
Lên đôi ...

1. Đoàn Thượng chiếm giữ vùng châu Hồng (mạn Hưng Yên, Hải Dương ngày nay) chống lại triều đình.

2. Nguyễn Nộn chiếm cứ vùng Bắc Giang (gồm cả Bắc Ninh - Bắc Giang ngày nay) kinh chống nhà Lý.

1. Làng Ngừ có tên chữ là Phù Ngừ, thời Trần nằm trong tổng Tổng Sinh huyện Ngự Thiên, phủ Long Hưng. Phù Ngừ xưa, nay thuộc đất các làng Ngừ, Lại (thuộc xã Liên Hiệp) và làng Tề (nay thuộc xã Phúc Khánh) huyện Hưng Hà, Thái Bình.

Vào một buổi sớm tháng Chạp, Thăng Long còn uể oải như người ốm lâu ngày chưa hồi sức, lại bị chìm trong bể mù dày đặc, khiến nó có bộ mặt hù ảo. Trần Thủ Độ xúng xính trong bộ áo thụng ngồi trước nhà bãi đường trong dinh phủ của ông, chờ Hoàng tiên sinh thức giấc. Thủ Độ là một quan võ. Uy ông trùm lên cả triều đình. Nhưng ông là người biết giữ lễ với kẻ sĩ. Khó khăn lắm ông mới mời được Hoàng tiên sinh về làm môn khách nhà ông. Ông trọng tiên sinh như một bậc quốc sĩ, bậc thầy, một vị quân sư tin cậy.

Tiên sinh không phải là người xuất thân từ khoa bảng. Nhưng sức học của ông đến các bậc tôn trưởng, bậc tăng thống cũng phải ngưỡng mộ. Sinh ra và lớn lên vào thời buổi nhổ nhặng, ông quyết giữ mình, giữ đạo cho trong sạch. Thương dân, ông đã đôi lần dâng sớ hạch tội bọn dối vua hại nước, và cả kẻ sách chần hung quốc gia dân tộc, nhưng không được nhà vua đáp ứng. Cao tôn vô đạo, ngày càng dấn sâu vào các thú vui đua lạc. Cuộc sống của nhà vua cực kỳ xa phí. Trong khi liền mấy năm mất mùa, dân đói chết ngộp đường, nhưng mức thuế, sưu không hề khoan giảm. Giận bởi bậc quân trưởng ngu dốt, tham bản, và cũng biết vận số nhà Lý đã hết, ông lên núi dựng lều đọc sách. Sống chung lẩn với lâm tuyền, thảo mộc và muông thú, ông thấy yên tâm hơn là sống giữa cái xã hội nhầy nhụa với bầy thú đội lớp người.

Bữa nọ, Trần Thủ Độ cải dạng làm một người đi hái thuốc, đột ngột ra mắt ông. Sau một hồi quanh co về những phương thuốc trường sinh, và những kiến thức kém cỏi về Đạo đức kinh của Lão Tử, mà ông không mấy hiểu biết. Hoàng tiên sinh nhìn thẳng vào mắt Trần Thủ Độ hỏi:

- Có phải ông đang có một âm mưu lớn? Ông đang cần một vị quân sư?

Trần Thủ Độ lặng lẽ sụp lễ tiên sinh hai lễ, thú nhận:

- Quả là tiên sinh có con mắt xét đời của các bậc thánh. Từ ngày lệnh huynh tôi: Thái úy phụ chính Trần Tự Khánh mất đi, nhà vua liền đặt trọng trách đó lên vai tôi. Tự thấy bất tài, kém đức mà ngồi trên thiên hạ có khác nào ngồi trên tổ kiến lửa. Sớm tối chưa biết ra sao. Mà trong nước giặc già, trộm cướp, đói kém làm cho người dân trăm bề điêu hão, không biết làm thế nào để ổn cố được tình hình. Phạm vào chốn rừng sâu, làm kinh động đến cuộc sống yên bình của tiên sinh, kẻ phạm tội này vô cùng đắc tội. Xin tiên sinh rộng lòng tha thứ. Mà nếu tiên sinh không chê kẻ này là hèn kém, bi lụy xin tiên sinh xuống núi giúp đời, trị nước, chỉ bảo cho lũ chúng tôi thấy đường sáng, bỏ đường tối.

Khách vừa dứt lời, chủ cười khanh khách mà rằng:

- Thì ra núi thái sơn ở trước mặt mà tôi không biết. Ông chính là quan điện tiền chỉ huy sứ Trần Thủ Độ? Chắc quan ông đang đi tìm một cao sĩ nào lạc bước tới chốn lều tranh của kẻ tiểu phu này, dám xin quan ông tha tội.

Lời qua tiếng lại, chủ khách đều tỏ ra khiêm nhường.

Trần Thủ Độ hết lòng cung kính, nài gan mãi, Hoàng tiên sinh mới chịu nói:

- Tôi trộm được ít kiến thức của thiên hạ, sao dám lạm dụng vào việc lớn quốc gia. Và lại trước quan ông, Đoàn Thượng, Nguyễn Nộn cũng có qua đây mời gọi. (Nghe nói cả Thượng và Nộn tới cầu trước mình, Trần Thủ Độ hơi biến sắc mặt). Tiên sinh lại chậm rãi tiếp lời: -

Cũng may các ông ấy đã sớm nhận ra tôi là kẻ bất tài, yếu thế nên bỏ đi ngay. Gia dĩ tôi đã tự hẹn với mình, thà cùng mục nát với cỏ cây còn hơn là thờ một đức vua điên. Huệ tôn vô học, lại mất trí từ năm hăm ba tuổi tới nay, vì thế ngài đã biến cả quốc gia này thành một lũ ăn mày, một lũ ma đói, nay mai hắc Đại Việt ta sẽ trở thành một quốc gia điên. Ha ha ha...!

Cuộc hội kiến lần đầu giữa Trần Thủ Độ với Hoàng tiên sinh không dẫn đến một kết cục nào. Nhưng tiên sinh cũng chỉ dẫn cho quan điện tiền vài đối sách, mà Trần Thủ Độ cho là những lời chỉ giáo sâu sắc. Ông vẫn giữ tấm lòng ái mộ tiên sinh, và đi lại tới non nửa năm trời, tiên sinh mới chịu xuống núi về làm môn khách của họ Trần. Tiên sinh khảng khái từ chối mọi chức tước của triều đình mà Trần Thủ Độ có đôi lần ngỏ ý.

Trần Thủ Độ, từ khi được Hoàng tiên sinh như hổ mọc thêm cánh, nên càng kính trọng tiên sinh và thờ ông như một bậc thầy. Thường thì tiên sinh nghiên cứu về y lý, dược lý. Có khi tiên sinh đi chữa bệnh, hái thuốc dầm ba ngày với một tên tiểu đồng. Các công việc mà Trần Thủ Độ nhờ ông giúp chỉ là những việc gay cấn ở trong triều, ngoài các trấn, lý, sở và vùng biên ải. Khi không quyết được, hoặc đã quyết như thế nào, ông điều hỏi ý tiên sinh.

Sương mù nhạt dần rồi loãng ra, đã trông rõ cả hàng cột và mái ngói dãy xuyên đường. Trong nhà, tiên sinh vẫn còn ngon giấc. Cả tiểu đồng cũng chưa dậy quạt lò pha trà sớm cho tiên sinh. Chùng sốt ruột, Trần Thủ Độ dấn thêm vài bước nữa vào phía nhà hậu đường. Ngay trước cửa ra vào, đôi câu đối giấy mà tiên sinh treo còn khi ở lều tranh, nay được treo vào hai cột bức bàn của gian giữa. Quan điện tiền đã đổi ba lần ngỏ ý xin tiên sinh cho khám đôi câu đối ấy, đều bị từ chối. Tiên sinh nói:

- Tôi như cánh chim trời, nay đây mai đó, không thích tính chuyện lâu bền. Và lại cứ để thế cho tiện. Lỡ khi tôi không còn ưa nữa, lật mặt sau viết được đôi khác, thích hơn, lại đỡ tốn phí.

Trần Thủ Độ lẩm nhẩm đọc một vế:
CHU ĐẠI NHO MỖI TẦM KHÔNG, NHAN LẠC XỨ
Và vế bên kia:
ĐÀO XỬ SĨ TẠI VỊ HY- HOÀNG THUỶNG NHÂN (1)

Thật ra thì quan điện tiền không hiểu nghĩa câu đối này. Nhưng ông cảm nhận được nó là một biểu hiện cao thượng, nếu không nói là khinh bạc của bậc cư sĩ (2).

Mãi tới lúc trời sáng rõ, Trần Thủ Độ mới nhận ra nơi cửa ngách đã mở. Ở đây có lối thông ra vườn thuốc. Đúng lúc có tiếng thầy trò Hoàng tiên sinh í ới phía ngoài vườn. Quan điện tiền vừa định đi ra lối vườn thuốc, đã thấy tiên sinh đi về phía cầu ao, ngài còn ngoái lại dặn tiểu đồng: “Con nhớ múc nước tới rửa hết sương cho mấy luống tam thất”.

Rửa chân tay xong, ông vào nhà thay áo, rồi ra mở cửa chính. Chợt trông thấy Trần Thủ Độ ngồi chờ trên kỷ phía nhà bái đường, ông giật mình lên tiếng:

- Chẳng hay có điều gì mà quan ông ghé chơi sớm thế?

Tiến lại phía nhà hậu đường, Thủ Độ nghiêng mình xá Hoàng tiên sinh rồi hai người cùng vào nhà. Hoàng tiên sinh vừa gọi tiểu đồng pha trà vừa nói:

- Có mấy luồng tam thất, tôi đã dặn thẳng nhờ từ mấy bữa trước trời sắp có sương muối, phải che chắn. Nó che sơ sài quá. Đêm qua sương xuống nặng. Sớm nay thầy trò phải che lại, rồi tưới để rửa lá, không thì hỏng hết.

- Thừa tiên sinh, chẳng hay loài thuốc này công dụng thế nào mà tiên sinh phải nhọc sức làm vậy?

- Đây là một loại thuốc cực quý. Tôi trồng thử không chắc đã được. Loài cây này khó tính lắm. Nó ưa ẩm thoáng nhưng phải râm mát. Vả lại cũng lâu được thu hoạch lắm.

- Liệu có tới một vài năm không, thừa tiên sinh?

- Một vài năm là thế nào. Bảy năm đấy, quan ông ạ. Tam thất, tức là tam chi thất diệp. Nghĩa là mỗi cây đều có ba nhánh. Mỗi nhánh một năm rụng một lá. Bảy lần rụng lá được một lứa.

- Kỳ công quá, thừa tiên sinh. Vậy chứ ở nước ta vùng nào sản được loại cây này?

- Nhiều nhất vẫn là vùng Quảng Nguyên. Trước đây khi còn ở trong rừng, tôi đã trồng thử. Cũ cũng to, đanh. Phẩm lượng tốt không kém tam thất Quảng Nguyên. Dạ tốt hơn của Trung Quốc nhiều chứ ạ. Chỉ tiếc rằng người mình không chịu trồng.

Thấy nói bảy năm mới thu hoạch một lứa, Trần Thủ Độ đã khấp khởi mừng thầm. Vậy là ít nhất tiên sinh cũng dừng chân tại soái phủ của ông qua một vụ tam thất. Và như vậy, ông sẽ cậy nhờ nơi tiên sinh biết bao công việc. Ông biết, kẻ sĩ không gì có thể kìm giữ họ được. Uy vũ ư, không bao giờ khuất phục nổi họ. Danh vọng, phú quý chẳng, họ coi không bằng chiếc dép cỏ. Điều bọn người này khả dĩ chấp nhận, ấy là lòng chân thực và sự tôn kính đối với họ. Trần Thủ Độ rất biết chỗ mạnh yếu của kẻ sĩ, cũng như ông biết khá rõ sự lố bịch của những kẻ nắm quyền lực trong tay. Cho nên mối quan hệ của ông với Hoàng tiên sinh, là mối quan hệ trong sáng như một tòa lâu đài dựng thuần bằng kính. Phải giữ gìn cẩn trọng lắm mới được, nếu không sẽ tan vỡ như chơi. Mà những mảnh kính khi vỡ không phải không gây chết người.

Ông đến gặp tiên sinh hôm nay không có chuyện gì gấp gáp. Nhưng thật khó nói. Vì đã hai mươi tháng chạp rồi, ông muốn biện một cái lễ để đưa về gia hương của tiên sinh, gọi là chút ơn tri ngộ.

Cầm chén nước nóng trong tay, do đích thân Hoàng tiên sinh đưa mời, Trần Thủ Độ thoáng thấy mùi thơm của kim cúc vương trong hương trà. Ông từ tốn hạm từng hạm nhỏ, trong chiếc chén vốn đã nhỏ như cái hạt mít. Ngay cả việc nhỏ ấy, ông cũng phải tự kiểm chế để tiên sinh khỏi phật ý. Xuất thân từ nghề chài lưới, sông nước, quen ăn sống nói gió thô cần. Học hành ít. Vốn liếng chữ nghĩa không đủ để được bài văn khấn. Nay lại nghiêm nhiên giữ chức quan đầu triều, Trần Thủ Độ biết mình chỉ có sở trường cầm quân đánh dẹp, còn mưu lược trị nước, sai khiến thiên hạ, thu phục kẻ sĩ ông lại rất lơ mơ, giống như một kẻ mù lòa nghênh ngang đi giữa chợ. Vừa toan cất tiếng nói với tiên sinh một điều gì đấy, quan điện tiền chợt dừng cặp mắt của mình nơi đôi liễn viết chữ rất chân phương, treo trên cột áp tường ngay phía sau chiếc tủ chè. Quan ông lăm nhăm đọc từng chữ:

TRI TÚC TÂM THUỜNG LẠC

VÔ CẦU TỰ PHẨM CAO(3)

Trần Thủ Độ hiểu được nội dung của các chữ trên. Ông có cảm giác như mỗi chữ kia đều là một cái khóa, khóa miệng ông lại. Nhưng con người quyết đoán của ông, không dễ chùn bước. Ông nói liền một thôi, Hoàng tiên sinh cười đáp lễ:

- Quan ông chu đáo quá, tôi vốn quen sống trong thanh bạch. Vả lại hai thân tôi đều khuất núi. Nội tướng tôi cũng là người cần kiệm

lại giữ nếp nhà, nên tư biện cũng sơ sài, không dám phiền đến quan ông.

Trần Thủ Độ cứ gặng đi gặng lại mãi, cuối cùng Hoàng tiên sinh miễn cưỡng chấp thuận, nhưng ông đòi xem những thứ mà quan điện tiền có nhã ý biếu tặng ông, nhân sắp đón tân niên. Trần Thủ Độ bèn mời tiên sinh sang “Cung Thủy tĩnh”, nơi chỉ dành riêng cho ông nghỉ ngơi, sau những giờ phút làm việc căng thẳng ở triều đình. Trước cửa cung đã chực sẵn năm cỗ xe song mã và một tập lính áp tải.

Trần Thủ Độ mở những vuông nhiều điều phủ kín các mâm lễ. Thoạt đầu là mâm bánh dày, bánh cốm. Mâm thứ hai gồm có năm tấm vóc, năm tấm gấm. Mâm thứ ba có năm tấm vải, năm tấn lụa sồi. Mâm thứ tư, chắt đầy tiền đồng. Mâm thứ năm gồm một trăm đĩnh bạc, hai chục nén vàng.

Sau khi xem xong lễ vật, Hoàng tiên sinh không hề lộ nét vui buồn trên sắc mặt. Ông quay lại vái Trần Thủ Độ hai vái, gọi là đáp lễ. Trần Thủ Độ toan cho gia nhân bê ra xe, chờ đi. Nhưng tiên sinh đã kịp ngăn lại.

- Quan ông đối với tôi thật là ưu hậu. Một kẻ sĩ như tôi, không bằng cấp, không chức tước, mà được một người thay mặt triều đình cư xử như một bậc quốc sĩ. Tôi dù có lấy da ngựa bọc thây, cũng không trả được cái ơn tri ngộ này. Lễ vật, coi như tôi đã nhận đủ, chỉ xin gửi lại quan ông số tiền cùng vàng bạc kia vào kho của nhà nước, để chi dùng các việc khác. Tôi biết, của cải đây là của riêng quan ông, nhưng tôi muốn được góp phần mình vào công quỹ quốc gia, trong lúc ngân khố nhà nước đang cạn kiệt. Cả cái mâm gấm vóc kia, cũng xin gởi lại quan ông. Không, tôi không dám chê gấm vóc. Ở đời có ai không thích ăn ngon, mặc đẹp. Nhưng như người xưa đã dạy: “Y phục xứng kỳ đức”. Có nghĩa rằng quần áo phải tương xứng với đức độ mà con người đó có được. Quan ông đừng ép tôi phải nhận, cái thứ mà tôi cũng như gia nhân tôi không có quyền được hưởng. Tôi hiểu, luật pháp đều do nơi tay quan ông quyết định. Nhưng nên nhớ rằng, ta còn đang sống dưới triều đại nhà Lý, phải tuân theo luật pháp nhà Lý. Từ năm Canh thìn (1040), Lý Thái tôn đã ban hành luật: các quan từ ngũ phẩm trở lên mới được mặc gấm, còn vóc từ tứ phẩm trở lên mới được mặc. Lại cái màu tía kia, phải là các bậc từ tước hầu trở lên mới được mặc.

Nhìn gương mặt Trần Thủ Độ danh lại, rõ ràng trong bụng ông ta đang suy nghĩ một điều gì gay gắt. Tiên sinh lựa lời nói thêm:

- Trong buổi nhiều nhượng giao thời này, luật pháp cần phải nghiêm từ người đứng đầu nhà nước trở đi, ngõ hầu mới khôi phục lại được kỷ cương, lễ luật.

Đành phải nhượng bộ tiên sinh, nhưng Trần Thủ Độ hậm hực cho rằng “bọn sĩ phu thuần là một lũ ngốc, đói rách mặc kệ, cứ khư khư giữ lấy cái thứ đạo lý ương gàn”.

Dường như nhìn thấu cả gan ruột Trần Thủ Độ, một con người độc đoán đến tàn bạo mà phải nhất nhất nhượng bộ, Hoàng tiên sinh ôn tồn nói:

- Nếu sớm nay, quan ông không có việc gì cần kíp lắm, tôi muốn được hầu chuyện. Cũng là dịp ta gặp nhau cuối năm, trước khi tôi về cúng gia tiên.

Một cơ may nằm ngoài ý muốn của Trần Thủ Độ, vì chính ông cũng đang có đôi điều muốn bày tỏ với tiên sinh. Tuy hai người cùng ở trong một dinh phủ, nhưng không lẽ chốc chốc lại gặp nhau, lại hỏi han bọc bọc. Tiên sinh vừa là người cao tuổi, học rộng, lại nhất định không chịu nhận một chức tước gì của triều đình, làm sao có thể sai khiến được. Cho nên tiên sinh chỉ ưng thuận làm môn khách chứ không làm chính khách. Đã gọi là khách thì khi ở khi đi, lấy gì ràng buộc được người ta?

(1) Đại ý cao sĩ tự ví mình như bậc đại nho đời nhà Chu đi tìm Khổng Tử, Nhan Uyên lạc tới xứ này. Lại ví mình như Đào Tiềm đời Tấn từ quan đi ở ẩn và tự coi mình như người của thời Phục Hy, Hoàng Đế.

(2) Cư sĩ: người có học thức không ra làm quan.

(3) Tự lấy làm đầy đủ thì trong lòng được yên vui.

Không cầu cạnh ai điều gì, tự nhiên phẩm giá mình đã là cao trọng.

Quan Điện Tiền liền sai dọn dẹp cung Thủy Tinh bày hương án, đốt lò trầm, hâm rượu thạch xương bồ. Rồi ông đi thay mũ áo đại thần. Bữa nay ông đội mũ tiến hiền, áo thụng dài màu tía biếc. Với khổ người cao lớn, thân hình vạm vỡ, chân tay thô cứng, vụng về, chỉ quen đường cung kiếm, nhưng được phủ lên người bằng thứ mũ áo đó, nom ông lại có dáng một văn nhân hơn là một võ tướng.

Trần Thủ Độ cung kính mời Hoàng tiên sinh an tọa trên bộ ván sơn then, có vẽ hình chim phượng múa. Hoàng tiên sinh mặc áo đạo sĩ, búi tóc, quần khăn vành dây màu huyết dụ. Tiên sinh có khuôn mặt xương xương, vàng trán cao, ấn đường rộng, tròng mắt trắng đen phân biệt, lông lánh như có thần nhãn, lông mi rậm dài hơi xếch, mũi thẳng, hai cánh mũi và chuân đầu đầy đặn. Miệng rộng, hai khóm miệng hơi cong lên, cặp môi dày vừa phải, màu sắc tươi nhuận, lại được chiếc cằm vuông vức, nước da sáng sủa hồng hào và bộ râu dài rậm bạc trắng như cước, tiên sinh có vẻ ung dung siêu thoát như một nhà tu đắc đạo.

Vừa phân ngôi chủ khách xong thì lão bộc dâng hầu một tuần rượu. Rượu hâm nóng rót vào hai chiếc chén có nắp đậy tỏa hương thơm. Chén dâng rượu là một loại gốm cực quý men độc sắc màu tiết dê, trong lòng láng men trắng ngà xanh. Rượu được ba tuần, Trần Thủ Độ mới nhập đề bằng câu chuyện vừa bắt được một thị nữ, đem chiếu của Huệ tôn sai khiến Đoàn Thượng, Nguyễn Nộn mang quân về kinh diệt trừ gian đảng, khôi phục lại kỷ cương của nhà Lý.

Việc tây trời thế mà Trần Thủ Độ nói như chuyện chơi, khiến tiên sinh hơi ngạc nhiên. Ông thầm nghĩ: “Vây là viên tướng này đã rèn được bản lĩnh”. Tiên sinh không khỏi mừng thầm về những lời khuyên nhủ của ông, đã được Trần Thủ Độ tiêu hóa một cách ngoạn mục đến thế. Hoàng tiên sinh bèn hỏi:

- Vây chớ quan ông đã xử như thế nào rồi?
- Bẩm tiên sinh, chưa có xét xử gì cả. Tôi chỉ thu giữ tờ chiếu, còn con thị tì lại cho về cung thái hậu, ngầm sai người giám sát, vẫn coi như không có chuyện gì.
- Trong việc này quan ông có nghi cho ai không? Đây chỉ là một hai người vì lòng tức giận nhất thời, hay họ đã hợp nhau thành bè, đảng? Quan ông đã cứu xét đến những điều tôi vừa nói chưa?

Trần Thủ Độ bậm môi nén giấu một điều gì bức bối, thoát ông đã lại bình thản đáp:

- Thừa tiên sinh, cứ theo như sự suy ngẫm của tôi, thì việc công chúa Chiêu Thánh lên ngôi có làm cho một số người an tâm, nhưng một số khác lại nghi ngại. Trong số những người khắc khoải lo âu về vận mệnh nhà Lý, tôi thấy có quan thừa chi là người đáng lưu tâm hơn cả. Dạ bẩm tiên sinh, quan thừa chi là người trung hậu, nghĩa khí, dám xả thân vì nước. Cứ như lời văn trong tờ chiếu, tôi ngờ rằng quan thừa chi là người thủ bút. Kẻ úy tử tham sinh, ngu hèn, bản tiện không thể viết ra được lời văn hào sảng như thế. Thừa tiên sinh, tôi đồ rằng quan thừa chi bất bình vì thế lực họ Trần quá lớn, nên muốn nhờ sức Đoàn Thượng, Nguyễn Nộn chặt bớt vây cánh. Việc này quan thừa chi có dự mưu, nhưng không có kết với ai. Vì xét ra, còn ai là người có nhân cách lớn để mà có kết. Dạ không, không có chuyện đích thân nhà vua thảo được. Bao nhiêu năm châu chực bên ngai vàng tôi biết, nhà vua mỗi khi cầm bút chỉ viết không qua ba chữ tên mình. Nói xong quan điện tiền buông một tiếng thở dài.

Càng gần trưa, trời càng buổi giá, lão bộc gầy thêm một chiếc hỏa lò, đặt gần nơi chủ khách hội kiến. Hoàng tiên sinh không thể nên

giấu nụ cười vui. Vì cách xét đoán bình tĩnh và sáng suốt của Trần Thủ Độ, khiến tiên sinh tin ông ta có thể làm được nhiều việc lớn có ích cho quốc gia. Tiên sinh vuốt chòm râu dài tới hai ba lần, dấu hiệu chứng tỏ trong lòng tiên sinh vui lắm. Nhìn thẳng vào khuôn mặt dạn dày sương gió của vị quan lớn đầu triều mới ngoài ba chục tuổi, tiên sinh lại hỏi:

- Quan ông liệu định việc này ra sao?

- Bẩm tiên sinh, lòng tôi thật phân vân. Nếu ở vào vị thế của quan thừa chỉ, hẳn tôi cũng không thể làm khác được.

- Nhưng còn đối sách của quan ông với quan thừa chỉ?

Như nhìn thấu cả gan ruột Trần Thủ Độ, Hoàng tiên sinh vuốt nhẹ chòm râu rồi một tay che miệng, một tay cầm cả chén rượu đã nguội ngắt ngửa cổ uống một hơi cạn. Khẽ dần chiếc chén xuống lòng khay, tiên sinh nói:

- Người hiền là tài sản vô giá của quốc gia. Nước không có người hiền để treo gương đạo hạnh là nước suy. Biết chùn tay trước khi đụng đến người hiền, ấy là dấu hiệu tốt của lương tri. Thu phục được nhiều người hiền quy tụ, ấy là khả năng trị quốc đã lộ rạng.

- Trị quốc, Trần Thủ Độ khẽ mấp máy miệng như có ý nhắc nhở Hoàng tiên sinh. Tiên sinh dừng lời tắc lự, ông nhìn thẳng vào khuôn mặt đầy phách lực của Trần Thủ Độ, với giọng trầm hẳn xuống, như có ý răn dạy:

- Tôi nói trị quốc. Vẫn biết tình hình nước sôi lửa bỏng như bây giờ, kỷ cương mục nát, rương mồi rồi rấm, cương thường đảo lộn, sự hung bạo tràn lan, con giết cha, tôi giết vua, cái ác nghiêm nhiên ở ngôi thì phải lấy việc trị quốc làm đầu. Ngay việc con giết cha, tôi giết vua không phải một sớm một chiều đã xảy ra. Nó giống như cái ung, cái nhọt đã tích tụ các khí chất độc từ lâu rồi. Bởi những kẻ lèo lái con thuyền quốc gia không những không lo phòng bị những việc ấy mà không tự biết. Nhưng nước yên rồi thì phải chuyển từ “trị” sang “trị”, nếu không sẽ thay thế cái ác cũ bằng cái ác mới. Hiện nay nói đến “trị” là hơi sớm. Song vì đã chớm thấy cái mầm thiện trong quan ông lộ ra, tôi phải kịp khơi lên để cho nó tỏ sáng. Thấy tiện, tôi nói luôn để quan ông có dự liệu về sau.

Quan ông làm những việc như thế này là một sự nghiệp chính trị lớn. Việc làm chính trị là cốt ở dùng người hiền tài.

- Làm thế nào để dùng được người hiền tài, thưa tiên sinh? Trần Thủ Độ vội vã chen lời.

- Sửa mình. Có sửa mình thì mới dùng được người hiền tài.

- Lấy gì để sửa mình vậy?

- Lấy đạo mà sửa mình.

- Đạo là thế nào?

- Đạo là cái vừa cao minh vừa thiết thực. Người trí thì nhìn thấy được, kẻ ngu thì sờ thấy được. Đạo là cái mà người ta tâm cảm và trực cảm được. Người hành đạo phải hội đủ các đức nhân, nghĩa, lễ, trí tín.

- Thưa tiên sinh, trong năm điều ấy có thể bỏ được điều nào không ạ? Trần Thủ Độ hỏi, vì ông chợt nghĩ trong lúc nhiễu nhương như vậy, làm sao mà giữ được đủ các thứ tín điều kia.

- Không. Không thể bỏ được điều nào, Hoàng tiên sinh nghiêm giọng trả lời.

Trần Thủ Độ lại hỏi:

- Vậy chớ trong năm điều ấy, thì điều nào là quan yếu hơn cả.

- Năm điều đó hợp lại mới thành cái đức của người hành đạo. Cho nên điều nào cũng quan yếu. Nhưng suy cho cùng, thì nhân là gốc của đạo, cũng là gốc của việc chính trị. Người thức giả sửa mình cho đến bậc nhân, rồi mới đem đạo của mình ra thì hành khắp thiên hạ. Có sửa được mình cho ngay chính, thì người hiền tài mới theo mà giúp mình. Nhiều người hiền tài giúp mình thì việc chính trị mới có cơ thành tựu. Ở đời, mọi hành động của con người, không gì bằng việc chính trị. Vì chính trị quan hệ đến sự hay dở của nhân quần, sự trị loạn của thiên hạ.

- Thừa tiên sinh, kẻ thô lậu quê mùa như tôi có làm chính trị được không? Vì chính trị là phải có đức qui tụ được người hiền.

Hoàng tiên sinh cười khà khà. Giọng ông trở nên khoan hòa:

- Các việc quan ông đang làm, chẳng phải làm chính trị sao? Quan ông có phong độ của một nhà chính trị lớn. Công nghiệp của quan ông có thể lưu dấu cho đời sau. Nhưng đúng là quan ông còn phải sửa mình nhiều lắm, nếu không, việc lớn sẽ hỏng từ những tiểu tiết.

- Thừa tiên sinh, từ khi tiên sinh nhận lời xuống núi, nghe chỉ dẫn của tiên sinh, anh em họ Trần nhà chúng tôi điều hành công việc trong triều, đã làm cho đường lối ngày một tỏ sáng thêm. Đi đến đâu dân chúng cũng theo về, hào kiệt bốn phương lác đác đã tìm đến. Song có một điều tôi vẫn cứ băn khoăn. Trong khi thế lực của họ Trần lớn, thì thế lực của Nguyễn Nộn, Đoàn Thượng cũng lớn. Lại còn châu Đại Hoàng, các vùng Quảng Oai cùng mấy động, sách người Man đánh dẹp mãi không xong. Tôi luôn luôn lo sợ, tự răn mình không được làm điều gì xằng bậy. Nhưng đối với các bậc hiền giả, các bậc thức giả, nho sĩ, tôi không biết cư xử thế nào cho phải đạo. Vì rằng tôi xuất thân quê mùa, lại dốt nát, chữ nghĩa hầu như chẳng biết được là bao. Dám xin tiên sinh vì sự nghiệp lớn của Đại Việt ta, hết lòng chỉ bảo. Tôi hứa sớm tối sửa mình để làm việc nghĩa cho thiên hạ, quyết không phụ lòng dạy bảo của tiên sinh.

Hoàng tiên sinh gật đầu, như một sự hài lòng về các lời nói khiêm nhường của quan điện tiền chỉ huy sứ. Tiên sinh chậm rãi nói:

- Quan ông danh thì là điện tiền chỉ huy sứ, thâu tóm hết thảy quân cấm vệ, nhưng thực ra, quan ông nắm giữ trọn quyền lực của triều đình để sai khiến thiên hạ. Phàm người đã ở ngôi cao, quyền lớn là những người dễ tự mãn. Tưởng mình ngồi trên thiên hạ, là mình giỏi hơn thiên hạ. Nên không chịu nghe, hoặc không thể nghe được những lời chỉ trích mình. Chừng nào quan ông còn muốn nghe lời chỉ trích không chỉ ở miệng bọn học giả, mà ngay từ miệng đám lê dân, chừng ấy quan ông còn sáng suốt. Vừa đây, tôi mới nghe Đoàn Thượng giết một viên tướng giỏi. Chỉ vì viên tướng kia không chịu tiến binh theo ý Thượng. Trước tôi còn ngờ Thượng có thể đối địch được với quan ông. Là vì y chiếm giữ suốt một dải châu Hồng giàu có, đất rộng, dân đông, y lại có sức khỏe hơn đời như Lã Bố, Trương Phi. Nay thì rõ rồi. Y chỉ là giặc cỏ, với lũ quân ô hợp, sớm tối tự tan. Tôi nói thế là vì, các việc làm của Đoàn Thượng, bộc lộ kiến thức của y, không hơn gì lũ thất phu. Bởi chung, mở rộng đất đai là nghiệp lớn, là thuộc về kế sách lâu dài của một vị chủ soái. Nhưng chiếm được thành kia, lấy được đất nọ vào lúc nào, việc ấy lại do ở các viên tướng. Trong lúc còn đang tranh đoạt với bên ngoài, mà giết tướng giỏi của mình, thế có khác gì tự chặt tay chân mình. Đoàn Thượng là kẻ tự tiêu diệt mình gấp trăm lần các thế lực của triều đình, và phe phái khác đánh dẹp hoặc tranh đoạt với y. Quan ông cứ ngẫm lời tôi nói, xem có đúng vậy không. Đoàn Thượng đã treo một tấm gương xấu rực sáng của kẻ thất phu, quan ông không thể xem đó là bài học quý, để tự sửa mình.

Được, được, để tôi sẽ nói những điều mạnh, yếu nhất trong nhân cách của quan ông, là những điều quyết định thành bại của một sự nghiệp chính trị, sự nghiệp của một tể thần, chứ không phải sự nghiệp của một anh ngư phủ.

Sắp nói ra những điều hệ trọng trong sự nghiệp của một quan lớn đầu triều. Sự nghiệp ấy sẽ dẫn dắt cả quốc gia Đại Việt này tới đâu,

không phải là chuyện vui trong tiệc rượu. Hoàng tiên sinh đưa hai tay lên sửa nắn lại vành khăn, vuốt lại nếp áo, rồi dùng mười đầu ngón tay chải lại chòm râu rậm.

Trần Thủ Độ vẫn ngồi nghiêm chỉnh lắng nghe. Lúc này, ông như cũng ý thức được các điều hệ trọng từ người mà ông tôn làm thầy sắp nói về mình. Tự nhiên, ông cũng làm theo tiên sinh; sửa lại mũ áo, và nếp ngồi cho ngay chính.

Lão bộc, lặng lẽ tiếp thêm trà vào lò, rồi khẽ đặt bình rượu vừa hâm và xé góc quan điện tiền đang ngồi. Xong đâu đó, lão bước ra ngoài nhà như một cái bóng.

Hoàng tiên sinh nhận chén rượu nóng từ tay Trần Thủ Độ, nhẹ nhàng đặt về phía mình, rồi ông nói:

- Từ bấy lâu ăn ở với quan ông, xét các việc quan ông đã thi hành ở trong nhà cũng như ngoài cung đình, hoặc trong dân chúng, xét những việc hiển nhiên cũng như những suy tư và các chủ trương mai hậu của quan ông, tôi tạm qui quan ông có bảy cái mạnh đáng được giữ gìn để làm gương sáng cho đời:

Cái mạnh thứ nhất của quan ông là tính quyết đoán. Người có tính quyết đoán là người dám chịu trách nhiệm về công việc mình làm, và cũng là người có khả năng đón định được thời cơ làm việc lớn. Việc đáng quyết mà chần chừ không quyết, tức là bỏ mất thời cơ, và đã chuyển từ cái nhân chiến thắng thành cái quả thất bại. Vì như việc sách lập Chiêu Thánh kế vị. Việc ấy, biết bao người đã xui quan ông phế truất Lý Huệ tôn để lên ngôi hoàng đế, nhưng quan ông nhất quyết gạt đi. Cái khôn ngoan là ở chỗ đó. Một đứa bé tám tuổi thì biết gì mà chấp chính, thành ra quyền hành vẫn thuộc về quan ông. Làm việc này quan ông có hai cái lợi. Lợi thứ nhất là quan ông giữ được tiếng tôi trung, trước sau vẫn khuông phò nhà Lý. Cái lợi thứ hai là trên danh nghĩa nhà Lý, quan ông sai khiến thiên hạ. Triều đình không bắt bẻ vào đâu được, các thế lực kinh chống với quan ông cũng không lấy cớ gì để tiến binh. Nói đâu xa, đạo Chiêu Thánh kế nghiệp, Nguyễn Nộn tướng quan ông tức vị(1) đem quân về kinh hỏi tội. Nhưng quân đến Bồ Đề, y thấy bố cáo của triều đình, bèn tự ý lui quân. Vì rằng y không còn danh nghĩa gì để đem quân về kinh sư nữa.

- Thừa tiên sinh, Trần Thủ Độ nói xen vào - Việc sách lập Chiêu Thánh làm hoàng thái tử để nhường ngôi, là ý của tiên sinh chứ đâu phải ý của tôi. Tôi chỉ biết nghe lời tiên sinh.

Hoàng tiên sinh cười rạng rỡ. Ông quơ lấy chén rượu uống một hơi can sạch, như để tự thưởng cho cái mưu của ông đã được người học trò dũng lược đem ra thi thố thập phần hoàn hảo. Tiên sinh nói, giọng hồ hởi:

- Một bên là “tôi xui” quan ông, một bên là cả “triều đình xui” quan ông. Nếu quan ông không có bản lĩnh chắc là phải nghe triều đình chứ. Tôi nói thì dễ, chứ quan ông làm khó lắm. Sự phản trắc đầy triều. Lúc nào cũng có kẻ rình rập. Không phải là tay trí dũng hơn đời, không thể làm nổi các mưu sâu chước lạ. Và lại nếu không dẹp bỏ được lòng tham vô lối, tức là coi ngai vàng hơn xã tắc(2) để hướng về cái cao đẹp hơn, để gì quan ông đã nghe tôi. Tôi chỉ lý giải một trong bảy đức tính quý báu đó của quan ông, để tự xét mình mà thôi.

- Dạ được, tôi sẽ lần lượt nói cho đủ bảy đức tốt của quan ông:
- Một là quyết đoán.
- Hai là không thiên kiến.
- Ba là trọng người hiền.
- Bốn là không tham lợi nhỏ.

- Năm là không nghe lời gièm.
- Sáu là dùng lược.
- Bảy là biết đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên trên hết thầy.

Có bảy đức tính đó, lo gì việc kiêm tính thiên hạ.

Thấy Hoàng tiên sinh nói đến việc kiêm tính thiên hạ, Trần Thủ Độ giật mình lạnh toát cả sống lưng. Ông phải lấy việc gọi lão bộc vào pha trà để tự trấn tĩnh. Giây lâu, ông mới cất tiếng hỏi:

- Bẩm tiên sinh, quả là tiên sinh quá yêu, nên tiên sinh đã cho kẻ quê mùa này nhiều thiện đức của các bậc kỳ tài trong thiên hạ.
- Quan ông điện tiền chỉ huy sứ, xin hãy cứ bình tâm. Không phải quan ông chỉ có thiện đức cao quý, mà quan ông cũng có nhiều điều bất thiện, còn ẩn náu kỹ càng dưới chiếc mũ tiến hiền và trong bộ tử phục(3) hầu kia.
- Dạ, thưa tiên sinh, nếu tiên sinh dạy cho kẻ hậu sinh này biết được những điều bất tiểu, còn tiềm ẩn trong nhân cách, để sớm tối lo việc sửa mình, ngõ hầu mới có thể gần gũi được các bậc tài đức trong thiên hạ, cùng lo việc nước.

Tiên sinh chậm rãi:

- Nói về những đức tốt của người là điều cực dễ. Nhưng nói về những điều xấu, những điều ác độc còn chất chứa trong họ mới thực là khó. Khó hơn nữa, người nghe lại là người quyền cao chức trọng, kẻ nói mất đầu như chơi. Song, tôi vì đại nghĩa, còn vì tình tri kỷ với quan ông, nên tôi nói mà không sợ quan ông đổi dạ.

Trên kia tôi đã nói về bảy điều thiện đức của quan ông, bây giờ tôi nói về bảy điều bất thiện trong quan ông:

- Một là nhỡn quan hẹp.
- Hai là tri thức hẹp.
- Ba là chưa có lòng bao dung.
- Bốn là chưa thật bụng tin người.
- Năm là nặng bề đẳng, nhẹ hợp quần.
- Sáu là tàn bạo.
- Bảy là chưa hết lòng thương dân. Nhiều vùng qui phụ triều đình lâu rồi mà vẫn để dân lưu tán, đói khổ.

Cứ sau mỗi điều, Hoàng tiên sinh lại khéo để ý xem quan điện tiền chỉ huy sứ có còn muốn nghe nữa không. Tiên sinh thấy dù Trần Thủ Độ có là bậc thánh, cũng không thể không gai người khi nghe đủ bảy điều xấu hoàn hảo của mình. Cho nên mặt quan ông cứ tái dần, tái dần cho tới lúc sạm đen như người say xỉn. Và bỗng nhiên, mồ hôi trán vã ra như người bị trúng độc.

Hoàng tiên sinh trầm hắt giọng xuống giọng hỏi:

- Thưa quan ông, liệu tôi có quá lời chăng?

Trần Thủ Độ vụt đã tươi tỉnh hẳn lên. Ông sụp lễ Hoàng tiên sinh hai lễ. Hoàng tiên sinh vội vàng nâng quan điện tiền dậy:

- Quan ông làm thế, tôi khó nghĩ quá. Tôi đâu dám nhận lễ của quan ông.

- Bẩm tiên sinh, quả là tiên sinh vừa cho tôi uống một liều thuốc tróc độc. Mà đã tróc được độc, thì cơ thể không khỏi mệt mỏi. Tôi toát hết cả mồ hôi, lạnh buốt cả xương sống sau mỗi điều tiên sinh nói. Nếu không có tiên sinh là người sáng suốt và thẳng thắn vạch cho, tôi vẫn cứ ngỡ rằng mình thập phần hoàn hảo. Bẩm tiên sinh, về bảy điều thiện đức mà tiên sinh chỉ ra, tôi cũng lơ mờ cảm thấy như mình có cả. Còn như bảy điều bất thiện, thì lần đầu tiên nhờ có tiên sinh tôi mới nhận thấy. Và xét các việc đã làm, quả tôi còn nhiều điều dở quá. Dở quá. Từ nay tiên sinh không những là thầy tôi, mà tôi còn thờ tiên sinh như một bậc quốc phụ. Xin cam kết với tiên sinh, tôi quyết đời đời không đời dọ thờ tiên sinh. Mong tiên sinh chỉ giáo, nếu chẳng may có một điều nào trong bảy điều trên, nó trở thành cổ tật rồi thì có hại gì cho sự nghiệp không?

- Những điều bất thiện kia ai mà chẳng có. Nhưng ở người thường, nó không tác hại nhiều lắm. Còn như ở người cầm cân nảy mực quốc gia, chỉ cần một trong bảy điều trên được bành trướng ra như một thể lực, cũng đủ tiêu tan cả nghiệp lớn.

- Nhỡn quan hẹp ư? Nhìn sao thấu được thiên hạ. Biết trong nước thế nào, ngoài nước thế nào để sắp đặt then máy quốc gia?

- Tri thức hẹp ư? Sao có thể ngồi trên được kẻ sĩ?

- Hẹp lượng bao dung ư? Sao có thể ôm trùm được thiên hạ.

- Chưa thật bụng tin người ư? Còn ai dám tận tâm làm việc lớn?

- Nặng nề đáng ư? Làm sao mà cổ kết được toàn dân?

- Tàn bạo ư? Kẻ sĩ quay mặt, người hiền bỏ đi.

- Không thương dân sao? Dân sẽ rũ nhau làm loạn.

Nghe Hoàng tiên sinh nói, Trần Thủ Độ như người ngủ mê chợt tỉnh. Ông tiếp lời:

- Bẩm tiên sinh, nhờ tiên sinh tận tâm chỉ bảo, tôi như người mù vừa thấy lại mặt trời. Mong tiên sinh từ nay đừng coi tôi như một bậc tể thần, mà hãy coi tôi như một lũ “ấu ấu tu tri” để dạy dỗ.

Hoàng tiên sinh gật gật, ông lại đưa tay lên vuốt nhẹ chòm râu. Ông vuốt như thế mãi một lúc lâu, cứ như là ông đang kéo dài, dài mãi những sợi râu để biến nó thành những sợi tơ trời. Bất chợt ông lại nói:

- Cái khó không phải là con người ta còn làm điều bất thiện, mà khó là ở chỗ, con người có tận tâm đời đời để đạt tới cõi thiện?

Mới nửa chiều, sương đã giăng trắng cả kinh thành. Giá buốt lùa vào đại sảnh. Lò than đã tàn. Chỉ có hương trầm như còn động lại, còn đông kết lại cùng với những lời nói tâm huyết của hai vĩ nhân trong một chiều sương giá. Phải chăng đây là khởi đầu buổi bình minh của một triều đại mới?

(1) Túc vị: lên ngôi vua.

(2) Theo sách Chu lễ: Xã: là nơi thờ thần Thổ địa. Tắc: là nơi thờ thần Bách cốc. Dân trong một nước cần thiết nhất là ruộng đất và thóc lúa, nên đời xưa dùng chữ Xã tắc để tượng trưng cho quốc gia.

(3) Từ phục: quần áo màu tía. Theo chế độ các nhà Lý - Trần, các quan có tước vương, tước hầu mới được mặc áo màu tía.

CHƯƠNG 6

Đề hưng thịnh triều đại mới của Lý Chiêu Hoàng, một bà vua tám tuổi, quan phụ quốc thái úy(1) Trần Thừa bèn hoạch định một số chính sách. Trước hết, lấy danh nghĩa của đăng quân vương, xuống chiếu chọn con em của quan viên trong ngoài, sung vào các sắc dịch ở nội cung. Tức là các chức như chi hậu(2), nội nhân(3), thị nội(4). Mở đầu cho công cuộc cải cách này, quan điện tiền chỉ huy sứ Trần Thủ Độ được thăng làm tri thành nội cung chư quân sự. Nghĩa là trước kia, quan ông chỉ thống lĩnh quân cấm vệ trong kinh thành, nay thân tóm hết cả quân tứ sương và quân các lộ, các đạo, các trấn trong toàn quốc. Và các người cháu gọi Trần Thủ Độ bằng chú, bác như Trần Bất Cập được bổ làm cận thị thực lục cục chi hậu(5). Trần Thiêm làm chi hậu cục(6). Trần Cảnh (con nhỏ của thái úy Trần Thừa mới tám tuổi) cũng được bổ làm chánh thủ(7).

Từ ngày Trần Cảnh vào cung, nhà vua có bạn, cảm thấy đỡ buồn hơn. Trần Cảnh cũng bằng tuổi với vua. Cảnh có dáng người phổng phao. Mặt mũi khôi ngô. Đôi mắt sáng như sao. Da trắng hồng, cặp môi đỏ mọng như môi Phật. Cảnh tính nết thuần hậu, ít nói. Tư chất thông tuệ, nhân cách đàng hoàng. Thường chơi với đám trẻ con các nhà dân dã. Chơi trò gì Cảnh cũng chóng bắt chước được chúng, rồi chẳng mấy chốc lại vượt lên bọn chúng. Khi thắng, Cảnh bắt chúng vòng tay làm kiệu rước. Một hôm Chiêu Hoàng đi qua, thấy thế thích lắm, sà vào chơi. Đám trẻ có đứa biết Chiêu Hoàng là vua. Chúng hét lên: “Vua đấy! - Vua đấy!”. Lũ trẻ sợ quá, chạy tán loạn. Chỉ còn tro lại Trần Cảnh đứng một mình. Chiêu Hoàng bèn nắm lấy chéo áo Trần Cảnh:

- Tại sao thấy ta, chúng nó bỏ chạy?
- Tâu, bệ hạ là vua. Chúng nó sợ.
- Ta có làm gì đâu mà chúng nó sợ?
- Phép nước là thế. Dân chúng không được nhìn mặt thiên tử, nói gì chơi.
- Thế sao người không chạy, người không sợ ta chứ gì?
- Tâu, thần còn chạy đi đâu được nữa. Ngày nào bệ hạ cũng bắt vào chầu. Bây giờ lại đang nắm áo.

Chiêu Hoàng lại túm chặt vạt áo Trần Cảnh hơn nữa rồi xềnh xệch vào tận phía trong tiện điện(8). Nhà vua vừa buông áo Trần Cảnh, liền chạy vòng về phía sau bức bình phong lấy ra một chiếc hộp. Chiêu Hoàng mở hộp tung lên một nắm que chuyền bằng ngà, và hòn cái bọc gấm có nhồi bông, độn sỏi. Nhà vua ra hiệu cho Trần Cảnh ngồi xuống cạnh mình, mặt tươi hơn hờ hởi:

- Chơi nhá. Người có biết chơi không?

Cảnh lắc đầu. Và nói lí nhí trong cổ họng:

- Trò chơi con gái.
- Sao, người không biết chơi à? Ta dạy. Người xuống. Trông đây này.

Chiêu Hoàng thoăn thoắt rải que, tung hòn cái, đánh một mạch từ bàn một đến bàn ba mới hồng. Chợt dừng, thấy Trần Cảnh lơ đãng nhìn ra ngoài sân. Nữ chúa bực lắm, hỏi:

- Vậy chứ người biết chơi những trò gì?

- Tâu bệ hạ, thần biết đánh đáo, đá cầu, đi kheo, kéo co, bơi chải, chèo thuyền, đánh cờ, chơi ô ăn quan... Nhiều trò chơi lắm. Nhưng phải ở ngoài hoàng thành mới có người biết chơi.

- Vậy chớ có trò gì chơi một mình được, người chơi thử, ta coi.

- Dạ, tâu bệ hạ, chỉ có chèo thuyền, đi kheo thì chơi một mình được. Nhưng phải ở ngoài sông, hồ hoặc bãi cát cơ.

- Còn trò gì khác nữa, người chơi một mình được?

Ngẩng ngẫm một lát, bỗng mặt Trần Cảnh bừng sáng lên như chợt nhớ ra. Cảnh thưa:

- Tâu bệ hạ, thần có thể đá cầu một mình được.

- Vậy người đá cầu, ta coi.

Lần trong túi có đồng tiền đồng, lại có cả mảnh giấy bản, tập viết bản quá. Cảnh xé đi, tiện tay đút luôn vào túi. Trần Cảnh hí hoáy gói một lát được quả cầu be bé, xinh xinh. Cảnh bèn đá với cả hai bàn chân, nom dè quẹo. Hai bàn chân cứ nhịp nhàng đưa lên đặt xuống. Quả cầu cứ nảy lên theo nhịp đá của chân, nom nó như mọc lên từ giữa hai bàn chân của Trần Cảnh. Chiêu Hoàng thích quá reo to:

- Ôi, giỏi quá! Người giỏi quá!

Trần Cảnh giật mình ngoái nhìn Chiêu Hoàng, quả cầu rơi nhẹ xuống thềm nhà. Chiêu Hoàng nhặt quả cầu lên xem, rồi đá thử. Nữ chúa vừa buông quả cầu ra khỏi tay, chưa kịp gờ chân lên, nó đã rơi xuống đất. Làm lại tới cả chục lần, lần nào cũng dúi dụi suýt ngã, không sao bắt được Trần Cảnh để chân có thể đón được cầu.

Thấy nữ chúa chơi với Trần Cảnh, đám nội nhân không dám vào, chỉ đứng từ xa ngó lại. Nhờ có những trò chơi đó mà Chiêu Hoàng dần quen luyện Trần Cảnh. Chiêu Hoàng tính tình nghịch, có khi Trần Cảnh bung chậu nước đứng hầu cho nữ chúa rửa tay. Với các nội nhân khác, nữ chúa rửa tay mà không thèm nhìn mặt. Nhưng với Trần Cảnh thì Chiêu Hoàng vừa rửa tay vừa trêu chọc. Hai tay nữ chúa cứ ngâm chìm vào chậu, có khi còn ấn xuống, làm Trần Cảnh phải đỏ mặt tía tai, gắng gượng lắm mới giữ cho chậu nước khỏi đổ vào người Chiêu Hoàng. Có khi Chiêu Hoàng còn té cả nước vào mặt quan chánh thủ. Trần Cảnh vẫn cứ ngậm tằm không dám nói năng gì. Được thế, Chiêu Hoàng càng trêu. Có lần Cảnh bê khăn trải, Chiêu Hoàng lấy cả khăn ném cho Cảnh. Cảnh sợ quá bèn lạy: “Bệ hạ tha tội cho thần”. Chiêu Hoàng cười sảng sặc: “Tha tội cho người!”.

Ở mãi trong chốn cung cấm tẻ buồn, nay được Trần Cảnh chiều hầu, cũng như là chuyện có bầu có bạn. Vì thế Chiêu Hoàng cũng bớt được cái tính cáu gắt, dăm chiêu. Nhưng Cảnh chỉ hầu cận ban ngày. Tối đến không có người chơi, nữ chúa lại càng buồn. Thuận Thiên lớn tuổi hơn, lại ham mãi các việc dung công ngôn hạnh, nên không còn hợp với Chiêu Hoàng nữa. Bởi vậy, có khi tối đêm còn cho gọi Trần Cảnh vào hầu. Trần Cảnh tuy gần gũi đức vua, song vẫn còn bẽn lẽn lắm, thường bị đức vua bắt nạt. Có lần đi chơi đêm, Cảnh giả vờ trốn đứng vào bóng tối, Chiêu Hoàng tìm được, nắm lấy tóc Cảnh kéo ra chỗ sáng. Trần Cảnh đứng ngoài sáng, Chiêu Hoàng lại giẫm vào bóng Cảnh. Cứ chơi mãi cái trò ấy có khi tới khuya, nội nhân phải ra mời tới hai ba lần, nữ chúa mới chịu về nghỉ.

Đôi trẻ quyến luyến nhau như thế, không qua được mắt bà thái hậu Trần Thị Dung, và đức ông Trần Thủ Độ.

1. Thái úy: Chức quan trong hàng tam công - quan lớn nhất trong triều: Thái úy - Tư Đồ - Tư Không. Trước nhà Tổng thường gọi: Thái

sư, thái bảo. Sau này nhà Lê gọi: Thiếu sư - Thiếu phó - Thiếu bảo. Đại khái đều rập theo nhà Tống hoặc nhà Minh.

2. Chi hậu: chức quan hầu bên vua, giữ việc truyền lệnh và dẫn người vào, ra.
3. Nội nhân: chức quan để sai bảo ở trong cung.
4. Thị nội: chức quan châu hầu trong cung.
5. Cận thị thụ lục cục chi hậu: chức chi hậu ở sáu cục của Cận thị thụ là giữ việc hầu gần bên vua.
6. Chi hậu cục: Cục phụ trách truyền lệnh và dẫn người ra, vào cung vua.
7. Chánh thủ: chức quan hầu cận để sai bảo.
8. Tiện điện: nhà riêng để nghỉ ngơi của vua.

TỪ KHI KÝ VÀO CHIẾU CẦU HIỀN VÀ SAI Nguyễn Nộn, Đoàn Thượng hội quân ở kinh sư trừ gian đảng, thượng hoàng Lý Huệ tôn không có hồi âm gì của quan thừa chỉ, ruột ngài nóng như đang ủ một lò lửa. Ngài linh cảm như có một tai họa gì lớn sắp xảy ra. Chiều chiều, ngài thường đi dạo trên quảng đường quen thuộc trong khuôn viên xem có thấy tên thị nữ, người của quan thừa chỉ, thường hay lui tới, báo tin. Nhưng tuyệt vô âm tín. Ngài cũng không được biết tí gì về công việc ở trong triều, mà con gái ngài được người ta đặt vào ngôi quân trưởng, đang làm cái trò trống gì. Ngài muốn gặp vợ con quá chừng, nhưng không thể nào vượt qua được khu cấm địa này. Ngay cả Trần Thủ Độ, ngài cũng mong ông ta đến. Bây giờ ngài không sợ nữa. Người ta đã tước hết thấy quyền bính của ngài rồi, còn gì nữa để mà mất. Ngài ao ước gặp Trần Thủ Độ để xi mắng ông ta một trận, cho bỏ sự căm hờn chất chứa trong lòng ngài từ bấy lâu nay. Nhưng nghĩ lại, Huệ tôn tự nhủ: “Có lẽ mình phải cầu xin ông ta, để có cơ may còn được gặp con cái. Nếu không, chết thối rửa ra ở chốn lãnh cung này cũng không ai biết”. Ngài lại nghĩ: “Trăm điều chỉ tại con mụ vợ ta thôi. Nó thông đồng với anh em chú cháu nhà nó để hại ta. Nếu không có nó làm nội ứng, ngày đêm năn nỉ với ta, thì làm sao ta ưng thuận để cho Trần Tự Khánh rước xa giá về cung, từ mùa xuân năm Bình tí (1216) ở Cửu Liên(1). Cũng từ đấy, quyền hành ta lại trao vào tay thẳng anh ruột nó. Trần Tự Khánh được ta cho làm thái uý phụ chính. Lão anh cả Trần Thừa cũng được giao làm nội thị phán thủ. Thế là công việc trong ngoài triều chính đã lọt vào tay anh em nhà nó. Vây cánh nhà nó càng ngày càng lớn, lần át cả ta để sai khiến thiên hạ”.

Lý Huệ tôn cứ dần vật mình tại sao bỏ đường sáng, nhảy vào đường tối. Ông tiếc, cái năm Quý Dậu (1213), rồi lại năm Giáp Tuất (1214), hai lần Trần Tự Khánh đến cửa khuyết tạ tội xin đón xa giá, ông đều chối từ. Lần thứ nhất ông đã giáng Trần Thị Dung từ nguyên phi xuống hàng ngự nữ. “Lúc ấy ta đã thấy có điều đáng ngờ: xa giá đi về nẻo nào rồi bọn Trần Tự Khánh cũng tìm ra. Vậy thời chỉ có Ngự nữ - người vợ yêu của ta vẫn lén lút thông tin cho cánh họ Trần, nên chúng mới biết”. Nhà vua chép miệng “Tiếc thay, hồi ấy nếu ta cứ nghe thái hậu, dụ cho Trần Tự Khánh đến, rồi giết đi thì đâu còn tai họa lớn cho ngày nay”. Càng nghĩ, máu trong người càng uất lên. Huệ tôn tự thấy mình có tội với các tiên đế. “Vậy là ta đã đem cả cơ nghiệp của tổ tông xây đắp nên, trao vào tay một lũ quyền gian. Mà kẻ môi giới lại chính là mụ vợ ta. Chao ôi, lịch sử khéo lặp lại. Sự nghiêng đổ thành trì, ai ngờ lại chính do tay một mụ đàn bà. Nhà Đinh mất nghiệp cũng chỉ một tay Dương thị tư thông với Lê Hoàn. Xa nữa, nhà Hán, nhà Đường bên Trung Quốc, suýt mất nghiệp lớn, cũng chỉ do mấy con mụ Lữ Hậu, Võ Tắc Thiên gây nên. “Bây giờ lại đến lượt ta!”.

Huệ tôn cứ ngày đêm nguyền rủa mình mãi không thôi. Cuối cùng, nhà vua nghĩ, phải làm thế nào thoát ra khỏi cảnh sống dờ chết dờ này. Nhà vua chợt nhớ tới lời dặn của quan thừa chỉ qua con thị tì bữa trước: “Bệ hạ nên sớm dứt bỏ chốn cung cấm thâm nghiêm. Bệ hạ hãy tỏ ra thối chí...”

Nghĩ vậy, nhà vua bèn viết mấy chữ gửi cho Trần Thủ Độ. Sau vài dòng thăm hỏi chiếu lệ, Huệ tôn viết:

“Ta vốn chuộng cảnh nhàn, lại không đủ sức đi đó đây. Nghĩ mãi, chỉ có gửi thân nơi cửa Phật là hợp với sở nguyện của ta. Vậy ta mong nhà ngươi nghĩ đến chút tình ưu nghĩa xưa ta đối với thái hậu Trần thị, cũng như mấy anh em khanh được cất nhắc châu hầu. Hãy gia ân yới ngày đại cát này, cho ta vào làm lễ tế cáo trong điện chí kính(2), trong nhà thái miếu(3), rồi vĩnh biệt các con ta. Sau đó ta cũng xin trụ trì tại chùa Kim Liên, là ngôi chùa mà các tiên đế đã tạo dựng”.

Viết xong, Lý Huệ tôn ôm mặt khóc hu hu.

Mơ về một ngôi chùa sắp tới, nhà vua sẽ trụ trì với các tăng thiên sư mà trước đây nhà vua đã đôi lần lui tới viếng thăm.

Bỗng Huệ tôn nhớ lại gần chục năm trước, thấy tình cảnh đất nước bê bối, ngổn ngang, nhà vua muốn chấn hưng, đã toan mời một vị thiên sư lỗi lạc, thông hiểu cả tam giáo(4), về triều làm quốc sư. Nghe danh Hiện Quang thiên sư, năm mươi tuổi một đã xuất gia, ở chùa Lục Tổ, được ngài Thường Chiếu thu nạp làm đệ tử, nay nổi tiếng khắp nước. Huệ tôn phái người đem lễ vật tới cầu hai ba lần, nhà sư đều lánh mặt, không tiếp. Tới lần thứ năm, ngài sai thị giả trả lời:

“Xin sứ giả về tâu lại với nhà vua, bản đạo hiện nay sinh trưởng ở đất nhà vua, ăn lộc của nhà vua, ở trong núi làm chùa thờ Phật trong bao năm rồi, công đức còn chưa được bao nhiêu, rất dỗi thẹn thùng. Nếu nay về hầu cận đức vua, không những chẳng được ích gì, lại sao nhãng trong việc tu hành, như thế chỉ để mọi người chê bai mà thôi. Phương chi hiện nay Phật pháp có bề hưng thịnh, các bậc Sư, Tượng đầy đủ đang hành hoá tại nơi điện các, cứ chỉ đức vua lại cứ đoái đến một kẻ thô lậu, bản hàn, mặc manh áo vá đi kiếm ăn trong núi sâu này làm chi?”.

Nhớ lại, Huệ tôn càng buồn. Ngài cho rằng vận số nhà Lý đã hết, nên chẳng cầu được người hiền. Ấu cũng là do tiên đế để lại. Ngay thời tiên đế đã có việc bắt các nhà sư phải hoàn tục(5). Hẳn rằng các thiền sư vẫn chưa nguôi oán giận? Nghe nói, Tăng phó Nguyễn Thường đã từng can phụ vương: “Chúa thượng chơi bởi không điều độ, chính sự của triều đình thì rối loạn, lòng dân trái lìa, đó là triệu bại vong”. Tiếc thay, phụ hoàng đã chẳng nghe. Tăng phó liền bỏ đi. Còn ta, cầu mãi chẳng được người tài. Cho đến bây giờ, sự sụp đổ sờ sờ ra trước mắt. Biết đấy, mà khoanh tay thúc thủ.

Nhận được thư của Lý Huệ tôn, Trần Thủ Độ mừng lắm. Chính ông cũng băn khoăn không biết phé Huệ tôn bằng cách nào. Giam lỏng mãi như thế cũng không được. Lỡ đang thiết triều, Chiêu Hoàng đòi đi thăm phụ vương thì sao? Ấn nói thế nào với các bậc đại thần. Nay Huệ tôn lại tự khơi đúng ý ta. Vậy là trời giúp ta. Ta tránh được tiếng ác. Nhưng tại sao ông ta lại cứ khẳng khẳng muốn ở chùa Kim Liên? Chùa nào mà chẳng do các tiên đế nhà Lý xây cất. Nói cho đúng, không có nhà Lý thì làm gì có chuyện chùa chiền, thờ tự sùng thịnh như ngày nay.

Dù Huệ tôn đòi hỏi không có gì quá đáng, Trần Thủ Độ vẫn cứ còn phải cân nhắc. Ông ngờ trong việc này, còn dính dáng tới một vị đại thần nào chăng? Về phần quan thừa chỉ, ông đã dùng kế điệu hổ ly sơn, sai giữ chức an phủ sứ Nghệ An. Ông cũng ngầm gài người theo dõi các hành vi của quan thừa chỉ.

Rồi cái ngày đại cát mà Lý Huệ tôn mong mỏi cũng đã đến. Ông chỉ được tới điện chí kính, chứ không được tới nhà thái miếu. Trần Thủ Độ lấy cớ rằng, nhà thái miếu chỉ mở cửa khi làm lễ Hiến phù(6), cùng các ngày lễ tế Giao(7), ngày tết Nguyên đán, ngày vua mới đăng quang(8).

Ngôi chùa mà Huệ tôn tự chọn cũng không được. Thay vì chùa Kim Liên nằm mãi ven bờ hồ Dâm Đàm(9), Huệ tôn được nhận vào chùa Chân Giáo - ngôi chùa nằm ngay trong hoàng thành. Trần Thủ Độ viện rằng, sức nhà vua yếu, không nên đi xa kinh thành, ngại y khó bề săn sóc. Và lại Chân Giáo là ngôi chùa do Thái tổ nhà Lý lập ra từ năm Giáp tí (1024) để nhà vua tiện ra vào lễ Phật. Nay Huệ tôn vào tu ở đó là hợp hơn cả. Chẳng biết Huệ tôn có kịp nghĩ ra, chứ việc Trần Thủ Độ ngăn không cho ông viếng nhà thái miếu, xét về lý, quả là như vậy. Nhưng ẩn ý Trần Thủ Độ không muốn nhân dịp này, các đại thần lại lũ lượt theo hầu vua cũ. Biết đâu chẳng có người bày

cho Huệ tôn nhân đó mà tập hợp bè đảng, chiêu nhóm những người có lòng hướng về nhà Lý. Còn như lễ tế trong điện chí kính, đó là việc riêng của hoàng gia, triều đình không can dự. Huệ tôn chẳng còn kiếm được có gì để gặp các đại thần. Ngay cả việc giữ nhà vua trong ngôi chùa Chân Giáo, cũng không ngoài ngụ ý quân thúc. Thủ Độ hiểu rằng từ chùa Kim Liên, có thể xuống thuyền ra sông Cái rồi đi các ngã; Huệ tôn dễ dàng rơi vào tay các thế lực khác đang kinh chống với ông.

Buổi lễ tế cáo ở điện chí kính diễn ra thật buồn tẻ. Mãi xế chiều mới có kiệu đến rước nhà vua. Trước đấy, người ta bàn đến nát nước, dùng lễ nghi gì đối với Huệ tôn. Cuối cùng, người ta phải chấp nhận, coi Huệ tôn như một đấng đương kim hoàng thượng. Phẩm phục của Huệ tôn vẫn không có gì thay đổi.

Nom nhà vua mặt buồn thiu. Tới lúc này, ngài không còn hy vọng gặp lại các con. Bởi từ tảng sáng, ngài đã dậy chờ người ta đến rước đi. Hoặc nói cho đúng là chờ người ta mở cửa cho đi. Suốt một đêm dài thức trắng, ngài nghĩ về các con. Ngài ao ước thấy mặt Chiêu Thánh, Thuận Thiên hai nàng công chúa yêu mà gần trọn một năm ngài không được gặp. Thật tình, đôi lúc nhà vua cũng có ý muốn gặp cả “người kia” nữa. Nhưng cứ nghĩ đến cách xử bạc của bà ta, nhà vua lại nổi uất lên.

Sai quan nội hầu dẫn kiệu tới rước Huệ tôn, còn Trần Thủ Độ đón xa giá của Lý Chiêu Hoàng từ phía điện Thiên An. Kiệu của Chiêu Hoàng tới trước cung Ngoạn Thiềm, thì gặp kiệu của Huệ tôn cũng vừa tới. Chiêu Hoàng xuống kiệu, lon ton chạy tới trước kiệu vua cha, vừa thét gọi lạc cả giọng, vừa phủ phục xuống lễ thượng hoàng. Kiệu của bà thái hậu Trần Thị Dung và công chúa Thuận Thiên cũng vừa tới.

Nhìn nét mặt sầu khổ cùng tâm thần héo úa của vua cha, Chiêu Hoàng bật khóc nức nở. Thuận Thiên cũng níu lấy vua cha mà khóc.

Bà thái hậu chợt thấy chồng, đã giọt ngắn giọt dài. Bà vội lấy chéo khăn lau nước mắt, rồi nhón một khẩu trầu bỏ vào miệng nhai cho đỡ xúc động.

Huệ tôn cố ngăn, dù chỉ một lần, không để cho tình cảm lẫn át, ông khuyên các con hãy bình tâm. Ông biết cái bóng lờ mờ đứng phía sau kia là ai rồi. Nhưng ông không hề ngoảnh lại phía đó. Đỡ Chiêu Thánh dậy, ông vỗ về khuyên bảo hai chị em phải gắng gỏi lên, rồi ông dẫn các con đi bộ vào điện chí kính.

Thượng hoàng và nhà vua đã dẫn bộ, nên Trần Thủ Độ và bà thái hậu cùng các quan nội hầu, cũng phải xuống kiệu đi theo. Trần Thủ Độ tỏ ra bức bối trước sự mềm yếu của mẹ con bà thái hậu, và về cứng cỏi chưa từng thấy ở Huệ tôn.

Đền nhang và các vật hiến kính, đã bày sẵn trên các mâm thờ trong điện. Mấy đình trầm cũng vừa nhen đốt toả hương thơm ngào ngạt. Lý Huệ tôn tự tay thỉnh một hồi ba tiếng chuông, ông lầm rầm khấn vái. Chiêu Hoàng, Thuận Thiên bám riết hai bên tả hữu vua cha. Bà thái hậu vẫn giữ một khoảng cách ở phía sau. Nếu như lúc này Huệ tôn ngoảnh lại, nhìn thấu tâm can bà qua khuôn mặt đau đớn kia, chắc những nỗi oán giận chất chứa bấy lâu trong lòng ngài, cũng sẽ vơi xuôi ngay. Nhưng ông đã không ngoảnh lại. Huệ tôn khấn lễ khá lâu. Khi tới trước bàn thờ vua cha và mẫu hậu, Huệ tôn nấc lên. Ông nói giọng đầm đìa nước mắt: “Trăm lạy mẫu hậu, ngàn lạy mẫu hậu hãy tha thứ cho con. Con đã không nghe mẫu hậu, để con yêu nghiệt nó dẫn cả dòng họ nhà nó vào áp chế triều đình. Cơ đồ nhà Lý hầu tan nát, tội lớn tại con. Con xin vua cha, mẫu hậu cùng tiên tổ hãy cáo cấp trước hoàng thiên hậu thổ, về tội soán đoạt của anh em chú cháu nhà nó. Hãy vì trăm họ mà tru diệt hết cả cánh họ Trần nhà chúng nó, thì dù thân con có vui nơi chín suối cũng được hả hê lòng dạ...”.

Chiêu Hoàng, Thuận Thiên ngơ ngác không hiểu vua cha nguyên rủa ai. Nhưng lọt tai thái hậu từng lời; từng lời như những mũi tên thuốc độc bắn vào trái tim tan nát của bà. Người bà như hụt hẫng. Trước mắt bà như có trăm ngàn ngọn bạch lạp lung linh, bay nhảy hỗn loạn. Mắt hoa lên, bà lịm đi rồi khụy xuống. Trước khi ngã, bà còn kêu được mấy lời: “Bệ hạ! Bệ hạ, oan cho thiếp!”

Biết có thái hậu ở phía sau, nghe rõ cả lời kêu than của bà, Huệ tôn vẫn không thềm ngoảnh lại. Trong khi đó, Thuận Thiên, Chiêu Thánh vẫn chăm chú theo dõi vua cha, không hề biết ở phía sau, mẫu hậu vừa lịm ngất, Huệ tôn ghé tai nói nhỏ với Chiêu Hoàng: “Nếu Trời - Phật độ trì, lớn lên con khôi phục được kỷ cương sáng rõ. Con nhớ trừ hết phe đảng họ Trần”. Xong, ông trút bỏ lớp áo ngự, để lộ ra tấm áo hoà thượng và nếp mũ nhà sư. Huệ tôn giơ một bàn tay lên đặt trước ngực, tay kia ông xoa đầu vĩnh biệt các con. Rồi ông đi thẳng về chùa Chân Giáo. Từ nay ông mang pháp hiệu: Huệ quang thuyên sư.

=====

1. Khoảng phía nam sông Thiên Đức, nay thuộc huyện Văn Giang, Hưng Yên.
2. Điện chí kính: Nơi thờ phụng tổ tiên của nhà vua từ năm đời trở lại.
3. Nhà thái miếu: Nơi thờ phụng từ khởi tổ họ nhà vua trở đi.
4. Tam giáo gồm: Nho giáo, Lão giáo, Phật giáo.
5. Nghe lời tâu của Thái phó Đàm Dĩ Mông, năm Mậu ngọ (1198), Cao tôn xuống chiếu thái bót nhà sư, bắt phải hoàn tục, hạn chế việc cấp độ tiệp cho những kẻ muốn xuất gia.
6. Hiến phủ: lễ thăng trận, đem tù binh về dâng trước nhà thái miếu.
7. Lễ tế trời đất thường vào dịp đầu năm.
8. Đăng quang: Ngày lễ vua mới lên nối ngôi.
9. Dâm Đàm: tên cũ của Hồ Tây.

Việc Chiêu Hoàng, Trần Cảnh quyền luyến nhau không qua mắt được Trần Thủ Độ và bà thái hậu Trần Thị Dung, mà còn không qua được mắt đám nội nhân. Vì thế tiếng tăm bay đi khắp kinh thành. Chuyện đến tai một số vị đại thần. Nhiều bậc lão thần đã xì xào bàn tán. Ngay chuyện ấy cũng đã đến tai Trần Thủ Độ.

Trần Thủ Độ mừng vì cháu ông được vua nhỏ mến yêu. Nhưng lo, nếu có người đàn hặc giữa chốn triều chính, không phải không có tội. Mà tội khi quân, tội quân thần điên đảo vẫn được xếp hàng đầu trong tội ngũ nghịch. Quan tri thành nội ngoại chư quân sự bèn thỉnh quan anh là thái úy phụ quốc, và bà chị là thái hậu tới cung Thủy Tinh để hội kiến.

Hai anh em ruột cũng là hai bên cha mẹ của đôi trẻ đều vui mừng vì anh em chúng quý mến nhau. Tính con trẻ, ưa có bầu có bạn, đó là lẽ thường. Nhưng đây lại là nghĩa vua tôi mới khó xử.

Theo Trần Thủ Độ “Việc này cực kỳ hệ trọng. Trong lúc thế sự phiền hà, kỳ cương chao đảo, người cầm quyền phải giữ nghiêm phép nước. Coi chừng có kẻ cáo giác thì chết cả họ chứ không phải chuyện chơi”.

Bà thái hậu còn chưa hết xúc động sau buổi lễ tế cáo trong điện chí kính, nay lại đến việc này. Ruột bà rối như một búi tơ giũ rối. Bà ân hận vì gần trọn một năm, bà bỏ mặc Huệ tôn cho Trần Thủ Độ chăm sóc. Tin ở quan điện tiền nói về sức khỏe, tật bệnh và thuốc thang chạy chữa cho nhà vua, nên bà chỉ chú trọng công việc trong hoàng gia. Ai ngờ, thời gian đã dày xéo lên đức vua, với bao nỗi xót đau còn hằn ghi nơi khuôn mặt ngài. Bà biết đức vua căm giận bà ghê gớm. Vốn là một người nông nổi yếu đuối, mà đức vua đã găm sâu sự hờn oán như vậy, chắc là người bị đoạ đầy cực nhọc lắm. Hẳn là trong thời gian ấy, nhà vua vẫn tỉnh táo, chứ không phải là chứng điên lại kịch phát như Trần Thủ Độ đã dối bà. Cứ nom cái mặt nhà vua với cách khu xử, đủ biết là hành động của người trí chứ không phải của kẻ khờ. Tiếc thay, ta đã quá tin Thủ Độ, bỏ mặc đức vua dằng dẳng gần một năm ròng. Nhớ những ngày còn long đong, mấy anh em Trần Tự Khánh, Trần Thủ Độ, Trần Thừa xông pha đánh dẹp, tranh giành với các thế lực khác, lắm phen điêu đứng, không nơi tá túc. Cũng không được nhà vua coi cánh họ Trần như một lực lượng cần vương. Thậm chí còn bị thái hậu coi như một lũ giặc cỏ. Ngay bà, đã được nhà vua đưa về ở trong nội điện, thái hậu vẫn nghi ngờ muốn giết. Nhiều phen thái hậu sai bỏ thuốc độc vào thức ăn. Nhà vua phải chia sẻ bữa ăn của mình. Đúng là cơm chan nước mắt. Ngày đêm bồn chồn lo lắng. Nếu không có nhà vua đứng ra che chắn, dùm bọc, thì tính mệnh cũng khó toàn, nói chi đến ngày nay. Cả mấy anh em họ Trần cũng thế, nếu không có ta sớm khuya bầy tỏ, sao nhà vua có thể tin dùng và trao quyền bính. Bữa trước, nhà vua nguyên rủa ta. Sự thật quả là như vậy. Nhưng ta vì vô tình làm các việc đó. Phần bởi vì thương tôn tộc. Phần nghe lời chỉ dẫn của các bậc cha anh. Chao ôi, ai ngờ các việc ta làm đó, lại là làm hại cơ nghiệp nhà Lý. Mà rồi chẳng biết họ Trần có nên cơm cháo gì không. Phận ta từ nay, chồng còn cũng coi như thân goá. Nhà vua đã xuất gia, với lòng căm giận ta và phe cánh nhà ta, chẳng bao giờ còn đoái tưởng nữa. Ta biết trông cậy vào ai. Cưỡng lại anh em nhà mình ư? Không được. Các con ta còn quá nhỏ. Ngôi quân trưởng giữ hờ, nếu không có người phụ chính cứng cỏi, mẹ con ta mất mạng như chơi. Ôi, nếu như ta cứ yên phận là một cô gái quê thì đâu đến nông nổi! Đời thật đắng cay, trớ trêu. Ta thiết gì ngôi cao lộc trọng mà tranh giành. Con ta bắt buộc ở ngôi, ngày đêm khóc lóc, nó cứ dùn đầy mãi cho con Thuận Thiên mà không được...

Sực nhớ đến lời khuyên cáo của Trần Thủ Độ, bà thái hậu liền hỏi:

- Ngụy cấp lắm sao? Chỉ có hai đứa trẻ là anh em họ chơi thân với nhau, cũng làm cho cả triều đình xôn xao sợ hãi. Cả ông nữa, ông thống soái. Bà thái hậu nhìn thẳng vào mắt Trần Thủ Độ với giọng giễu cợt gặng hỏi:

- Ông cũng lo lắng lắm sao? Rồi bà nhìn về phía Trần Thừa: - Còn anh cả, ý anh thế nào? Cùng lắm thì cho chúng nó lấy nhau. Nhẽ đời phải thế thì ta cứ thế mà làm. Tôi không thấy có gì đáng phải hãi sợ trong câu chuyện này.

Nói rồi bà thờ nhẹ, như vừa trút đi một gánh nặng. Bà mở vuông khăn, lấy ra một khẩu trầu.

Quan phụ quốc thái úy Trần Thừa với vẻ băn khoăn nhìn em gái, nói:

- Việc tày trời mà cô nói cứ như trò chơi con trẻ. Phép nước chứ đâu phải chuyện chơi. Ý chú Thủ Độ thế nào. Tôi chắc chú đã có kế sách rồi. Ít lâu nay tôi thấy trong công việc, chú sáng ra nhiều lắm. Chú sai khiến cất đặt mọi điều đều khuôn theo ý chú, cơ mưu như thần. Nghiệp họ Trần dấy lên tự đây chăng?

Trần Thủ Độ không phải không lo phòng bị. Mỗi lo lớn nhất trong lúc này là các đại thần chống lại ông. Tối kỵ là việc để cho họ, dù công khai hay ngầm ngấm liên kết được với Nguyễn Nộn, Đoàn Thượng. Nhưng khi chợt thấy thái độ coi thường của bà thái hậu với câu nói khùng: “Cùng lắm thì cho chúng nó lấy nhau”, tự nhiên trong đầu ông nảy ra một kế. Lại tiếp đến ý của ông anh: “Việc tày trời mà cô nói cứ như trò chơi con trẻ”. Trần Thủ Độ như vồ lấy cái ý nhất sợ ấy của ông anh. Thế là xong. Tương kế tựu kế. Ông nghĩ: “Xưa nay, mọi việc thế gian đều như trò chơi con trẻ. Cái khéo là ở sự bày đặt cuộc chơi”. Kế sách coi như đã quyết ở trong đầu. Nhưng ông vẫn còn băn khoăn, nếu như có Hoàng tiên sinh ở nhà để vấn kế thì yên tâm biết mấy. Phải gấp gấp ra tay. Không thể nán ná đợi chờ. Thời cơ mấy khi tạo được. Ý đã quyết, Trần Thủ Độ liền nói thẳng với ông anh, bà chị về mọi nhẽ tồn vong, rồi ông chốt câu chuyện lại: “Nếu anh cả và chị tin tôi. Tôi trong ba ngày nữa mọi việc sẽ xong. Kẻ nào chống lại, tôi diệt. Tôi cũng nói trước, việc này thành, tức là trời đem nghiệp lớn quốc gia trao vào tay họ Trần ta. Chẳng may việc bại, thì chết cả họ, đừng có oán tôi. Nhớ rằng các việc tôi làm đều không phải để cho tôi”.

Vào một đêm cuối tháng mười một năm Ất Dậu (1225), trời tối mịt mù, gió rét căm căm, Trần Thủ Độ đem hết gia thuộc vào trong cung cấm rồi sai đóng chặt cửa thành lại. Quân tứ sương(1) chẹn đứng bốn cửa đông - tây - nam - bắc hoàng thành. Quân thánh dực, quân hồ bốn ém dầy đặc trong tứ cấm thành. Trên các trục đường từ các lộ Hồng, Khoái, Bắc Giang, Quốc Oai, Trường Yên đổ về kinh đều tăng số quân kỵ, quân bộ đóng giữ, canh phòng, tuần tra cẩn mật, tưởng đến một cánh chim cũng khó lọt qua được. Lệnh truyền: “Nội bất xuất, ngoại bất nhập”(2).

Vào một đêm như thế, quan thái phó Phùng Tá Chu được triệu vào cung. Quan thất kinh vì nhận thấy giọng nói thì thào và bước đi êm nhẹ như những bóng ma của bọn lính trong đêm tối, ông linh cảm như có một tai họa gì khủng khiếp sắp giáng xuống đầu Thăng Long. Vừa hoang mang, vừa tò mò, quan thái phó đoán già đoán non các việc có thể xảy ra. Nhưng ông không hình dung được một việc gì rõ ràng, mà nó chỉ mông lung mờ ảo như đám sương mù tháng chạp. Gần đây, việc quan thừa chỉ đang trấn trị châu Nghệ An được triều hồi về kinh, rồi lại hấp tấp đi nhiệm sở tại Trường Yên, khiến một số sủng thần cũng phải ngơ ngác, còn các quan khác hết đổi hoang mang.

Vào tới nội điện, ông được diện kiến trước hết là quan tri thành nội ngoại chư quân sự Trần Thủ Độ. Bạch lạp sáng choang, soi rõ khuôn mặt quan ngài đằng đằng sát khí. Nhưng rất lạ, ông niềm nở mời quan thái phó vào cửa, cứ như là sắp có yến tiệc gì đây. Tiếp đó, lại thấy lấp ló có quan thái úy phụ quốc Trần Thừa, và cả bà thái hậu Trần Thị Dung cũng có mặt. Đọc những nét hiện trên khuôn mặt của ba người này, ông đủ biết triều chính đang có chuyện gì lớn lắm, nghiêm trọng lắm. Đến nỗi ông không dám cất lời hỏi, mà chỉ rút nhẹ tờ hỏa lệnh gài trong khuôn mũ, kính cẩn đưa trả cho Trần Thừa, và khép nép nhìn bà thái hậu như muốn nói: “Thần xin phụng mạng”.

Phùng Tá Chu chưa kịp ngồi thì Trần Thủ Độ từ cửa tò vò đi vào, tay vẫn đặt hờ trên đốc kiếm nói: “Việc đã gấp lắm rồi. Anh cả và chị nói luôn đề cho ông Chu thảo chiếu ngay!”. Nói xong, ông đi liền. Chỉ nghe tiếng vọng chân ông ở mãi phía ngoài thềm.

Qua giờ Tý thì quan thái phó đã thảo xong chiếu, đọc thử cho bà thái hậu và anh em Trần Thủ Độ nghe. Trần Thừa gật gù hỏi: “Chú Đồi thấy thế nào?”.

Trần Thủ Độ bảo: “Được” rồi quay ra. Đêm ấy Phùng Tá Chu phải ngủ lại trong cung.

Tin tức các nơi báo về đều không có động tĩnh gì. Sáng hôm sau đến giờ thiết triều, các quan văn võ tới chầu, nhưng cửa điện vẫn đóng im ỉm không được vào, Trần Thủ Độ uy nghi trong bộ võ phục đứng trên lầu Vọng Nguyệt nói xuống: “Nhà vua đã có chồng rồi”. Các quan đều nói: “Được! Xin cho vào lạy mừng”.

Nữ chúa Chiêu Hoàng trang điểm lộng lẫy ngồi lọt thỏm trong ngai vàng. Xế phía bên tả ngai vàng, Trần Cảnh đứng cạnh quan thái úy phụ quốc Trần Thừa. Bà thái hậu ngồi trước ngai. Các quan từ nhất phẩm trở xuống đều quì lạy. Nữ chúa ban tờ chiếu cho quan hàn lâm thị độc. Ông vái nhà vua ba vái rồi quì đọc.

Giọng quan thị độc sang sảng. Ông đọc thông thả từng lời, từng lời như thấu tận tim óc mọi người. Đọc xong, triều nội vẫn im phăng phắc. Các quan, ai nấy đều cảm thấy đây là việc làm không bình thường của hoàng gia, nhưng không có gì trái đạo. Bà thái hậu đứng lên nói vài lời:

- Xưa nay, việc hôn nhân là đạo thường trong thiên hạ. Nhà vua tuy tuổi còn nhỏ, nhưng đã sớm phải gánh vác việc lớn quốc gia. Thượng hoàng bệnh trọng, đã xuất gia. Ta lại là đàn bà không biết thế nào mà lo liệu. Nay bệ hạ ưng thuận quan chánh thủ Trần Cảnh để có bầu có bạn sớm hôm học hành, mai đây còn lo việc lớn cho trăm họ. Mong các quan gắng sức khuông phò...”

Thái hậu vừa dứt lời, các quan đồng thanh chúc cuộc trăm năm của vua nhỏ:

“Thiên tuế! Thiên tuế!”

Vậy là cuộc hôn nhân được sắp đặt do cơ mưu và cũng do sức ép của Trần Thủ Độ đã êm xuôi. Những ngày sau đó, Trần Thủ Độ cho người đi tung tin khắp các châu, quận, trấn, lộ rằng Chiêu Hoàng nữ chúa đã lấy chồng, xem các đầu mục, nhất là hai viên tướng phản loạn đang trấn giữ hai vùng phía đông, phía bắc kinh thành có phản bác gì không. Tình không có gì xảy ra. Cũng không có chuyện vì nữ chúa lấy chồng mà các tướng phản loạn dấy binh. Phải chăng việc lấy vợ lấy chồng là đạo thường trong thiên hạ như lời bà thái hậu. Nếu vậy, quả là ông đã đi một nước cờ liêu, nhưng lại thắng to. Điều ông sợ nhất vẫn là các quan đại thần ra mặt chống đối, hoặc ngầm ngầm kết liên với các thế lực của Đoàn Thượng, Nguyễn Nộn. Nếu hai người ấy hòa hợp với nhau, lại thêm có chiếu cần vương của Huệ tôn, thì dù ông có dõm lược như Lý Thường Kiệt, Lý Đạo Thành cũng phải tự trói tay mà chịu chết. May thay, họ lại án binh bất động.

Lại nói về thầy trò Hoàng tiên sinh bữa nọ đang hái thuốc trong rừng sâu, chợt có người khách thương đem muối từ đồng bằng lên đổi lấy trầm hương, tùng hương, họ nói lại sự việc mới xảy ra ở kinh kỳ. Nghe xong, tiên sinh mỉm cười sung sướng, thầm khen: “Thủ Độ quả là một tay anh hùng, một tay gian hùng. Giỏi! Y cực giỏi. Để nghiệp chắc chắn về tay họ Trần”.

Mười ngày sau vụ nhân duyên của Chiêu Hoàng - Trần Cảnh. Hoàng tiên sinh về tới kinh.

Vừa trông thấy Trần Thủ Độ, Hoàng tiên sinh đã kính cẩn vái chào. Hành vi đó khiến Thủ Độ phát hoảng lên. Vì từ khi mới được Hoàng tiên sinh hạ sơn, Trần Thủ Độ vẫn thờ ông như một bậc sư phụ. Còn ông, tuy giữ lễ với người quyền lực nhất triều, nhưng vẫn bảo tồn được cái phần kiêu hãnh của một bậc quốc sĩ, theo đúng đạo trung dung. Không kính quá, cũng không thường quá. Song bữa nay, có gì như trái với lệ thường, khiến Trần Thủ Độ phải cúi rạp mình xuống vái ba vái để đáp lễ tiên sinh. Thủ Độ tuy đã là một tay có tài tế thế, song vẫn không hiểu được thâm ý của họ Hoàng. Điều đó có nghĩa rằng, Hoàng tiên sinh muốn khen người học trò của ông thuộc loại: “hậu sinh khả ư”. Tiên sinh thầm nghĩ: “Trong lúc thế cuộc rối ren, ta gọi cho ông ấy phải sắp lại cuộc cờ. Phải loại bỏ vai trò của đức vua điên. Chỉ nên lợi dụng cái danh của ông ta để điều hành việc triều chính, và sai khiến thiên hạ. Chính tiên sinh đã gọi cho Trần Thủ Độ một vài việc cần làm. Ví như việc sách lập Chiêu Thánh làm hoàng thái tử, rồi đưa “Hoàng thái tử” lên kế nghiệp. Tiếp đó ông ta lại nghĩ ra chuyện đưa luôn thằng bé tám tuổi, cháu ông ta vào châu hầu vua nhỏ, với chức chánh thủ. Vậy thời thằng bé ấy, kết duyên với con bé kia, là chuyện đương nhiên. Vì cha chú chúng đã có chủ ý”.

Sực nhớ đang trò chuyện với Trần Thủ Độ, Hoàng tiên sinh nói như người vừa mới chợt nghĩ ra:

- Thế tất còn một việc trọng yếu sau cuộc hôn nhân này, tới lúc nào mới được thực thi? Thưa quan ông.

Trần Thủ Độ giật nảy mình như người đâm phải gai. Ông tự hỏi: “Ông già này như biết hết ruột gan ta. Thật không có việc gì có thể qua được mắt tiên sinh”. Thay vì trả lời, Trần Thủ Độ mỉm cười và hỏi lại:

- Xin tiên sinh dạy cho, nên làm vào lúc nào là tốt nhất?

Hoàng tiên sinh lại nghĩ: “Con người này tuy ít học, nhưng sáng ý lạ thường. Chỉ gọi cho ông ta một bước, là ông ta bước tiếp cả một

chặng dài. Thuần những bước đi chắc nịch. Ông ta thuộc loại người đa mưu túc trí, nếu được dẫn dắt vào con đường lương thiện, hẳn nhiên sẽ trở thành con người đức độ, làm rạng rỡ cho quốc gia. Ông ta thuộc loại người có thể chia sẻ quyền lợi chứ không chia nhường quyền lực. Gặp lúc hiểm nghèo có thể nhún chứ không lùi. Trong lúc thế nước ngàn cân treo sợi tóc, họa nổi da xáo thịt đang hăm dọa muôn dân; phải có những người đại hùng, đại trí như thế này mới mong gỡ được thế cuộc. Ở ông ta cái thiếu không phải là trí hoặc dũng, mà là nhân. Nếu ông ta tu chính để thành người nhân nghĩa nữa, chắc chắn ông ta sẽ trở nên một bậc thánh”. Giây lâu, tiên sinh mới lại hỏi:

- Việc này quan ông làm càng sớm càng tốt. Bởi có chính danh vị mới định được danh phận.

Hoàng tiên sinh thấy trong lòng êm nhẹ, bởi thế nước có cơ an thịnh. Tiên sinh cũng tin nơi Trần Thủ Độ, có thể lèo lái được con thuyền quốc gia, tới bến bờ đắc thắng. Và lại, trong triều cũng còn nhiều bậc lỗi lạc, có thể giúp rập thêm vào. Tiên sinh đang có ý muốn trở lại chốn sơn lâm, hoặc chu du thiên hạ làm thuốc, cứu nhân độ thế. Cũng muốn nhân dịp này bày tỏ với Trần Thủ Độ đôi điều, ngõ hầu mới có thể khai triển trong việc an dân hưng quốc. Trần Thủ Độ khiêm nhã chấp hai tay nói:

- Xin lĩnh ý tiên sinh. Rồi ông tiếp: - Bẩm tiên sinh, từ ngày được tiên sinh chỉ giáo, tôi cũng làm được đôi điều khả dĩ thành tựu. Song le, việc học hành chữ nghĩa kém cỏi, thành thử làm việc trước chưa lường được việc sau. Nhiều điều còn mù mờ rối rắm, như người lạc vào rừng giữa đêm tối. Chỉ mong có dịp gần, sớm chiều được tiên sinh chỉ bảo, họa may mới có thể tránh được sự bại vong.

Có nhẽ Trần Thủ Độ đã gọi trúng điều Hoàng tiên sinh đang suy ngẫm, ông hồ hởi đáp:

- Quan ông đối với ta ưu hậu quá, khiêm nhường quá. Chẳng hay cuộc tiếp kiến dạo trước, những lời nói thẳng của ta có làm quan ông phật ý? Ta cứ áy náy mãi, là bởi: “Nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy”(3).

- Bẩm tiên sinh, nhờ có tiên sinh sáng suốt vạch ra những điều bất thiện ẩn náu trong con người tôi, tôi lấy đó làm bài học răn mình, lúc nào cũng sợ hãi như người cầm roi mực giọng cương ngựa thiên lý.

Hoàng tiên sinh cười ha hả, vuốt chòm râu bạc, về đặc ý, ông nói:

- Ta với quan ông, tình là bầu bạn, nghĩa là thầy trò. Quan ông đối với ta, tình là chỗ quan dân, nghĩa là sự trên dưới.

Trần Thủ Độ xua tay:

- Không dám! Không dám! Tiên sinh dạy quá lời.

Hoàng tiên sinh lại nói:

- Tựu trung, cả nghĩa lẫn tình giữa quan ông với ta có thể qui về mấy chữ sau đây:

TƯƠNG THỨC MÃN THIÊN HẠ

TRI ÂM NẮNG KỶ NHÂN(4).

Ta nói để quan ông rõ. Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ.

- Xin đa tạ tiên sinh!

Hoàng tiên sinh với giọng trầm ấm, rủ rủ nói với Trần Thủ Độ những điều tâm huyết mà bấy lâu ông hằng ấp ủ.

- Sớm muộn gì thì thiên hạ cũng về tay họ Trần. Sự nổi loạn của các sắc mục miền xuôi, của các người Man miền ngược, quan ông ra

tay bình định một sớm một chiều là qui phục hết. Điều đáng lo ngại của quan ông là hai thế lực to lớn của Nguyễn Nộn ở phía Bắc, Đoàn Thượng ở phía Đông. Đoàn Thượng như bữa trước ta đã nói. Y sẽ tự tan. Còn Nguyễn Nộn hết thời cơ rồi. Và lại ông ta không phải là địch thủ của quan ông. Cứ dùng chính lệnh của triều đình mà sai khiến. Hai người này không thể liên kết với nhau để thành một đại lực lượng, chống lại quan ông. Ví rằng cả hai người đó đều là những kẻ vị kỷ chứ không vị nhân. Nghiệp lớn không thể rơi vào tay họ được.

Hoàng tiên sinh ngừng lời, như vẫn còn muốn kiểm xét xem những điều gì thật cần thiết, thật có ích cho việc hưng quốc an dân, ông sẽ hết lòng bày tỏ với Trần Thủ Độ.

Giây lâu tiên sinh lại nói:

- Mai đây khi đã kiểm tính được thiên hạ, tiên sinh nói tiếp - Có mấy việc lớn quan ông phải lưu ý làm ngay.

Việc đầu tiên là phải lo chấn chỉnh lại bộ máy hành chính quốc gia. Trước hết, phải dùng được người tốt, người tài giỏi. Dùng được người tốt, người tài giỏi thì trị an, dùng phải kẻ xấu thì nguy loạn. Một nước trị hay loạn là do ở vua và quan giỏi hay dở. Vì thế, việc dùng người là khâu then chốt nhất của một triều đại. Việc hình luật mà quan ông đang sửa sang, phải gấp gáp. Một nước văn hiến không thể không có luật pháp. Luật pháp có rồi lại phải nghiêm. Ngay đến đức vua cũng không được đứng trên luật pháp.

Quan ông cũng nên xét lại các chính lệnh của nhà Lý để mà di phong dịch tục. Điều gì hay phải giữ. Đại Việt từ khi lập quốc, chỉ đến nhà Lý mới được xem là một triều đại có văn hiến. Về chiến công thì oanh liệt, về chính trị thì nhân từ.

Các chính sách như ngu binh ư nông và tổ chức quân đội, là một chính sách lỗi lạc. Giữ binh lính ở việc làm ruộng việc, là phục việc nguy hiểm vào nơi thuận tiện. Nhất là việc tổ chức quân đội, đến nhà Tống còn phải học(5).

Việc an dân và việc binh bị, quan ông đã có nhiều chủ kiến hay, ta không bàn tới nữa. Ngừng một lát tiên sinh lại tiếp:

Mấy chục năm gần đây, nhiều người bài xích đạo Phật, bắt sự hoàn tục. Không nên quên rằng nhà Lý gốc ở Phật, mà dựng được một quốc gia hùng cường, thuần ái. Không những thế, nhà Lý còn kiêm dùng được cả ba đạo: Nho - Lão - Thích. Ngay nhân tài cũng từ cửa đó mà ra. Các khoa thi tam giáo đã lựa được biết bao tài năng cho đất nước. Ngày nay có nhiều người cho rằng, Phật giáo nặng về mê tín dị đoan. Đầu phải thế. Dị đoan là bọn đồng cốt. Còn Phật, chủ về cả thế tục lẫn tâm linh. Căn cốt của Phật là giác ngộ và giải thoát. Nên nhớ rằng nếu khờ dại mà tước đi của con người phần tâm linh, thì họ sẽ bơ vơ không nơi an trú thân tâm, sẽ cô đơn hoang dã như loài thú. Nói cho đúng thì Phật liên kết chúng sinh lại, cũng như nổi đau trần thế liên kết mọi con người. Hoặc giả không có Phật Thích-ca mâu-ni, thì con người cũng tạo ra Phật để mà tin thờ, để mà gởi gắm cho vui vơi nỗi đơn cô. Phần tâm linh đã vậy, còn phần dân trí thì sao? Phải lo mở mang việc học để khai phóng dân trí. Dân trí mở mang rồi, thì lo đến việc trị quốc, chứ đừng khư khư mãi chính sách trị quốc. Giữ nước là công việc của trăm họ, của muôn dân, còn trị nước chỉ là công việc của một dúm người trong bộ máy quan liêu. Chính sách gì của triều đình, quan ông cũng phải chú trọng trước hết đến việc dùng kẻ sĩ, trọng người hiền. Với loại người này chỉ có dùng đức để thuyết phục, dùng lễ để sai khiến, chứ dùng quyền uy, phú quý họ coi khinh không bằng cọng cỏ. Chung qui, kẻ sĩ thì dễ thờ mà khó làm cho họ đẹp lòng. Còn bọn tham bản thì khó thờ mà dễ làm cho chúng đẹp lòng. Một nước muốn cất mình lên, chỉ có thể trông cậy ở lớp người hiền tài.

Hoàng tiên sinh nói như giải bày hết cả gan ruột mình, như muốn truyền thụ tất cả những gì ông thu nhận được qua chữ nghĩa thánh hiền, cũng như những gì ông đã suy nghiệm gần gần cuộc đời, hoặc nếm trải qua cuộc sống đắng cay của đám cùng đinh dân dã, vẫn

chưa có cơ may thi thố.

Trần Thủ Độ rất đỗi cảm kích tấm lòng ưu nghĩa của tiên sinh. Mỗi lời nói của tiên sinh đều giản dị dễ hiểu, dễ nghe nhưng lại ẩn chứa những đạo lý sâu sắc mà tiên sinh iu áp suốt đời. Phương chi những điều ấy lại được thi thố đầy đủ thì dân nào chẳng giàu, nước nào chẳng mạnh.

Thấy Hoàng tiên sinh ngưng lời, và sắc diện tiên sinh hơi mỗi mệ, Trần Thủ Độ lựa hỏi:

- Bẩm tiên sinh, tiên sinh đi khắp trong dân chúng cũng như trong đám quan quân, chẳng hay có dư luận gì về kẻ ngu đại này đang nắm trọng trách quốc gia, xin tiên sinh cho biết đề họa may còn đối lỗi?
- Hễ đã có làm bất cứ một điều gì là đều có dư luận. Huống chi quan ông là bậc tể thần, mỗi việc làm của quan ông là đụng đến cả rường mối quốc gia. Sao lại không có dư luận?

Mọi người đều ưa quan ông cả ư?

Mọi người đều ghét quan ông cả ư?

Sự ưa ghét ấy đều không thật. Vì ở đời có người thiện, kẻ ác. Nếu người thiện ưa mà kẻ ác không ghét, là không thật. Hoặc kẻ ác ghét mà người thiện không ưa cũng không thật. Cho nên làm việc gì mà người thiện ưa, kẻ ác ghét, ấy là thật. Biện biệt như thế mới thấy rõ người hay kẻ dở ở đời.

Trần Thủ Độ vẫn còn một điều áy náy, với vẻ khoái hoạt, ông hỏi:

- Thừa tiên sinh, vừa rồi tiên sinh có dạy phải sửa sang hình luật. Chẳng hay làm thế nào để hình luật ban ra cho hợp lý, từ người tri đến kẻ ngu đều chấp nhận được.

Suy nghĩ giây lâu, Hoàng tiên sinh đáp:

- Hãy xem xã hội như một ngôi nhà chung, mỗi người đều phải có trách phận giữ gìn. Qui ước chung để giữ gìn “ngôi nhà xã hội” đó, là luật pháp. Pháp luật hay luật lệ gì cũng đều do con người làm ra. Cho nên nó phải phù hợp trước hết với cuộc sống của con người và không trái với lương tâm. Ấy là hợp đạo lý. Việc tối kỵ là chỉ san định những điều có lợi riêng cho các người cầm quyền, mà thiệt hại cho dân chúng, thì đấy sẽ là đầu mối của sự loạn.

Thoáng gọn một nét buồn, Hoàng tiên sinh cáo từ.

Trần Thủ Độ xúc động tới mức chưa kịp nói lời cảm tạ, Hoàng tiên sinh đã khuất sau dãy xuyên đường.

==

- 1.Quân tứ sương: quân canh gác bốn cửa thành.
2. Đây là lệnh giới nghiêm, cấm người ở trong thành không được đi ra, ở ngoài thành không được vào, ai ở yên vị trí đó.
3. Nghĩa là: Một lời đã nói ra, bốn ngựa đuổi khó kịp. Nghĩa bóng: Phát ngôn phải thận trọng. Lời nói ra khó thu về.
4. Có nghĩa: Bạn bè biết nhau đầy rẫy trong thiên hạ. Nhưng thực ra tri âm được mấy người
5. Tổng sử nói về “ An Nam hành binh quân pháp” (“Phép dùng binh của người An Nam”) có đoạn viết: “Thái Diên Khánh là tri châu ở đất Hoạt thường học được phép tổ chức quân đội của An Nam, xin bắt chước qui chế chia ra từng bộ phận. Dâng lên vua Thần tông

(1068 - 1084) được vua khen”.

Trong “Văn đài loại ngữ”, Lê Quý Đôn có thuật lại về “Thái Diên Khánh truyện” rằng: “Diên Khánh thường theo phép hành binh của An Nam. Bộ đội chia làm các hạng: Chính binh và Phiên binh... Diên Khánh ghi chép tất cả rồi dâng thư lên vua Thần tông bên Tàu, được vua khen”.

Theo tác giả Pierre Pasquier trong “Annam d’autrefois” đã viết: “L’Annam a connu le soldat laboureur avant la Rome antique” - “Nước Nam biết dùng binh làm ruộng trước cả nước La Mã cổ xưa”.

Sau những lời tâm phúc cao diệu mà thiết thực của Hoàng tiên sinh, đêm ấy Trần Thủ Độ trằn trọc mãi không ngủ được. Ông có cảm giác như tiên sinh đã đem hết ruột gan ra để truyền dạy cho. Và ông cũng mơ hồ cảm nhận như là tiên sinh sắp rời bỏ ông. Để khoả lấp sự trống trải cô đơn mà ông cứ triền miên vẽ ra trong đầu óc; Trần Thủ Độ vùng dậy đốt hương đứng giữa trời khấn vái:

“Tôi vốn xuất thân con nhà chài lưới, làm ruộng. Chẳng may gặp lúc nước nhà loạn lạc, đã giốc hết sản nghiệp ra tiêu dùng vào việc cứu khốn phò nguy. Những mong dân cư an lạc, đất nước thanh bình. Nếu vận số nhà Lý đã hết. Lòng Trời muốn trao nghiệp lớn thiên hạ vào tay họ Trần, xin hoàng thiên hậu thổ linh phù cho sự nghiệp mau thành; để bốn phương dứt nạn đao binh. Tôi không có tham vọng chiếm đoạt ngôi cao, chỉ xin khuông phò vua nhỏ, cốt hưng vận nước, để phúc cho đời. Xin Trời phù hộ...”

Sớm ra, ông sai lão bộc gây đốt lò trầm, đun nước pha trà để đích thân ông sang mời Hoàng tiên sinh. Trần Thủ Độ chụp lên đầu chiếc mũ tiến hiền, khoác áo thụng tía, chân dận giấy thêu chim loan phượng, đèn chực sẵn trước nhà bái đường. Ông cứ tha thẩn đi lại nơi hàng hiên, xem tiên sinh đã thức dậy chưa, ông muốn mời tiên sinh trước khi tiểu đồng kịp pha nước. Đã nom rõ mặt người, Trần Thủ Độ kiêng nhìn qua hàng con tiện phía trên cửa bức bàn, không thấy động tĩnh gì. Lại đề ý không thấy đôi câu đối vẫn treo ở hàng cột gian giữa. Lòng hồi hộp, quan ông đẩy nhẹ khuôn cửa bức bàn. Cả hai cánh hé mở. Thì ra cửa chỉ khép hờ. Trần Thủ Độ lên tiếng gọi:

- Bẩm tiên sinh! Ông nhắc lại, giọng nhấn to hơn, nhưng âm sắc đã có phần hơi lạc:

- Bẩm tiên sinh!

Vẫn không có dấu hiệu gì, Trần Thủ Độ bước vào nhà trong. Cảnh tượng như một mũi dao đâm thấu tim ông: màn trướng, chăn gối xếp đặt gọn gàng. Cây sáo trúc, chiếc đàn tranh vẫn treo trên vách. Sách trên giá đầu vào đầy. Tất cả các đồ văn phòng tứ bảo lau chùi sạch sẽ, bày đặt thứ tự, y hệt ngày đầu Hoàng tiên sinh mới đến. Giữa án đặt một phong thư. Trần Thủ Độ run run mở ra đọc. Đọc xong ông thờ dài áo nảo:

- Thế là hết! Tiên sinh không trở lại nữa. Cũng không cho ta kiếm tìm. Mong muốn độc nhất của tiên sinh là...Thấy đám lê dân tận nơi thôn cùng xóm vắng được sống đủ đầy, hiểu thiện...Ồi, cái ơn tri ngộ này ta quyết phải đền đáp, để thỏa lòng mong ước của tiên sinh.

Trần Thủ Độ cho gọi đám lính canh. Họ nói thầy trò tiên sinh đi từ lúc nửa đêm. Thủ Độ im lặng không nói gì nữa. Vì rằng ông đã có lệnh cho đám lính, cứ để tiên sinh tự ý đi về bất kỳ lúc nào, không được hỏi han quấy quả. Vậy là tiên sinh đã đi mà không để lại dấu vết. Trần Thủ Độ đi quanh quần trong nhà và nhớ lại tất cả những kỷ niệm về tiên sinh. Chợt thấy đôi liễn vẫn còn treo ở chỗ cũ. Hai vế, mười chữ(1) tiên sinh viết chân phương như một lời răn dạy mà người để lại. Chắc có hàm ý khuyên bảo. Ngay việc viết câu đối liễn, thường người ta viết lối thảo thư(2) thật là bay bướm. Có người viết theo lối cuồng thảo, kẻ ít học không sao đoàun được.

Tiên sinh như một cánh hạc trời, biết đâu mà tìm kiếm nữa. Vả lại những điều gì cần thiết, tiên sinh đã nói hết cùng ta. Chỉ tiếc là người hiền tài thế mà không chịu ra giúp đời. Nửa năm trời đi lại khấn cầu, tiên sinh mới chịu xuống núi. Tiên sinh ở đúng nửa năm nữa rồi lại bỏ ra đi. Tiên sinh có phong độ của các bậc tiên thánh, ta ô trọc thế này sao có thể níu được chân người. Trần Thủ Độ hết tiếc nuối lại tự dằn vò. Mãi lâu sau ông mới tỉnh tâm lại được. Ông sai đám gia nhân thường ngày phải quét dọn nhà cửa và giữ nguyên mọi thứ, như tiên

sinh vẫn còn lưu trú tại đây. Ngay cả khu vườn thuốc, cũng phải chăm nom tưới tắm cho chu tất.

Mãi ba ngày sau khi Hoàng tiên sinh đi rồi, Trần Thủ Độ mới lần hồi nhớ lại được các công việc tiếp nối cần làm.

Nhớ lời khuyên bóng gió của tiên sinh như còn văng bên tai: “ Thế tất còn một việc trọng yếu nhất sau cuộc hôn nhân này, bao giờ mới được thực thi?”. Hỏi vậy, nhưng rồi tiên sinh lại chỉ ra: “Việc này làm càng sớm càng tốt. Bởi vì có chính danh vị mới định được danh phận”.

Trần Thủ Độ hiểu ngay nghĩa bóng Hoàng tiên sinh muốn nói, là quyền lực phải thu về một mối. Thu về một mối ở đây cũng có nghĩa là phải triệt bỏ nhà Lý. Nhưng triệt bỏ bằng cách nào để cho trong ngoài đều êm thuận? Đó là việc làm cực khó. Trần Thủ Độ đã tính đếm lại các việc lớn đã làm trong thế cờ chuyển tiếp. Tháng mười năm ngoái - năm Giáp thân (1224) sách phong Chiêu Thánh làm Hoàng thái tử, Huệ tôn truyền ngôi. Rồi đúng một năm sau, tức là mới ngày hăm mốt tháng trước, Chiêu Hoàng - Trần Cảnh kết đôi. Cả hai việc đó đều lo đến sồn máu. Nhưng rồi thiên hạ cũng cho qua. Chắc các việc ta làm đều hợp lòng dân, thuận ý trời. Song thuận hay nghịch mà tránh được cho nước cái họa nổi da xáo thịt, thì thật là phúc lớn cho trăm họ. Ta thề sả thân. Cho dù các việc ta làm có bị bọn người thiên cận can phá, bọn nho sĩ cổ hủ chửi rủa, bọn ngu trung chống đối, ta sẽ quét sạch mọi trở ngại để tiến lên vì nghĩa lớn. Dự liệu sẵn một kế sách ở trong đầu, Trần Thủ Độ liền bàn kín với với anh lớn là Trần Thừa và bà thái hậu Trần Thị Dung. Phải nói, không việc gì Trần Thủ Độ không bàn tính với Trần Thị. Vì từ khi phế truất thượng hoàng nhà Lý, cho ra ở chùa Chân Giáo, thì việc đi lại giữa Trần Thủ Độ với thái hậu là việc ngang nhiên. Trần Thị là một người có nhan sắc, tính tình kín đáo, chín chu. Bà không thuộc loại người dám dăng ra sự bướm ong. Gặp lúc thế nước nghiêng ngả, Huệ tôn lại bệnh hoạn điên khùng từ năm hăm ba tuổi. Vậy là ròng rã tám năm trời, bà phải sống với một phu quân điên loạn. Có chồng cũng như không. Trong khi đó Trần Thủ Độ hay gần gũi bàn việc cơ mật của hoàng gia. Tình là chị em, nghĩa là vua tôi. Trần Thủ Độ là một người khí chất cường tráng, việc làm dứt khoát, cao thượng hơn đời, tỏ ra là một đáng trọng phu, khiến cho Trần Thị không thể không yêu trọng. Lại điều sớm hôm gần gũi, đầu mày cuối mắt. Và lại lửa gần rơm lâu ngày rồi phải bén, cũng là chuyện thường tình chứ đâu phải điều hy hữu.

Nhân cuộc ái ân thâm lén vào một đêm khuya khoắt trước khi xảy ra chuyện nhường ngôi, Trần Thủ Độ khéo lựa lời nói với bà thái hậu Trần Thị Dung:

- Có một việc trọng yếu, ta muốn bàn kỹ với bà đêm nay, chẳng biết ý bà thế nào?

Bà Dung mỉm cười, hỏi lại:

- Còn việc trọng yếu hơn là việc ông dám đột nhập vào cấm cung?

- Ta nói nghiêm túc, sao bà lại có ý giễu ta?

- Ô hay, ông tưởng điều ta nói là cợt đùa sao? Nếu quân thị vệ bắt được ông đang ở trong cung này, liệu ông có tránh khỏi họa chu di không?

Về khỏi hài Trần Thủ Độ trêu lại:

- Vậy tội của ta là ở chỗ đã để cho quân cấm vệ bắt được, còn ta đi lại với bà đâu có phạm vào các điều cấm kỵ. Nhưng thôi, bà cứ yên lòng, chính chúng nó đang canh cho ta vào đây bàn việc cơ mật với bà đấy.

- Bấy lâu nay tôi vẫn coi ông là một bậc chính nhân quân tử, không ngờ ông lại tối tăm thế. Dem việc quốc sự vào chốn buồng the,

ông định hù dọa tôi điều gì chẳng?

Bà thái hậu nói cứng vậy thôi, nhưng lòng đã thấy run run. Bà biết người tình của mình lắm. Ông ta là người mà bà không thể nào hiểu nổi. Cười nói đầy, đùa cợt đầy, nhưng vẫn kín bưng như một chiếc vỏ dứa nắp. Từ sau bữa được mục kích cảnh ông ta giam giữ Huệ tôn, rồi bức nhà vua phải xuất gia, thái hậu càng thấy ghê sợ con người âm mưu, quyền biến và ác độc này. Đôi phen lương tâm thức tỉnh, bà toan chặt đứt mọi mối dây ràng buộc giữa bà với Trần Thủ Độ, khôi phục kỷ cương cho nhà Lý, rồi mời lại Huệ tôn về chấp chính. Mới nghĩ vậy thôi, bà đã vội che mặt, nhắm mắt để không còn hình dung ra cái cảnh đầu rơi máu chảy. Bà dựa vào ai, và lấy cái gì để chống lại ông ta. Chao ôi, chỉ cần trái ý ông ta cũng đủ làm cho giông tố nổi lên rồi, nói chi đến chuyện chống tra.

- Vậy chớ bà có ung nói chuyện cơ mật ở đây không? Trần Thủ Độ nhắc lại và nhấn thêm: - Không ở đâu thuận tiện hơn chiếc bảo sàng của bà đây. Bà có nhớ, chính nơi đây bà đã sản sinh ra hai nàng công chúa. Và một trong hai đứa đang trị vì thiên hạ.

Vừa nghe đến chuyện “Trị vì thiên hạ”, thái hậu bật cười khanh khách. Tiếng cười nghe man dại như có hồn ma bóng quỷ hiện hình. Ánh đèn lấp ló phía sau rèm hắt lên khuôn mặt bà những đốm sáng loang lổ, nom bà như thực, như mơ. Chính tiếng cười của bà làm cho Trần Thủ Độ giật mình, lạnh gáy. Ông ngồi dậy nhìn thẳng vào khuôn mặt bà, hai tay đặt lên bờ vai bà lắc lắc, và khẽ gọi:

- Bà! Bà! Bà thái hậu!

Một thoáng mơ màng, thái hậu khẽ rung mình, rồi từ đôi khoé mắt bà lấp lánh nước. Đúng là bà mới trải qua một ảo giác khủng khiếp. Khi bà cất lên tiếng cười, chỉ với ngụ ý giễu lờn thái sư nói về đứa con gái út của bà, mới tám tuổi “đang trị vì thiên hạ”. Nhưng cũng chính lúc đó, bà không tự chủ được nữa, không thể hé miệng nói được câu gì nữa. Và bà thấy bóng Huệ tôn vừa ló ra, thì có một người to lớn giấu đầu sau tấm mặt nạ, hươu thanh trường kiếm lên hốt vào sau gáy nhà vua. Chiếc đầu bay lên trời, va dòng huyết từ cổ nhà vua phụt lên như một cây bông máu. Tới lúc Trần Thủ Độ lay gọi, bà mới định thần, và là người đi, buông tấm thân mềm nhũn vào lòng quan thái sư.

Giây lâu, Thủ Độ vuốt ve bà rồi lại thủ thỉ:

- Ta chắc hậu đang lo cho số phận con Chiêu Thánh với chiếc ngai vàng của nó.

Thái hậu không trả lời, bà đặt bàn tay mềm yếu của mình lên bộ ngực trần đỏ sộ như một tấm phên của thái sư. Đáp lại cử chỉ tin cậy của bà, Trần Thủ Độ đưa bàn tay thô nhám của ông thoa nhẹ lên má bà. Thái hậu có cảm giác như đức ông đang cảm chiếc chổi rể tre chải lên mặt bà. Và ông ta lại nói:

- Bà phải nhớ, tôi với bà nghĩa là chỗ trong nội tộc, tình là sự chung thân. Cho nên, nỗi lo của bà, là nỗi lo của chính tôi. Muốn nói gì thì nói, muốn lo gì thì lo, trước hết tôi phải tính đến sự hưng vong của đất nước, sự trường tồn của dòng họ Trần ta, và sự tồn tại của mẹ con bà và cả của tôi nữa. Vừa nãy, chắc bà cười giễu tôi về chuyện con Chiêu Thánh ở ngôi chứ gì?

Bà thái hậu khẽ gật đầu. Thủ Độ nói tiếp:

- Trong chuyện Chiêu Thánh lên ngôi, chẳng qua chỉ là bước mở màn của một tích trò. Không thể dễ như thế mãi được, trơ quá.

Thái hậu hốt hoảng ngồi nhồm dậy, nói chẳng ra lời:

- Vậy ông lại định phế truất con tôi. Lại giam nó vào lãnh cung như ông đã giam cha nó?

Trần Thủ Độ đỡ nhẹ tấm thân bà thái hậu, rồi chải bàn tay xù xì lên mái tóc bà. Ông nói, giọng đều đều xa xăm:

- Một khi nó đã là con bà, thì nó cũng như con tôi. Bà phải biết, dù như hùm sói, nó cũng không ăn thịt con nữa là người. Sở dĩ hôm nay tôi phải bàn bạc kỹ lưỡng với bà, cũng do chuyện con cháu nhà mình cả. Chắc bà không lạ gì, ngoài thì các thế lực đang kinh chống ta, đang lăm le thôn tính. Trong thì các đại thần chưa phục. Cái chuyện đang dở hiện nay, người ta chưa biết rồi quyền nhiếp thống thiên hạ sẽ thuộc về ai. Lý hay Trần? Dòng đích họ Lý tuyệt tự rồi. Mà với họ Trần, thiên hạ đang ngờ rằng tôi sẽ chiếm đoạt ngôi cao. Vì thế, tôi định bàn với bà, để con Chiêu Thánh nhường ngôi cho chồng nó.

- Nhường ngôi! Thái hậu nhắc lại, lạc cả giọng. Bà thầm nghĩ: “Lại dở thêm cái trò gì nữa đây. Hoá ra không phải họ phò Chiêu Thánh như ta tưởng. Mà họ đang tìm cách diệt con ta”. - Vậy là ông toan tính chuyện cướp ngôi một lần nữa?

- Không. Không phải chuyện oán đoạt gì mà bà phải hốt hoảng lên thế. Tôi chỉ muốn chúng nó nhường ngôi cho nhau.

Thái hậu nài nỉ:

- Cứ cho rằng chúng nó nhường nhau cái ngôi vị quân trưởng hờ kia. Ông thật khéo bày đặt. Hai đứa cùng bằng tuổi nhau. Chúng nó đã biết gì đâu. Thăng chồng hay con vợ làm vua thì cũng có khác gì. Hãy cứ để cho chúng lớn khôn lên đã.

Trần Thủ Độ chồm thấy mầm phản kháng nhen lên trong lòng bà thái hậu. Ông thầm nghĩ: “Vậy là việc phải hoàn tất càng sớm càng tốt. Ngay người trong nhà còn khó bảo nhau nữa là người ngoài”. Ông thủ thi khuyên bà thái hậu:

Tình thế không thể kéo dài mãi được đâu bà ơi. Ngoài biên thủy giặc Mông - Thát ráo riết nhòm ngó. Trong nước thì năm bè bảy mối. Nếu cứ để lắt lay dòng họ Lý nắm quyền đại thống, thiên hạ sẽ còn đua nhau giành giật. Bởi thế, ngôi quân trưởng phải đưa về cho Trần Cảnh. Đẳng nào thì chúng cũng là con bà.

Vốn là người mẫn nhuệ, bà Trần Thị Dung hiểu rằng tình thế không thể cưỡng lại được nữa rồi. Bà rùng mình kinh sợ về những cuộc thay bậc đổi ngôi. Mới chỉ cách đây hơn một năm, ngôi báu truyền từ Huệ tôn sang con gái bà, thì nhà vua chuyển từ cung đình vào lãnh cung. Đến lượt Chiêu Thánh phải nhường ngôi, liệu nó có phải chiếm chỗ của cha nó trong lãnh cung? Và bà từ một hoàng hậu nhảy vọt lên ngôi thái hậu, rồi lại tụt hẳn xuống hàng thê thiếp hay nô tỳ nữa chẳng? Ác nghiệt lắm sao, người tình của bà làm lung lay chao đảo tất cả mọi ngôi thứ trong triều, mà không một kẻ nào dám động đến ông ta. Rồi mai đây số phận các bà, và cả chính bà nữa sẽ xô đẩy về đâu? Câu hỏi như một chiếc dây thông lọng đang chờn vờn nhảy múa trước mặt bà, khiến bà hốt hoảng hét lên:

- Không. Không thể như thế được!

Con người mưu lược như Trần Thủ Độ, làm gì mà không nhìn thấu suốt nỗi băn khoăn lo sợ về danh vị của bà, của con bà.

Ông cúi xuống đặt nhẹ lên trán bà một cái quạt môi. Rồi bàn tay thô nháp của ông lại vuốt vuốt trên bờ vai bà. Ông thủ thi nói, giọng đầm ấm như mơn trớn vỗ về, như khuyên bảo, răn đe:

- Tôi định sắp xếp thế này, bà thấy có nên chăng. Chiêu Thánh làm hoàng hậu. Như thế nghe thuận hơn. Cảnh sẽ phong bà làm quốc mẫu. Vậy có khác gì ngôi thái hậu. Quyền bính vẫn nằm trong tay tôi. Tôi phải khống chế chúng nó cho tới lúc đủ lông đủ cánh. Nếu bà có bụng yêu thương tôi, nay mai Huệ Quang viên tịch, tôi với bà kết nghĩa. Thử hỏi, thế thì bà và chúng nó chỉ có được thôi chứ mất gì đâu?

Nghe những lời bàn bạc sắt đá như lời của định mệnh phán truyền, thái hậu he hé làn mi nhìn Trần Thủ Độ, như là một sự miễn

cường nghe theo. Nhưng trong lòng bà giống bão đang cuộn cuộn nổi lên. Không biết mỗi dây oan nghiệt nào lại dẫn dắt bà đến với hai người đàn ông kỳ dị này. Có đúng bà ý thức được các việc cần làm và phải làm, hay bà cũng chỉ là con rối trong tay ông thái sư thống quốc. Chao ôi, cuối cùng rồi bà vẫn không thoát ra khỏi vòng tay khắc bạc của ông ta. Thôi thì mặc cho số phận. Bà đã tính đến chuyện liêu.

Một lát, Trần Thủ Độ lại ghé sát vành tai bà hỏi lại:

- Vậy chứ ý bà thế nào?

Bà khẽ thở dài, như trút đi nỗi bất lực đang dồn nén trong lòng ngực, và uể oải đáp lời:

- Quyền bính trong tay, thấy thế nào là thuận, ông cứ theo đó mà làm.

Bàn tính trong ngoài xong, Trần Thủ Độ sắp đặt mọi việc kín như bưng. Đúng ngày đại cát, nhằm ngày Mậu dần, mười một tháng chạp năm Ất dậu (1225), Chiêu Hoàng đặt đại hội ở điện Thiên An. Cả kinh thành vào hội. Đèn, hoa, cờ, phướn giăng mắc khắp nơi. Dân chúng nô nức kéo nhau đi xem đủ các trò.

Trong nội điện, Lý Chiêu Hoàng ban tờ chiếu cho quan hàn lâm thị độc. Lời văn thống thiết, lại được quan thị độc tốt giọng, đọc như rót vào tai các đại thần, khiến mọi người đều xúc động. Tới đoạn: "... Nay trăm suy đi tính lại một mình, duy có Trần Cảnh là người văn chất vẹn tuyền, thực là thể cách hiền nhân quân tử, uy nghi chễm chệ, có tư chất thánh thần văn võ, dù đến Hán Cao tổ, Đường Thái tôn cũng không hơn được. Sớm tối nghĩ kỹ, xét nghiệm từ lâu, nên nhường ngôi báu, để thuận lòng trời, để phụ lòng trăm..."

Trần Thủ Độ dõi theo sắc mặt từng người, xem các quan có đồng lòng với chiếu nhường ngôi. Ông thấy mọi người bình thản. Biết rằng việc lớn sẽ êm.

Dứt lời chiếu, các quan đều phủ phục dưới sân rồng. Chiêu Hoàng bước ra khỏi ngai, trút bỏ áo ngự và mũ miện khoác vào cho Trần Cảnh, khuyên mời chàng lên ngôi hoàng đế.

Bá quan tung hô vạn tuế!

Các quan dâng niên hiệu mới là Kiến trung. Liên theo đó triều đình tôn xưng Trần Thủ Độ làm quốc thượng phụ để coi việc thiên hạ. Thủ Độ cũng trần tình việc nước trước vua mới cùng bá quan văn võ. Triều hội đồng thanh tôn thánh phụ Trần Thừa làm thượng hoàng nhiếp chính, tạm trông coi việc nước để cho Thủ Độ rảnh tay dẹp giặc.

Tan châu, các quan được mời sang điện Ngênh Xuân để vua ban yến. Rồi tất cả đều trở về Long Trì dự hội. Ở đấy đã dựng lên một nhà tròn có bánh xe đẩy. Trong nhà đèn đốt sáng choang. Xung quanh trang trí những hình người cưỡi ngựa bắn cung, những tướng lĩnh đầu võ; voi, hổ chạy đua, chim công múa nhảy, hạc đậu ngọn tùng... Cứ như thế chia làm bốn tầng. Mỗi tầng là một vòng tròn. Trong đó cứ hai vòng một quay ngược chiều nhau, nom vừa đẹp đẽ vừa vui mắt, vừa hoành tráng lộng lẫy. Chiếc nhà tròn tự đẩy về phía nhà vua và hoàng hậu. Chiêu Hoàng tròn xoe mắt kinh ngạc kéo tay Trần Cảnh. Từ nhỏ chưa được thấy trò này, Trần Cảnh nhìn không chán mắt. Bỗng ngôi nhà tròn dừng lại ngay nơi nhà vua và hoàng hậu ngự. Chiếc cửa cuốn bật ra, để lộ một bầy vũ nữ xiêm y rực rỡ như tiên đang múa hát. Quan cận thị thụ lộc cục chi hầu Trần Bất Cập tiến lên vái nhà vua và hoàng hậu ba vái, rồi dẫn hai người bước vào nhà múa. Bọn vũ nữ dạt ra để nhà vua và hoàng hậu vào tới giữa nhà, rồi họ lại tiếp tục vừa múa vừa dâng rượu hầu vua. Khi ở ngoài, nhìn các hình người và súc vật chạy nhảy vòng tròn nom sống động như người thật, vật thật. Nay vào trong, nhìn tận mắt thấy toàn khung tre

phất giấy màu, được ánh sáng dội chiếu huyền ảo, đánh lừa con mắt người xem.

Nhà vua và hoàng hậu đưa mắt kiếm tìm bốn phía không thấy có người điều khiển, bèn hất hàm hỏi tên trưởng trò: - Các người làm thế nào cho nó chạy?

Người trưởng trò liền tra một chiếc lẫy giống hình chiếc lẫy nỏ vào góc cột. Lập tức cả ngôi nhà di chuyển trên các bánh xe.

Hoàng hậu Chiêu Thánh vẫy tay lắc đầu:

- Ta hỏi người làm thế nào cho các vòng tròn kia nó quay?

Người trưởng trò lại rút chiếc then ngay dưới mắt sàn, thế là tất cả các vòng quay xuôi ngược đều từ từ dừng lại. Khi nhà vua và hoàng hậu đều mỉm cười gật đầu, người kia đặt chiếc then máy xuống. Tất cả đều chuyển động như cũ.

Vua khen mãi không thôi.

Hết trò nhà múa, lại đến trò pháo bông. Cây pháo bông đặt trên một giá lớn có bốn bánh xe đẩy. Cây pháo cao mười hai tầng khuôn theo hình bảo tháp Đại thắng tứ thiên ở chùa Sùng Khánh báo thiên(3). Một phát pháo hiệu thăng thiên, nổ tung trên nền trời sáng nhạt dưới ánh trăng mờ ảo. Pháo nổ bung ra hàng ngàn mảng sáng lấp lánh đủ sắc màu. Trống phách nổi lên, lập tức đội múa lân xuất hiện ngay dưới chân cây pháo. Người dũng sĩ đánh song đao, nhảy bổ vào đầu con kỳ lân. Kỳ lân khẽ rung mình lùi lại ba bước, rồi nhảy chồm lên vô trướng sĩ. Trướng sĩ luôn qua bụng kỳ lân. Kỳ lân uốn mình quay ngược lại toan dùng chiếc sừng nhọn hoắt đâm đối thủ. Bỗng “choang” một tiếng cực mạnh, con kỳ lân đã dùng sừng hất bay cả hai thanh đao của dũng sĩ. Dũng sĩ nhảy tót lên mình con kỳ lân. Cuộc đua tài giữa trướng sĩ trong đội quân thánh dực với con mãnh thú, khiến khách xem hò reo không ngớt.

Một ông già áo quần đỏ, lưng thắt dải khăn xanh, đầu chít khăn vàng, quay về phía nhà vua và hoàng hậu vái ba vái. Đoạn ông quay lại cầm ba nén hương châm vào ngòi pháo nơi tầng một. Ngòi cháy loé ra màu sáng xanh ánh lửa diêm sinh. Một lát sau cháy tới tích trò. Lập tức hiện ra hai chữ Kiến trung. Đó là niên hiệu đầu tiên của triều đại nhà Trần, các quan mới dâng vào buổi thiết triều sớm nay. Vành sáng cháy mãi, khiến hai chữ đó rực hồng trên nền trời đêm. Các quan đều vỗ tay khen ngợi, và ai nấy đều thầm đoán: “Từ đây sẽ mở ra một thời kỳ sáng sủa”. Khi hai chữ Kiến trung sắp tàn, lại bùng lên một tích trò mới vẫn ở tầng thứ nhất. Một cuộc rước đèn kỳ lạ. Dẫn đầu là một chú rồng xanh miêng ngậm ngọc minh châu, thỉnh thoảng lại phun toé ra một ngụm lửa. Tiếp theo là voi, hổ, báo, gấu, ngựa, sư tử, đại bàng, công, trĩ... mỗi con mang một kiểu đèn khác nhau. Mỗi đèn một màu khác nhau. Rồng treo chiếc đèn đỏ chói dưới chòm râu rậm. Voi đứng đưa chiếc đèn xếp màu hổ phách nơi đầu voi. Hổ ngậm quai chiếc đèn cá chép màu sáng bạc lung linh... Cứ mỗi con vật xuất hiện lại có tiếng gầm, rống, réo, hót y hệt như tiếng của loài muôn, thú đó phát ra.

Các trò chơi đang ngoạn mục thì tích trò tầng hai chợt xuất hiện. Đây là một cảnh quen thuộc trong đời sống xã hội thường ngày. Thoạt tiên là cảnh “Vua cày ruộng tịch điền”. Tiếp theo là chiếc thuyền đánh cá với ngư ông quảng chài. Rồi bác tiểu phu đang ngồi nghỉ bên gánh củi vừa đốn xong. Lại bác nông dân đang cày ruộng với con trâu béo mập. Và cuối cùng là một nho sinh, đang nằm đọc sách dưới cây mai già, cạnh mái nhà tranh bên vách núi.

Cứ như thế tầng nọ tiếp tầng kia, mỗi tầng là một tích trò lấy cảnh sinh hoạt trong dân dã. Cảnh chăn tằm, se tơ, dệt lụa. Cảnh quan quân đánh giặc. Cảnh hội làng với đủ các thứ trò chơi: vật, võ, chọi gà, đi kheo, thổi cơm thi... Cuối cùng trên chóp đỉnh cao của tầng mười hai, có một bánh luân xa quay tròn, toé tung ra những chấm sáng loá đủ màu, như người vãi từng chùm hạt cải lân tinh. Rồi cũng từ

bánh xe ấy, toả dần ra từng chữ một. Kết thúc là cả một dòng chữ khiến người ta đọc được: “Khải thiên lập cực chí nhân chương hiệu hoàng đế”. Đó là tôn hiệu triều đình dâng mừng vua mới - triều Trần Thái tôn.

Xem các cảnh hội hè nô nức từ triều đình cho tới chúng dân, Trần Thủ Độ cảm động ứa nước mắt. Ông trầm nhủ: “Thế là trời trao nghiệp lớn cho họ Trần. Thuận lòng trời, hợp ý dân. Ta còn phải bận khoản gì nữa”. Trần Thủ Độ chợt nhớ đến Hoàng tiên sinh. Lòng chạnh buồn: “Không biết thầy tàng ẩn nơi đâu?”

Trên đây mới là vài cảnh hội sơ sài trong cung đình. Không thể so sánh với cảnh dân gian vui tấp nập diễn ra khắp kinh thành.

=====

(1) Xem chú thích đôi câu đối tại chương IV.

(2) Thảo thư: Chữ thảo có nhiều loại: Triện thảo, lệ thảo, chương thảo, kim thảo, cuồng thảo.

Triện thảo, lệ thảo xuất xứ từ thời Tần, để thích ứng với nhu cầu công vụ khẩn cấp trong chiến tranh. Chương thảo thuộc đời Hán nguyên đế, do Sử Vũ viết. Đây là lối chữ viết trong các tấu chương khẩn cấp. Ba loại thảo này tuy viết nhanh, nhưng các chữ đều phân biệt chứ không dính với nhau như loại kim thảo do Trương Trí đời Đông Hán viết. Loại cuồng thảo là do kim thảo biến hình đến độ không thể đọc được do Trương Húc, Hoài Tố đời Đường viết.

(3) Đây là một ngôi chùa lớn do Lý Thánh tôn xuất của kho nhà nước ra xây dựng năm Bính thân (1056), đến năm Đinh dậu (1057) lại xây thêm tháp cao vài chục trượng, có 12 tầng. Riêng quả chuông đã xuất kho 1 vạn hai ngàn cân đồng để đúc. Dân gian chỉ gọi chùa này là chùa Sùng và tháp Báo thiên

Nguyễn Nộn được tin Trần Thủ Độ đuổi Lý Huệ tôn ra chùa Chân Giáo, ép Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Nhà Lý mất. Nhà Trần bỗng dưng được thiên hạ. Nộn tức lắm, bèn họp tả hữu lại, Nộn nói:

- Nhà Lý suy yếu. Đất nước chia năm sẻ bảy. Noi nơi đều dựng cờ nghĩa. Mạnh ai nấy được. Nay Trần Thủ Độ hiếp vua, làm nhiều điều càn rỡ, cướp lấy thiên hạ. Ta với các ông tụ nghĩa, dựng cờ, cốt để níu lại cơ đồ cho nhà Lý. Chẳng may Huệ tôn mắc chứng kinh phong, suốt ngày ở tít trong cung. Công việc triều chính lọt vào tay phe cánh họ Trần. Trần Thủ Độ núp dưới mệnh vua, khống chế triều đình, sai khiến thiên hạ, giương đông kích tây, chứ thực lực chẳng có gì. Ta hỏi các ông, tính liệu sao đây? Quy phục hay đem quân về hỏi tội bề đảng họ Trần?

Tả hữu im phăng phắc.

Nộn nghĩ: “Trần Thủ Độ là một tên táo tợn. Anh nó, Trần Tự Khánh ngày trước còn phải kiêng mặt ta. Vua sai nó đến hạch ta ở chùa Phù Đồng này tám năm về trước, vì có kẻ sàm tâu ta đào được vàng, không chịu nộp về triều. Chuyện chẳng đi đến đâu. Tự Khánh phải thay mặt triều đình dàn hoà với ta. Suốt tám năm nay ta hùng cứ một phương, thế lực ngày một mạnh. Ta đang mài nanh vuốt, nuôi chí lớn, chờ thời. Bỗng dưng mấy anh em tên thuyền chài phỗng tay trên. Ta thế không đội trời chung, không thể không băm vằm Trần Thủ Độ làm muôn mảnh”.

Sực nhớ đang bàn việc lớn, Nguyễn Nộn ngẩng nhìn tả hữu, nói tiếp:

- Ngày xưa Đinh Bộ Lĩnh, một mình cờ lau tập trận, mà bình được thiên hạ. Lý Thái tổ từ một chú tiểu, gặp thời cũng dựng nên nghiệp lớn. Ta với các ông so với các bậc tiền nhân thế nào? Chúng ta hơn hẳn. Quân đông, lương nhiều, tướng giỏi. Đoàn Thượng là thế lực lớn nhất ở phía đông, phải kiêng sợ... Triều đình cũng phải tôn trọng ranh giới ta đã vạch ra. Nếu bây giờ ta trương ngọn cờ “Phù Lý diệt Trần”, hẳn thiên hạ theo về ta như châu chấu gặp đèn. Thời cơ có một. Ý các ông thế nào, xin bày tỏ cho nhau được biết.

Phó tướng Đào Dữu nói:

- Tôi xuất thân là một người áo vải chân đất, theo tướng quan từ ngày đầu mở nghiệp. Xét thấy thiên hạ trong lúc đại loạn, tình thế nước Nam ta trong cả chục năm qua chẳng khác gì thời Chiến quốc bên Trung Hoa. Kẻ nào cũng nhân danh nhà Chu để tranh giành ngôi bá chủ, kỳ thực là tranh dành thiên hạ, thôn tính nhà Chu. Trần Thủ Độ có khác gì Tề Hoàn công. Ấy là tôi nói về thủ đoạn xảo trá, chứ nhân nghĩa thì sao sánh được với Hoàn công. Cho nên, trong khi kẻ kia ngôi chưa ấm chỗ, ta nên cất quân hỏi tội, chờ để lâu ngày dây kén, thiên hạ khuất phục hết, thì ta còn làm gì được hắn. Nhìn thế chân vạc giữa ba nhà Nguyễn - Trần - Đoàn, chỉ có tướng quân là hơn cả. Trần Thủ Độ tuy là nhà hào phú, lắm của, nhiều quân, được xem là loại vũ dũng. Nhưng y xuất thân từ đám dân chài, lại vô học, hẳn chỉ hùng hục như con trâu mộng húc bừa, không có gì đáng sợ. Đám võ biền ấy chỉ có được lợi thế, là chúng núp dưới danh nghĩa chính thống của nhà Lý. Còn như Đoàn Thượng, tuy xuất thân từ chốn quan trường, nhưng là đứa thất phu, hẹp lượng. Thượng so thế nào được với tướng quân. Cho nên bây giờ đánh Trần trước, hay đánh Đoàn trước để cướp lấy thiên hạ, là tùy ý tướng quân. Việc kíp lắm rồi. Nếu chần chừ là mất thời cơ, hai kẻ kia liên kết được với nhau, ta khó mà xoay trở.

Phó tướng Đào Dữu vừa dứt lời, thì tiền quân hiệu úy Lê Bá Thạch tiếp luôn:

- Nay kỷ cương đã rồi. Bầy tôi hiệp vua. Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh, tình thì thuận mà lý không xuôi. Hai đứa bé tám tuổi biết gì đến chuyện vợ chồng, ngôi báu. Đây là sự sắp đặt của Trần Thủ Độ. Cho nên việc ở ngôi của Trần Cảnh, phải khép Trần Thủ Độ vào tội soán đoạt. Tướng quân cất quân chuyên này, là chủ ở sự nhân nghĩa, sẽ qui tội được thiên hạ. Tôi chỉ e một điều, Đoàn Thượng thiên cận thừa cơ đánh úp ta. Chi bằng ta hợp lực với y, hện cùng tiến về kinh. Tôi tuy bất tài, cũng xin đi dự Đoàn Thượng, nói cho y rõ cái nhẽ chắc ăn sờ ngay trước mắt.

Nguyễn Nộn cười ha hả:

- Các ông nói hợp ý ta lắm. Nhưng xin hỏi. Khi diệt xong đảng ác họ Trần rồi, ta làm thế nào? Chia đôi thiên hạ với Đoàn Thượng chăng? Nộn chưa dứt lời thì tướng tiên phong Quách Cự đã nói ngay:

- Tâu chủ tướng. Quốc vô nhị vương(1). Diệt xong bè đảng họ Trần, ta diệt luôn cả thế lực họ Đoàn để trừ hậu họa. Thiên hạ không còn ai tranh đoạt với chủ tướng nữa, ngôi trời chẳng thuộc về chủ tướng còn thuộc về ai?

Nộn bằng lòng lắm, bèn thết quân hầu dâng rượu. Rượu mới được một tuần, quân thám mã về báo có sứ giả của triều đình tới. Nộn hện các tướng cứ ăn uống bàn bạc, để mình ra tiếp sứ.

Té ra sứ giả lại là quan thừa chỉ, bạn đồng môn với tướng quân Nguyễn Nộn.

Gặp nhau tay bắt mặt mừng, Nộn hỏi:

- Tôi nghe nói ông được bổ đi an phủ sứ châu Nghệ An, sau lại triệu về trấn trị Trường Yên. Vậy thời, như thế là ông được tin dùng, hay bị đẩy ải?

Quan thừa chỉ mỉm cười nhìn thẳng vào người bạn cũ của mình, đáp:

- Hai điều ông hỏi đều có cả.

- Thế là thế nào?

- Số là thế này, tôi nói để ông nghe, tình bằng hữu giấu nhau làm gì. Vả lại các việc cũng đã qua rồi.

Nguyễn Nộn sốt ruột giục:

- Ông nói đi, tôi vốn trọng ông là người có tài năng, có nhân cách vào bậc nhất thời nay.

- Quan anh quá khen. Quan thừa chỉ chậm rãi đáp.

Chắc quan anh biết tính tôi. Ngoài điều nhân nghĩa ra, trên đời không gì khuất phục nổi. Quan anh có nhớ đạo Trần Thủ Độ ép nhà vua phải sách lập Chiêu Thánh làm hoàng thái tử, rồi nhường ngôi cho Chiêu Thánh. Đúng bữa đó, quan anh đem quân tới Bồ Đề rồi quay lại?

- Đúng! Nguyễn Nộn vỗ đùi xác nhận - Tôi nghe nói cánh họ Trần soán đoạt ngôi trời, tức tốc đem quân về kinh. Tới Bồ Đề, đọc được tờ chiếu của vua, tôi bèn lui quân. Nghĩ rằng, Huệ tôn không có con trai mà cha truyền ngôi lại cho con, ấy là lẽ thường trong thiên hạ. Ai ngờ đây lại là mưu ma kế quỷ của chúng nó.

Quan thừa chỉ thở dài:

- Bữa đó, tôi mong quan anh kéo quân qua sông Cái quá chừng!

- Sao ông không nhắn cho tôi một lời? - Nguyễn Nộn hàm ý trách móc.

- Có. Tôi có mặt bàn với nhà vua. Đức vua cũng đã ưng thuận. Tôi bèn thảo chiếu Cần vương, mật ước với ông và Đoàn Thượng cùng đem binh về kinh, chúng tôi nội ứng.

Mặt Nộn đỏ bừng bừng, đôi tròng mắt rực sáng lên, gặng hỏi:

- Chiếu đâu?

- Tiếc thay, quan thừa chỉ thờ dài - chiếu đó lọt vào tay Trần Thủ Độ.

- Việc lớn, sao các ông lại làm ăn hồ đồ thế?

- Không phải tôi hồ đồ, mà Trần Thủ Độ mưu cao. Ông ta đoán định được mọi điều có thể xảy ra.

- Tiếc quá! Tiếc quá! Nguyễn Nộn tỏ vẻ xót xa - Nếu việc đó không bại lộ, tôi cùng Thượng đem quân về, mọi sự xong cả rồi. Xong cả rồi!

- Chưa chắc đâu ông bạn ạ. Quan thừa chỉ lắc đầu - Tôi là người thấy việc nghĩa thì xả thân làm, chứ mình tính chưa cần nhẽ.

- Thế là thế nào? Nộn hỏi. - Trần Thủ Độ có biết là ông thủ mưu không?

- Biết! Ông ta biết quá đi chứ.

- Sao y không giết ông?

- Thế mới bức. Khi bắt được tang vật, ông ta lờ đi như không. Chỉ có điều giám sát nghiêm mật. Ba tháng sau, ông ta cho tôi ra coi châu Nghệ An. Trước khi đi, ông ta cầm tay tôi nói vài lời “Tôi giết ông thì dễ quá. Nhưng ích gì. Lập tức có cả trăm người dám vì ông mà dấy nghĩa. Tôi giết ông, mang tội giết người hiền. Đời nguyên rủa tôi. Người hiền bỏ tôi đi hết. Nhưng ông nghĩ mà xem, việc tôi, việc ông làm có gì khác? Giữa nhà Lý mà đứng đầu là một ông vua mất trí, và một bên là sinh linh trăm họ, ông coi bên nào trọng hơn? Tôi thà chịu tiếng bất trung còn hơn mang tiếng ngu trung. Tôi vì trăm họ chứ không vì đức vua. Tôi quyết sả thân để giảng hòa đất nước không rơi vào cái họa tranh chiến thập nhị sứ quân, nôi da xáo thịt. Việc này tuy ông xử. Ra Nghệ An, ông có thể nương cớ nghĩa theo chiếu Cần vương, cùng với tướng quân Nguyễn Nộn, Đoàn Thượng, ba mặt úp về kinh. Nếu việc các ông làm nhân nghĩa hơn tôi, tôi xin tự trói mình chịu chết, cho đất nước được thái bình”.

- Thế ra tới Nghệ An ông đã làm những gì? Nộn hỏi.

- Tôi làm tất cả mọi việc, ngoại trừ việc chống lại Trần Thủ Độ.

- Nhưng ông chống lại đức vua. Nộn vặn.

Quan thừa chỉ ung dung đáp:

- Bởi đức vua chống lại trăm họ. Tướng quân cứ bình tâm, tôi có dẫn chứng đầy đủ. Tướng quân có biết vì sao tướng quân chống lại mệnh vua, hùng cứ một phương, xưng vương xưng bá không?

- Vì vua vô đạo. Nộn đáp.

- Vua vô đạo. Tức là tướng quân “tòng đạo bất tòng quân” (2). Đúng quá. Quan thừa chỉ xác nhận - Thế thì tại sao chỉ có tướng quân làm thế được, còn người khác lại không làm thế được? Việc làm của Trần Thủ Độ có khác gì tướng quân đã làm. Có điều rằng ông ta trên

tài tướng quân, nên đạt được thành tựu cao hơn.

Nguyễn Nộn sầm mặt lại, nói lớn:

- Thằng thuyền chài sai ông đến đây làm gì? Nộn đứng dậy toan bỏ đi.

Quan thừa chỉ vẫn ung dung, nói vừa đủ nghe:

- Không có thằng thuyền chài nào sai khiến được tôi. Tôi đem chiếu phong vương của đức vua đến với ông. Ông nên nhớ rằng, cái người mà ông tôn thờ đó, đã mấy lần ông dâng biểu về xin phong vương không được. Nay vua mới, xét công đức của ông, không những phong vương mà còn cất đất cho ông. Ông bày nhang án, sửa sang áo mũ, để tôi đặt chiếu lên cho mà lạy tạ.

Nguyễn Nộn không còn biết nói sao nữa, bèn hấp tấp đi làm các việc theo ý quan thừa chỉ.

Nguyễn Nộn được phong làm Hoài đạo vương, lại được triều đình cất cho đất huyện Đông ngàn và các vùng Bắc Giang thượng hạ. Nộn thích lắm, sai may sắm áo, mũ, tàn lọng, xe kiệu. Ba ngày sau, Nộn lại đọc được thư của Trần Thủ Độ mật sai đi đánh Đoàn Thượng.

Nguyễn Nộn họp tá hữu bàn kế tiến binh đánh Đoàn Thượng.

=====

1. Quốc vô nhị vương. Chữ Hán có nghĩa là nước không thể có hai vua.

2. Lời của Mạnh Tử có nghĩa: Theo lễ phải chứ không theo vua.

Nguyễn Nộn từ khi được Trần Thái Tôn phong cho làm Hoài đạo vương thì giường giường tự đắc. Đi một bước cũng dùng xa kiệu nghi vệ như một bậc đế vương, chỉ có điều là chưa xưng “trẫm” với tả hữu. Nộn cũng cho quân đi cướp bóc của dân về xây thêm cung thất. Bất con gái đẹp nhà lương dân về làm tì, thiếp, tú nữ(1) khá nhiều. Ngày ngày yến tiệc. Hát múa thâu đêm.

Nguyễn Nộn tuy là một kẻ khát khao quyền lực và ưa hưởng lạc, nhưng không phải là một đứa ngu khờ, nhận mặt chiếu của triều đình sai đánh Đoàn Thượng, Nộn trước hết cho quân đi thám sát bên châu Hồng - nơi có lực lượng của Thượng đồn trú. Nộn cũng cho người về Thăng Long xem xét động tĩnh trong triều, cách thức bố phòng quân cơ của Trần Thủ Độ.

Quân thám sát về báo tin: Huệ Quang thuyền sư, tức thượng hoàng nhà Lý, đã bị Trần Thủ Độ giết tại chùa Chân Giáo. Huệ hậu Trần Thị Dung bị giáng làm Thiên cực công chúa, gả cho Trần Thủ Độ. Trần Thủ Độ vinh thăng thái sư thống quốc. Thăng Phùng Tá Chu, quan cũ của triều Lý làm phụ quốc thái úy. Thăng Long canh phòng nghiêm mật, nhưng quân sĩ Trần Thủ Độ giấu ở đâu chưa lần tìm ra được. Cứ như nhời đồn đại trong dân chúng, thì lực lượng có tới hơn chục vạn quân. Đây mới chỉ kể số nội binh(2) còn ngoại binh(3) thì cứ điểm mục các châu lộ, quy phụ triều đình, tính ra cũng còn tới cả hơn chục vạn quân nữa.

Phía Đoàn Thượng thì sao? Quân Đoàn Thượng đông nhan nhản, nhưng không nghiêm. Ở đâu có quân lính của Thượng đóng, dân bỏ đi hết. Thượng vợ vét lúa gạo của dân về chất đầy kho. Xem chỗ đóng quân của Thượng đủ thấy Thượng không biết dùng binh. Các trại quân không nương tựa vào nhau. Nếu chặt từng khúc mà đánh, quân rối loạn đầu đuôi không cứu được nhau. Các nguồn nước, canh giữ sơ sài. Các mạch giao thông thủy bộ, không chẹn giữ kiên cố. Các kho lương để lộ. Cách ba dặm đã biết quân doanh đóng ở đâu rồi. Là vì cờ xí cắm rợp trời. Đạn dịch vang mọi phía. Lính viễn thám, tuần thám đưa nào cũng mặt đỏ phùng phùng, say bí tí, vừa đi vừa chửi bới tục tũn.

Nghe xong, Nguyễn Nộn nói cùng các bộ tướng:

- Thế mạnh yếu giữa quân triều đình với ta cùng Đoàn Thượng đã rõ. Trần Thủ Độ là một tướng giỏi. Vì thế mà giữa kinh kỳ ông ta ém được cả chục vạn quân. Nhưng kinh thành lại rất nghiêm cẩn. Đây là một nơi gai góc, chưa dễ gì lấn được. Hãy đề đó, thẩm định sau. Vả lại, ta vừa chịu mệnh xong. Còn như Đoàn Thượng, nếu quả như lời quân thám báo tâu trình, ta ngỡ rằng khí vận của ông ta đã đến ngày tận diệt. Ta lại nghe gần đây ông ta mới giết viên phó tướng. Nếu như trước kia, ta ngần ngại chưa muốn tiến binh sang phía đông, là vì còn nghĩ tới viên phó tướng của Thượng. Tình hình là vậy. Theo ý các ông nên như thế nào?

Phó tướng Đào Dữu tiếp lời:

- Vậy là trời đem đất châu Hồng trao cho chủ tướng rồi đó. Không đánh bây giờ còn đánh vào lúc nào nữa? Chuyển này ta nên giốc toàn bộ binh mã, hất Đoàn Thượng xuống biển. Chiếm lấy kho người, kho của suốt một dải châu Hồng để tăng thêm thế lực. Diệt xong Thượng, chắc là chủ tướng có dư lực nói chuyện với họ Trần.

- Việc gì phải kéo cả đại đội binh mã đi cho nhọc sức quân. Tôi dù bắt tãi, cũng chỉ xin chủ tướng cho ba ngàn quân. Một nửa đi đột kho lương. Một nửa đánh vào trung quân, bắt sống Đoàn Thượng đem về dưới trướng. Mọi người nhìn xem ai, thì ra đô trưởng đô viễn thám Trương Thế Tông.

- Hoá ra việc diệt Đoàn Thượng dễ hơn việc thờ tay vào túi lấy đồ vật, như lời đô trưởng Trương Thế Tông chẳng? Nếu đúng như thế thì phải làm tờ cam kết. Đây là lời của viên tì tướng Nguyễn Tộ.

- Thiết nghĩ việc đánh Đoàn Thượng là sự nghiệp của chủ tướng. Nhưng theo tôi không dễ như các ông nói. Trong vòng hơn chục năm lại đây, các đầu đảng nổi dậy phải có hàng trăm. Nhưng tựu trung còn lại chỉ có ba nhà, hình thành thế chân vạc. Ấy là chủ tướng ta, Trần Thủ Độ và Đoàn Thượng. Nếu Thượng bất tài, tri độn, sao y đứng được tới ngày nay? Trong phép dùng binh hư hư thực thực là chuyện thường. Thượng không phải tay kém cỏi, hẳn thường đi cướp lương của người khác, có chi để kho lương như vậy? Hẳn ngu đại gì mà đặt quân doanh như thế, để lính canh phòng tuần thám như thế? Giả như, đây là quỹ kế của Thượng thì sao? Xin chủ tướng cân nhắc cho kỹ. Đó là lời tướng tiên phong Quách Cư.

Nghe Quách Cư phân bác, khiến bầu không khí đang ồn ào, bỗng dưng xẹp xuống.

Nguyễn Nộn đưa mắt nhìn hết tả hữu, bỗng ông dừng lại nơi Ma Lôi.

Ma Lôi là một tì tướng được Nguyễn Nộn yêu trọng vào bậc nhất. Thực chất, Ma Lôi là bộ óc, là linh hồn của cả bộ đoàn Nguyễn Nộn. Ma Lôi là ai vậy? Y ở đâu đến? Ma Lôi vốn là người xứ Champa. Thưở nhỏ y có được học hành, lại theo đòi nghiệp binh, hầu hạ dưới trướng của một viên đô đốc, tổng quân lực lượng hải binh Champa. Trong một trận cướp tàu buôn của Tây - ban - nha, đi qua vùng biển khơi Chiêm thành, tàu của y bị súng lớn của đối phương bắn chìm. Y lênh đênh năm ngày trên biển. Chẳng biết gờì đất dun dùi thế nào, dân đánh cá lại vớt được y. Thoát chết, y lẩn biến vào rừng. Rồi xuyên rừng, hẳn đi miết. Cứ vừa đi vừa kiếm ăn bằng quả cây và củ rừng. Đêm ngủ trên cây. Hơn một năm trời; y lẩn mò thế nào lại tới đất Ai Lao. Hẳn làm ăn buôn bán tại xứ này. Gặp quân của Nộn sang Ai Lao mua bán nhựa độc về tẩm tên, rù y về Đại Việt. Rồi được Nguyễn Nộn thu vào hầu tại trung quân. Đôi ba phen y tham góp ý kiến. Thấy y có nhiều kiến giải sâu sắc, Nộn giao cho y một vài việc, đều thành tựu cả. Nộn yêu lắm. Thực tình trong quân doanh, Ma Lôi là quân sư của Nộn. Ma Lôi dụng binh như thần. Chuyển bại thành thắng như chơi. Sở trường của y là đánh thủy hoặc đánh tập kích trên bộ. Y có tài dụ địch, lừa địch, khiến hễ cứ ra quân là chiến thắng.

Thấy chủ tướng nhìn mình như muốn vấn kế. Ma Lôi bèn nói:

- Trần Thủ Độ là danh tướng thời nay. Thủ đoạn biến hoá không biết đâu mà lường hết được. Nếu như lời các tướng nói, ta khởi hết cả quân mã sang sông đánh châu Hồng, ông ta đem quân đánh tập hậu, chặn lối về thì sao? Mặt trước, quân Đoàn Thượng, mặt sau quân triều đình, ta cự sao nổi? Xin chủ tướng cùng các chư huynh cứu xét.

Nộn hỏi ngay:

- Vậy theo ý người, đánh thế nào cho chắc thắng?

- Bẩm chủ tướng, Ma Lôi nói - Chí của chủ tướng là ông trùm thiên hạ. Nên chi không phải chỉ có việc diệt xong Đoàn Thượng là xong. Bởi thế tôi xin dâng một kế nhỏ. Đoàn Thượng chiếm một vùng đất rộng, người đông, kho người, kho của. Nhưng Thượng đã tự làm hỏng ông ta bằng các chính sách tàn bạo, khiến ông ta đi tới đâu, dân chúng đều bỏ chạy, ruộng vườn hoang hoá. Hiện nay tiềm lực của Thượng chẳng đáng là bao. Vì dân trong vùng đang đói, lại sợ làm ra bị Thượng cướp mất, nên chẳng ai muốn cấy trồng. Dân đã nghèo đói, Thượng dựa vào đâu để giàu mạnh? Vẫn biết rằng các kho của Thượng còn nhan nhản. Nhưng thử hỏi hàng chục vạn miệng ăn, vừa ăn vừa phá như lính của Thượng, kho đụn ấy đủ dùng được mấy nă? Không nên đốt lương. Vì làm ra một hạt lúa khó lắm. Mà sắp tới,

chúng ta cần rất nhiều lương. Diệt Thượng, chỉ cần một đạo tinh binh, đột kích hẳn vào trung quân. Phải diệt cho bằng được Thượng và tá hữu của ông ta. Hiện thời tôi biết trung quân do Đoàn Thượng đóng giữ, có một con đường hẹp, xe đi không lọt. Con đường ấy bắt nguồn từ bãi sông. Hai bên lau sậy mọc cao quá đầu. Nếu ta dùng thuyền nhỏ đổ quân lên bãi, rồi đi theo đường này chắc là mọi chuyện sẽ êm. Nhưng chệch phía tả của trung quân lại là trại của Văn, con lớn Đoàn Thượng. Hai trại này cách nhau non mười dặm, đóng liên tiếp có thể ứng cứu cho nhau. Cho nên ta tập trung binh lực đánh vào trại của Văn. Trại của Văn gần đường lớn, gần bến sông, nên y bố trí binh lực dày đặc, chưa dễ phá được. Nhưng ta hư trương thanh thế, khiến kẻ kia tưởng ta quyết hạ chúng. Ta không tiến lên được, kẻ kia cũng không đẩy ta ra được. Cứ thế kéo dài độ mười ngày ở thế giằng co. Địch tưởng ta nản, sinh lòng trễ nải. Để vào nửa đêm hăm một tối, may sẽ có mưa lớn. Ta dùng khinh binh, đánh vào trung quân của Thượng. Còn bên trại của Văn, ta đánh gấp. Thế là hai trại trên dưới, cha con Thượng không ứng cứu được cho nhau. Về các kho lương, cũng trong đêm đó, phải đánh sao cho kẻ kia không kịp đốt. Diệt được Thượng rồi, quân kia như rắn mất đầu, tự tan. Ta dùng lương chiếm được để chiêu thảo dân tứ tán, cho họ an cư lạc nghiệp. Chỉ một năm sau, châu Hồng lo không có chỗ mà chứa lúa gạo.

Nguyễn Nộn dùng kế của Ma Lô, thắng lớn. Đoàn Thượng chết trong đám loạn quân. Con của Thượng là Văn đem gia thuộc đến hàng. Duy có một điều Nộn không nghe Ma Lô, thay vì đem lương thực cướp được để chiêu thảo dân tứ tán. Nộn cho quân đi vơ vét, cướp bóc của cải khắp châu Hồng. Bắt con trai xung vào lính, con gái đẹp đưa về dinh. Nhân nghĩa Nộn, không hơn gì Thượng. Lòng dân hướng về nhà Trần.

Diệt Thượng rồi, lại kiểm tính được cả số quân của Thượng, thanh thế của Nộn lớn lắm. Nộn càng can rở, ăn chơi xa xỉ, mặc sức cho ba quân hưởng lạc. Dân chúng ngày càng oán vọng, xa lánh Nộn.

Thông quốc thái sư Trần Thủ Độ giết mình vì Nộn diệt Thượng quá nhanh, lại không bị hao tổn binh lực. Quân đi xem xét cách tiến binh của Nộn về tâu lại, Trần Thủ Độ kinh hãi nhủ thầm: “Nộn dùng binh như thần”. Ông bần khoản tự hỏi: “Chẳng nhẽ Hoàng tiên sinh xét đoán nhầm chăng? Tiên sinh nói: “Đoàn Thượng là một đũa thất phu. Binh lực nhiều đấy, nhưng ô hợp, tự tan. Nguyễn Nộn trí đoán, không phải là địch thủ của quan ông...”. Trần Thủ Độ không dám không tin lời Hoàng tiên sinh. Song cứ xem cách dùng binh của Nguyễn Nộn, thì không thể coi thường y được. Nếu vậy, tình thế tranh chấp sẽ còn kéo dài, dân lành còn điêu háo.

Trần Thủ Độ lại sai người tâm phúc đi dò la trong quân của Nguyễn Nộn. Sau đó mới vỡ lẽ: Nguyễn Nộn thường dùng kế của Mã Lô, người Chăm.

Để cho kẻ kia lên mặt coi thường thiên hạ, mà sinh kiêu bạc, tự gây biến trong quân, Trần Thủ Độ dùng kế nhún, sai sứ đem sắc thư đến mừng Nguyễn Nộn, gia phong cho làm Hoài đạo hiếu vũ vương. Lại đem công chúa Ngoạn Thiềm gả cho. Bề ngoài là cầu thân, nhưng ngầm để dò la. Nguyễn Nộn không bằng lòng với tước trật của triều đình, không lạy chiếu, tạ ơn mà xưng là Đại thắng vương. Tự cho mình là nhất trong thiên hạ, từ đó trễ nải việc quân, không còn biết nghe lời nói phải, hễ ai làm trái ý mình là Nộn giết quách. Đám mình trong cuộc hoan lạc thâu đêm tối ngày. Tướng Ma Lô kịp nhận ra Nộn không phải là bậc lương đồng gì, họa đến nơi, liền bỏ Nộn đi mất. Ít lâu sau Nộn ốm chết. Quân Nộn về với triều đình. Thiên hạ thống nhất.

(1) Tì nữ: Con gái dùng để sai phái trong các nhà quyền quý.
Thiếp: con gái đẹp dùng để giải trí cho các bậc quyền cao chức trọng.

Tú nữ: loại gái đẹp dùng vào việc hầu hạ xoa bóp cho các quan lớn...

(2) Chế độ nhà Lý, nhà Trần chia quân đội làm nội binh ngoại binh. Nội binh gồm có quân cấm vệ và quân thường trực chiến đấu của triều đình dưới quyền điều khiển của Điện tiền chỉ huy sứ.

(3) Ngoại binh là binh lính thuộc các châu, lộ dưới quyền điều khiển của các quân giáp

Đêm đầu hạ mà trời nóng khác thường. Thái sư Trần Thủ Độ với tay châm ngọn bấc nhỏ, trong cái đĩa đèn dầu lạc, rồi khẽ thổi tắt ngọn bấc lạc, đang toả ra sức nóng nung đốt thêm bầu không khí oi nồng. Trong gian phòng rộng rãi ở cung Thuỷ Tĩnh này, ông đã cho đẹp bỏ bớt các đồ trần thiết, đất tiền mà rườm rà, gây ra sự vướng víu cho tầm nhìn thoáng đạt của ông. Như các loại hoành phi, câu đối, đại tự, bình phong cùng các đồ sơn, độc bình của Trung Hoa. Và chỉ giữ lại vài bức tranh phong cảnh treo loáng thoáng đó đây.

Đối mặt với ông là bộ Hình thư(1) đóng dồn vào làm bốn cuốn, bìa bồi phát cật màu nâu cháy(2). Ông đang đọc thiên tội đồ. Trước đó, ông cũng đọc kỹ thiên tô thuế.

Ông thầm khen: “Chính lệnh nhà Lý khoan mà nghiêm. Nhất loạt tô thuế đều khoan giảm. Mọi việc qui định chặt chẽ, rõ ràng. Ví như việc thu thuế khoá thường năm. Luật cho phép phần phụ thu bằng một phần mười chính tang, để nộp cho nhà nước. Phần phụ thu đó các quan được dùng vào việc hoành đầu(3), và chỉ dụng cho những người trực tiếp làm trong vụ thuế. Kẻ nào lấy quyền thế lạm thu, thì ghép vào tội ăn trộm mà xử. Luật còn khuyến khích dân gian giám sát quan lại cho chặt chẽ. Ví như người nào biết mà cáo giác việc hà lạm đó lên quan trên, thì tha phú dịch cho cả nhà trong ba năm. Nếu người ở kinh thành biết mà cáo giác, thì thưởng cho toàn bộ số vật đã cáo giác ra ấy...”.

Trần Thủ Độ đọc đi đọc lại mãi thấy thiên căn bản, rồi ông lại tự hỏi: “Pháp luật nhân chính thế này, mà sao mấy đời gần đây nhà Lý đề cho kỳ cương rối loạn?”. Suy ngẫm giây lâu ông tự đáp: “Luật lệ gì cũng đều do nơi con người làm ra, và cũng lại do con người thi hành. Sự rối rắm gốc ở những người cầm cân nảy mực không nghiêm. Cứ xem cách ăn chơi phóng dăng của cha con Huệ tôn đủ rõ sự mục nát khơi nguồn từ đâu”.

Oi quá! Nhìn qua khuôn cửa sổ ngỏ, ông thấy mảnh trời bàng bạc, cây cối đứng im phăng phắc. Thi thoảng có mùi hương sen ở đâu đó. Trần Thủ Độ buông sách đi ra phía hồ sen. Mảnh trăng muôn treo chéch trên nền trời sáng nhạt. Những đợt lá sen đầu hạ đội bunn lấp ló trên mặt nước, nom tựa tựa những bàn tay cum cúp đang ve vẩy. Không khí mát lạnh. Thái sư lấy hai tay vọc nước hồ, vẩy lên đầu, lên mặt. Nước mát lạnh vừa có vị ngọt ngào của một thứ nước mưa ngâu, vừa có hương thơm của mầm sen đan quyện. Trần Thủ Độ thấy trong người khoan khoái. Ông đi dạo quanh hồ. Chợt đâu đó có một tiếng gà gáy vang lên xé tan bức màn đêm tĩnh lặng. Rồi như một sự lây lan, khắp kinh thành tiếng gà gáy râm ran, kéo dài một lúc có vẻ gần nhai tàn miếng trâu vẫn còn eo óc. Tiếng gà gáy làm Trần Thủ Độ giật mình, vì ông sức nhớ tới đêm đã khuya. Ông bước rảo về thư phòng, đã thấy công chúa(4) khêu to đĩa đèn, đứng tựa bên án với vẻ bồn khoăn. Ông bèn lên tiếng:

- Ô hay, sao giờ này bà còn chưa đi nghỉ?

- Tôi đã ngủ được một giấc dài. Nghe tiếng gà gáy giật mình tưởng trời đã sáng. Cửa để ngỏ. Biết ông vẫn chưa về nghỉ, tôi liền chạy sang đây. Không thấy ông, đang phân vân, thì ông đã tới.

- Hoá ra lũ gà trống nó làm bà mất giấc ngủ. Để mai tôi nói quan đại an phủ sứ, cấm các nhà trong kinh thành, không được nuôi gà trống.

Phu nhân kinh ngạc, mắt tròn tròn, miệng há ra, miếng bã trâu rơi nhẹ xuống thềm. Bà nói:

- Thái sư ơi, tôi mong rằng đây chỉ một lời nói vui trong đêm tối không có ai biết, ngoài tôi với ông ra.

Trần Thủ Độ nhếch miệng cười, khẽ đặt bàn tay lên bờ vai phu nhân, ông nói:

- Vì bà, tôi có thể làm được mọi việc.

Phu nhân quay lại nhìn thẳng vào mắt thái sư, nói với vẻ hơi dằn dỗi:

- Nếu vì tôi, quan thái sư “có thể làm được mọi việc”, xin thái sư gia ân cho tôi thêm một chữ “thiện” nữa ở cuối có được không?

- Vậy là bà cho tôi ra lệnh cấm nuôi gà trống, là một việc ác. Bà không thể chấp nhận.

- Vâng, thưa thái sư, đó là việc đại ác.

Trần Thủ Độ khẽ vuốt vuốt hai bờ vai phu nhân, lại hỏi:

- Nếu tôi có ra lệnh cấm nuôi gà trống là cốt giữ cho mọi người, trong đó có bà được giấc ngủ yên lành, can chi bà lại bảo đó là việc đại ác?

Phu nhân khẽ gỡ hai tay chồng ra, bà nói giọng nghiêm trang:

- Từ ngày họ Trần dấy nghiệp, một tay ông nắm giữ binh quyền, đã làm nên bao sự tích lẫy lừng, anh kiệt, có thể sánh ngang các bậc tiên thánh. Duy có những việc quái kiệt, ông chưa từng làm, phải chăng là việc đầu tiên?

Trần Thủ Độ nắm lấy tay phu nhân, cảm động nói:

- Ta thử lòng bà đó. May thay bà là một người có cái tâm tốt. Ta trăm công ngàn việc, có thể có những điều ta làm là gây được mầm thiện cho thiên hạ. Lại có những điều nhen nhóm cái ác mà ta không tự thấy. Vậy từ nay, nếu có điều gì từ trong nhà tới triều đình, bà thấy nó trái với đạo thường, bà cứ nói ta hay. Vẫn biết nơi triều chính, phải dựa vào bá quan, lại có cả gián quan, nhưng mấy ai dám nói trái ý bề trên. Thành thử mọi việc ta cứ phải so đo cân nhắc mãi, đôi khi thành chậm trễ.

- Ông ạ, phu nhân nói giọng ngậm ngùi, trong những năm chiến tranh, ngay cả hoàng gia, hoàng tộc ta, cũng lắm phen lao đao. Không những của nả bị hao tổn, mà tính mạng đôi khi cũng khó toàn. Ấy là trong tay ta còn có kho tiền, kho của, có kẻ hầu người hạ, có quân canh bảo vệ. Suy ra số phận của người dân xiết bao cực nhục. Bây giờ, thái bình rồi, ông lo sao cho dân có bát ăn, không còn nạn trộm cướp, hào dịch áp chế họ nữa. Muốn thế, chính lệnh phải nghiêm, tô thuế khoan giảm. Phải làm thế nào cho từ kẻ sĩ đến bọn ngư, tiều, canh, mục(5) đều được ơn mưa móc của họ Trần, thì người ta mới không nghĩ về vua cũ nữa. Nhưng thôi, phu nhân sức nhớ, khuya lắm rồi, ông cũng nên đi nghỉ thôi.

Trần Thủ Độ lắc đầu:

- Không được, có lẽ đêm nay tôi phải thức trắng. Công việc bề bộn lắm.

- Ô hay, cả những năm tranh chiến cam go, Đoàn Thượng, Nguyễn Nộn luôn uy hiếp triều đình, chưa bao giờ tôi thấy ông phải thức trắng đêm liền như dạo này. An hoà rồi, ông cũng phải nghỉ ngơi chứ?

- Để làm được cái việc thường tình như bà nói: lo cho người dân có bát ăn, rồi từ kẻ sĩ đến bọn ngư, tiều, canh, mục đều được đội ơn mưa móc... Chao ôi, đó là việc cực khó bà ơi. Từ bữa giang sơn thu về một mối tới nay, tôi lo lắm. Nhiều lúc tưởng như mình không đủ sức. Người nho sĩ cao đạo, còn viện lý này lý nọ để biện minh với họ được. Chứ với người dân thì mọi việc đều đơn giản lắm. Họ chỉ biết

nhà Lý hơn, hay nhà Trần hơn, là ở nơi bữa ăn thường ngày của họ. Cái gốc của sự lo của tôi là ở đây.

- Nhưng lo thì ông phải đốc thúc người ta làm. Chứ đêm nào ông cũng thức trắng với dăm ba cuốn sách kia, phỏng có ích gì. Và chẳng chữ nghĩa ông có được là bao.

Trần Thủ Độ cười hì hì, nom ông dễ thương quá. Nắm lấy hai tay phu nhân khẽ lắc lắc, ông nói:

- Vậy là bà lại chê tôi ít học chứ gì?

- Tôi đâu dám chê ông. Chẳng qua thấy ông đêm nào cũng đánh vật với cuốn sách. Có phải ông đang tìm phép lạ?

- Từ nay tôi còn phải đánh vật mãi với cái đám sách ấy đấy. Bà bảo tôi phải đốc thúc cho họ làm, biết làm mà còn phải biết lo nữa, bà ạ. Việc làm ăn khác với việc đánh giặc nhiều lắm. Mỗi việc đều có cái dễ, cái khó của nó. Nếu dân làm nhiều mà không có luật pháp bảo vệ cho họ, dẫu có thoát khỏi bọn trộm cướp, cũng lại rơi vào bọn quan lại tham nhũng hết. Phép lạ tôi đang tìm là ở chỗ đó. Làm gì cũng phải xem trước ngẫm sau. Tôi đang cho Ngự sử đài soạn định một bộ hình luật. Tôi nghĩ luật triều ta làm, phải phù hợp với triều đại ta đang sống. Nhưng nó phải thuận tiện cho dân. Bởi thế, phải xem xét, các triều trước có điều gì hay mình phải giữ, phải học. Điều gì dở thì bỏ. Cái gì trước kia chưa có, bây giờ phải thêm vào.

- Ôi, đó là việc của triều đình. Tôi là đàn bà không can dự vào chính lệnh.

Như chợt nhớ ra điều gì, Trần Thủ Độ vội hỏi:

- Mấy bữa nay bận quá, tôi không ghé chỗ nhà học đường nữa, bà thấy thằng bé nó có chịu học không?

- Vậy chứ ông hỏi thằng bé nào?

- Thì chẳng phải thằng Cảnh còn ai. Cả con vợ nó nữa, có chịu học không?

- Giời đất ơi, ai lại gọi vua như thế bao giờ.

Trần Thủ Độ cười vui, nói lấp:

- Vua chúa gì thì nó cũng là con, là cháu mình, nó còn nhỏ dại, phải nghiêm khắc rắn đe.

Phu nhân cười rung cả hai vai:

- Chịu khó lắm. Ông thầy khen cả hai đứa cùng sáng dạ. Nhưng con Chiêu Thánh mảnh sức, cứ hay kêu mệt.

- Chúng nó có hoà thuận với nhau không?

- Trẻ nhỏ nó đã biết cái gì mà chẳng hoà thuận. Vậy thôi ông về nghỉ cái đã. Phu nhân lại giục.

- Sắp sáng rồi. Bà biết tính tôi đấy. Đã ngủ là ngủ như chết. Hôm nay thiết triều có nhiều việc lớn phải bàn. Bà cứ về nghỉ đi. Nói rồi Trần Thủ Độ nắm tay vợ tiễn ra khỏi bậc tam cấp.

Trở lại thư phòng, ông dọn mấy cuốn sách lại, thỗi tắt đèn. Ông ngồi đó suy nghĩ về mấy việc cần làm sắp tới. Đại loại như việc nhất loạt giảm tô thuế cho cả nước. Những vùng chiến tranh tàn phá nặng nề thì xá hẳn tô, thuế trong ba năm. Những ruộng hoang, hoá, dân tự khai phá cấy trồng, cho làm chủ đất ấy, lại cũng được xá thuế năm năm. Nhưng trước hết, phải làm một tuần cầu siêu cực lớn trong cả nước. Chiêu mình cho những ai bỏ mình vì nghĩa lớn, và cả những linh hồn chết oan, chết uổng. Những chiến trận ông đã trải, những cảnh chết chóc đẫm máu như hiện hiện trong óc não ông. Rồi những người ông sai giết. Những làng mạc, những nơi quân địch đồn trú,

ông ra lệnh đốt phá. Ngọn lửa như còn bùng cháy trong mắt ông. Biết bao nhiêu tội ác, ông có phần trách nhiệm. Có một cái gì đấy nhói đau nơi lồng ngực ông. Chợt dâng trong ông lòng thương xót, và cả sự hối hận. Đường như lương tâm ông đang thức tỉnh.

Phương đông đã ừng hồng.

=====

1. Hình thư là bộ luật ban hành từ năm Nhâm Ngọ (1042) đời Lý Thái tôn, xem như là bộ luật sớm nhất trong lịch sử luật hình của nước ta. Nhờ có luật này mà xử mọi việc kiện tụng, tranh chấp được rõ ràng, công minh, dân lấy làm tiện. Vì thế mới đổi niên hiệu là Minh đạo (con đường sáng).

2. Ngày xưa để giữ sách được lâu bền, người ta bôi bìa bằng giấy bản nhiều lớp, rồi quét nước bằng quả cây xanh giã nhỏ lấy chất nhựa phơi tẩm nhiều lần. Bìa đó để cả trăm năm vẫn tốt.

3. Hoành đầu: tiền chi dùng việc giấy, mực.

4. Ám chi Huệ hậu Trần Thị Dung, sau khi Lý Huệ tôn chết, bị giáng xuống làm Thiên cực công chúa, rồi gả cho Trần Thủ Độ.

5. Bốn lớp dân và cũng là bốn nghề căn bản của xã hội nông nghiệp cổ xưa: người làm nghề sông nước, người làm nghề rừng, người làm ruộng, người chăn nuôi.

Thẩm thoát Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng đã được năm năm. Trần Cảnh tỏ ra là người khoan nhân, khiến Chiêu Thánh cảm thấy vui vầy, vì có được người bầu bạn. Nhưng càng ngày Trần Cảnh càng ham mài học hành, thành thử ít có dịp gần gũi nhau cùng chơi một trò chơi như ngày còn bé. Cũng là sự học, song mỗi người theo một thầy. Mỗi người học theo một lối. Chiêu Thánh tuy có học cả thi, thư, lễ, nhạc, nhưng chủ yếu là để bồi đắp cho dung, công, ngôn, hạnh. Còn Trần Cảnh lại học khác. Cảnh cũng học tứ thư(1), ngũ kinh(2), lại tham bác cả lục thao(3), tam lược(4). Thành thử cái học của Cảnh vừa sâu, vừa rộng. Vì Cảnh đang ở ngôi quân trưởng, ngồi trên cả kẻ sĩ và tử dân, không thể không thông hiểu mọi điều, mọi nhẽ.

Quan sư phó là người thẩm nhuần lời dạy của thống quốc thái sư Trần Thủ Độ. Nên ông nhồi nhét cho đức vua nhỏ cái học theo lối hình danh(5) của phái Pháp gia(6). Trần Cảnh là người có cái tâm đôn hậu, nên thường không nhập được lắm với những điều khắc bạc mà quan sư phó hầu giảng. Có lần đức vua đã hỏi thầy học của mình:

“Tự mình tu đức để giáo hoá dân thì sâu hơn mệnh lệnh, dân bắt chước người trên thì nhanh hơn pháp luật”.

- Câu đó là ở đâu?

Quan sư phó vòng tay đáp:

- Tâu bệ hạ, lời đó được chép trong Kinh thi. Sách do đức Khổng phu tử soạn.

Nhà vua vẫn điềm tĩnh hỏi:

- Tại sao ông không dạy ta những điều đó?

Quan sư phó sợ hãi thưa:

- Tâu bệ hạ, là vì nước nhà mới trải qua cơn suy loạn kéo dài. Cương thường đảo lộn. Rường mối nát mục. Dân nhờn luật pháp. Nếu bản triều ta không nghiêm pháp luật, thì khó có thể lập lại được kỷ cương.

Nhà vua nghiêm sắc mặt, nhìn thẳng vào cái mũi khoằm của quan sư phó mà phán rằng:

- Ta biết những điều ông dạy ta, đều có ở trong sách. Nhưng trong sách còn có cả các điều khác nữa, sao ta không nghe ông nói.

Ta chưa nghe ông nói: “Phải lo cho dân cái gì”. Mà chỉ thấy ông nói: “Phải trị dân như thế nào”? Mấy bữa trước đọc sách thầy Mạnh(7), ta còn nhớ lời ngài dạy: “Dân vì quý xã tắc thứ chi, quân vì khinh”(8) thế là nghĩa làm sao?

Quan sư phó bầm mặt sợ hãi. Có ngờ đâu một cậu bé mới mười hai, mười ba tuổi mà đã thông tuệ khác đời. Ông tự nghĩ: Ta lĩnh lời uỷ thác của thái sư thống quốc: “Không được đem cái nhân của đàn bà để giáo hoá đức vua. Nếu biến đức vua thành một người uỷ mị yếu đuối là mang trong tội”. Thành thử vừa hầu giảng đức vua, ông vừa lo sợ. Trong việc này, phận sự của ông, phải làm đẹp lòng cả hai người. Nhưng không thể xem mãi đức vua như một đứa trẻ được. Non một năm gần đây ngài đã ý thức được ngôi vị của mình. Ngài hỏi han kỹ lưỡng những việc lớn quốc gia, có quan hệ đến sự bình trị ở đời. Lại bữa nay, nhà vua dòn ta tới mức như ngài không chịu nổi cái học hình danh. Ngài có cái tâm thật tốt. Mặc cho ông chú muồn uồn vót thành một thứ gai nhọn sắc. Mới hay cha sinh con, trời sinh tính!

“Thế nghĩa là làm sao?” Câu hỏi như một chiếc roi gai quất vào giữa mặt, khiến quan sư phó thấy đau lòng. Ông lúng túng giải bày:

- Tâu bệ hạ, ý thầy Mạnh nói ở đây, không có nghĩa là coi thường thứ bậc của ngôi quân trường, mà thầy muốn nhấn: “Phải lấy dân làm gốc. Vì không có dân thì không có nước. Nước đã không có thì đáng quân trường lấy ai mà chấn đất, mà cai trị”.

- Tiếc thay ông đã không truyền giảng cho ta các điều hay lẽ dờ một cách đầy đủ! Nói xong, nhà vua đứng dậy.

Đêm ấy trong nội tẩm, Trần Cảnh cứ trằn trọc mãi không ngủ được. Chiều Thánh lặng lẽ đặt tay lên ngực chồng. Trần Cảnh vẫn lặng thinh. Không gian yên tĩnh tới mức hai người nghe rõ được cả hơi thở của nhau. Một lúc lâu sau, Chiêu Thánh mới thở thề hỏi chồng:

- Bữa nay thị triều có điều gì làm nhà vua buồn vậy? Vừa hỏi, Chiêu Thánh vừa xoa bàn tay mềm mại của mình lên ngực chồng.

Được vuốt ve, Trần Cảnh thấy lòng dịu lại, nắm lấy bàn tay hoàng hậu, nói vừa đủ cho hai người nghe:

- Ta bực vì ông sư phó dạy ta không đến nơi đến chốn. Ông ta thiên về cái học hình danh, khiến tâm con người trở nên ác độc. Ta cứ băn khoăn mãi về những điều ông ta rao giảng bấy lâu nay. Mãi cho tới khi ta tìm sách đọc, mới vỡ lẽ.

Hoàng hậu Chiêu Thánh đang ở tuổi mười ba. Cái tuổi dậy thì của con gái. Một vài tháng nay, hậu lớn vồng lên. Cặp má lúc nào cũng ửng hồng. Môi tươi như thoa son. Bộ ngực có đôi bầu vú nở căng như đội áo lên. Tính tình thay đổi bất thường. Có lúc nói cười hồn hậu. Có lúc lại buồn rĩ rượi. Đầu óc lăm lăm cứ rối tung lên. Vừa chợt nghĩ ra điều gì, lại quên ngay mất việc đang làm dở. Hậu bắt đầu thích ngắm mình trong gương. Thích chăm sóc đến áo quần và trang điểm. Hậu cũng có những đòi hỏi khác thường. Hậu muốn được nhà vua săn sóc, muốn được vuốt ve âu yếm.

Tất cả những sự thay đổi của Chiêu Thánh, dường như Trần Cảnh không để ý tới. Ngoại trừ những việc buồn the kín đáo mà nàng hay khêu gợi khi đêm về. Lúc đầu chỉ làm cho Trần Cảnh thấy buồn cười. Sau lại thấy vui vui. Hai người thích được gần nhau luôn để được đầu gối tay ấp. Để được thủ thi chuyện trò. Và đúng là chỉ đêm xuống đôi lứa mới được sống với nhau bằng tình cảm thật. Bởi lẽ ban ngày, người thì đóng vai đạo mạo của một vị quân trường, người phải tỏ ra là bậc mẫu nghi thiên hạ, trong khi họ còn là những thiếu niên, họ cũng cần chơi bời, đùa nghịch như bọn trẻ bằng lứa.

Cùng với thời gian, cả hai đều dần dần ý thức được vai trò của mình. Chiêu Thánh chẳng hạn, hậu không còn bằng lòng với việc sắp xếp bọn nữ tì hầu hạ trong cung cấm theo ý của mẹ đẻ nữa. Chiêu Thánh đuổi bớt những đứa hầu cận trái ý mình, và lựa những đứa biết chiều theo sở thích của hậu. Cả Trần Cảnh cũng thế. Trần Cảnh càng ngày càng ham mãi kiếm tìm sách đọc. Cũng như xem xét kỹ càng phép trị nước của các đời. Nhiều khi Cảnh đem các suy nghĩ thấu tóm được trong sách về nói chuyện với thượng hoàng. Trần Thừa không phải là người học hành giỏi giang gì, ông không lý giải được cho con về những điều cao rộng mà các bậc thánh hiền đã lưu lại. Ông bèn gặp Trần Thủ Độ. Anh em đàm đạo thật là coi mớ.

Thượng hoàng Trần Thừa nói:

- Chẳng giấu gì chú, ít lâu nay Cảnh nó thường hỏi tôi các điều về công việc của triều đình.

Trần Thủ Độ mỉm cười, đáp:

- Vậy là đáng mừng có gì bác phải băn khoăn. Ta chỉ mong sao cháu chóng trưởng thành, tự nó điều hành các công việc triều chính. Tôi với bác, làm sao cáng đáng được mãi các công việc lớn quốc gia. Đại loại cháu nó thường hỏi bác về cái gì?

Thượng hoàng Trần Thừa vui vẻ nói luôn:

- Chẳng hạn như hôm trước, chú bảo tôi cho ngự sử đài bố cáo cho đầu mục các châu, quận, lộ, phủ phải làm sổ hộ khẩu, phân rõ độ tuổi, chia ra thứ bậc từ tiểu hoàng nam đến long lão(9) để tiện dụng cho việc binh, phòng khi có họa biến. Nó hỏi tôi: “Như thế có phiền cho dân không?” Lại cái hôm tết đoan ngọ, triều đình cử hành lễ diêu Khuất Nguyên cùng các người hiền đời trước, nó cũng hỏi: “Lễ này này có từ bao giờ? Tại sao chỉ diêu những người hiền của Trung Hoa? Đại Việt ta qua các đời không có ai là người hiền chăng?”. Đây, chú xem, những điều như thế, trước đây nó có biết gì đâu mà hỏi. Bây giờ không những hỏi, mà còn tranh biện cả với tôi.

Trần Thủ Độ lấy làm đắc ý lắm, ông nói:

- Thế thì đại phúc cho nhà Trần ta đấy, bác ạ. Tôi chỉ sợ nó khù khờ, bảo sao nghe vậy, thì lúc anh em mình khuất nẻo rồi, ai là người giúp nó lèo lái con thuyền quốc gia. Thằng bé được cái tâm thiện. Biết thế, tôi đã căn dặn kỹ càng viên sư phó dạy cháu trở thành người cứng rắn. Nghe đâu nó vừa qở ông ta. Có nhẽ phải chọn thầy khác cho cháu thôi, bác ạ.

- Chú định nhắm ai? Phải tìm cho cháu một ông thầy thật thông hiểu cả tam giáo(10), chú ạ. Đạo này, nó hay hỏi tôi về Đạo giáo lắm. Minh ngày này tuổi đầu, chữ nghĩa kém cỏi, chẳng biết đầu đuôi thế nào mà chỉ dẫn cho nó.

- Tôi định mời cư sĩ Phùng Tá Thang, ý bác thế nào? Ông này là cha đẻ của Phùng Tá Chu, người Long Hưng(11) học thức hơn đời, thông hiểu cả tam giáo, cửu lưu(12). Ông là một người tích thiện. Gặp những năm đói kém mất mùa, thường xuất của nhà ra chẩn cấp cho người nghèo. Khắp mấy châu quận, dân chúng đều mến mộ công đức ông ta. Ông ta là học trò yêu của Đỗ Đò(13) chủ sự phái thiền Hoàng Giang. Tôi đồ rằng Trần Cảnh sẽ hợp với tiên sinh.

Trần Thừa gật gù:

- Nếu chú thấy được, chú cứ làm. Mọi việc tôi đều trông cậy nơi chú.

=====

1. Bốn bộ sách cơ bản của Đạo nho: Trung dung, Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học.

2. Ngũ kinh: Thực ra là lục kinh tức sáu bộ sách kinh điển của Đạo nho do Khổng Tử soạn: Dịch - Thi - Thư - Lễ - Nhạc - Xuân Thu. Kinh Nhạc bị đốt trong thời Tần Thủy hoàng, sau chỉ còn lại năm kinh.

3. Lục thao: Sách của Thái Công soạn gồm có: Văn thao, Vũ thao, Long thao, Hồ thao, Bảo thao, Khuyển thao.

4. Tam lược: Sách về binh pháp do Hoàng Thạch Công soạn.

5. Hình danh: một nhánh của học phái Pháp gia.

6. Pháp gia: Một học phái chủ trương trị nước thuần tuý trên cơ sở luật pháp nghiêm ngặt.

7. Ám chi Mạnh Tử, một người có công chấn hưng đạo Nho sau gần 200 năm Khổng Tử mất.

8. Có nghĩa: Dân là quý, thứ đến đất nước, vua là bình thường, ý nói phải lấy dân làm gốc.

9. Lệ nhà Trần kê khai hộ khẩu con trai lớn trên 18 tuổi gọi là đại hoàng nam, dưới tuổi đó gọi là tiểu hoàng nam, 60 tuổi gọi là lão, già hơn gọi là long lão.

10. Ba đạo lớn: Nho - Lão - Phật.

11. Phùng Tá Thang gốc người Lý Nhân (Nam Hà ngày nay) sau dời sang làng Mỹ Xá (nay thuộc huyện Hưng Hà - Thái Bình).

12. Chín học phái thời Xuân Thu - Chiến Quốc: Nho gia, Đạo gia, Âm dương gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Tung hoành gia, Tạp gia, Nông Gia.

13. Đỗ Đô quê ở làng Lạng (huyện Vũ Thư, Thái Bình ngày nay). Đỗ ưu khoa Minh kinh bác sĩ, Nguyên phong năm thứ sáu (1097) đời Lý Nhân tông. Sau lại đỗ ưu khoa thi tam giáo. Ông không ra làm quan mà về lập ra Hoàng Giang phái. Nội dung lớn mà ông lý giải là “Tam giáo đồng nguyên”. Hoàng Giang được coi là tiền thân của phái Trúc Lâm sau này.

Từ khi mời được cư sĩ Phùng Tá Thang về triều làm thầy dạy học thay cho quan sư phó, nhà vua lấy làm mãn nguyện. Những điều tiên sinh giảng giải rất hợp ý nhà vua. Trần Cảnh là người tôn sư trọng đạo. Nhà vua khấn khoản mời tiên sinh vào ở ngay trong nội điện, để tiện việc học hành, và cũng là để được đàm đạo nhiều hơn.

Tiên sinh lấy có rằng ông không quen ở nơi đô hội. Ông chỉ muốn sống một mình cho tĩnh lặng, vừa tiện việc đọc sách và viết sách. Bởi thế nhà vua đã thu xếp để tiên sinh ở điện Cao Minh gần cửa Đại Hưng. Tuy vậy, tiên sinh cũng khéo léo từ chối và xin được ở chùa Thắng Nghiêm, đối diện với cửa Đại Hưng ở phía ngoài hoàng thành. Nhà vua vui vẻ chấp nhận, vì có đôi lần qua lại Thắng Nghiêm, ngài tỏ lòng mến mộ cảnh chùa u nhã, lại được vị thiền sư trụ trì là người đạo cao, đức trọng. Hằng ngày, tiên sinh thường đến giảng kinh sách cho nhà vua tại điện Nhật Minh. Xong ông lại lui về trụ tại chùa Thắng Nghiêm. Nhà vua đã dựng cho tiên sinh một mái thảo đường ngay dưới gốc cây bồ đề sum sê, soi bóng xuống hồ bán nguyệt, và kế cận với vườn hoa rợp bóng các loài mẫu đơn trắng, đỏ, vàng xen với ngâu, ngọc bút, bạch trà, ngọc lan... bốn mùa tỏa hương thơm ngào ngạt.

Một hôm bất chợt Thái tôn vì hành tói thăm Phùng tiên sinh. Nhà vua cải dạng như một nho sinh, có tiểu đồng đi theo, quảy hai chiếc tay nải nhẹ tênh. Qua tam quan, tiểu đồng dẫn nhà vua theo con đường quanh co trong vườn chùa. Khen thay chỉ có một vuông đất không rộng lắm, mỗi bề bất quá hơn một ngàn bước chân, mà nhà chùa sắp xếp cây cối, nhà cửa, đường đi lối lại cứ như là đường vào cõi thượng giới. Đây là rừng đại ngàn với những cây muỗm cổ thụ, thân cao vút, gốc xù xì, cành lá vươn dài, tán khép dày. Loáng thoáng có những giọt nắng xuyên qua kẽ lá, trải lốm đốm trên nền cỏ đã ngả sang màu lục nhạt, nom như những bông da của đám hươu sao trên thung Yên Tử. Kia là một dải suối, chảy róc rách qua những khe đá nằm lẩn lóc trong lòng suối. Con suối nông chèo, nước chỉ ngập tới mắt cá chân cũng được bắc qua một cây cầu gỗ làm theo kiểu thượng gia hạ kiều(1), hai bên lan can con tiện. Lác đác còn có những lau lục giác, bát giác ẩn dấu trong bóng cây. Nơi là đình Nghinh phong(2), nơi là lầu Tịch huyền(3). Qua suối lại đến khu vườn được. Tại đây hàng trăm loài cây thuốc được đưa về trồng thành rừng. Loáng thoáng một vài chú tiểu đang lom khom đào, hái. Vẳng đâu đây một tiếng gà gáy của chú chim cu cườm. Con đường dẫn tới vườn hoa, vòng ra hồ bán nguyệt. Tại đây nhà vua đã nhìn rõ toàn cảnh ngôi thảo đường dưới gốc cây bồ đề. Ba gian nhà nhỏ, cửa mở toang. Tiên sinh đang rập mình trên tờ giấy điều trải rộng với cây bút lông lớn trong tay. Vừa lúc tiên sinh phẩy nét bút cuối cùng, ngẩng đầu lên đã thấy nhà vua đang chăm chú nhìn mình. Tiên sinh vội đứng dậy vái nhà vua hai vái. Nhà vua cũng vái lại đáp lễ. Nhà vua đưa mắt nhìn nơi ăn ở của sư phụ. Gian giữa chỉ trải một chiếc chiếu rộng. Nhìn sang gian bên tả, thấy chiếc nệm cỏ đặt trên tấm chiếu cói. Gian bên hữu, vài kệ sách kê sát tường. Một chiếc bàn cuốn thư, một chiếc ghế triện. Trên bàn vài thứ đồ văn phòng tứ bảo.

Thấy cảnh sinh hoạt sơ sài như một đạo sĩ, nhà vua trịnh lòng hỏi:

- Bẩm sư phụ, quan thiên phủ(4) đã cho người đưa các thứ lại đây hầu sư phụ chưa?

Phùng tiên sinh ngẩng đầu nhìn nhà vua. Chiếc khăn nhiễu nâu hơi trùm búi tóc tuột ra một vòng, khẽ đung đưa. Tiên sinh nhẹ vén hai tay áo thụng rồi vuốt chòm râu bạc mỉm cười.

- Đội ơn bệ hạ. Quan thiên phủ có đến gặp bản đạo, nhưng bản đạo với ngài thiền sư đây vốn là chỗ bằng hữu, nên mọi thứ đã có

nhà chùa chu cấp. Ngay thuyền sư đạo hữu cũng nài nỉ bản đạo ở nhà phương trượng, nhưng bản đạo vốn quen cảnh lâm tuyền đạm bạc.

Nhà vua tự nghĩ: “Có nhẽ tiên sinh không muốn phiền đến ta. Đây là cái ơn tri ngộ, biết đến bao giờ mới đền đáp được”. Lúc này nhà vua mới chú ý tới đôi liễn tiên sinh vừa viết xong.

Thấy nhà vua liếc nhìn, tiên sinh vội đem treo lên vách.

Nhìn hai bức liễn viết theo lối thảo tự, nhà vua xem như xem tranh chứ không đọc. Nét chữ bay bướm, một cách tài tình. Chỗ đậm, chỗ nhạt, khoảng sáng, khoảng tối nom thật thanh nhã, sâu lắng, ẩn giấu một triết lý cao siêu như tư chất của tiên sinh vậy. Nom những bức liễn của tiên sinh, khiến Thái tôn liên tưởng đến những bức sơn thủy họa của Vương Duy(5) treo trong điện Thiên An.

Thái tôn đã cố gắng đoán mà không đoán ra một chữ nào, bèn kính cẩn hỏi tiên sinh:

- Xin sư phụ đọc giùm cho, tiểu sinh quả là có mắt như đui.

Phùng tiên sinh liễn cất cao giọng đọc:

PHẬT - NHO - LÃO TAM GIA NHẤT TRỪ

QUÂN SƯ PHỤ NÃI NGŨ LUÂN CHI YẾU(6)

Đọc xong, tiên sinh bèn giảng giải:

- Tâu bệ hạ, đây là chữ của thầy tôi dùng trong bài văn sách, khoa thi tam giáo năm Hội phong thứ sáu(7)

- Thừa sư phụ, Thái tôn nói - Cứ theo như ý trong đôi liễn này, có nghĩa là tam giáo đồng nguyên?

Ngẫm ngợi một lát, Phùng tiên sinh đáp:

- Tâu bệ hạ, sự không phải vậy, nhưng lý là vậy đó.

Thái tôn lắc đầu:

- Thừa sư phụ, tiểu sinh không hiểu.

Phùng tiên sinh đem ra một be rượu kim cúc. Ông rót vào chén sành Bát Tràng men ngọc, dâng vua.

Thái tôn chấp hai tay vái, chối từ. Nhà vua vẫn có ý chờ tiên sinh chỉ giáo.

Phùng tiên sinh sửa lại khăn áo, đốt lò trầm, rồi thông thả nói:

- Tâu bệ hạ, ba đạo Nho, Lão, Phật là do ba nhà chủ trương. Tông chỉ của mỗi đạo cũng khác nhau về căn bản. Sự là như vậy, nên không thể nói ba đạo cùng một nguồn gốc. Đời nhà Đường, đạo Phật du nhập từ Tây Trúc sang Trung Hoa, đã bị nhà nước Trung Hoa chèn ép. Các giáo phái bài xích, phản bác nhau mạnh mẽ. Sự tranh chấp quyết liệt đôi phen đã đổ máu. Có người đã đứng ra hoá giải, cũng nói là “tam giáo đồng nguyên”(8). Vì sự không phải là đồng nguyên, nên cuộc hoá giải không thành. Tranh chấp kéo dài tới cả trăm năm, rồi ba đạo đó mới tìm được chỗ đứng trong nhau, sống hoà thuận được với nhau.

Nhưng ở ta thì khác, các đạo Nho, Lão của Trung Hoa tràn sang ta. Các cụ ta lý hội ngay được sự tinh túy của hai đạo lớn đó. Tiếp đến khi đạo Phật từ Tây Trúc tràn sang. Rồi sau nữa đạo Phật cũng qua đường Trung Quốc tràn vào. Các cụ ta đều nhiếp thống được cái

tinh túy của tam giáo. Thành thử ở ta không có sự chèn ép giữa các tông giáo. Đến đời nhà Lý, từ Lý Thái tổ đã lấy đạo Phật làm Quốc giáo. Song không vì đưa đạo Phật lên vị trí siêu việt mà có sự bài xích Nho, Lão.

Nhà vua nghe Phùng tiên sinh giảng giải thật là chăm chú. Đôi mắt nhà vua nhìn vào miệng Phùng tiên sinh - nơi phát ra những lời nói vừa mộc mạc vừa cao siêu, khiến nhà vua như uống lấy từng lời.

Nhấp một ngụm rượu, tiên sinh lại nói:

- Về sự là như vậy. Song về lý thì cả ba tôn giáo đều có chỗ nhất quán, nghĩa là vừa siêu nhiên, vừa hiện thực. Nho, Lão, Phật đều không phải là những hệ thống đóng mà là dòng nước luôn luôn lưu thoát. Ở nước ta, các bậc minh quân thường kiêm dùng cả ba đạo, gồm cả xuất lẫn nhập, cả siêu nhiên lẫn hiện thực, lấy cái nọ chế thắng cái kia cho thêm phong phú tinh thần về đường khai phóng. Bởi thế, việc kén hiền tài cũng xuất phát từ tam giáo. Ví như đã trúng cách khoa minh kinh bác học rồi, lại phải trúng cách khoa tam giáo nữa mới được bổ dụng.

- Tâu bệ hạ, vậy là các cụ ta, đã tạo ra được một đạo mới thấm nhuần ý nghĩa nhân văn siêu việt của tam giáo, trở thành nền đạo thống của quốc gia. Cái lý về tam giáo đồng nguyên chính là ở đây.

Thái tôn cuối đầu suy tư. Nom dáng vẻ nhà vua đã vượt ra khỏi tầm vóc của một thiếu niên. Phùng tiên sinh ngừng lời lâu rồi, nhà vua vẫn còn miên man với những ý nghĩ về dân, về đạo. Chợt Thái tôn ngẩng nhìn Phùng tiên sinh, nhà vua có cảm giác như là thầy đã biết cả gan ruột mình rồi.

Lúng túng vua nói:

- Sư phụ, những điều thầy nói vừa cao minh, vừa uẩn ảo, khiến tiểu sinh thấy băn khoăn khó nghĩ quá.

- Tâu bệ hạ, chẳng hay có điều gì làm bệ hạ phiền lòng? Bần đạo tuổi cao, tránh sao khỏi, sự khiếm khuyết, mong bệ hạ đại xá.

- Ô không! Thưa sư phụ, những điều mà sư phụ thường giảng giải cho tiểu sinh sâu rộng quá, nó hàm chứa cả nhân, cả nghĩa, cả đạo nữa. Tiểu sinh tự thẹn vì mình ở ngôi cao mà chưa làm được điều gì ích dân lợi nước. Tự thẹn còn vì tiểu sinh được người họ Lý nhường ngôi. Mà rường mối cương thường lại cũng chính do các triều vua Lý đặt nền móng cả. Làm được như nhà Lý đối với dân, đối với đạo ở các thời thịnh đã khó. Vượt được nhà Lý về mọi mặt là muôn khó. Thưa sư phụ, gần đây thái sư thống quốc đã cho san định bộ binh luật, tiểu sinh đã chấp thuận bổ cáo cho thần dân đều biết mà thi hành. Nhưng trong lòng vẫn còn áy náy.

- Bệ hạ áy náy điều gì? - Phùng tiên sinh nhẹ hỏi như là một sự khuyên nhủ, khiến nhà vua phần chần hẩn lên, ngài nói:

- Thưa sư phụ, điều tiểu sinh thấy chưa được yên ổn trong lòng, ấy là hình luật xem ra có bề hà khắc.

Phùng tiên sinh lấy làm cảm kích thiện tâm của đức vua. Ông không khỏi sung sướng vì đã dạy cho hoàng thượng nhuần thấm được cái đạo nhân nghĩa ở đời. Tự dung nước mắt ông nhều ra.

- Tâu bệ hạ, bần đạo đã có đọc qua bộ hình thư đó. Bần đạo cũng có cái cảm nhận như bệ hạ. Song le, mấy chục năm nay kỷ cương nát mục, luân thường đảo lộn, dưới trên lẫn lộn, ác thiện khó phân. Nhà Trần ta mới được thiên hạ, nhẽ ra phải làm trước hết là các việc thiện đức. Khôn nổi xã hội rối như một mớ bòng bong, thế thì làm sao thi hành được cái đạo của nhà vua. Cho nên phải dựa vào hành pháp để khôi phục đạo thống, lập lại kỷ cương, rồi sau đó mới có thể làm sang việc khác. Bộ hình thư đó lúc này là cần thiết. Nhưng khi dân đã đi vào kỷ cương lễ luật rồi, hình pháp phải khoan giảm.

Thái tôn nhích lại gần Phùng tiên sinh hỏi:

- Thừa sự phụ, khi đã ổn cố được kỷ cương rồi thì phải làm gì?

Tiên sinh cười, vui vẻ đáp:

- Ổn cố được kỷ cương đâu phải chuyện một sớm một chiều làm được. Việc này cực kỳ hệ trọng, vì nó xây dựng rường mối cho một triều đại. Việc hình luật muốn có thành tựu là phải nghiêm. Trước hết đối với những người làm ra luật pháp, những người cầm cân nảy mực trong bộ máy quốc gia, không được phép vi phạm. Có thể dân mới tin. Dân tin từ các điều nhỏ nhặt thì nhà vua mới làm được các điều to lớn khác.

- Tâu bệ hạ, việc này bản đạo nhớ có lần thầy Tử Cống hỏi đức Khổng Tử: “Việc chính nên như thế nào?”.

Đức Khổng tử đáp:

- Đủ ăn, đủ binh, dân tin mình.

Tử Cống lại hỏi:

- Bất đắc dĩ phải bỏ một trong ba điều ấy thì bỏ điều nào trước?

Khổng tử ngần ngại nghĩ suy, đức thánh hiền nói:

- Bỏ việc binh.

Lại hỏi:

- Còn hai điều ấy, bất đắc dĩ phải bỏ đi một điều nữa, nên bỏ điều nào trước?

Khổng Tử đáp:

- Bỏ ăn. Bỏ ăn thì chết. Nhưng xưa nay người ta vẫn chết. Còn như dân không tin thì hỏng. Hỏng hết. Sụp đổ hết.

Phùng tiên sinh thủng thẳng nói rành rõ từng lời. Nhà vua cứ há mồm ra nghe. Đức vua đã nhích sát tới mép chiếc bàn chân quỳ. Tức là hai thầy trò ngồi cách nhau chỉ còn một khoảng bằng cái mặt bàn, ước đôi hai gang tay.

Tiên sinh biết người học trò của mình có được cái tâm hiếu thiện. Ông thầm nghĩ: “Thật phúc cho nhà Trần, phúc cho trăm họ”. Ông tự hứa với mình, chừng nào còn có cơ may được hầu giảng đức vua, sẽ bằng mọi cách, giúp cho nhà vua hiểu thấu được điều nhân nghĩa, nhẽ trị loạn ở đời. Phải làm cho nhà vua biết kính cần và thận trọng, phải nắm được các điều mấu chốt của tam giáo. Biết yêu điều thiện, ghét điều ác. Chớ có ghét cái dân yêu mà yêu cái dân ghét, thì cơ đồ trường cửu bất quá không hơn chiếc bong bóng dưới giọt tranh.

Tiên sinh chợt nhớ, chưa nói điều vua hỏi: “Ổn cố được kỷ cương rồi thì phải làm gì?”. Nhìn vào khuôn mặt thơ ngây rất đáng mến của nhà vua, Phùng tiên sinh nói:

- Trở về cái chuyện hình luật. Tâu bệ hạ, khi đã ổn cố được kỷ cương rồi, tức là dân tin theo hình pháp. Trong xã hội không còn trộm cướp. Nhà nhà đủ ăn, đủ mặc. Cha con, chồng vợ hiếu thuận thì phải khoan nói hình luật. Các việc tiếp theo là khai phóng dân trí. Muốn khai phóng dân trí thì phải mở mang việc học. Phải trọng kẻ sĩ, chuộng người tài đức. Vì một nước trị hay loạn, thịnh hay suy là cốt ở nhóm người này. Đây chính là bộ phận thiểu số dẫn lối đưa đường cho toàn xã hội. Cho nên không thể không chăm lo quý trọng họ, để họ giúp rập trong việc đưa toàn xã hội phát triển lên về mọi mặt. Như mở trường học, truyền bá trí thức, giáo hoá nhân luân. Phát triển

nghề nông. Mở mang nghề công. Trau dồi nghề thương. Trong một xã hội, ai ai cũng lo làm việc. Nhà nhà đầy đủ ắt sẽ đua nhau làm điều thiện. Vậy lại phải giáo hoá cho dân ghét điều ác hiểm, gian trá, dối lừa, trộm cắp, ắt dân không bao giờ làm điều gian ác nữa. Dân ghét điều ác, điều xấu không làm, hơn là dân sợ hình pháp mà không làm điều xấu, điều ác. Như thế thì dân trở nên thuần phác, giàu có, nước của bệ hạ không muốn phú cường cũng không được.

Thái tôn hết đời vui mừng. Bởi mỗi lời nói của sư phụ như ngọn đuốc tuệ soi vào cõi vô minh, khiến nhà vua cảm thấy mình được sáng hoá, được gia tăng sức mạnh để tiến sâu vào đường đạo.

Thái tôn lại hỏi:

- Trình sư phụ, nếu dân trí được khai phóng rồi thì còn phải làm gì nữa?

Phùng tiên sinh suy ngẫm giây lâu rồi đáp:

- Tâu bệ hạ, khi các việc lớn về dân trí, dân sinh đã xây đắp được rồi, lại phải nghĩ đến dân tâm. Tức là hướng tâm thức chúng dân đi vào con đường đạo. Xin bệ hạ cứ suy xét từ nay cho tới lúc viên mãn cuộc đời, nếu không có một đáng cao minh nào đó để tôn thờ và cũng là để nương tựa thân tâm, không phải là mối lo lớn cho bách tính sao? Xin bệ hạ hãy ghi nhớ nằm lòng, rồi di truyền lại cho cháu con đời đời, đừng có bao giờ nghe lời xúc xiểm của những người thiên cận mà tước bỏ phần tâm linh của nhân chúng. Lý Cao tôn đã đại đột nghe lời Đàm Dĩ Mông(9) thu độ điệp(10), bắt tăng ni hoàn tục, phá bỏ chùa chiền, khiến nhân tâm con người trở nên bơ vơ, náo loạn. Phá chùa, đuổi tăng, nhưng nhà vua lại không ngừng xây cất lầu son, gác tía, cung điện nguy nga, ăn chơi xa xỉ, mặc chúng dân lâm than đói khổ.

Xã hội rối loạn bắt đầu từ sự sa đoạ lương tri, tâm linh đoạ lạc.

Từ đây nhà Lý, bắt đầu từ Lý Cao tôn, và kết thúc ở Lý Huệ tôn. Hai cha con ông này đã chôn cất trọn vẹn sự nghiệp hơn hai trăm năm huy hoàng của cả dòng họ.

Phùng tiên sinh ngừng lời, khiến Thái Tôn ngỡ ngàng, vì nhà vua đang chăm chú lắng nghe. Thái tôn khiêm nhường hỏi tiên sinh:

- Thừa sư phụ, có một điều tiểu sinh chưa rõ lắm, nếu các điều như tiên sinh dạy đã được hoàn tất, thì ngôi quân trưởng như tiểu sinh còn phải làm những gì nữa để dân chúng được an cư lạc nghiệp, nhà nhà hạnh phúc.

Nghe nhà vua hỏi, trong lòng tiên sinh loé lên một niềm vui lớn. Tiên sinh ao ước, nếu như vào tuổi trưởng thành, khi đã nắm trọn quyền lực trong tay, mà nhà vua vẫn còn muốn hỏi han những người am tường thế sự, những người có thiện tâm với dân, với nước. Ôi nếu được như vậy thì Thái tôn sẽ là ông vua mở nghiệp sáng giá. Mặc dù sự lên ngôi của nhà vua, ngay cả công việc điều hành triều chính, lèo lái con thuyền quốc gia đều do tay Trần thủ độ sắp đặt. Sợ rằng nhà vua không chịu tu chính nhân cách, trau dồi đạo học, để trở thành một người mẫn tuệ, thiện đức mà chỉ ham mê cung nữ, mê say các lạc thú trần gian thì sớm muộn cũng trở nên một bạo chúa. Mấy chục năm qua, chỉ vì bậc quân trưởng ngu tối. Xiết bao người chết oan khuất vì đói rét, bắt công. Đi về nẻo nào cũng thấy xác người. Tai chất đầy tiếng rủa nguyền hờn oán của đám lê dân. Chính vì thế mà tiên sinh không tiếc sức mình để huấn hử cho đức vua trở thành đáng minh quân, đem hạnh phúc đến cho mọi nhà. Nghĩ vậy tiên sinh bèn nói:

- Tâu bệ hạ, thật là phúc cho trăm họ, khi người quân trưởng có bốn tâm chí thiện. Nay bệ hạ nắm giữ ngôi trời, mà lúc nào cũng lo đến làm lợi cho dân, ắt là dân được nhờ. Thế là nhà vua đã thể theo mệnh trời. Nhưng mệnh trời không nhất định. Thiện thì được. Không

thiện thì mất. Như nhà Lê mất về tay nhà Lý. Nhà Lý mất về tay nhà Trần. Chẳng qua là các triều đại về sau không giữ được đức thiện, làm trái lòng dân, nghịch mệnh trời. Vì sao vậy? Vì rằng Vua thay Trời trị dân, thì Vua muốn điều gì là Trời muốn điều ấy. Thế nhưng Trời lại chiều Dân. Cho nên Vua làm điều gì trái lòng Dân, tức là trái mệnh Trời. Bởi thế đức Vua tuy được quyền thay Trời, nhưng phải chịu trách nhiệm về mọi mặt đối với Dân. Dân tuy chịu quyền cai quản của Vua, nhưng vẫn có quyền bắt Vua phải theo điều thiện mà làm. Thành thử muốn biết lòng Trời thì hãy xem lòng Dân. Trời với Dân làm một thì trên dưới giao hoà được với nhau. Cứ theo cái lý ấy, thì người làm vua, phải theo lòng dân mà tề chỉnh sự chính trị của mình.

Phùng tiên sinh ngừng lời. Thái tôn vẫn chăm chú lắng nghe với niềm thành kính xúc động. Tiên sinh lại nói:

- Tâu bệ hạ, những điều bản đạo tâu trình bệ hạ, phần theo chữ nghĩa của thánh hiền, phần theo sự thành tựu của các đời trước đã làm, xin bệ hạ lưu tâm.

Thái tôn cúi đầu vái tiên sinh hai vái.

1. Loại cầu có mái che.

2. Nghinh phong: Đón gió - nơi ngồi nghỉ mát.

3. Tịch huyền: Tĩnh lặng, không có tiếng ồn ào - thường là nơi đọc sách hoặc gảy đàn.

4. Chức quan trông coi về các kho tàng trong cung vua.

5. Vương Duy (698-759) một thi hoạ nổi tiếng danh đời Đường. Ông được coi là người đã sáng lập ra phái Nam thủy hoạ.

6. Có nghĩa là: Phật - Nho - Lão tuy ba nhà nhưng chung một bếp. Vua - Cha - Thầy là cái lõi của năm luân.

7. Thầy học của Phùng Tá Thang là Đỗ Đô, đỗ Minh Kinh bác học xong lại đỗ ưu khi vào thi tam giáo năm Hội phong thứ sáu, tức năm Đinh Sửu (1097) triều Lý Nhân tôn. Đỗ Đô là người sáng lập giáo phái Hoàng Giang, tiền thân của phái Trúc Lâm sau này. Ông sống trên một trăm tuổi, trải 5 triều vua.

8. Tam giáo đồng nguyên: chữ Hán có nghĩa là: Ba đạo cùng một nguồn gốc. Liễu Tôn Nguyên đời Đường đã đứng ra giải thích việc này. đương thời không chấp nhận.

9. Đàm Dĩ Mông làm tới chức Thái phó triều Lý Cao tông. Ông cho việc làm rối loạn xã hội, kinh tế khó khăn là do nhiều người đi tu quá. Chủ trương bắt tới quá nửa số sư sãi phải hoàn tục.

10. Độ điệp: một loại giấy chứng chỉ của chính quyền cấp cho người tu hành. Ai có độ điệp mới được miễn sưu dịch.

Bay đâu! Bà thiên cực công chúa Trần Thị Dung quát gọi đám nô tì.

- Dạ! Tiếng dạ ran lên từ miệng hàng chục đứa thị nữ. Chúng kéo đến vây quanh bà:

- Dạ, bẩm phu nhân, chúng con có mặt.

- Ta nghe có tiếng quân dẹp đường, có phải kiệu của đức ông về đây không?

- Bẩm phu nhân, để con ra cổng ngó xem. - Trinh Huyền vừa nói vừa nhanh nhẩu chạy ra cổng. Một lát đã thấy về.

- Trinh phu nhân, đây là kiệu của quan Thái úy(1) phụ chính đi dạo mát.

Phu nhân lắc đầu nói nhỏ, nhưng vẫn không giấu nổi vẻ bức dọc: “Đi dạo mát mà cũng tiền hô hậu hét. Ngông nghênh quá thể. Không trách ông chú ghét là phải”. Mà lạ, hai chú cháu cứ như xung khắc ấy. Bà thầm nghĩ: “Nếu không có ta can ngăn ông ấy, không biết tình chú cháu sẽ đi đến đâu. Ta vừa là mẹ vợ nó, vừa là thím nó, nói mãi cũng chẳng lọt tai nó. Từ dạo lập phủ riêng, mộ quân luyện tập ráo riết, nó lại càng vênh váo lên mặt”.

Đám thị nữ đã lui ra hết, chỉ còn Trinh Huyền vẫn bần khoản đứng gần phu nhân, như muốn bày tỏ điều gì. Trinh Huyền chính là thị nữ đã mật chuyển tờ chiếu Cần vương do quan thừa chỉ thảo đến cho Lý Huệ tôn ký, chẳng may bị lính tuần thám của Trần Thủ Độ bắt được. Việc vỡ lở, nhưng cả hai thầy trò đều được Trần Thủ Độ đại xá. Không những thế, quan thừa chỉ còn được cất nhắc, thị Huyền vẫn được tin dùng. Thị vẫn được ở lại trong cung hầu hạ đức bà, khiến thị cảm kích cái ơn cứu tử, dầu có kết cở ngậm vành cũng chưa báo đáp được.

Đức bà là người khoan nhân đức độ, không chấp nê những chuyện đã qua. Nhiều lần phu nhân còn gia ân cho tiền bạc để thị về quê, chu cấp cho cha mẹ.

Thị Huyền đứng mãi, không thấy đức bà cho lui, cũng không thấy sai bảo điều gì, Huyền bèn bê khay trà từ bàn nước đưa lại chỗ đức bà đang ngồi trên kỷ. Thiên cực đang đắm chìm vào những suy tư, chợt giật mình, bà vẩy tay ra hiệu cho thị Huyền trở lui.

Thiên cực đang mong Thủ Độ trở về để khoe biết bao là chuyện. Nhất là từ hôm được tin con gái bà - hoàng hậu Chiêu Thánh đã tắt kinh hơn một tháng, lòng bà chấp chới như muốn bay lên. Thế là bà yên tâm. Con gái bà đã ấm chỗ, chắc chân. Thảo nào nom con bé khác quá. Đang ăn chơi phồng phao thì ốm đứng ốm ngồi, chợt ngửi thấy mùi cơm đã ậm ọe nồn mửa. Mừng thì mừng thật, nhưng bà hơi ngại. Vì sức Chiêu Thánh mảnh mai quá. Còn trẻ quá. Con bé mới chớm sang tuổi mười lăm mà đã sắp làm mẹ.

Bà bấm đốt ngón tay nhằm tính từ ngày thái sư thống quốc đi khỏi kinh thành. Cứ như lời ông nói lúc ra đi: “Tôi chỉ đi trọn một tháng” thì hôm nay đã là một tháng năm ngày rồi, vẫn chưa thấy về.

Bà mong chồng về còn vì có chuyện bà nhờ vả ông, xin cho một thằng cháu về bên ngoại. Tức là cái tên phải gọi bà bằng bà cô để được làm câu đương(2). Chả là bữa thái sư sắp ra đi, bà hỏi:

- Ông lại sắp đi đâu đấy?

Thái sư mỉm cười, đáp:

- Tôi đi có công việc của triều đình.

- Thì có bao giờ tôi nghĩ ông đi làm việc gia đình. Chẳng qua là vợ chồng ăn ở với nhau, quen hơi bén tiếng, ông đi, vắng cửa vắng nhà, tôi cũng hơi thế thôi. Thiên cực nói hơi có ý hờn mát.

Trần Thủ Độ làm lành:

- Tôi đi xét định hộ khẩu mấy châu Sơn Nam, Thanh Hoá. Tiện thể lựa một số câu đương.

Thiên cực hỏi:

- Vậy chớ thời bình, sao phải xét định hộ khẩu làm gì?

- Để phòng việc binh. Mình sống cạnh một nước khổng lồ. Ssinh ra là mất nước như chơi. Thôi thì cái gì lo sớm được cứ lo, chẳng hơn lúc lâm sự, trở tay không kịp.

- Ông có về Long Hưng(3) chứ?

- Có. Tôi phải tuyển ở đây hơn chục tên câu đương. Bởi có một số già quá không làm được việc. Còn một số trẻ quá lại chỉ ham cờ bạc, trai gái, hà lạm, đục khoét của dân.

Thấy Thiên cực có vẻ băn khoăn, Thủ Độ gắng hỏi tới hai, ba lần bà mới chịu nói:

- Tôi có một thằng cháu họ ngoại, muốn xin ông gia ân cho nó một chức câu đương.

Trần Thủ Độ cười lớn:

- Tưởng chuyện gì khó, chứ chuyện ấy trong tầm tay tôi. Bà cứ nói tên họ nó cùng quê quán, làng xã để tôi biên lại, thế nào tôi cũng cho nó làm câu đương.

Bà Thiên cực thường nghĩ, mình xa quê quán kể tới mấy chục năm rồi. Nhất là họ hàng về phía bên mẹ cách sông cách đò, thẳng có về thăm cũng không sang được. Nay cho thằng cháu làm chức câu đương, xem như đây là một chút quà của bà với bên họ mẹ. Bà cũng biết tính chồng lắm. Ông ấy là người trọng nghĩa. Nhưng cũng là một người sống mầu mực, nghiêm chính. Mấy năm ăn ở với nhau, bà còn lạ gì tính chồng. Ông chúa ghét bọn tham nhũng. Hạng người này ông ấy coi ngang với bọn lưu manh, trộm cắp. Cũng may, nhờ có nghiêm từ nhà nghiêm đi. Nghiêm từ trên nghiêm xuống, nên xã hội đã khôi phục lại được nền nếp, kỷ cương. Người dân đã được an cư lạc nghiệp. Bà Thiên cực cứ phiêu bồng hết ý nọ sang ý kia như một kẻ mộng du. Bỗng có tiếng trống điểm canh phía cổng dinh, một lát sau thị nữ Trịnh Huyền vào bẩm:

- Trình đức bà. Đức bà có người em bên quê ngoại ra thăm, đang chờ lệnh bà cho phép. Thiên cực công chúa gật đầu. Trịnh Huyền dẫn vào một bà nhà quê. Vừa trông thấy Thiên cực phu nhân, bà ta đã tru tréo lên:

- Ôi cô ơi là cô, cô thương cháu mà suýt nữa cháu cô bỏ mạng rồi cô ơi.

Bà ta cứ hô hoán lên, vừa khóc vừa nói, khiến phu nhân phát hoảng. Không biết bà ta là ai, ở đâu đến. Bà ta la hét oán vọng cái gì mới được cơ chứ. Càng nghe bà ta nói, phu nhân càng không hiểu đầu đuôi sự thể ra sao nữa.

Phu nhân tỏ vẻ bức mình, truyền cho thị nữ hỏi cho ra nhẽ. Bọn thị nữ đổ dành mãi, bà ta mới hét toáng lên:

- Thế ra cô vẫn không nhận ra tôi à? Bỏ tôi với mẹ cô là hai anh em ruột. Mới có một đời thôi mà đã quên hết cả họ nội, họ ngoại rồi

sao?

Phu nhân vừa nhìn ngắm bà, vừa ngắm nghĩ lời bà ta nói: “Bố tôi với mẹ cô là hai anh em ruột”. Chả lẽ đây chính là chị ta sao? Đúng rồi, chị ấy có nốt ruồi đen ngang đầu con mắt. Hồi mình còn sống ở làng Ngừ, chị ấy thường sang sông cắt cỏ trâu. Hai chị em đánh chuyện với nhau mãi không chán. Vẫn cái thói bỏ lơ ba la, chưa thấy người đã thấy tiếng. Từ tính nết đến lời ăn tiếng nói vẫn y hệt thời con gái. Chỉ có khác là chị ấy thay đổi nhiều quá. Chị già quá, tóc bạc gần hết rồi.

Trong khi phu nhân còn đang hồi tưởng về những ngày thơ ấu của hai chị em thì bà ta la lên:

- Thế ra cô vẫn không nhận ra tôi thật à, cô Dung?

Đám thị nữ xanh mắt nhìn nhau. Thị Huyền vội chạy lại bịt miệng bà khách. - Bà ăn nói gì lại không biết giữ mồm giữ miệng. Ai cho bà réo tên tục của phu nhân ra mà gọi.

Bà khách đầu dụi:

- Thế tôi phải gọi cô cháu bằng gì?

- Gọi là gì thì tùy bà. Hay bà cứ gọi là “Thiên cực công chúa”, hoặc “phu nhân” không thôi cũng được.

Chợt phu nhân sốc áo đứng dậy đi về phía người khách lạ. Phu nhân vái dài khách rồi nói:

- Chị Gái phải không? Bỏ lỗi cho tôi. Hơn mười năm không được về quê. Hơn hai chục năm chị em mình không gặp nhau. Bao nhiêu biến đổi tang thương đã xảy ra trên đất quê mình. Chị lên thăm tôi, quý hoá quá. Nhưng vừa rồi chị kể về cái gì tôi nghe khiếp sợ quá. Cái gì sống sống chết chết hà chị?

- Giời ơi, chính vì cái việc sống chết ấy mà tôi phải lặn lội lên đây tìm cô. Cô biết đấy. Từ cái thuở cô được tiến kinh, cô trở thành hoàng hậu, thì bên nội cô được nhờ vả thế nào không biết. Chứ bên ngoại, tịnh không có ai cầu cạnh xin xỏ phiền quấy gì cô. Có đúng thế không? - Bà Gái vừa nói vừa gạn hỏi, khiến phu nhân phải gật xác nhận.

Phu nhân hai tay nâng khay trà mời:

- Chị hãy cứ nhai một khẩu trà đi đã. Suốt mấy chục năm chị em không gặp nhau. Chị trách, tôi chịu. Nhưng chị hãy bình tâm. Tôi có lỗi nhiều với quê họ mẹ. Chị biết đấy, tiếng rằng được về kinh, nhưng tính mạng tôi, lúc nào cũng như cá nằm trên thớt ấy, sung sướng gì đâu. Bà mẹ chồng, tức bà thái hậu, luôn rình rập bỏ thuốc độc vào thức ăn thức uống của tôi. Nếu Huệ tôn không tận lòng thương, chắc là tôi không còn sống đến ngày nay để nghe chị trách móc. Cực lắm chị ơi, nay nhóm này, mai phe khác, loạn lạc khắp nơi, triều đình chạy như vịt. May có ông thái sư tài hơn thiên hạ, nên đất nước mới được yên bình mấy năm. Đào ôi, cứ nghĩ lại những năm tháng đã qua mà sỡn gai ốc.

Phu nhân đổ một hơi thờ dài, như vừa trút đi cơn ác mộng.

Bà khách ở quê ra nhón một khẩu trà. Cầm miếng trà tèm cánh phượng rất khéo, bà ngắm nghía rồi mở ra. Vừa mở miếng trà bà vừa nói:

“Ăn trà phải mở trà ra

Một là thuốc độc hai là mận vôi”.

Xong bà ộp cả ba miếng trâu, cau, vỏ dút thồm vào mồm nhai bồm bồm, nuốt nước miếng ừng ực. Bà lấy hai ngón tay tếm từ hai khoé miệng đến vành môi, nhả miếng trâu ra cầm tay, lại nói:

- Ấy đây, những chuyện cô nói chúng tôi bỏ ngoài tai hết. Cứ là ăn no vác nặng, tôi lên giường đánh một giấc đấy. Mặc cho ai tranh mỗi phú quý, bả vinh hoa. Thời thế đổi thay như chong chóng, ai mà biết trước được. Đây, mới hôm trước nhà Lý, hôm sau lại Trần, rồi còn cái gì cái gì nữa, ai mà lường hết. Mất mạng như chơi. Cánh nông phu chúng tôi không dính. Cô ngẫm xem, cô vinh hiển thế, nhưng tịnh không có một ai trong họ nhà tôi cậy nhờ cô điều gì. Có đúng không?

- Quả có như vậy. Phu nhân buồn rầu xác nhận. - À, nhưng sao chị vẫn chưa nói cho tôi hay cái điều gì “sống chết”, mà chị la trời la đất lúc vừa trông thấy tôi ấy.

- Ủ, cũng chỉ có mỗi cái việc ấy, tôi mới phải cất công lên đây, nói với cô, rằng từ nay, cô đừng có ban ân ban phúc gì cho bên ngoài nữa nhé. Thăng con tôi suýt mất mạng vì chuyện cô xin cho nó làm câu đương đấy.

- Chị nói gì lạ thế chị Gái? Ông thái sư nói là đi xét định hộ khẩu, tuyển câu đương. Tôi hỏi có về vùng mình không. Ông ấy bảo “có”. Nhân tiện tôi dặn ông ấy tên tuổi làng xã thằng con chị, để ông ấy cất nhắc cháu. Tôi có ác ý gì mà chị bảo tôi giết cháu?

- Thôi được rồi, cô để tôi nói rõ ngọn ngành cho cô chừa cái thói làm ơn, làm phúc ấy đi. Bà khách nhà quê bỗng nghiêm mặt lại. Bà vút toạch miếng bã trâu ra thêm diện, tay bà vẫn sờ sờ vào hông chiếc ống nhỏ bằng đồng mắt cua mát lạnh.

- Nó là như vậy cô ạ. Đúng là ông thái sư nhà cô có về xã tôi. Ông chia mảnh giấy ra hỏi ông xã trưởng: “Làng này có tên mỗ này không? Tìm nó cho ta”. Thằng cả nhà tôi được xã trưởng cho người đến gọi ra hầu thái sư, mừng quá. Nó dặn vợ con: “Ta là dòng tôn thất ngoại tộc. Phen này ắt thái sư đưa ta tiến triều”. Nó hăm hồ đóng khăn đóng áo đi gặp ông thái sư nhà cô. Bước ra khỏi ngõ, nó còn quay lại giờ nắm đầm dọa vợ con: “Phen này ông mà được vào triều, mẹ con mày biết tay ông. Còn coi thường ông nữa không nào”. Nói xong nó cắm cổ chạy. Đúng là nó chạy cô ạ. Chẳng biết đầu của tai ốc ra sao, thế là tôi cũng chạy theo nó ra đình.

Vừa đến nơi, tôi đã thấy nó phủ phục lạy ông thái sư nhà cô.

Ông ấy liền hỏi thằng con tôi:

- Có phải mày tên mỗ, tên mỗ...?

- Dạ, bẩm thái sư, đúng tên con đấy ạ. - Thằng cả giả nhời ông chú đồng dặc lắm.

- Mày có họ hàng gì với công chúa?

- Dạ bẩm, con là cháu gọi công chúa bằng cô đấy ạ. Dạ là về bên ngoại. Ông ngoại con và bà thân sinh ra công chúa là chỗ con cô con cậu ruột.

- Tuy là ngoại, nhưng vẫn là họ gần. Công chúa thương, xin cho mày làm câu đương, mày có nhận không?

Ông thái sư nhà cô vừa dứt lời, thằng con tôi như một đứa động rồ. Lập tức nó nhảy cẫng lên, rồi cúi rạp mình xuống:

- Lạy thái sư, con thích lắm ạ, con đội ơn thái sư.

Ông ấy liền nghiêm mặt, lạnh như tiền, nói đồng dặc:

- Người vì có công chúa xin cho mới được làm câu đương, không ví như người câu đương khác được, phải chặt một ngón chân để

phân biệt với người khác.

Thằng con tôi sợ quá cô ơi. Mặt nó tái mét như con gà vừa mới cắt tiết, run lập cập, quỳ mọp trước ông thái sư nhà cô, xin được tha cho, không phải làm câu đương. Mãi ông ấy mới chịu. Về nhà, nó như thằng mất hồn.

Tôi sợ quá. Sau khi ông ấy sang xã khác, thế là tôi tức tảo lên gặp cô ngay. Sợ để lâu, cô không biết, lại xin cho cháu thẳng thường lên chức gì đấy nữa, chắc là con tôi mất mạng!

Phu nhân chết lặng người đi. Bà không ngờ Trần Thủ Độ lại xử tệ với bà như thế.

=====

1. Sau khi thượng hoàng Trần Thừa mất, Thái tôn phong cho anh ruột là Trần Liễu chức quan thái úy phụ chính. Đây là một chức quan đầu triều đứng trong hàng tam công.
2. Câu đương: Một chức quan đứng đầu hàng xã, tương đương với xã trưởng, đình trưởng hồi xưa, hoặc lý trưởng thời Pháp thuộc, chủ tịch xã bây giờ.
3. Long Hưng: Vùng đất huyện Hưng Hà- Thái Bình, quê hương bà Trần Thị Dung.

Cuộc tuần thú của đức vua từ Thăng Long ra An Bang xuất phát từ một chiếc lầu thuyền. Đó là một chiếc thuyền rồng lớn có tên Phi Long. Sức chứa tới vài ba trăm người với khoảng vài ba chục con ngựa. Nhưng trên thuyền, ngoài bọn thủy thủ ra, chỉ có một đội lính cận vệ ba chục tên với vài cỗ kiệu, dăm bảy con ngựa. Tháp tùng đức vua còn có quan thừa chỉ và một vài nội nhân(1) theo hầu.

Chiếc lầu thuyền từ hồ thủy quân đi ra bên Đông bộ đầu, đã làm cho dân kinh thành phải xôn xao. Người ta nườm nượp kéo nhau đi xem lầu thuyền, như trẩy hội. Chiếc thuyền thon dài, cao lênh khênh, hai tầng. Hai bên mạn thuyền trạm nổi hai con rồng vươn đầu lên, như sắp bay vút vào không gian. Hai con rồng sơn màu đỏ. Mạn thuyền sơn màu vàng. Con thuyền trang trí lộng lẫy từ những chiếc rèm cửa sổ, đến các hàng con tiện. Từ những cây cột buồm, đến các mái chèo, đều được kén chọn vải tốt, gỗ quý, soi, tiện, sơn quét thật là ngoạn mục.

Từ mờ sáng, cả kinh thành còn đang ngái ngủ, vua Thái tôn cùng đoàn tùy tùng, đoàn hộ giá đã xuống thuyền.

Thái tôn vốn trọng nhân cách quan thừa chỉ, nhưng chưa có dịp thù tiếp. Nhà vua muốn nhân cuộc tuần thú này đề dò biết ý tứ quan thừa chỉ, và cũng là ý tứ của các bậc trọng thần.

Thấm thoát, Trần Cảnh được Chiêu Hoàng nhường ngôi đã gần chục năm. Bằng ấy năm ở ngôi, Trần Cảnh tự xét các công việc triều chính đều dựa vào một tay Trần Thủ Độ. Ông chú rất mực trung thành với đế nghiệp họ Trần. Song ông chú cũng là một người chuyên chế. Dần dần Trần Cảnh cũng ý thức được ngôi vị của mình, nên trong từng việc, nhà vua đã tự mình xướng xuất. Gần đây sau khi thượng hoàng mất, Trần Cảnh lấy thái úy Trần Liễu là anh ruột làm phụ chính, sách phong Hiến hoàng. Cùng lúc định phong cho anh ruột Trần Thủ Độ là An Quốc làm đại tướng. Thái sư nói: “An Quốc là anh thân, nếu là người hiền thì thân xin nghỉ việc, nếu cho thân là hiền hơn An Quốc, thì không nên cử An Quốc. Nếu anh em cùng là tướng thì việc trong triều đình sẽ ra sao?”. Các quan đều cho ý của Trần Thủ Độ là phải. Vua bèn thôi.

Phải nói, nhà vua là người kiên tâm học hành lại chịu khó tham bác ý kiến các bậc quốc sĩ, các vị trọng thần, và thường là biết nghe lời khuyên can của người trên, kẻ dưới. Chính việc không cố chấp ấy đã khiến cho nhiều người muốn gần gũi nhà vua.

Việc quan thừa chỉ chủ mưu chuyện cần vương hồi sinh thời Lý Huệ tôn, nhà vua cũng được Trần Thủ Độ cho biết. Nhưng thái sư lại căn dặn nhà vua phải trọng dụng quan thừa chỉ, vì ông ta là người hiền.

Con thuyền đi giữa đôi bờ san sát những lúa ngô. Thỉnh thoảng một cánh rừng ăn xuống tận mép sông. Nhìn quang cảnh đất trời lồng lộng, không khí yên ả thanh bình, lúa, ngô xanh tốt bờ bờ, nhà vua lấy làm đẹp ý, tự nhiên muốn thổ lộ tâm tình. Đúng lúc có tên lính trạo nhi(2) đi qua, nhà vua sai vào trong khoang mời quan thừa chỉ lên lầu đàm đạo.

Quan thừa chỉ là một người nhỏ nhắn, đôi mắt sáng, vàng trán cao, tiếng nói đanh như tiếng chuông. Ông có uy khác thường. Nếu ai làm điều gì trái ý, ông chỉ đưa mắt nhìn, kẻ ấy phải thôi ngay.

Quan thừa chỉ sớm nay mặc áo thụng tía, quần khăn chữ nhân bằng vóc tím trùm lên cả búi tóc phía sau đầu. Nhìn từ phía lưng, đầu ông tựa hình một chiếc mũi thuyền. Ông vái nhà vua hai vái, rồi nói:

- Tâu bệ hạ. Non sông Đại Việt ta quả là gấm vóc, trù phú, nhìn mãi không chán mắt. Đồi cánh sinh tình, thần vừa tức sự được một bài tử tuyệt. Dâng bệ hạ ngự lãm. Vừa nói, ông vừa móc trong tay áo thụng ra một tờ giấy hoa tiên, nét mực đen ánh như chưa kịp khô.

Thái tôn đọc chăm chú. Nét mặt nhà vua mỗi lúc một thêm tươi nhuận. Đọc đi đọc lại tới cả chục lần. Nhà vua như đang tìm kiếm điều gì phía sau các con chữ. Hết nhìn vào bài thơ, Thái tôn lại ngẩng nhìn trời nhìn dòng sông, và dường như dừng rất lâu lại phía đôi bờ trù mật. Cuối cùng nhà vua nhìn thẳng vào quan thừa chỉ. Trả lại cho ông bài thơ, Thái tôn nói:

- Ông dùng chữ như thần. Ta chưa từng biết có bài thơ tức sự nào hay hơn thế.

Để tỏ lòng biết ơn, quan thừa chỉ vái nhà vua hai vái. Về cung kính, ông nói:

- Bệ hạ quá khen. Nếu có tử nào lọt được vào mắt xanh của bệ hạ, ấy là do thần được thụ hưởng khí thiêng sông núi do hồng phúc của bệ hạ tạo nên, chứ thần có tài cán gì đâu.

- Ông khiêm nhường quá. Ta mong trong cuộc tuần sát này được ông chỉ bảo cho đôi điều hữu ích. Ông đừng thủ lễ một cách thái quá. Hãy coi ta như một người bạn vong niên. Được thế, ta thật quý vô cùng.

Đúng là Thái tôn thiếu người để thổ lộ tâm can. Trong lớp lứa với ông, chỉ có Chiêu Thánh hoàng hậu. Nhưng không thể đàm đạo thể sự với đàn bà. Và lại, hậu có hiểu biết gì mấy mà trò chuyện. Duy có thượng hoàng, đôi khi nhà vua còn tỏ lộ được nỗi lòng. Khốn nỗi, thượng hoàng đã sớm lìa bỏ nhà vua để về với tiên tổ. Ngay cả đến thái uý Trần Liễu, nhà vua cũng không bày tỏ được điều gì. “Hình như huynh trưởng vẫn có ý coi thường ta thì phải”. Trần Cảnh biết thế, nhưng nhà vua là người hiểu để, nên dần lòng chịu đựng chứ không phản bác. Đối với quốc mẫu, tức phu nhân Trần Thủ Độ, nhà vua vẫn một lòng tôn kính. Bà là người đảm lược, khéo léo thu xếp mọi việc trong hoàng gia và hoàng tộc. Ít ai có thể chê trách được bà.

Trong nhà đã vậy, ngoài triều chính lại chỉ có bàn bạc việc công với những ông già khù để, không còn sức sống, nhưng lại bài xích lớp trẻ, không muốn để cho ai thay thế mình, ngoài con cháu họ. Nhà vua luôn luôn có mặc cảm cô đơn. Nhiều khi cũng muốn gặp gỡ, đề hỏi han hoặc bàn bạc cho ra lẽ với thái sư thống quốc. Nhưng Trần Thủ Độ là một người nghiêm khắc, và chỉ áp đặt chứ ít khi chịu bàn bạc. Có việc nhà vua đã quyết hẳn hỏi trước bá quan, mà Thủ Độ vẫn không tuân, ví như việc cử ông trị nhậm Thanh Hoá. Ông chỉ nhận kiêm thêm, rồi giao cho một viên phó của ông nhiệm sở. Còn ông không bao giờ chịu rời bỏ quân đội.

Tự biết mình vì đâu được ngồi trên thiên hạ. Thái tôn thấy có bốn phận phải thờ chú như cha. Cho nên cái gì dù ông đã quyết mà Thủ Độ phản bác, ông tìm cách bãi bỏ cho êm chuyện. Nhà vua cũng biết không thể dựa mãi vào lực của người khác được. Mai đây thái sư già, rồi khuất núi. Mọi việc sẽ đến tay mình. Nếu không tu chính học vấn từ bây giờ, sau này biết được điều phải quấy ra đâu mà chặn dất trăm họ. Bởi thế nhà vua đã học một cách ần ần, có thể nói, đức vua đã nhún mình thờ các bậc quốc sĩ, trọng dụng những người hiền đức, ngõ hầu đem lại sự an dân hưng quốc.

Sực nhớ đang tiếp chuyện quan thừa chỉ, và đang nói về bài thơ tức sự của ông, Thái tôn hỏi:

- Hẳn là ông đã viết được nhiều rồi?

Quan thừa chỉ mỉm cười cung kính:

- Tâu hoàng thượng, thần vốn đầu óc quê kệch, chớ đâu có tâm hồn siêu việt như các bậc thi nhân. Nhưng trước cảnh đẹp của đất nước, trước nỗi vui buồn, yêu ghét của đám lê dân và của chính hạ thần, không biết thổ lộ cùng ai, đành phải cầm bút viết. Những cảnh,

những tình như thế, thần ghi lại được từ thuở mười lăm mười sáu tuổi cho tới nay đã ngoài sáu chục tuổi, kể có vài ngàn bài.

Thái tôn chau mày, vẻ khiếp phục:

- Vậy chứ ông còn lưu giữ được cả chứ. Ông có thể cho ta coi được chẳng?

- Dạ, tâu hoàng thượng. Phần mỗi khi đọc lại, có những bài không còn thấy thích nữa, thần đốt đi. Phần do những năm biến loạn, vật đổi sao dời, chẳng biết ra sao, lại mang hoạ vào thân, thần đã đốt gần hết. Dạ muốn tâu, thơ là để nói lên trước hết cái tâm chất của mình rung động trước vẻ đẹp thiên nhiên, và cảnh ngộ của con người. Sau nữa là nói lên cái chí của mình. Thứ đến là nói tới những cái mình thật yêu hoặc thật ghét

- Tiếc quá! Tiếc quá! Tại sao ông không viết khác đi một chút, hoặc thác lời vào cái này cái nọ để có thể lưu giữ được cho đời sau?

Quan thừa chỉ cười thầm: đức vua của ta còn thơ ngây quá, trắng trong quá. Chưa hiểu được cuộc đời cùng thế sự. Ước gì mãi mãi ông ta giữ được sự thanh khiết của tâm hồn, để đem vào việc trị nước an dân. Chợt nhớ nhà vua vừa bảo “viết khác đi một chút” quan thừa chỉ tiếp:

- Tâu bệ hạ, không thể được. Viết khác đi một chút, nó không phải là mình. Và vì thế nó cũng không còn là thơ nữa. Người có nhân cách không bao giờ tự dối mình, cũng như thà chết chứ không bao giờ dối người. Và lại, nếu có viết khác đi một chút thì, tâu bệ hạ, nó có đáng gì để được lưu giữ. Còn như ý bệ hạ là “thác lời vào cái này cái nọ” để nói lên cái vi ý của mình, thì chính đức Khổng Tử đã làm. Ngài sống trong Thời Chiến quốc: đời suy, đạo mờ, nhân luân nát mục, tài năng của kẻ sĩ không được đem dùng, cái tàn bạo ở ngôi, cái thiện đức bị chôn vùi, nên ngài soạn kinh Xuân Thu, là cốt để cho các đẳng bậc chấn dân soi vào đó mà hành hóa. Bệ hạ chắc đã đọc kinh Xuân Thu?

Thái tôn gật đầu:

- Ta có đọc đôi ba lần. Mỗi lần đọc, lại mỗi lần sáng tỏ thêm. Thế mới biết văn chương của Khổng Tử thật là thâm viễn, thật là uẩn ảo. Đây là cách lấy sử làm văn. Người tục, tâm phàm, chẳng viết nổi một chữ có hồn, còn nói gì đến văn chương. Vậy chứ hiện thời gom góp lại, ông còn được độ bao nhiêu bài thơ?

- Dạ, tâu hoàng thượng, rải rác còn giữ lại được khoảng non một trăm bài, thần đã lựa và đôn vào thành hai tập. Tập thượng, gồm những bài viết trong độ tuổi thiếu niên, có tựa đề “Tú thanh”. Tập hạ, gồm các bài viết trong độ tuổi trưởng thành, mang tựa đề “Lạc nhạn”. Trong dăm năm gần đây, hiện tình xã hội có chiều ổn cố, tâm hồn đã có phần thư tĩnh, thần có viết thêm được non trăm bài. Cũng định tuyển lại, rồi cho vào tập để đọc di dương lúc tuổi già. Dạ, tâu bệ hạ, nếu Người có lòng, để rồi thần dâng bệ hạ đọc, và xin bệ hạ châu phê cho vài lời làm tựa sách.

Thái tôn cười khiêm tốn:

- Nếu bỏ cái ngôi quan trường ra, ta chưa đủ văn chất để thẩm định thơ ông.

- Dạ, bệ hạ quá khiêm nhường.

Cuộc nhàn đàm về thi phú làm đã làm cho vua tôi nhích lại gần nhau. Về phía nhà vua, qua trò chuyện cũng mở thêm được cái nhãn giới vốn hạn hẹp của mình. Vì nhà vua vừa ít học, ít đi, ít thấy. Cho nên đức vua lấy làm mãn nguyện về những cuộc viễn du, thù tiếp như thế này lắm.

Phần mình, quan thừa chỉ cũng có phần cảm thông với nỗi niềm cô đơn của ông vua nhỏ. Nhưng quan ông còn quý trọng nơi đức vua, có được cái bồn tâm chí thiện. Chính vì thế mà ông mừng. Ấy là nói về sự mừng cho trăm họ, đỡ phải sống trong cảnh lâm than, ngọt ngát của một triều đại chuyên chế.

Nhìn những trà ngô trở hoa trắng trời, những trà lúa mơn mớn xanh chạy tít tắp từ xa tới bên mép sông, và nghe những giọng hát ánh ỏi từ các cánh đồng hai bên bờ vọng lại, cả vua tôi đều im lặng. Có lẽ cả hai người cùng đang cảm thụ cái đẹp của đất trời và của cư dân Đại Việt. Bầu trời xanh thẳm, cao vời vợi, mấy cánh cò trắng dập dờn trong sóng nắng, gọi mở một cái gì vừa trong trẻo thanh bình, lại vừa cao khiết nơi con người. Phía xa kia hiện ra một dãy núi xanh mờ. Đỉnh núi mây trắng đùn lên ngùn ngụt. Thái tôn sực hỏi quan thừa chỉ:

- Ông đã có lên chơi ngọn núi kia lần nào chưa?

- Tâu bệ hạ, thần chưa có may mắn được lên chơi Yên Tử. Nghe nói Phù Vân quốc sư hiện đang trụ trì trên đó?

- Đúng vậy. Thuở nhỏ ta thường gặp ông hay lui tới Thăng Long, và cũng đã có giao thiệp với nhau. Nhưng những năm đất nước rối loạn, quốc sư không về triều nữa. Đã có đôi lần ta cho người lên vờ, song Phù Vân không chịu xuống núi.

Thuyền xuôi gió, lại được những tay chèo khỏe, cứ rẽ nước đi phẳng phẳng. Chợt nhà vua nhìn thấy cảnh dân chúng đắp đê đen nghịt, Thái tôn lấy làm hài lòng nói với quan thừa chỉ:

- Mấy năm qua, triều đình tha bớt tô thuế để dân có sức đắp đê. Ông thường có dịp đi kinh lý, chẳng hay lòng dân thế nào?

- Tâu bệ hạ, việc bệ hạ khoan giảm tô thuế, khuyến khích cấy trồng, khẩn hoang, lập ấp trong mấy năm qua, ơn mưa móc ấy đã xuống đến từng nhà. Nay bệ hạ lại nối tiếp sự nghiệp trị thủy của nhà Lý. Nhà Lý chỉ đắp đê khoanh vùng chống lụt cho thành Đại La và một vài nơi khác, việc trị thủy còn lồi. Nhiều nơi mùa nước lũ, dân còn bị trôi hết cả cửa nhà, gia sản đồng ruộng bị mất trắng tới mấy mùa vụ liền, dân đói khát phiêu bạt, xiết bao cơ cực. Nay bệ hạ cho đắp đê từ nguồn xuống tận biển. Ấy là việc thủy từ gốc, đem lại không biết bao nhiêu lợi lộc cho cả nước. Lại không sợ cái họa nước lớn đe dọa liên năm. Tâu bệ hạ, đây là một việc làm chưa từng thấy trong công cuộc mở mang nền nông nghiệp nước nhà. Đối sánh với lịch sử, nó sẽ là một công tích vô tiền khoáng hậu.

Gió đem theo điệu hò hoành tráng của đám người đắp đê, cùng với hơi mát của dòng sông phả vào đầy ắp lâu thuyền. Nhà vua khoan khoái hít căng lồng ngực bầu không khí trong làn, và mỉm cười hiền hậu. Nom nhà vua đẹp như một ông tiên đồng. Đôi mắt sáng sánh như hai viên ngọc minh châu. Cặp lông mi dài rậm, hơi xếch. Vầng trán cao rộng, phẳng phiu. Hai gò má đầy đặn. Mũi thẳng, màu sắc hồng hào, cánh mũi dày dặn, kín đáo. Đẹp hơn cả vẫn là cái miệng của nhà vua. Với cặp môi hồng mọng, chiếc cằm vuông vức nở nang mà người ta thường gọi là hàm én. Hai hàm răng đều tăm tắp, trắng phau. Mỗi khi nhà vua mỉm cười, thì cả khuôn mặt bừng sáng lên như một viên ngọc lớn gặp ánh nắng trời tỏ chiếu.

Lòng tràn đầy hương sắc thiên nhiên, với vẻ khoái hoạt, Thái tôn quay hỏi quan thừa chỉ:

- Có một điều từ bấy lâu nay ta hằng day dứt. Vì Sao ta là một đứa trẻ mà lại được ở ngôi quân trưởng. Ngồi trên cả cha, anh cùng các bậc lão thần, quốc sỹ, lòng ta lúc nào cũng run sợ như ngồi trên ngọn lửa? Khanh có thể chỉ giùm ta lẽ phải quấy trong chuyện này.

- Tâu bệ hạ. Việc nắm giữ ngôi trời không phải ai muốn cũng được. Mà trời chỉ dành cho người có đức tốt. Trước hết, phải là người có đức lớn, rồi mới kể đến tài. Dạy muôn dân, người tài giỏi thì có nhiều, nhưng người có đức lớn trùm thiên hạ, không phải đời nào cũng có. Tại sao chuyển tiếp từ nhà Lý sang nhà Trần lại cứ phải là bệ hạ, mới là người được quyền tiếp nối? Đây thật sự là một việc uẩn ảo khôn

lường, phi các bậc tài trí như thái sư Trần Thủ Độ, không ai có thể dẫn dắt được mọi việc đầu vào đây, cứ như là có bàn tay của hóa công xen vào sắp đặt. Có nhẽ mai đây, khi bệ hạ đã dạn dày trên trường chính trị, chắc bệ hạ hiểu được vì có gì mà thái sư chỉ lựa chọn bệ hạ chứ không phải là thượng hoàng, hoặc vương huynh Trần Liễu. Và mặc dù thừa uy lực nắm giữ ngôi trời, thái sư Trần Thủ Độ vẫn không bao giờ màng tới.

Dạ muôn tâu, đây là một thế cờ cực hiểm. Nhầm lẫn hoặc kém cạnh là tiêu vong. Quan thái sư sắp đặt việc này, nếu không xuất phát từ nghĩa lớn, không làm nổi. May thay, mọi việc đều thành tựu trót lọt. Mà thành tựu lớn nhất ít ai nhắc đến hoặc biết đến, là tránh được một cuộc nội chiến cốt nhục tương tàn. Bệ hạ thử hình dung xem, ba thế lực lớn nhất kinh chống nhau thời ấy là Đoàn Thượng, Nguyễn Nộn và thái sư Trần Thủ Độ, nếu không khéo thu xếp mà xảy ra huyết chiến thì cuộc tương tàn huynh đệ ấy, biết bao giờ mới chấm dứt được? Đành rằng trong việc đánh bại đối thủ, thái sư cũng có nhiều hành vi tàn bạo.

- Tâu bệ hạ, giết Huệ tôn mới chỉ là một trong nhiều điều tàn bạo. Song le, thái sư bị đẩy vào một tình thế bất khả kháng. Nếu lúc ấy thái sư cứ khư khư giữ lấy điều thiện nhỏ, chắc chắn ông sẽ phạm vào tội ác lớn. Một đằng là hại một người để cứu lấy muôn người. Đây là sự lựa chọn dứt khoát. Thái sư đã chọn con đường cứu muôn người. Việc làm đó là đại nhân, đại nghĩa. Thành thử cái sự giết người kia lại trở thành có công chứ không phải là có tội, nếu ta xét nó trong hoàn cảnh đất nước nằm bệ bảy mối.

Ngừng một lát như để suy xét về những điều mình đã nói và những điều sắp phải nói ra, quan thừa chỉ thoáng nhìn qua gương mặt đức vua; ông như đọc được niềm xúc động chân thành của Thái tôn. Có nhẽ nhà vua đã cảm nhận được tất cả. Quan thừa chỉ lại tiếp:

- Tâu bệ hạ, xin bệ hạ tha thứ cho những điều thần sắp nói sau đây. Thái tôn lắm nhảm một điều gì đấy với về xúc động, nhà vua gạt đầu.

Quan thừa chỉ nói:

- Vào những năm cuối của triều Lý Huệ tôn, tình cảnh xã hội ta lúc ấy thật là thảm hại. Tiếc thay bệ hạ không được chứng kiến. Từ triều đình tới xóm ấp, không còn tồn tại một trật tự kỷ cương nào hết. Người ta không cần biết đến kỷ cương luật pháp. Bộ máy quan liêu của nhà nước, phải nói đó là những bầy quỷ dữ. Bởi chúng chỉ lo hút máu dân lành và hút lẫn máu của nhau. Chúng lừa trên, chẹt dưới, bạo hành, với các mưu mô thủ đoạn mập mờ chấp chới như một lũ ma trơi. Còn dân chúng thì sao? Tâu bệ hạ, ngoại trừ một số ít giữ được cái tâm thiện thiện, hầu hết là những đồ trí trá, tham tàn, trộm cướp. Thật là một thời đại dã man chưa từng thấy. Tâu bệ hạ, lúc đầu thần đầu nhận ra điều đó. Nếu không có thái sư độ lượng, có dễ thần đã chết theo đám ngu trung chứ làm sao mà thức tỉnh được. Tâu bệ hạ, thời đại ấy, nếu không bị diệt vong thì có nghĩa là dân tộc ta phải diệt chủng. May thay!

Thái tôn bùi ngùi. Một lúc sau nhà vua mới lại lên tiếng:

- Ta tin những điều ông nói. Ghê rợn quá! Ghê rợn quá! Nhà vua nhắc lại tới hai lần – Thật tình ta không hình dung nổi. Ngay cả trong mơ, cũng không vẽ ra được một bộ mặt xã hội ghê rợn đến thế. Cho nên, ta nghĩ: những người có trọng trách trong bộ máy quốc gia, nếu không nghĩ đến dân mà chỉ nghĩ đến thân, trước sau gì rồi cũng sụp đổ. Dù sao thì họa lớn cũng đã qua. Nhưng nó còn để lại không ít những tàn dư nhức nhối. Ta muốn ông – một người đã chứng kiến cảnh đau lòng đó, ông phân xét như thế nào về vụ tàn sát tháng tám năm Nhâm thìn (1232)? Hồi đó ta lỡ mớ rằng có một mưu đồ khởi nghĩa ở Hoa Lâm(3).

- Trình bệ hạ, việc này thần biết rõ. Đó là vụ phản loạn chứ không phải một cuộc khởi nghĩa. Ngày ấy mới thống nhất thiên hạ được

vài năm. Bàn triều ta đang gồng sức lên cùng với trăm họ, hàn gắn lại những gì bị tàn phá, sau nhiều năm biến loạn. Công cuộc phục hưng đang nhen nhóm, thì có một bọn người lồi cuồn nhau hợp thành bè đảng, chống lại triều đình. Mượn cớ làm lễ tế các vua nhà Lý. Đầu đảng từ các nơi đổ về, rù rề một số người trong tôn thất; dựng cờ “Phù Lý diệt Trần”, kéo nhau nhóm họp tại hương Hoa Lâm huyện Đông Ngàn, là đất quê của Lý Thái tổ. Thái sư phát giác ra mưu đồ đó, nên lập kế giết đi.

Tâu bệ hạ, thiên ý của hạ thần: Triệt bỏ các cuộc nổi loạn là việc làm cấp bách của triều ta. Nếu không thì không đi vào đại định được. Nhưng cùng một lúc giết cả mấy trăm người, bắt phân tội lỗi nặng nhẹ thì quả là một việc làm tàn bạo. Phi Trần thái sư ra, không ai dám quyết. Nhất là việc ấy lại diễn ra trong thời bình.

Mắt hơi cay, Trần Cảnh lơ đãng nhìn ra xa thấy một đàn sếu bay là là sát mặt sông. Chợt một con diều hâu đang lượn vòng tít trên trời cao sà xuống nơi đàn sếu. Đàn sếu tan tác y hệt ta ném một nắm trấu lên trời bị một cơn gió lốc cuốn đi. Nhà vua tặc lưỡi:

- Ông thừa chỉ thấy chưa? Nhà vua vừa nói vừa chỉ tay về phía đàn chim. Con người đối với nhau chẳng hơn gì con vật. Cũng cảnh lớn hiếp bé, khoẻ đè yếu. Mà rồi để làm gì? Tất cả mọi cuộc hành trình ấy đều đi về cõi chết? Chao ôi, thế mà con người không tự biết. Không quý trọng khoảng trần thế ngắn ngủi, để chung sống cho êm hoà thuận thảo với nhau.

- Tâu bệ hạ, chẳng qua cái tâm của thế gian chưa định được.

- Ta cũng nghĩ như ông - Đoạn nhà vua quay ra hỏi:

- Nay ông thừa chỉ, việc ta cất nhắc thăng thưởng một số vị đại thần, ông có thấy ai bàn tán gì không? Mà là, ta không hiểu tại sao ta phải Thái sư trị Thanh Hóa phù sự mà ông không chịu đi?

Quan thừa chỉ thấy khó nói quá. Đúng là việc triều đình, nhưng gốc lại là chuyện trong hoàng gia...Việc làm này, họa chẳng có nhà vua không biết, chứ các quan đại thần còn ai không nhìn thấu ruột gan quan thái úy phụ chính Trần Liễu. Quan ông định dùng kế điều hổ ly sơn. Định trao quyền làm tướng cho An Quốc. Bởi An quốc là một người bất tài, rồi cuộc việc điều hành quân đội lại rơi vào tay Trần Liễu. Còn Trần Thủ Độ trở thành một ông quan hành chính. Việc cất nhắc ấy, người ta không thể không nghĩ tới mưu đồ của Trần Liễu. Mưu con trẻ, sao có thể che mắt được một tướng tài từng trải như Trần Thủ Độ.

Như mắc cỡ một điều gì, quan thừa chỉ ấp úng nói:

- Trình bệ hạ, việc bệ hạ gia phong cho Hưng nhân vương Phùng Tá Chu làm đại vương. Phạm Kính Ân làm thái úy, lại ban cho mũ áo đại vương, khiến mọi người kính phục. Vì rằng hai vị đệ nhất đại thần này là người cũ triều Lý, bệ hạ không có phân biệt. Vậy là việc dùng người, cốt ở tài năng và đức hạnh của người đó.

- Đúng như ông nói. Nhà vua xác nhận – Nhưng cái chính là ta muốn hoá giải những điều thù nghịch còn ẩn náu trong tâm tưởng mỗi người. Phải hướng tới điều thiện. Phải lấy quốc gia dân tộc làm trọng. Xã tắc là của muôn dân chứ không phải là của riêng nhà nào.

Ngừng một lát, nhà vua lại hỏi:

- Thế còn việc ta hỏi ông về Thái sư?

- Tâu bệ hạ, Thái sư là cây trụ chống trời của nhà Trần. Việc binh bị hiện thời chưa có người nào có thể thay thế được Thái sư. Và lại, việc quân dân phải chỉ có bảo vệ xa giá, và điều hành cho đẹp mắt. Ta chớ nên quên mặt Bắc. Chưa có lúc nào phía Bắc thôi nhòm ngó ta. Không có một thống lĩnh kiệt xuất, mất nước như chơi. Thái sư không đi nhiệm sở Thanh Hóa, không có nghĩa là trái quân mệnh, mà là có

ý thức lớn đối với quốc gia, dân tộc. Quan thừa chỉ tự nghĩ: “Nếu quan thái sư không sáng suốt, hẳn là triều đình lại sớm rối loạn bởi sự thao túng của thái úy Trần Liễu. Quan việc này, ta ngờ rằng Trần Liễu đang toan tính chuyện khuynh loát”.

Dừng một lát, quan thừa chỉ lại nói:

Tâu bệ hạ, thái sư Trần Thủ Độ là một người có nhân cách lớn. Ông luôn luôn đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết. Không bao giờ ông đan xen chuyện tư túi vào việc công. Ông là người nghiêm chỉnh nhất trong việc chấp hành pháp luật của triều đình. Chẳng hay bệ hạ có nghe chuyện thái sư đi xét định hộ khẩu và tuyển chọn câu đương gần đây?

Thái tôn bỗng cười vang, hồi lâu mới trấn tĩnh lại được, nhà vua nói:

- Chỉ vì cái chuyện phu nhân xin cho người cháu làm câu đương không được, mà suýt còn bị chặt một ngón chân. Chuyện đó làm chấn động cả kinh thành. Nhưng nực cười nhất là bà thím ta - bà nhạc mẫu ta ấy. Bà dày vò đay nghiến ông đến là cực.

- Tâu bệ hạ, thái sư đã nêu một tấm gương sáng cho thiên hạ. Rằng luật pháp phải công bằng, không ai có quyền được vi phạm, dù người ấy có là thái sư thống quốc.

- Dù người ấy có là đức vua, cũng không có quyền đứng trên hoặc đứng ngoài pháp luật – Thái tôn nói xen vào.

- Tâu bệ hạ, phải như thế thì phép nước mới nghiêm.

=====

1. Nội nhân: những người hầu cận trong cung đi theo.

2. Trạo nhi: Lính khiêng kiệu, khiêng cáng, vơng.

3. Vụ án Hoa Lâm nơi Trần Thủ Độ làm bảy sập giết một lúc hơn hai trăm người tôn thất nhà Lý. Việc này Lê Văn Hưu không chép trong chính sử. Sau Phan Phù Tiên cũng không nhắc đến. Ngô Sĩ Liên cho là một nghi án.

Qua vụ gửi gắm thằng cháu ngoại không thành, phu nhân giận chồng đến bầm gan. Tưởng có điều gì thay đổi nên ông ấy đốc chứng ra như thế. Nhưng phu nhân để ý trong một thời gian dài, không thấy thái sư có biểu hiện nhỏ nào đáng ngờ trong quan hệ vợ chồng. Thậm chí, ông ấy cũng quên luôn cả chuyện đó. Trong khi bà âm ức như đông kết thành khối ở trong lòng.

Thấy Trần Thủ Độ vẫn chăm chút việc nhà, tận tâm với việc nước. Phu nhân không giận chồng nữa. Bà thương ông suốt đời lận đận. Cả thân, tâm không một lúc nào được thư thái nhàn hạ. Chưa xong việc nợ đã lo tới việc kia. Vừa lo xong việc san định hành luật, lại phải đề mắt tới việc sưu chép điển lệ. Mới lo tha tô thuế, khẩn hoang, lập ấp, đã phải lo đến việc đắp đê phòng lụt. Vừa đi kiểm định hộ khẩu đã phải lo đến việc binh bị, phòng khi có họa xâm lăng. Không việc gì là ông ấy không phải lưu tâm đến.

Nghĩ lại chuyện cũ, phu nhân cảm thấy như mình có lỗi lớn với chồng. Cũng may mà ông ấy đã không chiều theo ý ta. Nếu ta nhò và được một việc, thì các bà vợ các ông quan khác sẽ theo đấy mà nhò và chồng họ, hoặc chỗ quen biết này khác, tới hàng trăm ngàn việc khác nhau. Thử hỏi, nếu mỗi người trong bộ máy quốc gia, ai có chức có quyền cũng thao túng như vậy, thì luật pháp còn có giá trị gì nữa. May thay, ông ấy là người trực tâm trực tính, nên đã dẹp bỏ ngay được cái lợi riêng nhỏ bé. Cho đến nay, vẫn chỉ là ông ấy treo tấm gương sáng đầu tiên về kỷ cương, phép tắc.

Song có một điều mấy năm nay phu nhân thường áy náy lo ngại. Đó là việc hoàng hậu Chiêu Thánh con gái bà, sau cái lần sinh hoàng tử Trịnh năm Quid Tị (1233), được vài ngày, thằng bé chết yểu. Con ta vì thương khóc nhiều mà sinh bệnh. Từ ấy tới nay đã ngót năm năm, con ta vẫn mặt võ mình gầy. Tội nghiệp con bé, mới mười lăm tuổi đầu đã sinh nò. Thế là từ bấy tới nay, cứ mỗi ngày mỗi khô héo đi, không thai nghén gì nữa. Trong khi nhà vua thì sức lực ngày một cường tráng. Nhà vua cũng đã trưởng thành về tư chất. Đang dần dần đề tự mình lèo lái lấy công việc triều chính. Nhà vua cần có một người vợ đẹp để nâng khăn sửa túi, để hầu hạ, vuốt ve, để có con nối dõi tông đường. Tất cả những đòi hỏi bình thường đó, con ta hầu như bất lực. Ta đang lo chữa chạy thuốc men cho con gái. Khôn nỗi việc này không thể kéo dài lâu hơn nữa. Bởi nhà vua đã lớn, đã ý thức được các việc cần làm và phải làm. Nếu mai đây nhà vua say đắm một mỹ nhân nào, mà phế truất con ta. Ôi cái việc thay bậc đổi ngôi đó, ta không thể nào chịu đựng được. Không thể nào chấp nhận được. Nhưng phải tính toán lo liệu ngay từ bây giờ, không thì muộn mất.

Nghĩ vậy, phu nhân bèn đem những nỗi băn khoăn hãi sợ trong nước cờ đang toan tính, bày tỏ hết với thái sư.

Trần Thủ Độ chăm chú lắng nghe. Ông thấy phu nhân có vẻ hoảng hốt thật sự. Chần chừ một lúc. Ông ậm ừ lên tiếng:

- Đúng như bà nói. Cảnh nó có con đường của nó. Thân trai tráng mạnh khỏe, nó không thiếu gì phi tần. Nhưng còn ngôi chính thất? Còn người kế vị? Ờ, cũng may mà bà sớm nghĩ ra. Để tôi còn suy ngẫm thêm.

- Giời ơi, đến lúc này mà ông còn suy ngẫm. Ông suy ngẫm xong thì con gái tôi ra đứng đường. Hoặc giả nó không giữ được mồm miệng lại bị đẩy vào lãnh cung.

Trần Thủ Độ đứng phắt dậy, đi đi lại lại trong gian phòng lung linh ánh nến. Ông cứ đi như thế, một lúc lâu sau dừng lại trước bức “Sơn thủy họa” của Vương Duy1. Thái sư như quên hẳn câu chuyện đang nói dở dang với phu nhân. Ông bị hấp dẫn bất ngờ vào khuôn tranh. Thường ngày bức tranh vẫn treo ở đây, nhưng ông không để ý mấy. Nó cũng chỉ là những ngọn núi lô xô, xa gần cùng với một

dòng sông đang cuộn cuộn chảy. Nhưng hôm nay bất chợt, ông bắt gặp một cái gì như là sự vĩnh cửu. Những dãy núi đá sừng sững chôn sâu vào lòng đất, vẻ như thách thức với cả không gian và thời gian. Ngay cả dòng sông như bắt nguồn từ trên trời cao, và kéo thành một vệt dài vô tận cùng với chân trời xa thoáng đặng. Lác đác một vài cây tùng trở ngang sườn núi, với bộ rễ gân guốc như khoan sâu vào lòng đá. Toàn cảnh bức tranh thể hiện một suy tư thâm trầm của tác giả, muốn biểu cảm cái đẹp, cái hùng, cũng vĩnh hằng như vũ trụ. Bỗng nhen lên trong đầu óc kiều dưng của vị tướng một ước mơ táo bạo: “Ta phải xây dựng vương triều Trần, cũng trường cửu như mơ ước của người họa bức tranh này”.

Thấy chồng bị cuốn vào bức tranh, phu nhân tỏ vẻ khó chịu. Bà không hiểu, ba cái ngọn núi chết với một dòng sông giả kia, có gì mà ông ta phải ngắm kỹ thế. Mới mẻ gì cho cam. Nó ở đây từ bao giờ bà không rõ. Chỉ biết khi bà về đây, đã thấy treo. Mà lạ, từ mấy năm nay vào ở hẳn đây, ngày nào ông ấy chẳng trông thấy nó. Vậy mà hôm nay?

Dứt luồng suy tư, Trần Thủ Độ ngoắt quay sang phía phu nhân. Ông nói:

- Bà định thế nào?

Thấy phu nhân im lặng, Trần Thủ Độ lại tiếp:

- Tôi hỏi chuyện con Chiêu Thánh ấy, bà tính sao?

Phu nhân ứa nước mắt:

- Nghĩ thương nó quá ông ạ. Bố chết. Mẹ đi lấy chồng khác. Bản thân nó thì mất ngôi. Ừ thì nó nhường ngôi cho chồng. Nhưng ông cũng thừa biết, nó không nhường không được. Bây giờ lại đang lo mất luôn cả vị nữa. Bản thân thì đau yếu. Thế là mất hết. Cả ngôi lẫn vị đều mất.

Phu nhân thở dài, lấy vuông khăn trầu lau ráo mấy giọt nước mắt vừa ngoen. Bà ngẩng nhìn chồng, nói:

- Ông ạ, tôi có hỏi con Chiêu Thánh, thì nó bảo từ ngày nó yếu mệ đến giờ, sự buông the ơ hồ đã làm cho nhà vua ít lui tới, tình cảm không còn đầm ấm nữa. Tôi có cho xem xét, thì biết nhà vua hay cho đòi mấy đứa con gái mới tuyển được vào cung hồi cuối năm ngoái tới hầu.

Cật gù giẫy lâu, Trần Thủ Độ nói:

- Hay là bà xem, kiểm trong sổ đó, đứa nào xinh đẹp, con nhà lương dân, chọn cho Cảnh một đứa. Đưa vào hàng phi. Để nó còn kiểm đứa con nối dõi chứ. Con Chiêu Thánh thế thì còn sinh nở gì được nữa.

Nghe chồng nói, phu nhân giẫy nảy lên:

- Gì ơi, mọi việc ông đều sáng suốt, sao việc này ông lại tối tăm thế!

Trần Thủ Độ hết đổi ngạc nhiên. Ông không hiểu việc đó có gì làm phu nhân nổi giận. Đã toan đứng dậy bỏ đi thì phu nhân nín áo ông lại, làm lành:

- Để tôi nói cho ông nghe. Thế ông không thấy cái họa khác máu tanh lòng ư? Ông không thấy vì có tôi được tiến kinh, các ông trong họ Trần mới được tiến triều? Rồi dần dần quyền hành mới lọt vào tay các ông sao? Họ Trần muốn giẫm vết chân họ Lý chẳng, mà định đưa con gái nhà khác vào hàng phi? Nó được chính vị rồi, lại được nhà vua sủng ái, rồi sinh được hoàng nam, gì ơi nó phê truất con

minh lúc nào không hay. Ngay cả tôi, cả ông nữa, chắc còn được như thế này mãi hay sao?

Trần Thủ Độ cười khẩy:

- Bà quá lo xa. Còn tôi, thằng Cảnh không dám trái ý. Nó làm hoàng đế chứ làm gì tôi cũng vắn cổ.

Lại đến lượt phu nhân cười giễu:

- Vì ông chuyên quyền, lại áp chế cả vua nữa, ông mới lắm kẻ hằn thù. Chỉ cần Cảnh dám trái ý ông một tẹo, là có kẻ về hùa chống lại ông ngay. Mấy lại ông cứ tưởng, ông còn khoẻ mạnh tinh anh cho đến lúc tuổi già chắc. Ông đội đá ở đời mãi được chăng? Trần Cảnh đã gần hai chục tuổi. Nó cũng vỡ vạc nhiều điều. Ông già mờ quá, anh em nó cũng gây dựng vây cánh cả rồi đấy. Liệu ông có còn sai khiến được nó mãi không?

- Gì ơi! Bà làm tôi rối cả ruột. Làm sao mà chúng nó qua được mắt tôi. Vậy ý bà định thế nào, nói thử tôi nghe.

- Tôi định, nhưng ông không quyết thì định làm gì?

Phu nhân nói với vẻ hờn mát - Tôi cứ phang phác, ông liệu xem nhé: Trần Cảnh phải có một người vợ khoẻ mạnh, phải có cơ sinh đẻ. Nhưng người đó không phải là ngoại nhân.

- Ý bà định nói, nó phải lấy người trong họ? - Ông nhìn phu nhân mỉm cười ý nhị. - Như tôi với bà ấy? Tôi tưởng thế là đủ rồi. Nay Trần Cảnh đường đường một vị quân trưởng, lại theo gương chú làm cái chuyện hôn nhân lộn xộn ấy, để người trong nước họ cười cho à? Để cái bọn múa bút khoe văn nó chửi tôi đời đời trong sử sách hay sao?

- Gì ơi, ông mà cũng sợ cái bọn hủ nho ấy học chửi à? Ông sợ sử sách ư? Tay ông làm ra lịch sử cơ mà? Vả lại, ông phải nhớ rằng, chính ông đề ra cái vương triều Trần này, ông phải có kế sách gìn giữ cho nó trường cửu. Nếu không, chắc gì đã trọn được đời ta?

Phu nhân chợt nói đến chuyện trường cửu, Trần Thủ Độ sực nhớ cái tứ mà ông vừa đọc thấy trong bức “Sơn thủy họa”. Đúng như vậy, cái chí của ông vẫn muốn làm một việc gì đó cực lớn, để nó trường tồn cùng với non sông đất nước. Ông vẫn muốn xây dựng một quốc gia giàu mạnh, do họ Trần nhà ông đời đời nhiếp thống. Phải mạnh hơn cả thời Lý của Lý Thánh Tông, để người phương Bắc phải nể trọng. Có như thế, mới cùng họ song song trường tồn. Muốn vậy, việc tổ chức quân đội từ nội binh đến ngoại binh phải chặt chẽ, tinh luyện. Việc nông tang phải được phát đạt thịnh vượng. Phải để cho người làm ruộng được no đủ và có dư lúa gạo. Dự trữ trong dân là cách tích trữ lương thảo khôn ngoan nhất. Kho đụn nào của nhà nước mà chứa xuể số thóc vét được trong dân. Phải nuôi dưỡng cho muôn dân ý chí làm giàu, cũng như ý chí quật cường dân tộc. Phải đời đời vun đắp cho các người ở ngôi quân trưởng là những người thông sáng. Muốn vậy phải đặt ngôi vua dưới sự giám sát của một đảng quyền uy nào đó. Nếu kẻ trị vì tỏ ra u tối; phải kịp thời phế bỏ, chọn người khác lên thay. Vậy là ai muốn ở ngôi cũng đều phải lo tu đức, sửa mình. Song muốn giữ cho vương triều được toàn vẹn mà đề người ngoại tộc lọt vào, tránh sao khỏi sự dòm ngó từ ngoài. Trần Thủ Độ đang suy nghĩ rất dữ về cái mưu không cho người ngoại tộc lọt vào của phu nhân. Như thế nghĩa là người trong họ phải lấy lẫn nhau? Anh chị em phải lấy lẫn nhau? Đây là điều chưa từng có trong lịch sử cổ kim. Ta với phu nhân là chuyện đã rồi. Chẳng qua ta chỉ muốn diễn cho ngoạn mục một tích trò mà ta sáng tạo. Nên ta phải thủ tất cả các vai, từ vua quan đến dĩ điểm. Ai ngờ tai họa lại giáng xuống đầu ta. Không. Không thể như thế được. Vả lại cánh họ Trần ở trong hoàng cung này, có con cái nhà nào đến tuổi cập kê có thể lọt mắt xanh Trần Cảnh?

Nghĩ vậy, Trần Thủ Độ liền quay lại nói với phu nhân:

- Không được bà ạ. Tôi đã suy xét kỹ rồi. Lịch sử sẽ cho tôi là một tên loạn luân đê tiện. Và lại, tôi đã kiểm xét, đám con gái họ Trần trong hoàng cung này chẳng có đứa nào ra hồn.

Ngập ngừng giây lát, Trần Thủ Độ lại lên tiếng - suy cho cùng, tôi vẫn ngại cái bọn nho sĩ, nó đóng đinh mình vào sử sanh như một tên tội đồ. Thực tình, tôi ngại bọn họ lắm bà ơi!

- Ông mà cũng ngại bọn trói gà không chặt ấy nữa à. Tay ông làm ra lịch sử, ông sợ gì họ nào. Phu nhân chép miệng - Mấy lại họ chi cao đạo thể thôi, chứ anh nào cũng nhát, cũng tham cả đấy. Ông cứ đe nẹt xong, thí cho mỗi tên mười mẫu đất để dưỡng già, lại không tranh nhau mà chép: “THÁI SƯ TRỌNG KÊ SĨ MÀ THỰC CÓ LÒNG NHÂN”.

Chỉ có mười chữ để đổi lấy mười mẫu đất, tôi đồ anh nho sĩ nào dám cứng lòng. Nếu không thế, ông cứ chặt đầu tôi. Phu nhân mỉm cười, mặt hơi vênh, vẻ như thách thức.

Thái sư đi đi lại lại trong đại sảnh, đầu hơi cúi, vẻ trầm tư. Thoắt ông đứng trước phu nhân nói:

- Tôi đã nghĩ kỹ rồi bà ạ. Nhân cách kẻ sĩ thời nay, đúng như bà nói. Nếu tôi đe nẹt họ, rồi lại vờ kính trọng họ, và thí cho họ một chút lợi lộc, là họ lấn sả vào chân tôi như một lũ chó đói nịnh chủ. Trong một trăm đứa, ắt hơn chính chục đứa sẽ làm như vậy. Nhưng nhất định sẽ có dăm bảy đức khinh tôi, và nhỏ toẹt vào các thứ mà tôi đem ra phỉnh dụ chúng. Dầu tôi có dùng gươm chém chúng, thì chỉ chém được một đời nó thôi. Còn như nó mà dùng bút chém tôi, thì nó chém tới cả muôn đời con cháu tôi nữa kia.

Trần Thủ Độ lắc đầu, vẻ như người đã biết kính sợ. Ông nói – Chớ có đại mà coi thường sức mạnh của chữ nghĩa, được viết ra từ những kẻ sĩ có nhân cách cao. Thái sư hạ giọng – Điều mà tôi sợ là sợ ở chỗ đó, bà có hiểu không?

Ngưng một lát, thái sư lại tiếp – Còn bà cứ nhắc đi nhắc lại cái chuyện tay tôi làm ra lịch sử để làm gì? Bà nói thế, cũng có phần đúng. Nhưng tôi lại không thể dùng chính cái bàn tay ấy mà che lấp được lịch sử.

Phu nhân biết tính chồng vốn là người cứng rắn. Ông ấy không bao giờ chịu khuôn theo ý người khác. Bà tự nhủ: “Cách tốt nhất là phải biến được ý ta thành ý của thái sư. Thế thì có nhảy vào lửa ông ấy cũng không từ nan”. Nghĩ vậy, phu nhân dễ dàng thưa:

Ông ạ, thấy ông vất vả sớm chiều, lúc nào cũng chăm lo cho cái nghiệp lớn của họ ta. Tôi trộm nghĩ lúc vắng ông, nay thực tâm bày tỏ. Nếu thấy không được, ông cũng tha cho. Rồi bà tươi cười nhìn chồng: - Khôn ngoan cũng thể đàn bà. Mọi điều lớn nhỏ tôi đều xin theo ý ông.

Thái sư lấy làm đẹp ý. Ông đặt nhẹ hai tay lên bờ vai phu nhân, từ tốn nói:

- Dụng nghiệp cho nhà Trần là ở tôi với bà, nhưng cái chính vẫn là do bà.

Phu nhân quay lại nhìn chồng tỏ vẻ biết ơn.

1. Vương Duy (Wang wei 698-789) là một thi họa nổi danh đời Đường. Ông được coi là người đã sáng lập ra Nam phái sơn thủy họa.

Chiêu Thánh ngồi ủ rũ như một chiếc xác không hồn. Đã tám hôm nay, nàng không cho bọn nữ tì chải đầu hoặc trang điểm. Tóc nàng rối bù, xoắn xuýt thành từng nọn đung đưa như những con rắn. Mắt nàng mờ đục, lúc nào cũng ngơ ngác nhìn xoáy vào một điểm vô hình. Chợt khóc chợt cười. Nàng lấy hương xạ đốt lên rồi cắm la liệt khắp xó xỉnh trong nhà. Phu nhân thấy con thân hình tiêu tụy xác xơ như một con vờ, bà rung mình kinh hãi nghĩ về chứng loạn tâm của Huệ tôn ngày trước. Biết đâu con bé lại chẳng giống cha. Từ ba hôm nay, Chiêu Thánh không hề hé miệng nói với ai một câu nào. Ai nói gì nàng cũng thờ ơ như không nghe, không biết. Ai nhìn nàng, nàng nhìn lại với ánh mắt lúc tỏ ra nghi ngờ lúc lại đầy vẻ khinh thị.

Chuyện bắt đầu từ đêm ấy. Khi nhà vua vừa bước vào nội tẩm đã thấy sặc mùi men rượu chua nồng, Chiêu Thánh cho đó là một sự lạ. Vì đã tới gần một năm nay, nhà vua chưa bước tới cung này. Chiêu Thánh nhớ: đêm cuối cùng cách đây gần một năm, sau giờ ân ái kéo dài của chàng, mà ta ráng chịu đựng như một thứ cực hình. Chàng nói thẳng vào mặt ta: “Nàng giống như một con mèo hen chứ không phải một mụ đàn bà. Ăn nằm với nàng ta không còn thấy thích thú nữa”. Rồi từ đấy quả là chàng không hề đặt chân tới thềm điện. Thế nhưng đêm nay chàng lại đến. Chàng đến với bộ mặt chán chường và nồng nặc hơi men. Vậy mà trước đây ta chưa hề thấy chàng nhấp một ngụm rượu. Trút bỏ áo ngự, nằm vật xuống giường, nhà vua ôm ghì lấy ta mà khóc. Ta còn giận chàng chưa nguôi, nhưng vẫn thấy thương. Chao ôi, người phụ nữ nào mà không bủn rủn cả chân tay, mỗi khi nghe tiếng khóc của đàn ông. Nước mắt như rửa sáng thêm khuôn mặt vốn nhân hậu của chàng. Ta vội gỡ tay chàng ra rồi đốt thêm bạch lập. Ta thử nhìn kỹ lại khuôn mặt kia xem có gì giả dối, phỉnh lừa. Nhưng không, nhà vua đau khổ thật sự. Gần nửa đêm, Thái tôn thức giấc, chàng lại ôm lấy ta mà thỏn thức. Đỗ dành mãi, nhà vua mới nói:

- Ta bày tỏ điều này, mong Chiêu Thánh hiểu lòng ta. Gần một năm nay, ta không ăn ở với nàng. Là bởi ta thấy nàng quá yếu đau, mà ta thì mạnh khỏe. Ta là một người đàn ông thực sự, nên ta cần có đàn bà. Ta xa nàng, là cốt để cho nàng có cơ phục hồi tẩm thân, chứ không phải ta ruồng rẫy. Chắc nàng giận ta lắm. Nhiều lúc nghĩ lại, ta thấy ân hận.

Thái tôn thờ dài. Chàng thấy mắt ta rơm rớm. Nàng khuôn mặt ta lên, chàng vuốt ve rồi lại nói:

- Chiêu Thánh ơi, nàng có biết một tai họa ghê gớm đang giáng xuống đầu ta và nàng không?

Ta lắc đầu. Chàng bảo:

- Việc tào y trời như thế mà nàng không biết sao? Có thực cả phu nhân cũng chưa nói gì với nàng sao?

- Ta gật đầu, chàng đau đớn nói:

- Từ ngày nàng sinh thằng bé bị chết yểu tới nay đã năm năm. Chúng ta đã vào tuổi hai mươi rồi, nàng vẫn chưa sinh nở lại. Ông chú ta cùng bà mẹ nàng, đồ rằng chúng ta không có con để nối dõi. Cho nên ép ta phải lấy Thuận Thiên. Hiện Thuận Thiên đã có mang được gần ba tháng. Người ta đoán chắc, đó sẽ là một đứa bé trai. Vậy là phần hậu thánh(1) của nhà Trần khôi phái lo.

Cả mẹ nàng và chú ta, hai ông bà đều nói: Sẽ thu xếp để cho hai chị em cùng là hoàng hậu. Còn với thằng hoàng tử tương lai đó, mẹ nàng bảo: “Con anh con em, lọt sàng xuống nia, chẳng đi đâu mà thiệt”.

Ông chú ta, tức ông bố dưỡng nàng, bảo ta rằng: “Trần Cảnh cứ bằng lòng đi, cô chú sẽ thu xếp với Trần Liễu, Thuận Thiên, Chiêu Thánh”. Ta nghe họ toan tính sẽ cho Trần Liễu hưởng thêm thực ấp. Sẽ gạt cho Trần Liễu một nửa số phi tần. Chàng ngáp ngừng nhìn ta hỏi:

- Ý nàng thế nào?

Ta đáp:

- Thân thiếp mảnh mai như một nhành liễu. Yếu hơn cả một nhành liễu. Không đủ sức chống chọi bất cứ vật gì. Người ta có thể giết thiếp. Bấm vằm thân thiếp làm trăm mảnh. Nhưng người ta không thể bắt thiếp phải nghe theo những điều thương luân bại lý. Dù người ấy có là mẹ thiếp, ông thái sư hoặc bề hạ cũng thế thôi.

Chàng lại hỏi:

- Vậy chớ nàng sẽ làm gì?

Ta đáp:

- Thiếp sẽ nguyên rửa cái bọn ích kỷ, khinh nhờn lương tri. Nguyên rửa cả cái bộ máy thối tha của triều đình, mà bề hạ chỉ là một thằng hình nộm.

Thái tôn buồn lắm. Nhà vua nhắc lại lời ta: “Bề hạ chỉ là một thằng hình nộm”. Hoàng thượng cười lớn: “Đúng quá Chiêu Thánh ơi, nàng nói đúng quá. Nàng bảo ta phải làm gì bây giờ, Chiêu Thánh?”.

Ta đáp:

- Nhà vua không làm được gì hết. Ông chú của hoàng thượng sẽ bóp hoàng thượng vụn như cá m, nát như tương. Tốt nhất là hoàng thượng phải thật sự ngoan ngoãn nghe theo. Và lại Thuận Thiên vừa khoẻ mạnh phây phây, vừa xinh đẹp lại đang có sẵn một hoàng nam, bề hạ đẹp lòng quá rồi còn chần chừ chi nữa.

Chàng sầm mặt lại, hỏi ta:

- Thế còn nàng? nàng có ưng thuận không?

- Không, không đời nào ta chịu để các người áp chế. Các người tàn bạo lắm. Đừng tưởng quyền binh nắm trong tay muốn làm gì thì làm. Ta đã chán ngấy cái ngôi vàng ô uế kia lắm rồi. Ta nhờ toẹt vào ngôi hoàng hậu. Ta chỉ là ta. Một đứa con gái bị lường gạt, bị xua đuổi, bây giờ chỉ còn cách là ta nhờ toẹt vào tất cả. Nhờ toẹt vào các người. Ta phần nộ nói, mà không hề nghĩ rằng ta đang xúc phạm chàng.

Nhà vua đứng phắt dậy, thét vào mặt ta:

- Nàng tưởng ta thích cái ngai vàng ô uế? Nàng không nhờ thêm vào nữa thì nó cũng đã bẩn rồi. Nàng cho rằng được nàng, ta mãn nguyện lắm sao? Chính ta cũng bị ép buộc phải lấy nàng. Bị cưỡng chế lên ngôi vua. Một ông vua mà nàng đã gọi rất đúng là “cái hình nộm”. Bây giờ ta lại bị ép buộc phải lấy chị nàng cũng tức là chị dâu ta. Trời ơi, cái thân ta sao mà hèn yếu vậy. Có nhẽ ta cũng chẳng hơn gì cha nàng vào những năm cuối đời. Chỉ có khác: Ta mới bắt đầu, còn Huệ tôn đã kết thúc.

Tự nhiên nhà vua gục đầu xuống. Chiếc khăn trùm đầu đã tuột từ bao giờ, tóc xõa xụi, trông chàng như một bóng ma. Rồi Thái tôn

uề oải nhìn ta, nhà vua lắc đầu nói:

- Không. Trần Liễu không cam chịu đâu. Ta đã dành bắt lực, chứ anh ta không chịu. Từ lâu rồi, ta thấy anh ấy đã muốn cựa quậy. Có lần Liễu nói: “Nhà Trần ta mở nghiệp bắt đầu từ sự trái khoáy”. Ta biết anh ấy ám chỉ cái gì rồi. Ấy là việc em nhỏ thì ở ngôi, còn anh lớn lại là bầy tôi. Xét ra cũng đúng thôi, anh ấy có tội tình gì mà sắp xếp ngôi thứ lộn đảo như thế. Bây giờ lại định lừa gạt anh ấy để cướp lấy Thuận Thiên.

- Vậy chớ ý Thuận Thiên thế nào? - Ta hỏi.

Nhà vua lắc đầu:

- Ta đâu được biết ý Thuận Thiên. Trong việc này, cả hai anh em ta, hai chị em nàng đều không có quyền lựa chọn.

Ngưng lại giây lâu, hoàng thượng lại nói:

- Ta với hai chị em nàng đã bắt lực đã dành, nhưng còn anh cả. Ta không tin anh ấy cam chịu. Từ ngày ông chú cho các vương hầu được lập ấp, được tổ chức gia binh. Ta thấy huynh trưởng rất chăm lo việc này. Chỉ hương binh trong thực ấp của Liễu đã có vài vạn. Rèn luyện kỹ càng. Còn tinh binh trong nội phủ cũng có tới vài ngàn tên. Huynh chịu khó nghiên ngẫm binh thư lắm. Mời cả thần dạy võ người Tống về luyện binh, và dạy riêng cho Quốc Tuấn. Ồ mà thằng bé thật là có khiếu năng võ nghệ. Nó đứng chưa tới mông con ngựa tía, thoát đã nhảy lên yên, ra roi nom giống hết một tay kỵ mã nhà nghề. Chị cả Liễu cũng là một người đảm. Nuôi dạy con ở trong hương ấp, mà thằng bé biết đủ cả lễ, nghĩa, thi, thư – Nhà vua ngừng lời, vẻ trầm ngâm u uất.

Ta hỏi:

- Như ý bệ hạ nói, có nhẽ anh cả Liễu làm loạn chăng? Chớ ông lại ông thái sư thống quốc chăng?

Nhà vua lắc đầu:

- Ta mong không đến nỗi như vậy. Nhưng nếu chú ấy bức bách quá thì không biết rồi sự thế sẽ ra sao? Ta vẫn áy náy mạn Bắc, Người Tống, người Mông Cổ lúc nào cũng rình rập như quạ đói rình gà con, hễ gà mẹ sơ hở là chúng nó chộp liền.

Ta buồn lây nỗi buồn đất nước của nhà vua. Để yên ùi hoàng thượng, ta nói:

- Ông Trần Cảnh này, hôm nay ông nói với tôi về ý định của vợ chồng ông thái sư. Tôi biết ông bà ấy sẽ làm theo ý mình. Nhân đây, tôi cũng nói để ông rõ. Ông không phải băn khoăn lo lắng gì về cuộc sống của tôi. Đời tôi coi như bỏ. Ta vĩnh biệt nhau thôi. Ông bảo sao? Cuộc hôn nhân của ta quá ngắn ngủi ả? Đành vậy. Bởi nó không có nhân duyên, mà chỉ có mưu ma kế quỷ hồng lừa dối nhau. Ngày ấy cả tôi và ông, người ta bảo chúng mình lấy nhau. Tôi bằng lòng ngay vì nghĩ rằng mình có bạn chơi. Tôi cứ thấy buồn cười tại sao ông lại hiền thế. Ông có nhớ không khi ông Trần Cảnh? Mỗi khi nói với tôi điều gì, ông quý mọp xuống. Đầu cụng vào đất, lí nhí trong họng. Một điều “bệ hạ” hai điều “muôn tâu”. Rồi lúc ông bẽ chậu nước hầu tôi rửa mặt. Tôi nghịch ngợm té ướt cả mặt ông. Thế mà ông vẫn cứ nhẹ nhàng: “Xin bệ hạ tha cho”. Ấy, tôi thích cái tính ông nó nhu mì nên tôi ưng ngay. Ai ngờ cái việc ông lấy tôi lại là việc của cô chú ông. Là việc lấy thiên hạ cho nhà Trần, chứ đâu phải chuyện nhân duyên. Tôi biết ông không có lỗi trong việc này. Nay lại đến việc cướp chị Thuận Thiên và cả cái bào thai có sẵn. Thật là tán tận lương tâm. Ông thái sư thì tôi chả trách làm gì. Ông ta có thể làm được đủ mọi việc, ngoại trừ những việc nhân nghĩa. Đáng trách là bà mẹ tôi kia. Bà cô ông ấy. Tôi không ngờ, trời phú cho bà ta khuôn mặt đẹp để che dấu một tâm hồn ác độc. Bà ta chui vào triều Lý để đánh hồi chuông báo tử cho dòng họ nhà tôi. Thôi thì cũng được. Thiên hạ là của

muôn dân, chứ có phải của riêng gì ai. Chỉ tiếc rằng quyền nhiếp thống sơn hà, lại nằm trong tay kẻ tàn bạo. Nếu như việc sai khiến triều đình, chấn dất trăm họ lại thuộc hoàn toàn về một người như ông: khoan hoà, nhân ái thì tôi yên tâm quá ông Trần Cảnh ạ.

Nhà vua nhìn ta như là một sự lạ. Vì từ trước ta chưa hề nói với chàng một điều gì sâu kín. Từ lâu, chàng vẫn tưởng ta là một con bé ngu khờ. Chàng nhìn ta đăm đăm mà không ngắt lời. Ta lại nói:

- Ông có nhớ cái buổi tôi mời ông lên ngự ngai vàng? Khoác cho ông tấm áo long cổn và đặt lên đầu ông chiếc vương miện? Chàng gật đầu, đôi mắt chàng long lanh. In hệt cặp mắt hàm ý biết ơn từ hơn chục năm trước. Vậy là ông còn nhớ. Ông có thấy, ngày ấy chúng mình trong trắng quá! Tôi thì sung sướng được vứt bỏ đôi hia, đã làm chảy máu chân tôi. Được trút bỏ chiếc áo ngự, rộng thùng thình như một cái chăn. Lại hạ được chiếc mũ, nó làm cho cổ tôi lúc nào cũng cứng như một cái ách. Tôi vui là được trút bỏ mọi thứ đồ chơi cũ kỹ, kỳ quặc. Còn ông lại thích. Vì ông được một món đồ chơi lạ. Nhưng nay tôi ý thức được rồi. Nếu thuận thảo ra, tôi nhường ngôi cho ông cũng như Nghiêu(2) nhường thiên hạ cho Thuấn(3). Thuấn nhường cho Vũ(4), Vũ nhường cho Thang(5)... Ấy đấy, việc nhường ngôi ngày xưa, là nhường cái tâm thiện cho thiên hạ, chứ đâu phải chỗ ngồi là cái ngai vàng, và những quyền lực để áp chế muôn dân. Bởi vậy ngày xưa các vua giỏi thường chọn người hiền trong thiên hạ để truyền ngôi, chứ đâu phải cứ giữ khư khư cho một dòng họ.

Tôi không ân hận trong việc nhường thiên hạ cho ông. Vì ông là người hiền. Song tôi băn khoăn, vì ông chưa khai mở được bốn tâm của ông, cho thiên hạ nương nhờ. Việc này khó đấy. Nếu ông không khéo, thì cả thân xác ông cùng bốn tâm thiện đức của ông đều theo nhau xuống mồ. Ông có hai đối thủ kỳ quặc. Một người muốn bảo vệ ông, che chắn ông. Một người lại hăm hè muốn cướp lấy của ông. Hai người đó là ai, ông biết rồi, nhưng ông không thiết, thế lại hóa may. Mà đây là cách giữ tốt nhất. Còn kẻ nào lăm le muốn chiếm, chắc chắn sẽ không được gì.

Ta mệt quá, là đi. Chàng vực ta dậy. Giây lâu chàng nói:

- Ta cảm ơn Chiêu Thánh đã không oán hận gì ta. Sự thế sẽ là tan hồng mất thôi. Ta thiết gì ngôi báu. Nếu Chiêu Thánh bỏ đi. Chắc ta cũng không còn gì để ở lại. Đau nhất cho ta là chưa làm được điều gì thiện đức cho thiên hạ. Phụ lòng Chiêu Thánh dường bao. Hãy tha thứ cho ta.

Ta tiễn chàng tới bậc thềm, cũng vừa lúc hùng đông ló rạng.

=====.

1. Hậu thánh: Vua nối nghiệp về sau
2. Vua Nghiêu: Một vua hiền trong lịch sử cổ đại Trung Hoa (2357-2257) trước Tây lịch. Nghiêu sai họ Hi, họ Hòa xem sự chuyển vận của mặt trời, mặt trăng để dạy dân biết lúc nghỉ, lúc làm, mùa cấy, mùa gặt. Thời ấy có Thuấn giúp Nghiêu đi tuần thú bốn phương, tiếp kiến với Hậu các nước, sửa đổi ngày, tháng và bốn mùa cho đúng. Định ra âm nhạc. Phép đo, phép lường, phép cân cho nhất quán trong thiên hạ.
3. Thuấn (2256-2208) Thuấn đặt ra quan chế và dùng những người tài giỏi như bọn ông Vũ, ông Tiết, ông Cao Dao ông ích... để coi mọi việc.
4. Vũ thay Thuấn (2205-2197) đặt ra cừu trừ để định rõ các mối luân thường và chính trị.
5. Vua Thang (1783-1754). Nổi tiếng là một ông vua đạo đức và nhân chính. Đời sau lấy những phép tắc và chế độ của những bậc này

làm chuẩn tắc cho mọi sự học vấn ở đời.

Quan Thượng Thư tri Quốc Tử Viện Phạm Ứng Thần được lệnh vào cung quan triều hầu đức vua. Ông lật đặt bước lên thềm điện với lưng lửng một tay đẩy thuẫn giấy tờ sổ sách. Vừa thấy nhà vua lộ ra cửa, Phạm Ứng Thần đã rạp đầu cúi lạy:

- Thần xin phụng mạng.

Thái tôn bước ra đỡ quan thượng thư vào nội điện. Nhà vua chỉ cho ông chiếc kỷ đối diện. Vừa cười, đức vua vừa hỏi:

- Vậy chớ khanh mang theo cái bọc gì mà lớn thế kia?

- Tâu bệ hạ, thần chắc là bệ hạ hỏi về công việc của Quốc tử viện.

- Hẳn là thế ta mới cho triệu khanh tới.

- Dạ muôn tâu, thần đem theo một số văn bài xuất sắc của đám nho sinh, để hoàng thượng ngự lãm.

- Khanh cứ để đó, lúc khác ta đọc. Ta muốn hỏi: trong Quốc tử viện các khanh dạy bọn nho sinh học những kinh sách nào?

- Tâu bệ hạ, chúng thần cho học tứ thư; ngũ kinh.

- Ngoài ra có học gì nữa không?

- Tâu bệ hạ, đám nho sinh này nghiền ngẫm cho được mấy pho sách đó cũng đủ giúp đời rồi còn cần phải học gì nữa.

Thái tôn cau mày nhìn quan thượng thư tri Quốc học viện, nhà vua nói:

- Phép trị nước giúp đời, tuyệt nhiên không nằm trong sách. Sách chỉ gợi mở cho ta trí thức của người xưa. Xã hội Nho giáo thời

Không từ cách ta mấy ngàn năm sao có thể hợp với thời ta đang sống. Nhưng đạo lý do Khổng - Mạnh đề xướng sẽ là phương hướng cho ta xuất xứ. Rồi ta sẽ đọc văn bài của đám nho sinh. Đích thân ta sẽ xem các ông dạy dỗ họ như thế nào. Nhưng ta nói trước để ông rõ. Ông giúp nước nhà đào tạo lấy những người có thực học, chứ không cần bọn học nhuỷễn văn. Bây giờ nước đã thái bình, việc trị quốc đã đi vào ổn cố. Ta muốn mở rộng việc trị quốc sang trị quốc. Bởi vậy các ông phải khai mở cho đám nho sinh tinh thần của tam giáo. Ta thấy trong hàng nho sinh nước mình, các ông chỉ có sùng thượng đạo nho, miệt thị các đạo khác. Thế là không đúng. Mỗi đạo có một cái hay riêng khác biệt. Cũng như nhờ vào sự khác biệt tính tình tư cách giữa người này với người khác, mà cuộc đời thêm phong phú. Cho nên chớ có mong rằng, ở thế gian chỉ nên có một đạo. Đó là sự thoái hóa của trí tuệ loài người. Ta sẽ mời cư sĩ Phùng Tá Thang sang bên Quốc học viện, giúp thêm các ông về phần Lão - Phật. Các ông nên nhớ Nho - Lão - Phật đều không phải là những tôn giáo, với các giáo điều khép kín như những ngôi đền thiêng. Đó là những dòng sông chảy xiết chứ không phải ao tù. Hẳn ông biết tinh hoa của Nho giáo là ở Kinh Dịch. Yếu nước của Phật giáo lại ở Kinh Lăng già. Còn Đạo đức kinh là căn cốt của đạo Lão. Nhà vua chợt dừng lời, nhìn thẳng vào quan Quốc học viện với vẻ nghiêm khắc, Thái tôn nói:

- Ta mong công lao các ông nuôi dạy đám nho sinh này, không phải để họ trở thành những con vẹt. Và như chợt nhớ ra điều gì, nhà vua liền hỏi:

- Nay Phạm Ứng Thần, ta hỏi ông, về lịch sử ông dạy cho các nho sinh học sách gì?

- Tâu bệ hạ, từ trước môn lịch sử vẫn lấy kinh Xuân - Thu làm gốc.

Thái tôn nghiêm sắc mặt:

- Này quan thượng thư tri Quốc tử viện, ông là người Đại Việt hay dân Đại Hán?

Ta hỏi ông, nước mình không có lịch sử sao? Ta không ngờ các ông lại ngu tối đến thế. Các ông tự trói mình để rồi biến cả học giới nước nhà thành một lũ vong quốc nô. Thật là nhục nhã cho cả một nền giáo dục quốc gia.

Nhìn trừng trừng vào Phạm Ứng Thần, nhà vua gắng hỏi:

- Tổ tiên của người là Bàn Cổ, là Nghiêu, Là Thuấn, là Hạ, là Vũ chăng?

Nhà vua lại thăm thì nói, như tự nói với mình – Đành rằng ta phải mượn kinh, sách ngoài mà học. Nhưng là học cái đạo lý minh triết để khai sáng cho chính mình, chứ không phải học để tự biến mình thành kẻ phụ thuộc.

Như không kìm nén được, nhà vua lại hỏi:

- Này Phạm Ứng Thần, người nói cho ta hay, kinh Xuân – Thu viết những gì?

Phạm Ứng Thần len lét thưa:

- Tâu bệ hạ, đó là lịch sử của nước Lỗ, thông qua các gương thành bại của các đời vua chúa, Khổng Tử san định nhằm để răn dạy kẻ cầm quyền.

- Đành rằng đó là những bài học quý, cần thiết phải cho các nho sinh nước mình đọc để biết, chứ không phải học như chính sử nước nhà. Và lại, đó chỉ là lịch sử nước Lỗ bé bằng cái bàn tay, so với cả nước Trung Hoa mênh mông, thăm thẳm gì. Trong khi đó các nho sinh nước mình lại chẳng biết Kinh Dương vương là ai. Các vua Hùng là ai. Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bôn, Ngô Quyền là những người như thế nào.

Ngẫm nghĩ một lát, nhà vua lại phán:

- Thôi được, khoa thi này tạm bỏ môn lịch sử. Nhưng các người bên Quốc học viện phải cùng bên Quốc sử viện, phối soạn lấy bộ lịch sử nước nhà, ngõ hầu cho toàn thể quốc dân được biết, và làm căn cứ cho các kỳ thi.

Phạm Ứng Thần toát mồ hôi trán, rạp đầu tâu:

- Thần xin lĩnh mệnh.

Vội về bình thân nhưng nghiêm cẩn, Thái tôn phán:

- Này ông Ứng Thần thượng thư! Ông là người cao tuổi, lại có văn chất hơn đời. Ta mong ông không phải lựa lời để làm ta đẹp ý. Ta chỉ ước ao, những người qua tay các ông đào tạo, sẽ là những tài năng quý báu của quốc gia, chứ không phải bọn một sách. Nhưng một quốc gia không thể chỉ trông cậy vào một dúm con em các văn quan và tụng quan ở Quốc học viện. Trí tuệ của đất nước nằm rải rác khắp muôn phương, làm thế nào để khai mở để quy tụ được, ông có kế sách gì chăng?

Phạm Ứng Thần đã lấy lại sự bình tâm, ông vuốt lại nếp khăn, rờ lên hàng cúc áo, nét mặt ông như tươi trẻ hẳn ra. Vái nhà vua hai vái, quan Quốc học viện nói:

- Tâu bệ hạ, người nghĩ đến việc khai phóng trí tuệ của muôn dân thật là phúc lớn cho nước nhà. Dạy muôn dân, khi dân trí đã được khai phóng, mới mong mở mang nền văn hiến mà di phong dịch tục được.

Dạ việc này muốn làm được, nhà vua phải ban ân tứ xuống tận các xóm thôn. Ví như thời Nghiêu - Thuấn xưa, muốn mở mang dân trí người ta lập “Trường tự học hiệu” tới các thôn cùng xóm vắng. Ai có năng khiếu, ai ham thích học hành mà không đủ tiền ăn học, nhà nước sẽ nuôi. Bây giờ muốn khuyến cáo con em nhà thường dân có thể học được, nhà nước phải cắt một phần công điền ở các thôn ấp để làm đất học điền. Theo đó đặt ra các chính sách cụ thể cho mỗi cấp học. Có như vậy mới không bỏ sót người tài trong thiên hạ, chỉ vì nghèo đói mà không được học hành đến nơi đến chốn. Muốn tâu bệ hạ, chỉ khi nào dân trí đã được khai phóng, thì mới có thể nói đến việc trị quốc.

Thái tôn vui lắm. Nhà vua nói:

- Khanh gắng giúp ta sớm hoạch định việc này. Phạm Ứng Thần vừa toan cáo thoái thì nghe tiếng quân thét phía ngoài cấm thành. Trông ra đã thấy kiệu của đức ông Trần Thủ Độ. Quay lại phía Ứng Thần, nhà vua vẫy tay cho lui, rồi bước xuống thềm điện đón thái sư.

Trần Thủ Độ xuống kiệu cúi lạy nhà vua. Thái tôn vừa đáp lễ vừa nói:

- Quốc phụ không nên thủ lễ như vậy. Chẳng hay quốc phụ có việc gì qua đây.

- Thần có một chút việc trình bệ hạ. Tưởng bệ hạ ở bên chùa Thắng Nghiêm với cư sĩ Phùng Tá Thang, thần vừa qua bên đó.

- Phiền cho chú quá. Sao chú không cho gọi - nhà vua vừa nói vừa nhìn ngắm thái sư.

- Ấy chết, phép nước ai lại làm thế. Dầu bệ hạ có thể tình chú cháu cũng không nên. Hình như quan thượng thư tri Quốc tử viện cũng vừa ở đây ra? Trần Thủ Độ hỏi với vẻ xuề xòa. Ông không đợi nhà vua mời mà ngồi ngay xuống chiếc đơn sứ bên cạnh chiếc kỷ của nhà vua.

Thái tôn đang băn khoăn tự hỏi: “Không biết ông chú tới đây có việc gì. Hay ông lại nhắc ta về chuyện Thuận Thiên. Chao ôi, cứ nghĩ đến chuyện ấy lại thấy kinh hoàng như vừa trải qua một cơn ác mộng. Ước gì đây chỉ là một chuyện đùa và thái sư cũng đã quên”.

Thái tôn điềm đạm trả lời:

- Thừa chú, bên Quốc học viện sang trình về việc học hành của đám nho sinh. Cháu đang khuyến cáo cho các học quan dạy theo tam giáo và cả lịch sử nước nhà, chứ không chỉ thiên trọng về nho học. Chẳng hay ý chú thế nào?

Trần Thủ Độ nhếch mép cười ruồi:

- Đã bảo chú thì chữ nghĩa ăn đong. Bệ hạ nói việc huấn giảng theo tinh thần tam giáo, chú lại nhớ về Hoàng tiên sinh. Cái thờ nhà Trần ta mới mở nghiệp, chú được Hoàng tiên sinh chỉ bảo nhiều điều quý báu. Chính tiên sinh dặn chú, khi đất nước đã đi vào ổn cố rồi, phải mở rộng đường học vấn theo hướng tam giáo hòa đồng. Vậy là bệ hạ đã sáng suốt, chú mừng.

Nhà vua nói:

- Thừa Quốc phụ, đạo nọ đi tuần thú miền đông với quan thừa chỉ, lượt về cháu đi đường bộ có vòng qua vài nơi vùng biên ải để nghe động tĩnh. Được các viên phòng ngự sứ3, thủ ngự sứ4 cho hay, phía nhà Tống đạo này binh phòng xem ra trể nải lắm. Nhưng mặc họ, ta cứ phải phòng bị cho chu tất, xin chú lưu tâm.

- Tâu bệ hạ, thần đến diện kiến bữa nay chính là vì việc ấy. Số là nhà Tống đang bị quân Thát-đát dồn đánh lớn lắm. Mất nước đến nơi rồi còn dòm ngó gì được nữa. Nhưng không biết đâu, ta phải lo ràoậu cho kín. Bởi vậy thần muốn điều thêm hai đạo binh lên trấn phía

biên cương giáp với Tống, chẹn cứng các đường huyết mạch. Còn như phân biên cương giáp với nước Đại-lý của người Trung Quốc mà quân Mông Cổ vừa chiếm được, lại càng phải cân trọng lắm. Thần cũng định tâng cho đoạn biên ải này thêm hai đạo quân nữa.

- Quốc phụ dạy rất phải. Cháu cũng có nghe vua tôi nhà Tống tham lầy lại Khai Phong từ tay quân Kim, nhưng không đủ sức. Bèn rước Thát vào, hợp lực đánh Kim. Dè đâu đánh Kim xong, Thát quay lại diệt luôn Tống. Vua tôi nhà Tống thua lớn lắm, đang bị dồn về phía nam sông Trường Giang.

- Tâu bệ hạ, Oa-khoát-dải đang ráo riết đánh xuống phương nam. Trung nguyên chẳng mấy nữa mà vỡ.

- Quốc phụ nghĩ thế nào. Nếu chiếm xong Trung Hoa, Thát-đất có quay vó ngựa sang ta nữa không?

Suy nghĩ một lát, Trần Thủ Độ nói:

- Tâu bệ hạ, chưa định xong Trung Nguyên, Thát-đất đã ngó sang ta rồi. Giặc kia lòng tham không đáy, chúng chẳng muốn dừng vó ngựa ở đâu. Cờ Thát-đất hiện nay là không giới hạn. Chúng tiến lên phía bắc, hướng sang phía tây, dịch về phía đông đều không có địch thù. Nay đang đại thắng Trung nguyên, nhất định chúng không chịu ghì姆 cương ngựa nơi địa đầu biên ải nước ta.

- Quốc phụ tính sao?

- Tâu bệ hạ, giặc có dám xâm phạm bờ cõi không, là còn tùy thuộc ở ta. Tùy thuộc vào lực ta mạnh hay yếu.

- Mọi việc xin chú lo giữ. Thừa chú, tinh thần đã gấp gấp lắm rồi?

- Thánh thượng xin cứ bình tâm. Thần đã lo phòng bị từ lâu rồi. Ví như việc tha bớt tô thuế cho dân. Vỗ về sức dân. Nuôi khỏe sức quân. Nghiên giữ chế độ gửi binh vào nông, tăng cường luyện tập. Rồi cho các thân vương được lập dân binh, tinh binh. Đó chẳng phải là những việc triều đình đã làm, lo dùng lúc cướp giặc ngoại xâm sao? Bệ hạ cứ lo cất nhắc được người hiền. Kẻ có đức, có tài được đặt đúng chỗ. Giữ lấy công bằng xã hội, khiến cho mọi người đua sức đua tài mà cung hiến cho nhân quần. Đây cũng là điều làm nên sức mạnh của triều ta.

Thủ Độ thấy nhà vua rất quan tâm đến việc phòng bị. Ông nhảm tính: “Phải nhân chuyện này điệu hổ ly sơn”. Ông lại nói:

- Tâu bệ hạ, việc biên ải thật là quan yếu. Trước khi tâng thêm binh lực, triều đình cần có các bậc thân vương đi đốc xuất các lộ trên đó. Vừa là nghe ngóng bên kia. Xin bệ hạ xét nên cử ai?

- Quyền cất nhắc, điều khiển tướng soái quân binh, triều đình đã đặc cách giao cho quốc công từ khi còn thượng hoàng, với chức tri thành nội ngoại chư quân sự, sau lại gia phong thái sư thống quốc, nay cứ thế mà làm.

- Tâu hoàng thượng đây là việc của các năm hoàng thượng còn trong độ vị thành niên. Nay thì phải khác đi chứ. Hoàng thượng đã đủ tài đức sai khiến thiên hạ. Vả lại quyền hành không nên tập trung nhiều quá vào hạ thần. Thiên hạ sẽ vì thế mà dị nghị.

- Quốc phụ hay nghĩ xa. Việc võ bị không thể chia xẻ cho ai được đâu.

- Nếu thánh thượng rộng lòng, thần xin cử hai người đi lên biên ải: một là Hoài vương Liễu. Hai là tướng quân Lê Tần. Xin bệ hạ cho thánh ý.

Trần Cảnh thấy run sợ ở trong lòng. Nhà vua tự hỏi: “Chẳng hay có điều gì mà ông chú lại thủ lễ một cách thái quá như vậy?”

Thái tôn lễ độ nói:

- Thừa chú, nếu ý chú như vậy, mai cháu sẽ cho bên hàn lâm viện thảo chiếu.

Trần Thủ Độ tặc lưỡi:

- Với Lê Tần chẳng nói làm gì. Nhưng với vương Liễu, thiết tưởng bệ hạ nên nói trước đôi lời, để vương được đẹp lòng. Bệ hạ thấy thế nào?

- Dạ thưa chú được ạ.

- Thôi để chú về, kính bệ hạ – Đã toan bước đi, Trần Thủ Độ lại dừng, ghé tai Trần Cảnh nói nhỏ:

- Việc bữa trước chú nói, bệ hạ đã quyết chưa?

Không cần nhà vua đáp lời, thái sư xăm xăm bước ra kiệu.

=====

1. Cung quan triều là nơi vua ở.

2.Tụng quan: Các quan chức phục vụ trong nội cung.

3,4. Chức quan võ ở ngoài các lộ, trấn.

Trước khi Lê Tàn đi khám sát vùng biên ải, thái sư thống quốc Trần Thủ Độ có ghé thăm tận tư dinh.

Lê tướng quân tuổi còn trẻ, nhưng là một tay nghĩa hiệp. Văn võ kiêm toàn. Tuy trẻ, nhưng lại chín chắn, thận trọng. Thường lấy bụng nhân để đãi người. Những đức tính ấy làm tăng phẩm cách của ông ta. Trần Thủ Độ trọng tướng quân cũng là ở nơi nhân cách của họ Lê. Thái sư đặt nhiều sở vọng vào vị tướng quân này. Trần Thủ Độ cũng không cần giấu giếm lòng mến mộ của ông, mặc dù tướng quân là người ngoại tộc. Đã nhiều phen đàm đạo về thể sự, hai người tỏ ra tâm đắc lắm. Trần Thủ Độ cũng mong có dịp nào đấy, sẽ cất nhắc Lê Tàn ở vào chức vụ cho xứng với tài, đức của tướng quân. Về phía mình, Lê Tàn cũng nhìn thấy thái sư, rõ ràng là một bậc tài trí. Điều làm Lê Tàn kính trọng thái sư còn ở chỗ, ông xét đoán công việc như thần, tiên lượng được cả những điều nhỏ nhặt và bất ngờ có thể xảy ra. Đây là đức quý nhất của người làm tướng. Quý hơn cả là thái sư rất trọng hậu đối với những người hiền tài. Và không có lòng đố kỵ. Vì vậy có những việc thái sư làm, về đạo lý không chấp nhận được, nhưng cũng không vì thế mà có thể xem nhẹ vai trò của ông ta đối với thời đại. Phân biệt được như vậy, nên Lê Tàn vẫn xem thái sư như là linh hồn của cả vương triều.

Lê Tàn mời thái sư ngồi lên kỷ. Còn tướng quân tự bẽ một chiếc ghế đầu, ngồi đối diện phía ngoài.

Nô bộc dâng trà. Thái sư cho lui. Và lấy ở trong bọc ra một be sành rượu.

Ông gơ chiếc be lên trước mặt rồi nói:

- Được tướng quân nhận lời đi thám sát biên ải, thấy lòng vui quá. Tự nhiên muốn uống với tướng quân vài chén, nói với nhau một đôi lời. Vừa nói, thái sư vừa liếc nhìn Lê Tàn, vừa rót đầy lùm hai chén rượu. Thái sư nâng chén rượu đầy trao cho Lê Tàn:

- Xin tướng quân cạn chén. Nếu tướng quân làm sánh một giọt ta sẽ phạt tướng quân phải uống thêm một đấu.

Lê Tàn kính cẩn đỡ lấy chén rượu trong như một khối ngọc. Trần Thủ Độ cũng tự nâng chén lên. Lê Tàn nói:

- Kính chúc sức khỏe thái sư. Tướng quân ngừa cổ uống một hơi cạn sạch.

Trần Thủ Độ “khà” một tiếng, rồi đặt chén xuống kỷ:

- Chúc tướng quân đi chuyến này thành đạt. Nói rồi ông cầm lấy chén của Lê Tàn rót xuống mặt kỷ, được vừa đúng hai giọt, ông nói:

- Ta mời tướng quân cạn chén, mà tướng quân không uống hết, thế là phụ lòng ta. Vậy ta phạt tướng quân mỗi giọt phải uống bù một chén. Nói rồi ông trao be rượu cho Lê Tàn - Tướng quân tự rót lấy.

Trần Thủ Độ thừa biết Lê Tàn là một tay bợm rượu. Có lần trong tiệc khao quân, ông đã thấy Lê Tàn chấp cả năm đô trường, mà Tàn vẫn cứ tỉnh như không.

Thái sư tuy đã có lệnh nghiêm cấm việc uống rượu trong quân doanh. Nhưng cuộc uống này lại khác. Đây là uống ở tư dinh trong lúc thù tiếp, không có gì phạm vào luật cấm kỵ. Chính vì thế, Lê Tàn càng biết thái sư biệt đãi mình.

Uống xong, Lê Tàn đặt be rượu trả Trần Thủ Độ, vòng tay kính cẩn nói:

- Bẩm thái sư, trước lúc tiểu tướng lên đường có điều gì xin thái sư răn dạy.

Trần Thủ Độ cười vui, khuôn mặt quắc thước của ông có phần dịu lại, khiến Lê Tần cảm thấy ấm áp, gần gũi. Trần Thủ Độ nâng chiếc be rượu lên ngang mày, nói:

- Đây là món đồ của phường gốm Bát Tràng cho ta. Ông xoay chiếc be hết mặt nọ sang mặt kia - Tướng quân xem, men độc sắc màu cánh dán. Loại men này ta ưa hơn men huyền bò của Tống. Tất nhiên men Tống nó có vẻ hào hoa hơn. Nhưng men của ta, đậm hơn. Lại cái dáng, ta cũng ưa nó khỏe hơn vóc dáng Tống. Nghề đến như thế này, theo ta là tuyệt đỉnh. Các đời trước chưa hề thấy có. Sau này thế nào thì chưa rõ. Chẳng hay ý tướng quân ra sao? Lê Tần chưa kịp đáp lời, Trần Thủ Độ lại nói tiếp:

- Quý vật phải tầm quý nhân. Ta xin biểu lại tướng quân.

Lê Tần cảm kích hai tay đỡ lấy chiếc be, quỳ xuống vái Trần Thủ Độ.

Thái sư vội đỡ Lê Tần, ông nói:

- Ta vì lòng quý trọng tướng quân. Một chút quà mọn để lưu dấu tình ta mà sao tướng quân thủ lễ một cách thái quá.

- Bẩm thái sư, tiểu tướng chưa có công lao gì đã được bề trên ưu hậu. Thái sư gia ân cho tiểu tướng đi thị sát miền biên ải, hẳn có điều gì khuyên bảo trước lúc lên đường.

- Chính vì việc đó mà ta đến đây. Trước hết phải xem xét việc canh phòng, việc lập các đồn trại, việc luyện tập hàng ngày. Việc lương thảo, vũ khí và lòng quân, lòng dân đối với triều đình. Tướng quân cũng kiểm xét xem, việc các lộ trên đó phái người sang thám sát ở bên kia, có thu được tin tức gì mới lạ không?

Ta lưu ý tướng quân, lần này cùng đi với tướng quân còn có Hoài Vương Liễu. Mọi điều có quan hệ đến việc quân, tướng quân tự quyền quyết lấy. Còn các việc về dân sự, thuộc quyền vương Liễu. Hai người có thể tham bác nhau, nhưng không phụ thuộc nhau. Về phần vương Liễu, vốn thích chuyện hoa nguyệt. Đôi khi cậy quyền cậy thế làm bừa. Tướng quân gắng giúp cho vương Liễu khỏi vướng vào cái vòng luẩn quẩn, làm mất cả thể diện của triều đình. Chắc tướng quân còn nhớ cái vụ ở cung Lệ Thiên hồi giữa năm Bính thân(1) chứ? Đấy, tốt nhất là không nên để xảy ra điều gì đáng tiếc. Tướng quân đi gấp. Xong việc về ngay, ta còn cần Tướng quân vào việc khác, hệ trọng không kém việc tướng quân lên biên ải.

Thái sư ngừng lời, Lê Tần bèn lên tiếng:

- Trình Thái sư, tiểu tướng xin hết lòng phụng quân mệnh.

- Chúc Tướng quân vạn an.

Vương Liễu, Lê Tần vừa ra khỏi kinh thành vài chục dặm. Trần Thủ Độ đã cho quân đến bao vây phủ Hoài vương. Bao nhiêu vệ binh, tinh binh của Trần Liễu đều bị áp giải giáp hết và bắt phải lập tức trở về quê quán làm ăn. Kẻ nào còn trù trù sẽ chém bêu đầu. Thế là trong phút chốc, cơ đồ binh nghiệp mà Trần Liễu tốn công gây dựng tan biến như khói mây chiều. Phủ đệ của Trần Hoài vương vẫn được bảo tồn nghiêm ngặt, duy có Thuận Thiên được rước về nội điện của Thái tôn.

Tin đó đồn ngầm trong kinh thành, thoáng lát đã loang ra như một đám cháy được gió thổi tung đi các ngả. Các đại thần hồi hã vào triều kiến đức vua.

Điện Thiên An đóng cửa. Các bậc lão thần, những người lương đồng lại kéo sang cung Thủy Tinh, Trần Thủ Độ treo biển “hồi tị”(2).

Các quan lần lượt kéo nhau về, tùm năm tùm ba bàn tán. Mọi người đều bàng hoàng trước cảnh đòi phong bại tục của hoàng gia. Đầu tâu chuyện này là từ Trần Thủ Độ, Trần Thị Dung. Gốc của sự loạn, lại chính từ nơi các người có quyền lực nhất nước còn biết tính sao?.

Quan thừa chỉ dâng sớ hạch tội Trần Thủ Độ. Ông xin cáo quan. Không đợi nhà vua xét định. Ông bỏ kinh thành đi. Không ai biết ông đi đâu.

Được chú và mẹ đón vào nội điện, Thuận Thiên còn chưa hết ngỡ ngàng, đã được phu nhân Trần Thủ Độ ra kéo vào hậu điện. Mẹ con gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Thuận thiên hỏi:

- Thưa mẹ, có làm sao Hoài Vương phụng quân mệnh lên biên ải, thái sư lại đem binh đến vây vương phủ? Nhất loạt bắt hết bọn thân vệ, tinh binh phải hồi hương. Bắt cả con phải lên kiệu về bên này. Có phải Hoài Vương làm loạn hay thái sư lộng hành? Nói rồi Thuận Thiên xòa tóc gào khóc thống thiết.

Phu nhân ruột rỗi như tơ vò, nghe tiếng con khóc bà bần rùn cả chân tay. Không ngờ cơ sự lại xảy đến như thế này. Những tưởng ông ấy sắp đặt được êm thấm. Ai ngờ nông nổi cứ mỗi ngày mỗi rối thêm. Từ bữa ông ấy ngó ý tới nhà vua, hoàng thượng đã khước từ. Ta chưa kịp nói gì với Chiêu Thánh, thì Trần Cảnh đã giải bày với nó rồi. Tới lúc mẹ con nói chuyện với nhau thì thật là tàn nhẫn. Ta cảm nhận như đây là một cuộc xô xát. Chiêu Thánh uất ức phản bác ta. Coi ta như một con yêu tinh, chui vào triều Lý để sát hại cha nó và làm sụp đổ cả vương triều này. Chắc là nó bị xúc động quá, không hiểu được nỗi lòng ta thương chị em nó. Ta cũng chẳng chấp với con cái làm gì. Nhưng điều ta đau buồn nhất là con bé như phát khùng lên. Y hệt cái chứng loạn tâm của Huệ tôn ngày trước. Nó như không muốn nhìn mặt ta. Hề thấy ta lộ vào là nó hét lên: “Ma! Ma!” Vài bữa nay ta xem nó đã bớt la hét. Đã chịu nhắm nháp ăn uống chút đỉnh. Còn nhà vua cũng đã bình thường. Tưởng việc hãy xếp lại. Ai ngờ ông ấy lại quyết liệt thái quá. Bắt Hoài Vương lên biên ải, đón Thuận Thiên về cho đức vua, chặt hết tay chân vây cánh của Liễu. Tức là ông ấy ra mặt ép, không cần các cháu có chấp nhận hay không. Người đâu mà kỳ cục!

Nắm lấy tay Thuận Thiên, phu nhân nhẹ nhàng nói:

- Con hãy cứ bình tâm. Bình tâm lại đã, rồi mẹ nói cho con nghe. Đừng có hấp tấp con ạ. Đây là chuyện trong nhà, ta đóng cửa bảo nhau. Chớ có to tiếng mà vạch áo cho người xem lưng.

Thuận Thiên vẫn còn khóc tức tưởi, một lát sau nàng nói:

- Phu nhân chỉ muốn bịt miệng con. Nhưng Thái sư làm như vậy thì cả nước biết chứ giấu được ai? Nếu sợ thì đừng làm vậy nữa có được không?

Phu nhân cảm thấy khó chịu về cách ăn nói của con gái, nhưng bà vẫn ngon ngọt dỗ dành:

- Các cô là lắm điều lắm đấy. Con gái mẹ lớn quá rồi. Nghe nói con đã tắt kinh gần ba tháng phải không? Gớm sắp làm hoàng hậu đến nơi rồi còn ngúng ngẩy cái gì. Phu nhân vừa buông lời, vừa nhìn sắc mặt con thăm dò.

Thuận Thiên chậm hiểu, nhưng rồi cũng nhận ra lời nói khá lọt tai, bèn hỏi:

- Thưa mẹ, con không hiểu ý mẹ định nói gì. Phải chăng đức vua lại trả ngôi báu về cho Hoài Vương? À mà thế cũng phải, không có anh em lại hục hặc với nhau suốt đời.

- Chuyện không phải thế. Nhân đây mẹ nói cho con nghe. Số là Chiêu Thánh nó bầy bót quá. Lại từ ngày sinh hoàng tử Trịnh chết

yêu tới nay đã năm năm. Xem ra cũng không còn sinh nở được nữa. Mẹ cùng chú mày bàn đến nát nước. Mãi sau mới tính chuyện đem con về bên này. Thế là hai chị em cùng có phúc, có phận cả. Mà họ Trần ta cũng được nhờ vào các con. Hoài vương thì nó được thăng Quốc Tuấn rồi. Còn nhà vua thì muện mãn quá. Vả lại mẹ cũng không muốn con phải làm lễ. Thân cảnh lá ngọc, phí một đời. Nay con về đây, hai chị em cùng là hoàng hậu. Con cái nối dõi đã có sẵn trong bụng rồi, còn lo gì. Nếu các con nghe lời mẹ, thì vĩnh viễn đời đời, mẹ có chết cũng yên lòng.

Nghe mẹ nói, Thuận Thiên cứ ngỡ là mẹ ốm đau gì đâm mê sảng, nàng hoảng hốt thật sự. Hết sờ vào tay lại áp vào trán mẹ. Phu nhân tưởng như con gái nghe lời mình, vì thế bà cứ nói liên hồi cho đến lúc Thuận Thiên không chịu được nữa, gào lên:

- Sao mẹ nữ đem cái chuyện chó lợn ấy nói với con.

Khi ép con phải lấy Hoài vương cũng mẹ chứ ai. Ngày ấy con đã biết gì. Thế em Chiêu Thánh đâu rồi?

- Chiêu Thánh! Chiêu Thánh! - Thuận Thiên gào lên. Em có còn, hay người ta giết chết em rồi. Khổ thân em tôi.

- Con làm gì mà ồn lên thế, Thuận Thiên! Mẹ tính vậy để lo cho các con được trọn vẹn. Vả lại giữa Cảnh với Liễu cũng là hai anh em ruột nhà nó, với hai chị em ruột nhà mày, chứ có phải người xa lạ nào mà sợ. Việc này tùy con, mẹ không ép. Phu nhân đã toan đi vào, thì chợt có tiếng một chuỗi cười dài dại từ phía ngoài vọng tới. Rồi Chiêu Thánh lấp ló ngay nơi cửa. Đầu tóc rối bù. Áo quần xộc xệch. Chân không giày dép. Tay cầm bông mẩu đơn, Chiêu Thánh vừa đi vừa hát:

Túy ngọc sa trường quân mạc tiểu

Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi(3)

Hát xong, Chiêu Thánh lại cười sặc sụa.

Chợt trông thấy Thuận Thiên, mắt Chiêu Thánh vụt sáng lên, reo òa:

- A, chị Thuận Thiên! Rồi Chiêu Thánh lùi lại nhìn Thuận Thiên như nhìn người xa lạ. Buông tiếng chào lạnh nhạt:

- Kính chào hoàng hậu.

Chiêu Thánh ngoắt quay đi, như chưa hề biết có Thuận Thiên.

Thuận Thiên hốt hoảng lao theo em. Vừa đi vừa gọi:

- Chiêu Thánh! Chiêu Thánh! Chị đây mà.

Phu nhân đứng nhìn hai chị em, lòng ngao ngán.

Tiếng Chiêu Thánh vẫn còn vang vọng:

- Người ta vây phủ Hoài vương, diệt vây cánh Trần Liễu. Thế nào rồi con ngựa Hoài Vương ruổi sáng nay cũng trở về. Nhưng không có người cưỡi nó trên yên đâu, chị Thuận Thiên ơi!

Hahaha....ha! Túy ngọc sa trường....

=====

1. Bính thân (1236), tháng 6 lụt to, nước tràn vào cung Lệ Thiên, Hiển hoàng Trần Liễu đi thuyền qua đây, thấy có người phi cũ của

triều Lý bèn đưa vào hiếp ở trong cung. Có người hặc tâu, giáng Trần Liễu từ Hiển hoàng xuống Hoài vương. Và đổi cung Lệ Thiên thành cung Thường Xuân.

2. Có nghĩa là: quay về, không tiếp khách.

3. Đây là khúc Lương Châu của Vương Hàn, đời nhà Đường. Dịch nghĩa:

Chồn sa trường say nghiêng ngả ai nở cười

Xưa nay đi chinh chiến đã mấy người trở lại.

Nắng đợi những tia đầu tiên vào phòng, khiến Trần Thủ Độ giật mình tỉnh giấc. Thái sư uể oải vươn vai, ngáp một tiếng thật to rồi vùng ra khỏi giường. Ông chụp lấy chiếc chuông nhỏ để lẫn vào đồ văn phòng tứ bảo, lắc lia lịa. Một lát, tên gia nô bước vào phòng hốt hải. Thấy quan ông đầy vẻ tức giận, y quỳ mọp xuống tâu:

- Trình đức ông... Tên gia nô sợ đến lú cả lưỡi. Vì y biết tính chủ, mỗi khi nổi giận.

Trái với lệ thường, lúc tức giận, quan thái sư hay thét mắng. Lần này quan ông thông thả hỏi:

- Sao các người không đánh thức ta dậy sớm?

Tên gia nô vững dạ, bèn thưa:

- Trình đức ông, lệnh bà bảo chúng con cứ để cho đức ông ngủ. Vì đêm qua đức ông làm việc khuya.

- Có tin tức gì cho ta không?

- Bẩm đức ông. Có thư của Lê tướng quân.

- Sao không đưa ngay vào! - Trần Thủ Độ đập tay xuống án, quát.

Tên gia nô mặt tái đi, nói lắp bắp:

- Trình đức ông, ngựa trạm mới đưa vào lúc đầu giờ dần. Nói xong y chạy đi lấy phong thư.

Trần Thủ Độ đọc thư, nét mặt ông tươi tỉnh dần lên. Khi đặt phong thư xuống án, ông chợt nhìn, vẫn thấy tên gia nô quì chờ lệnh. Ông ân cần bảo:

- Ta đang có công việc cần kíp. Nên đôi khi trái tính. Các người gắng chịu. Ta biết các người không có lỗi gì đâu. Đừng sợ. Lần sau, có thư hay lệnh, các người nhớ đem ngay vào cho ta. Nếu là hoả lệnh, thì dù ta có đang ngủ, cũng phải lay gọi bằng được. Nghe không?

Tên gia nô cuối đầu:

- Dạ!

Trần Thủ Độ vẫy tay cho lui.

Thái sư rất hài lòng vì Lê Tần vừa tới biên ải được vài tuần đã kịp thu thập tin tức, gửi đường ngựa trạm về ngay. Vậy là mặt biên ải chưa có gì đáng quan ngại. Thời cơ cho ta rảnh tay lo việc hoàng gia. Ông tự biết làm việc này hơi quá tay với Trần Liễu. Vì nếu không như thế, ông không yên tâm về hai lẽ. Một là tính trường cửu của nhà Trần. Hai là dập tắt tham vọng quyền hành của Trần Liễu. Theo ông, Trần Liễu ngu xuẩn không tự biết mình. Y cũng không biết đến cả sự tể vi của công cuộc chính trị mà ông chủ trương. Thử hỏi, không có Trần Cảnh, thì làm sao đóng cho xuôi gọn được tích trò nhường ngôi? Nay thiên hạ đã chấp thuận như là một sự đương nhiên phải thế, thì y lại hăm hè, động cựa. Trần Cảnh là người khoan nhân, đức độ, lại thông tuệ khác thường. Tâm ấy, tài ấy, mà ở ngôi thiên hạ mới có chỗ trông cậy. Trần Thủ Độ đang miên viễn với những suy tư, toan tính thì nội thị đã bê thức ăn sáng vào cho ông.

Mở chụp lồng bàn thấy có một đĩa khoai tím. Một dúm muối vừng và một con dao bài. Thái sư ăn ngon lành. Ông ăn hết đĩa khoai,

vẫn còn muốn ăn nữa. Ông tự biết ơn phu nhân. Chỉ có phu nhân mới biết ông thích ăn loại khoai này. Đây là giống khoai rừng chỉ bên mạn Kinh Bắc mới có. Củ giống như củ nâu, to bằng chiếc nồi nhỏ. Thường nấu canh cá rô, hoặc hầm với măng lợn, ăn rất ngon. Nó thơm như củ mài, bở và ngọt hơn củ mài. Nhưng ông thích ăn luộc hơn cả.

Nội thị vừa dâng cho ông một tô nước chè xanh, cũng vừa lúc phu nhân bước vào.

Gương mặt phu nhân chảy dài ra, buồn rười rượi. Phu nhân nói như nhận lỗi về mình:

- Thấy ông ngủ ngon quá. Tôi dặn gia nhân không được đánh thức. Chắc ông giận.

Trần Thủ Độ cười xoà:

- Tôi ngủ được, khỏe người, có gì mà giận. Nhưng bà thương tôi vừa vừa thôi, kéo những lúc việc quân gấp gáp cứ ngủ khi là mất mạng như chơi.

- Cả đời ông, tôi có thấy lúc nào ông không gấp gáp? Mà đã mất mạng đâu.

- Nhờ có sự lúc nào tôi cũng gấp gáp ấy mà tôi không mất mạng, bình tôi không nhọc sức.

Liếc nhìn phu nhân, thái sư hỏi:

- Lại có chuyện gì phải không? Mới sớm đã buồn nẫu ra thế kia. Lại chuyện con Chiêu Thánh chứ gì? Bà cứ hay cả nghĩ. Con cái lớn rồi. Có điều gì nó không vừa ý, nó phải cãi chứ sao. Cốt nó không ra khỏi khuôn phép của mình là được.

- Nào có phải chuyện nó cãi. Cả tháng nay nó cứ điên điên khùng khùng. Nó không nói với tôi một lời nào. Nó không muốn nhìn mặt tôi nữa. Cứ hễ trông thấy tôi là nó hét: “Ma! Ma!”. Tôi khổ tâm lắm ông ơi. Tất cả cũng vì để nghiệp nhà ông, mà tôi mang trọng tội với nhà Lý. Tôi là một kẻ giết chồng, hại con, phá tan cả một vương triều. Con gái tôi nó nói vậy đấy. Phu nhân bưng mặt khóc hu hu.

- Sao bà cứ hay chấp nê. Chỉ biết mình làm việc đại nghĩa. Người này được thì kẻ kia mất. Biết làm thế nào khác được. Có điều để mình yên tâm rằng, không phải mình tham lam quyền bính, mà mình vì đám lễ dân. Trần Thủ Độ với vẻ trầm tĩnh, giảng giải cho phu nhân đến cạn nhẽ - Đây bà xem, những năm dưới triều Huệ tôn, đi về ngả nào cũng thấy người chết đói. Đi về nẻo nào cũng khói bụi chiến tranh. Ngay cả lúc đói, mình ăn miếng cơm cũng không còn thấy ngon nữa. Ngủ cũng chập chờn không yên giấc. Nay nhà Trầon trị vì, bà xem đời sống người dân như thế nào. Cứ trông những bộ mặt những người đi đường, là biết được thời đại. Bà cứ trách móc tôi là lúc nào cũng gấp gáp. Tôi gấp gáp vì sự an dân hưng nước, chứ tôi có nhằm lợi lộc gì. Trong nhà ta, có gì bà biết cả đấy.

Phu nhân lấy chéo khăn lau nước mắt, ngược nhìn chồng, bà nói:

- Nào tôi có dám trách oán gì ông. Buồn quá, tôi chỉ muốn thổ lộ cùng ông đôi điều. Con Chiêu Thánh nó bỏ đi rồi. Ông biết chưa?

- Nó bỏ đi lúc nào. Được, để tôi cho người đi tìm.

- Cả con Trịnh Huyền cũng đi theo nó. Ông có nhớ con Trịnh Huyền, thị nữ của tôi không?

- Có phải con bé giấu tờ chiếu dạo nọ không? Con bé người nhà quan thừa chỉ chứ gì?

- Đúng đấy!

- Con ấy là một đứa ngỗ nghịch khí đấy bà ạ. Nó là phận tôi tớ, nhưng tôi vẫn có bụng nể nó. Để nó theo hầu Chiêu Thánh cũng được. Con Chiêu Thánh cũng thuộc nòi khí khái lắm. Thế bà đã nói với nó, chuyện đưa con Thuận Thiên về bên này chưa?

- Tôi nói, nó cãi tôi, rồi nó phát điên phát khùng lên đấy. - Phu nhân thờ dài chán nản - Chuyện vỡ lẽ, cả kinh thành đều biết. Ông tính sao?

Trần Thủ Độ trầm tư:

Thôi được, bà cứ mặc tôi liệu.

Thái sư tức tốc sai quân toà đi bốn cửa thành tìm Chiêu Thánh. Từng bến đò, quán nước, chùa chiền, nơi nào có thể dừng chân hoặc tá túc được, lính đều ngó ngang tìm kiếm.

Chừng giờ trị, quân báo về: đã tìm thấy hoàng hậu ở chùa Báo Quang.

Trần Thủ Độ lập tức lên kiệu tới liền. Thuyền sư lật đặt ra tận tam quan vái chào quan thái sư, và rước mời ông vào nhà phượng trưng. Nước được một tuần, nhà sư liền hỏi:

- Bạch đức ông, vậy chớ có chuyện gì, hoàng hậu vừa đến vắng cảnh chùa dâng lễ Phật sớm nay, mà đức ông đã phải vội vã đi tìm?

Trần Thủ Độ từ tốn đáp:

- Bạch thuyền sư, tôi cũng là khách thập phương tới vắng cảnh chùa, ăn mày lộc Phật. Có chi nhà chùa lại bảo tôi đi tìm hoàng hậu? Chẳng hay hoàng hậu bây giờ ở đâu? - Nói rồi Trần Thủ Độ sai mở đầy lấy ra một trăm lạng bạc, hai mươi đỉnh vàng cúng vào chùa. Ông nói:

- Số vàng bạc này gửi nhà chùa để tu bổ nơi hương khói thờ Phật, và làm các việc bố thí cho chúng sinh vào những năm mất mùa, đói kém.

Thuyền sư hết lời cảm tạ tấm lòng hiếu Đạo của thái sư. Nhà sư nói:

- Bạch thái sư, vì đức ông có lòng hiếu Phật, nên bản tăng mới mạnh bạo bộc bạch cái sở kiến của kẻ tu hành. Như thái sư đã biết, từ khi đức Cao tông nghe lời xiên Phật của Đàm Dĩ Mông, đã có sự bài xích Phật giáo một cách bất công. Cũng từ đây kỷ cương nhà Lý bắt đầu đổ nát. Nay triều ta đã hưng được vận nước, xin thái sư để tâm hơn nữa vào việc Đạo. Vì việc Đạo chính là việc đời. Đạo là cốt để giáo hoá cho chúng sinh được ngay chính cái tâm - tức là thiện tâm. Một xã hội đầy tràn thiện tâm thiện đức, chẳng phải là một xã hội thịnh trị, mà các đảng mình quân từ xưa mơ ước sao? Bản tăng chỉ xin bày tỏ với thái sư một điều bé mọn đó của kẻ tu hành, xin thái sư lưu tâm.

Trần Thủ Độ đến chùa không phải vì mục đích vắng cảnh, cúng dàng. Cũng không phải đến để đàm đạo với thuyền sư về việc đạo, việc đời. Chẳng qua vì có tin Chiêu Thánh bỏ ngôi hoàng hậu vào đây ẩn náu, ông muốn tới để gọi nàng về. Lại vì có di hài của Huệ tôn để trong tháp chùa này. Thủ Độ cúng dâng vàng bạc để tu bổ chùa chiền, cũng có hàm ý đến việc săn sóc Huệ tôn. Vì khi nhà vua còn sống ông không làm được điều đó. Cũng còn một ý khác nữa muốn nói với dân nước, nhà Trần là kế nghiệp nhà Lý chứ không có chuyện soán đoạt. Một ân ý nữa là, nếu như Chiêu Thánh muốn ở lại chùa để hương khói, thì số bạc vàng đó là để chu cấp cho nàng. Bằng ấy ý nghĩa của cuộc viếng thăm ngắn ngủi của một quan lớn đầu triều, kẻ tu hành dễ gì nhận ra. Chợt nhớ tới nhà sư, Trần Thủ Độ nói:

- Triều đình đang làm cái điều mà thuyền sư mong muốn. Vậy xin nhà chùa cho biết hoàng hậu hiện đang ở đâu. Mấy bữa nay, hoàng hậu không được khoẻ. - Bạch đức ông, hoàng hậu tới chùa cùng với một ti nữ vào sớm hôm nay. Người nói sẽ xin ở lại chùa để hương khói cho Huệ Quang thuyền sư. Nhà chùa chúng tôi chưa dám vâng lời. Vì chưa được biết cao ý của hoàng thượng và đức ông.

Trần Thủ Độ nhà nhận tiếp lời nhà sư:

- Bạch thuyền sư, hoàng gia chúng tôi xin đa tạ hảo ý của nhà chùa. Xin cho tôi được gặp hoàng hậu, sau đó thế nào sẽ xin bạch lại với nhà chùa.

Thuyền sư dẫn Trần Thủ Độ vào trai phòng. Chiêu Thánh đang ngồi buồn ủ rũ. Trịnh Huyền ngồi chếch phía sau, vừa bóp đầu cho Chiêu Thánh vừa rì rầm nói chuyện. Thấy thái sư bước vào, Trịnh Huyền vội đứng lên chấp tay vái:

- Kính chào đức ông.

- Chiêu Thánh, tại sao con lại bỏ cung điện tới đây? Mẹ buồn lắm đấy. Ta nghe nói mấy bữa nay trong người con khó ở.

- Đội ơn đức ông hỏi thăm. Chiêu Thánh tôi có lúc nào được khoẻ mạnh đâu.

- Vậy thời con nên trở lại cung, để mẹ con còn thuốc thang.

- Xin đức ông tha cho. Tôi không thể trở lại cái tổ quý đó được. Ở đây tôi sẽ phát điên lên mất. Sẽ hỗn hào phạm thượng.

Trần Thủ Độ trầm nghĩ: “Con bé đâm khùng. Nói năng chẳng còn biết giữ lễ. Chắc nó uất lắm. Kể cũng tội. Không nỡ chấp với trẻ nhỏ”. Ông ân cần khuyên giải:

- Hãy coi những điều mẹ con nói chỉ là mong muốn. Chẳng ai ép buộc con. Nếu không ưng thuận, con cứ về triều. Ngôi hoàng hậu của con không ai xâm phạm tới được. Ta mong con hãy nguôi giận.

- Cảm tạ đức ông. Tôi hiểu phu nhân lắm. Vì bà là mẹ tôi. Ý bà đã quyết thì không gì lay chuyển được. Phu nhân đã hợp lực cùng với đức ông, đoạt bằng được cơ nghiệp của nhà Lý. Nay tôi lại cố đâm ăn xối, ở lại ngôi hoàng hậu, chẳng là cái gai cho phu nhân hay sao?

- Ta khuyên con nên trở về triều, kéo nhà vua mong đợi.

- Tôi đã thưa với đức ông rồi. Ngay cả nhà vua cũng phải tuân theo ý đức ông. Vả lại nhà vua đang cần có con nối nghiệp đế vương. Tốt nhất đức ông nên tìm cho nhà vua một người trong họ. Chị em tôi dù sao cũng là người ngoại tộc. Chắc đức ông cùng phu nhân đã tính kỹ nước cờ lừa nhà Lý. Nay phải diệt cái mầm loạn từ khi nó chưa nhú, lẽ nào đức ông còn rước người họ Lý vào cung? Đức ông cùng phu nhân có thể lừa được thiên hạ, chứ không lừa được con Chiêu Thánh đâu. Chiêu Thánh cố giữ về bình thân, nhưng sao nước mất vẫn cứ trào ra, hoen cả khuôn mặt gầy vồ không điểm trang của nàng.

Trần Thủ Độ không những không giận, mà còn thấy thương nàng. Ông cho những lời Chiêu Thánh nói, là suy nghĩ chân thực. Giọng ông rầu rầu:

- Chiêu Thánh, con quá ưu sầu nên căm giận ta cùng mẹ con. Tiếc rằng con còn nhỏ tuổi chưa hiểu được sự đời. Lớn lên, chắc rồi con sẽ hiểu ta và tha thứ cho mẹ con.

- Tôi không dám giận đức ông. Nhưng mẹ tôi, thật tình tôi không thể tha thứ cho bà. Hãy cứ cho rằng thiên hạ là của chung. Thiện thì được, không thiện thì mất. Song mẹ tôi, đã lừa dối chị em tôi. Lừa dối cả chồng bà. Chính bà là người giết cha tôi. Thưa đức ông, tôi biết ai là người giết cha tôi rồi. Nhưng nếu không có mẹ tôi, làm sao người kia có thể thực hiện được âm mưu đen tối của mình. Bà đâu còn là một người vợ, người mẹ nữa.

Chiêu Thánh quay đi khẽ nói như nói với chính mình: “Tiếc thay, những năm thơ ấu, ta cứ nghĩ ta được sống trong tình thương của

me”.

Tự biết không thể thuyết phục được Chiêu Thánh, mà ông thì không muốn ép buộc đứa con gái thơ ngây tội nghiệp, Trần Thủ Độ liền dịu giọng:

- Vậy thì ý con muốn như thế nào, con cứ nói, họa may ta có thể giúp được gì cho con.

Chiêu Thánh sững sốt trước sự chấp thuận dễ dàng của thái sư. Nàng thừa biết ông là một người sắt đá, chưa hề biết lùi bước. Giá như ông gay gắt quyết liệt, nàng còn biết đường tự liệu. Với vẻ bối rối, nàng nói:

- Xin đức ông gia ân cho tôi được ở lại chùa này, để hương khói cho cha tôi. Cũng xin đức ông cho Trịnh Huyền được ở lại cùng tôi cho có bầu có bạn.

- Nếu ý con đã quyết, ta không nỡ cản. Chỉ thương con thân gái, chưa quen chốn khổ hạnh.

Suy nghĩ giây lâu, Trần Thủ Độ lại nói:

- Chùa là nơi chốn của những người đã xuất gia. Con ở lại đây lâu, e không tiện. Để ta nói thuyền sư cho con tá túc đêm bữa nửa tháng, chờ ta cho người xây cất một căn nhà, ngay cạnh chùa cho con, như thế tiện hơn. Rồi sau này thế nào tùy con định liệu.

Chiêu Thánh không khỏi cảm động trước tấm lòng ưu hậu của thái sư. Nàng lễ phép nói:

- Thưa đức ông, nếu đức ông thương tình cho một chỗ ở, Chiêu Thánh tôi chỉ xin ba gian nhà tranh vách đất đơn sơ, bên cạnh hồ, tiếp với đất chùa đây. Nếu như đức ông lại xây cất dinh thự nguy nga, thì Chiêu Thánh tôi không bao giờ dám đặt chân tới

- Thôi được, ta sẽ chiều theo ý con. Để ta nói lại với thuyền sư. Chào hai con.

Đã toan quay ra, Trần Thủ Độ lại dừng, ông nói với Trịnh Huyền - Ý hoàng hậu như vậy, chắc con đã rõ. Con cố gắng làm vui lòng người. Cũng phải nói để con biết. Ta rất trọng con. Chúc hai con mạnh khỏe, ta đi.

Cả Chiêu Thánh, Trịnh Huyền đều cúi đầu bái biệt.

Trần Thủ Độ bước ra, vẻ mặt lạnh buồn.

Trở lại cung Thủy Tinh, Trần Thủ Độ đã thấy có Lê Tàn ở đấy. Ông sung sướng reo lên:

- Cha chả tướng quân đã về. Ta mong ông quá.

Lê Tàn cúi đầu vái thái sư.

Chợt thấy trên nét mặt viên tướng trẻ một thoáng lo buồn, Trần Thủ Độ hỏi:

- Có chuyện gì đó, tướng quân?

- Trình thái sư. Tôi vừa về tới kinh thành liền đến ra mắt thái sư ngay. Được tin đức ông lại chùa Bảo Quang, tôi quay vào điện Thiên An. Bẩm đức ông, hoàng thượng bỏ kinh thành đi rồi!

Trần Thủ Độ tái mặt, giây phút kinh hoàng vừa thoáng hiện trên gương mặt con người dạn dày trận mạc, với ý chí sắt đá kiên cường, ông vội trấn tĩnh phút yếu lòng. Đức ông hỏi, giọng hơi lạc:

Nhà vua đi từ bao giờ?

- Bẩm, nội thị không biết rõ nhà vua đi vào lúc nào. Tiểu tướng có hỏi ngoài các trạm canh, viên đô trưởng Cửa Đông cho biết, đức vua đi vào khoảng cuối giờ Hợi đêm qua. Tháp tùng nhà vua có bảy người. Nhưng tới bên kia bến đò sông Cái, nhà vua cho về bốn, chỉ lấy chỉ huy cục Trần Thiêm và thân vệ tướng quân Trần Khuê Kinh đi theo. Nhà vua nói là đi vi hành, phải cải dạng, không dân chúng họ biết. Dạ thưa, cả nhà vua và tùy tùng đều đi ngựa.

Trần Thủ Độ thờ dài, ngồi phịch xuống ghế. Lê Tần lại nói:

- Bẩm đức ông, tiểu tướng đã cho một tốp lính sang sông Cái, tòa đi các ngã đường để tìm nhà vua.

Trần Thủ Độ gật đầu. Chiếc cổ ông chưa bao giờ cúi, mà nay phải uốn cong cho cái đầu gục xuống. Một lát, ông ngẩng phắt dậy, nhìn Lê Tần trừng trừng, hỏi:

- Liễu đâu?

- Trình thái sư, quan thái úy Hoài vương Liễu hiện đang ở tư dinh.

Trần Thủ Độ giật mình:

- Ông phải cho người theo sát Liễu. Sơ hở lúc này là có biến. Ông về đi. Cần gì ta sẽ cho tìm.

Lê Tần cúi chào, lặng lẽ bước ra.

Trần Thủ Độ đi đi lại lại trong căn phòng với những bước đi lúc thưa, lúc mau, lúc nhẹ lướt cảm như mèo, lúc ầm ầm như voi cuốn. Ông lồng lộn như con hổ bị hãm chuồng.

Trần Thủ Độ tự hỏi: “Chẳng lẽ keo này ta thua ư?” Rồi ông lại tự trả lời: “Có nhẽ ta thua thật”. Chúng nó bỏ đi hết rồi. Vua đi. Hoàng hậu cũng đi. Rốt cuộc chỉ còn lại con Thuận Thiên ngờ nghệch, thằng Trần Liễu ranh ma. Thằng này mất vợ, mất đám quân nanh vuốt, liệu nó có chịu bó tay không? Trời hỡi trời! Ta sẽ mất mặt với con dân cả nước, mất mặt với triều đình. Ông giận dữ ngửa mặt lên trời thề: “Đẹp xong việc này, từ nay thề có trời đất thiêng liêng chứng giám, tất cả những điều gì vợ ta sắp đặt...”

Trần Thủ Độ cứ ngồi đó nghĩ suy, trần trờ. Ông ức đoán Thái tôn đi về nẻo hướng nào. Và hiện nay đang ở đâu. Ông không tự thấy nhà vua bị bức bách quá phải bỏ đi, mà ông chỉ trách Trần Cảnh vô ơn. Đã không biết công ông chăm sóc, dựng xây cho từng bước một. Một mình nó ngồi trên cả trăm họ. Thậm chí còn ngồi trên cả ông nữa. Nó phải biết vì sao nó được như thế chứ. Bây giờ, Cảnh bỏ ông đi, làm cho người trong nước chê cười ông. Thử hỏi, ông còn mặt mũi nào nữa. Rồi ông lại liên tưởng đến Trần Liễu. Sự thật ông thấy có gì gai gai mỗi khi nghĩ về Hoài vương Liễu. Ông không dám chắc, thằng đàn ông gần ba chục tuổi với nhiều tham vọng này, lại ngoan ngoãn khuôn theo sự sắp đặt của ông. Nghĩ tới có kẻ nào làm loạn, lừa giận trong người ông lại bùng bùng nổi dậy. Nước thanh bình, nhưng giấc ngoài không thôi dòm ngó. Kẻ nào khơi lên mầm loạn, kẻ ấy sẽ là con thiêu thân chui vào lửa. Ông không tha thứ. Ông chia bàn tay gân guốc ra nắm lấy không khí rồi bóp siết lại. Cứ như là ông đang tiêu diệt kẻ phá phách nền an lạc của đất nước này.

Chợt Lê Tần vào bẩm:

- Trình thái sư, quan thừa chỉ đã bỏ Thăng Long đi rồi. Hoài vương Liễu cũng cải dạng ra khỏi kinh thành rồi. Quan thừa chỉ đi từ lúc nào không ai biết. Nhưng Hoài vương thì tiểu tướng đã cho người theo sát.

- Hừm! Trần Thủ Độ vừa “hừm” được một tiếng, rồi đứng rũ ra như một chiếc cây bị héo rũ. Không phải ông sợ vương Liễu, mà chính

là quan thừa chi bỏ đi.

Khi đã sang tới bên kia bến dò sông Cái, đi chừng độ nửa trống canh nữa về hướng bắc, Thái tôn mới bảo mọi người dừng lại. Nhà vua nói:

- Ta muốn làm một chuyến vi hành, để nghe ngóng trong dân, xem các chính sách của triều đình có gì thuận, nghịch với lòng dân. Nhưng nếu đi cả đoàn cả lũ thế này, khó mà che giấu được tai mắt người dân. Vậy các người trong đám nội nhân hãy quay về triều. Chỉ có Trần Thiêm, Trần Khuê Kinh đi theo ta. Nói xong nhà vua bèn khoác lên mình chiếc áo thường dân. Mọi người ai cũng khóc lóc đòi theo, nhưng vua không cho.

Tính ra, vua tôi khởi hành ở Thăng Long từ giờ Hợi, lúc này đã cuối giờ Tí. Gà trong các xóm đã gáy ran. Vua tôi chia tay bịn rịn. Khi đoàn người trở lại Thăng Long đã đi xa chừng non một dặm, nhà vua ghìm cương ngựa lại, nói với Thiêm, Kinh:

- Quay về hướng đông. Ta muốn lên Yên Tử.

Trần Thiêm kính cẩn nói:

- Tâu bệ hạ, nếu bệ hạ muốn vi hành, không đâu bằng vùng xứ Bắc này: dân đông, nho sĩ nhiều, lại là đất cũ quê hương nhà Lý. Luyến nhớ vua cũ, hoặc nhuần thắm ơn mưa móc vua mới, chỉ qua bọn nho sĩ và lớp cùng đinh là biết hết, bệ hạ còn phải ra vùng Yên Tử hù quạnh làm chi cho nhọc sức.

Trần Khuê Kinh cũng mạnh dạn khuyên can:

- Tâu hoàng thượng, anh Thiêm nói đúng đấy. Bệ hạ đến cái vùng lam sơn chướng khí, suốt ngày không một bóng người ấy làm gì. Muốn đi về Yên Tử sao khi đêm, bệ hạ không đi thẳng hướng đông có tiện không, lại còn ngược bắc làm gì?

Thái tôn bần khoản một thoáng, nói:

- Hai người cùng là bạn ta. Trần Thiêm tuy hơn tuổi, nhưng lại cùng được bỏ với ta từ năm Ất Dậu (1225) dưới thời Chiêu Hoàng. Đã bao năm cùng ta gắn bó. Còn Trần Khuê Kinh với ta cũng là bạn cũ, ta chẳng giấu diếm các khanh làm gì. Ta muốn lên vùng Yên Tử tìm đường giải thoát. Ta ngán cảnh tù túng ở Thăng Long lắm rồi.

Trần Khuê Kinh lại nói:

- Tâu bệ hạ, bệ hạ ở ngôi quân trưởng, không thể chỉ làm theo ý thích riêng mình mà bỏ mặc muôn dân.

Thái tôn lưỡng lự nhìn hai người bạn đồng hành, lại nhìn trời, giây lâu nhà vua nói:

- Cứ dùng dằng mãi, ta e trời sáng mất. Ta còn phải ngược lên bắc, rồi mới rẽ sang đông, là cốt đánh lạc hướng thái sư. Ta biết thái sư không có bụng bỏ ta, thế nào người cũng dò tìm. Ta hỏi thực hai khanh, lúc này không phải là nghĩa vua tôi, mà là tình bè bạn, nếu hai khanh thuận lòng đi với ta, thì cùng đi. Nếu không thuận, hai khanh cứ trở về triều, ta không trách oán. Bởi mỗi người có một chí hướng riêng, ta không ép. Nhưng nếu trở về triều, xin hai khanh liệu lời mà nói, đừng để lộ tung tích của ta. Nói xong, Thái tôn thúc ngựa đi vượt lên.

Thiêm, Kinh hai người cùng nói:

- Chúng thần xin đi theo hầu bệ hạ. Hai người, một vượt lên, một lùi lại để Thái tôn đi giữa.

Nhà vua như sợ trời sáng mà chưa xa kinh thành là mấy, nên thỉnh thoảng lại giục Khuê Kinh ở phía trước.

- Khanh ráng cho ngựa đi mau hơn.

Đường hẹp, ngựa chỉ đi hàng một, nên vua tôi không trò chuyện được với nhau. Tâm trạng nhà vua thật đau buồn. Các việc xảy ra trong hoàng gia do sự áp đặt của ông chú, bà cô, khiến cho nhà vua bất bình. Thái tôn buồn nhất là những người trong cuộc, không một ai được lợi lộc hoặc thích thú gì về chuyện này. Nhà vua lo nhất vẫn là ông anh cả. Trần Liễu dám làm càn lẫm. Từ trước, Liễu đã hục hặc chuyện ngôi thứ rồi. Nay thái sư làm nhục cả một lũ mấy anh em chị em. Liễu sẽ nhân cơ hội này mà dấy lên. Vậy là chính thái sư gieo mầm loạn. Càng nghĩ, Trần Cảnh càng uất ức về ông chú. Tuy vậy, không thể không phục ông ta là một cáo già. Lừa cho Liễu lên biên ải, ông ta bề hết nanh vuốt Liễu, chỉ thoáng trong phút chốc. Nếu Liễu có chống lại ông ta, cũng chỉ là chuyện đem trứng chọi với đá. Mất mạng như chơi. Chính ta lo cho tính mạng của huynh trưởng. Nhà vua lại nghĩ, nếu như sự táo tợn của Liễu mà thành đạt. Người đầu tiên Liễu giết, hẳn là thái sư. Sau đó, Liễu sẽ khử ta để lên ngôi hoàng đế mà từ lâu anh ấy trông đợi.

Miền man, nhà vua lại nghĩ đến điều Khuê Kinh khuyên giải, và cũng hàm ý trách móc: “Người ở ngôi quân trường không thể chỉ làm theo ý thích riêng mình mà bỏ mặc muôn dân”. Nhà vua lại tự biện minh: “Dù Khuê Kinh có trách ta, ta cũng đành chịu. Sự thật ta có được làm theo ý muốn được đâu”. Đúng như Chiêu Thánh đã nói toạc vào mặt ta: “Bệ hạ chỉ là một thằng hình nộm”. Từ mấy năm nay, khi đã ý thức được về các điều thiện, ác cũng như sứ mệnh của kẻ cầm quyền; ta áp ủ sẽ làm các việc có lợi cho dân, cho nước. Nhất là từ khi được cư sĩ Phùng Tá Thang, chỉ bảo cho các điều trọng yếu của tam giáo. Hoặc những bậc học giả, có thiện tâm với dân với nước, như quan thừa chỉ khuyên nhủ ta những việc cần làm, những điều cần tránh, khiến lòng ta lúc nào cũng hồi hộp, lo sợ, như người mặc áo có khô ngồi trước lửa. Có phải đâu ta không biết nghĩ đến bách tính. Không thương họ sao được. Bởi nếu không có dân thì cũng chẳng có vua. Nghĩ cho cùng, ta chịu ơn họ mới đúng, chứ đâu có chuyện họ phải ơn ta. Từ miếng cơm ta ăn, tấm áo ta mặc, chiếc xe chiếc kiệu ta đi, nhất nhất đều do những người dân lam lũ khổ khó làm ra, thế mà mỗi lần ta tha bớt tô thuế, giảm nhẹ hình án là muôn dân giống trống mớ cờ, vào hội ăn mừng, để tỏ lộ ơn mưa móc đã nhuần thấm tới xóm thôn. Ta biết, ta chỉ dối lừa họ thôi, cái đám dân đen khổ khó ấy. Ta cho họ, cái mà ta không mất. Ấy vậy mà họ vẫn cứ hớn hờ mừng vui, tung hô vạn tuế.

Vua tôi cứ mãi miết đi, trời sáng lúc nào không hay. Chợt trông thấy núi Phả Lại ở phía trước, Khuê Kinh bèn quay lại nói với nhà vua:

- Tâu bệ hạ, sắp tới bến đò rồi. Người ngựa đều mệt. Gần đây có một quán hàng. Xin bệ hạ tạm dừng để cho ngựa uống nước, ăn cỏ.

Thái tôn nhìn quanh quất rồi gật đầu. Nhà vua nom kỹ vào đáy mắt hai người đồng hành, xem họ có còn muốn đi với mình nữa không. Giấy lát ngập ngừng, Thái tôn nói:

- Ở những nơi hàng quán hoặc đò giang sông nước, các người chớ có gọi ta là hoàng thượng hay bệ hạ gì hết. Cứ gọi ta là “anh Hai”.

Còn ta sẽ gọi các người như tên thường ngày.

Vua tôi lại tiếp tục đi. Khuê Kinh là một võ tướng, nên càng đi càng thấy khoẻ. Chỉ thương con ngựa khát nước. Chốc chốc nó lại quệt cái mõm vào những cành lá đâm sương bên đường, rồi lấy hơi hít hà qua hai cánh mũi phập phồng. Nhà vua tuy không mệt, nhưng nom vẻ mặt hơi bơ phờ, vì những suy nghĩ lo lắng. Duy chỉ có Trần Thiêm không tỏ lộ một nét vui buồn hay mệt mỏi nào trên khoé mắt, gương mặt. Thiêm là một người thâm trầm, biết nén giấu đi những tình cảm thật của mình. Thiêm là cháu gọi Trần Thủ Độ bằng bác. Cùng được

thăng bồ với Trần Cảnh một ngày, dưới thời Lý Chiêu Hoàng. Ngày ấy Thiêm được giữ chức chỉ huy cục, còn Trần Cảnh được sung chức chánh thủ. Kể về vai vế họ hàng, Thiêm phải gọi Cảnh bằng anh. Trần Khuê Kinh cũng là chỗ bà con nội tộc. Khuê Kinh vừa là bạn, vừa là em họ Thái tôn.

Vừa tới quán, Khuê kinh sầm sẫm dẫn ngựa vào trước, lên tiếng:

- Bớ chủ quán!

- Dạ! - Có tiếng đáp khàn khàn từ trong quán vọng ra.

Khuê Kinh nói tiếp:

- Chủ quán cho gia nhân đưa ngựa vào tàu. Nhớ phải lau sạch mồ hôi trước khi cho ngựa ăn uống.

Chủ quán gọi mấy đứa nhỏ đi làm các việc khách sai bảo. Một thoáng sau, ông mới lộ ra ngoài đón khách. Ông cúi chào khách rồi dẫn vào một căn buồng phía sau.

Đúng lúc ấy, một toán ăn uống no say, người nào người ấy mặt đỏ phừng phừng, đầu thắt một rẻo khăn tang màu vàng sẫm, kéo nhau ra khỏi quán. Lúc này, vua tôi Thái tôn mới kịp nhận ra, cả ông chủ quán cũng thắt khăn tang. Rồi lại có những người mới vào quán, cũng thắt một kiềng khăn tang như vậy. Trong bụng ai cũng ngờ rằng chủ quán đang có đại tang. Nhưng trong nhà không có mùi hương khói. Không thấy tiếng khóc. Vua tôi Thái tôn nhìn nhau, ngậm như muốn hỏi nhau: “Thế nghĩa là làm sao? Có nên nghỉ lại đây không?”

Chủ quán là người tinh đời. Các ánh mắt của khách nhìn nhau ngẩn ngại, cũng đã lọt vào mắt ông ta. Chủ quán làm như không biết gì, cứ lặng lẽ pha trà. Mùi sen ướp trà, toả hương thơm ngào ngạt, khiến cho vua tôi Thái tôn cánh mũi phập phồng. Suốt đêm đi mệt, nay được chén trà nóng thơm ngon, thật không còn ai muốn ước ao gì hơn.

Chủ quán rót trà ra chiếc chén tống, rồi chuyên ra bốn chén quân. Ông vừa nâng một chén trà, vừa nói:

“Tam nhân đồng hành, tất hữu...l Ông dừng lại trước Thái tôn và kính cẩn đưa mời.

Tiếp đó ông đưa cả đĩa mời Khuê Kinh và Trần Thiêm.

Thấy sự lạ, Thái tôn bèn hỏi:

- Nay ông chủ quán. Ba anh em ta cùng đi. Ta là người ít tuổi nhất. Tại sao ông lại đưa mời ta trước. Chả hóa ra ông coi thường bọn ta sao?

- Thưa ông khách trẻ, chủ quán ôn tồn đáp - Đúng ông là người ít tuổi nhất trong số ba ông, nhưng ông lại là người chủ sự. Ông bé, nhưng bé hạt tiêu đầy ạ.

Cả ba vị khách cùng cất tiếng cười vui. Rồi Khuê Kinh lên tiếng:

- Đúng thế! Ông chủ quán tinh thật. Với chúng tôi, ông ấy là anh, con ông bác.

Chủ quán bèn vuốt râu. Ông lão có chòm râu dài rậm với khuôn mặt hồng hào, trán cao, mắt sáng, nom có vẻ là một người trượng phu lắm. Chủ quán lại nói:

- Xin ba ông hiểu cho. Tôi làm nghề bán quán. Nếu không phân biệt được người sang kẻ hèn, người ngay kẻ gian thì làm sao mà sống được ở cái đất nghịch này. Nói ba ông bỏ lỗi, ngay cả đến đức vua có cái dạng vi hành qua đây cũng không che được mắt tôi. Vừa nói

ông ta vừa chú mục nhìn vào Trần Cảnh.

Ba ông khách lại nhìn nhau mỉm cười. Trà được ba tuần, ai nấy mới thấy bụng mình réo sôi ừng ục. Cùng lúc, mùi thơm xào nấu từ bếp bay lên, khiến mọi người cánh mũi đều nở ra. Trần Thiêm bèn hỏi:

- Ông chủ quán đã có gì cho khách ăn chưa đấy?

Đáp:

- Xin thử cho một chút, chúng tôi sẽ dâng thức ăn vừa ý các ngài.

Mấy đĩa nhỏ soạn mâm bát. Chủ quán bê ra một vò rượu thuốc. Ông vừa mở nắp vò, mùi thơm xộc ngay vào mũi khách. Chủ quán rót rượu ra bốn chiếc bát chiết yêu. Ông bê mời từng người, bắt đầu từ Thái tôn, Khuê Kinh, Trần Thiêm, và ông tự dành cho mình một bát. Đứng hẳn ra một góc nhà, ông nói:

- Xin được phép mời ba vị khách quý. Trước xin các vị cùng gia chủ tôi, chúc cho linh hồn một lão bà ở thôn chúng tôi đây, mới qua đời. Cụ hưởng phúc trần gian đúng một trăm năm.

Chủ quán nói tới đây, thầy trò Thái tôn đưa mắt nhìn nhau, như đã hiểu vì sao mọi người đều chít khăn tang. Chủ quán lại nói:

- Gia chủ tôi cũng có lời chúc mừng, cuộc vi hành của đức ông đây được vạn nguyện. Nói xong, chủ quán cúi rạp trước Thái tôn.

Thái tôn đưa mắt cho Khuê Kinh, Trần Thiêm, nhà vua lên tiếng:

- Cảm ơn ông chủ quán hiểu khách. Anh em chúng tôi xin chúc cho linh hồn lão bà siêu thoát. Chúc cho ngôi nhà của ông lúc nào cũng đông khách. Xin nói để ông chủ quán biết, anh em chúng tôi chỉ là thường dân thôi, chớ có cao sang vọng tộc gì mà ông gọi tôi là “đức ông”.

Trần Thiêm:

- Xin cho hỏi thêm. Lão bà được dân làng quý trọng hay lắm con nhiều cháu, mà tôi thấy người người đều để tang.

Chủ quán vuốt râu cười ha ha:

- Trong hai điều quý ông hỏi, đều có cả. Số là như thế này. Cách đây năm mươi năm. Nhân có một bà goá năm mươi tuổi, nuôi ba đứa con cô. Chẳng may bà bị ốm liệt giường. Người con cả phụng dưỡng lâu ngày không chịu nổi. Bèn bỏ mặc không thuốc thang săn sóc gì cả. Bà lão chửi mắng thậm tệ. Ông ta bèn cãi lại nặng lời. Rồi làm một túp lều ngay cạnh cánh rừng phía chân núi kia kia. Chủ quán chỉ về ngọn núi trước mặt. Xong ông ta khiêng bà mẹ, đặt lên chiếc chõng trong túp lều ấy. Dân chúng biết được, đem trình xã trưởng. Xã trưởng bắt người con cả phải đưa mẹ về phụng dưỡng, rồi sửa lễ tạ trời đất, thần linh, xin lỗi với dân làng. Vì anh ta đã chà đạp lên đạo lý xã hội, nêu gương xấu trong làng. Người con cả không chịu. Làng đuổi đi. Dân làng tình nguyện sẽ thay người con nuôi bà cho đến mãn cuộc đời. Lúc bà chết, làng sẽ làm ma lớn cho bà, cả làng sẽ để tang bà, cúng giỗ bà. Đúng như vậy, năm mươi năm qua làng tôi đã để ra năm sào ruộng. Chia ra mỗi nhà cấy một sào luân chuyển nhau, nhưng phải chăm bón cho thật tốt. Được bao nhiêu thóc đem đến tận nhà cho bà chi dùng quanh năm. Những người con thứ không phải nuôi bà. Người con cả vài năm sau hối hận quay về, nhưng dân làng không tha thứ. Từ đấy, biệt vô âm tín, không biết ông ta lưu lạc phương nào. Ngày một lát, chủ quán lại tiếp - Mất một người, nhưng làng tôi gìn giữ được thuần phong mỹ tục. Suốt năm chục năm qua, trong làng tôi không hề có chuyện con cháu dám cãi lại ông bà, cha mẹ, hoặc lơ là

phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già.

Nghe xong, Thái tôn ngậm ngùi bảo Trần Thiêm đưa cho hai nén vàng. Nhà vua gọi chủ quán đến, nói:

- Anh em chúng tôi nhân qua đây, được nghe kể câu chuyện về làng ông, thật là cảm kích. Để tỏ lòng hiếu kính một mỹ tục mà dân làng đã cố công gìn giữ. Chúng tôi xin góp hai nén vàng, nhờ ông chuyển cho ông xã trưởng, nói rằng đây là lễ viếng của khách qua đường. Xin dân làng cầu siêu cho lão bà trong kỳ bách nhật.

(Sau khi trở lại nắm quyền bính trong triều, Thái tôn có nhớ lại việc này và truy phong cho lão bà hai chữ: “Tiết hạnh”. Ban cho cả làng đó một cái tên gọi là “Hiếu Thôn”, và bốn chữ “Thiện tục khá phùng”². Nhà vua cũng cho làng này trích ra năm mẫu công điền gọi là “Hiếu điền”, dùng vào việc nuôi nấng những người già cả không nơi nương tựa).

Cầm hai nén vàng trong tay, chủ quán lặng người đi vì cảm kích tấm lòng hiếu thiện của khách.

Cơm nước xong xuôi, vua tôi lại lên đường. Mặc dù Trần Thiêm nài ép, chủ quán nhất định không chịu nhận một đồng một chữ nào tiền cơm, rượu phục dịch.

Ra đường, vua tôi bàn mãi chuyện vừa xảy ra ở trong quán. Nhà vua nói:

- Ta chưa từng được nghe, chứ chưa nói được thấy ở đâu đó lại có được một phong tục đẹp đến thế. Ngay cả đời Nghiêu - Thuần cũng không thấy nói đến. Ta nghĩ, nội trong làng đó phải có người hiền mới gây nổi phong tục đẹp. lát sau nhà vua lại nói thêm:

- Chuyện xảy ra ở làng này, vào cuối đời Lý Anh tông. Chao ôi, nhà Lý đã tạo ra không biết cơ man nào là cốt cách sâu xa, đẹp để cho nền văn hiến nước nhà.

Mọi người vui câu chuyện, chẳng mấy chốc đã tới bến đò Đại Than. Bầu trời chói sáng. Mặt trời đã lên cao quá ngọn tre.

Cái nắng đầu hạ tuy chưa nồng, nhưng cũng đủ làm cho khách đường xa phải vã mồ hôi. Mượn có trời nắng, và cũng để cho khách qua đường khỏi chú mục vào mình, khi xuống đò, nhà vua lấy vật áo che đầu, trùm gần kín hết khuôn mặt. Từ đây, đường bằng phẳng rộng rãi, nhiều người qua lại, nhà vua liền bảo Khuê Kinh:

- Ta muốn đi xuyên rừng, để tránh tai mắt lính viễn thám của triều đình.

Thân vệ tướng quân dừng lại xem xét địa thế. Trời trong vắt. Nhìn lên Yên Tử rõ mồn một. Lút một màu xanh. Chỉ trên chóp đỉnh có một ít mây mù. Khuê Kinh rẽ cương ngựa ngoắt sang phía bìa rừng. Vua tôi vạch lá tìm đường, trên non lộ suối thật là cực nhọc. Mãi khi mặt trời gác núi, vẫn còn quanh quẩn trong chốn rừng sâu. May thay ở đâu đó có tiếng chuông chùa vang vọng. Lần theo tiếng chuông, thấy trò tìm được đến chùa. Hỏi ra mới biết đây là chùa Giác Hạnh. Trụ trì ngôi chùa này là thuyền sư Giác Hải. Vua tôi tới chùa giữa lúc thuyền sư đang tụng niệm. May được mấy người nhà chùa sửa soạn cho bữa cơm chay. Đi đường mỗi mệt, lại được cảnh chùa thanh tĩnh, u trầm, mọi người ăn uống thật là ngon miệng.

Trong khi uống nước chờ đợi để được tiếp kiến thuyền sư, Trần Thiêm liền hỏi Thái tôn:

- Tâu bệ hạ.

Thái tôn bèn “suyt”:

- Ta đã bảo gọi ta là “anh Hai”.

Trần Thiêm lại nói:

- Tâu “anh Hai”.

Cả ba vừa chột hiểu, cùng cười khúc khích. Sợ tiếng cười loang ra, ai nấy bưng miệng mà cười. Khi tiếng cười đã im bật, chỉ còn tiếng mõ, tiếng chuông đều đều từ phía chùa trên vọng lại, Trần Thiêm khẽ hỏi:

- Hôm qua Người nói: “Lên Yên Tử tìm đường giải thoát”. Nếu vậy thì “bệ hạ” (lại bệ hạ) chỉ giải thoát được bản thân thôi. Còn hàng triệu con dân trong nước, ai giải thoát cho họ?. Đúng như anh Khuê Kinh nói: “Bậc quân trưởng không thể chỉ làm theo ý thích riêng mình mà bỏ mặc muôn dân”. Đêm nay thư thả xin bệ hạ nghĩ lại.

Thái tôn nhìn quanh quần trong ngôi nhà phương trượng, thấy không có gì đáng nghi ngại liền nói:

- Ta biết, việc giải thoát không phải chỉ lên Yên Tử mới làm được. Phàm con người nếu đã biết mình tâm, kiến tính thì ở đâu cũng có thể tự giải thoát được mình. Giải thoát, nghĩa là mình phải thoát được ra khỏi nanh vuốt của những tên giặc vô hình, nó ẩn náu trong nơi sâu kín nhất của con người mình, đó là dục vọng.

Dừng lại giây lát, nhà vua nói:

- Ta chưa làm được gì đáng kể cho đám lê dân, mà lẽ ra phải làm nhiều hơn thế. Nhưng các khanh thử nghĩ xem, ở lại Thăng Long, ta sẽ làm được gì? Ta đi, là cốt để không vướng vào vòng tội lỗi mà thái sư áp đặt. Việc xảy ra ở kinh thành bấy lâu nay, chắc các người đều biết cả? Ta không muốn dân nước nhìn ta như nhìn một kẻ vô luân. Thái tôn buồn bã thở dài. Một lát lâu sau, nhà vua mới lại nói:

- Qua đám tang sáng nay, ta thấy hồ thẹn biết chừng nào.

Trần Khuê Kinh vội an ủi:

- Bệ hạ suy xét sâu xa quá, rồi cứ vận vào mình để chuốc lấy sự phiền não làm gì.

- Chuyện đời đâu phải thế, Khuê Kinh cứ ngắm mà xem. Một đứa võ phu trót lỡ làm ruộng rẫy người đã sinh hạ ra nó. Dân làng đuổi đi. Nhưng cả làng lại nuôi dưỡng lão bà như nuôi dưỡng mẹ mình suốt năm chục năm trời. Chỉ qua một việc đó, dân làng đã biến cải được phong tục. Kẻ bất hiếu, bất mục kia, nếu không có người ngăn lại, tấm gương xấu đó chỉ được treo ở trong nhà nó. Bất quá, trong làng có kẻ nọ, kẻ kia nhiễm cái thói ô trọc của nó mà thôi. Chớ một vị quốc vương mà làm điều xấu, ta không biết sự thể rồi sẽ dẫn tới đâu. Các người khuyên ta trở về, là việc của các người. Ta ra đi là việc của ta. Bởi ta không muốn trở thành một hoàng đế vô si đầu tiên của Đại Việt. Mong các người thấu hiểu cho ta.

Chột tiếng mõ, tiếng chuông trên chùa im bật, rồi có tiếng chân người bước về phía nhà phương trượng. Thuyền sư ló vào:

- A di đà Phật. Các vị khách ở đâu ghé cửa Tam bảo?

- A di đà Phật! Bạch thuyền sư, chúng tôi nhờ độ đường, xin vào nương cửa Tam bảo qua đêm. Trần Thiêm lễ phép nói.

Thuyền sư hỏi:

- Có phải các tráng sĩ đi tìm thầy học võ hay đi thi ở đâu về qua đây?

- Bạch thuyền sư, Khuê Kinh nói - chúng tôi quê tại vùng An Bang. Ông anh tôi đây, Khuê Kinh chỉ vào Trần Cảnh - đang học tại Quốc học viện trên Thăng Long. Chẳng may bác gái tôi bị bệnh nặng, khó qua khỏi. Anh em chúng tôi vội lên kinh đón anh ấy về.

Đường xa, lại không quen thung thỏ, nên càng khó đi. Thành thử trời ập tới lúc nào cũng không hay. May quá, nếu không có tiếng chuông chùa ở đây, thì anh em chúng tôi khó mà ra được khỏi rừng. Chúng tôi cứ men theo tiếng chuông mà đi. Cứ như là có người dẫn lối chỉ đường. On nhờ Phật tổ, anh em chúng tôi đã tới được chùa.

Nhà sư nhìn mãi người nói là đang theo học ở Quốc học viện. Đúng là một người tao nhã. Nhưng không phải chỉ là một nho sinh. Cứ như con mắt của thuyền sư thì người này có phong độ thánh thần, uy nghi như một vị hoàng đế. Nhắm tính tuổi Trần Cảnh từ đạo lên ngôi, có dễ cũng ngang với tuổi tráng sĩ này. Tuy vậy, thuyền sư lại gạt đi ngay. Vì không có lẽ nào nhà vua lại ra đi mạo hiểm như thế. Dù có đi vì hành, cũng chỉ vào lúc ban ngày, ở đâu đó quanh kinh thành. Đã lâu, Giác Hải thuyền sư không về Thăng Long, nên cũng không am tường các việc đã xảy ra ở đế đô, nên chẳng có gì làm thuyền sư phải nghi hoặc. Song thuyền sư nghĩ tới một điều khác. Chậm rãi, Giác Hải thuyền sư bèn hỏi:

- A di đà Phật, xin các tráng sĩ cho bản tăng rõ một việc, không phải kẻ tu hành này tò mò mà chuyện cả nước đang đề tâm tới.

Nghe thuyền sư nói tới đây, cả ba cùng giật mình. Vì ai cũng nghĩ rằng nhà sư đã biết việc xảy ra mới đây trong điện Thiên An. Thái tôn vội lên tiếng:

- Bạch thuyền sư, chẳng hay có điều gì cả nước đang đề tâm tới mà nhà chùa muốn hỏi. Nếu bọn tiểu sinh được biết, thật không dám giấu giếm.

- A di đà Phật! - Giác Hải thuyền sư chậm rãi nói. - Bản tăng cứ mạo muội cho rằng các tráng sĩ là người của triều đình, vừa đi viễn thám vùng biên ải về. Bản tăng chỉ muốn biết hiện tình người Tổng, người Thát như thế nào. Ta lo phòng bị giữ nhà ra sao, liệu có chắc không?

Nhà vua lấy làm cảm kích, ngay đến kẻ đã xuất gia vẫn còn quan tâm đến vận nước. Hoàng thượng đã toan phủ phục trước cửa Tam bảo, trước vị đại thuyền sư đây mà sám hối, vì đã đề xảy ra các việc lộn xộn trong hoàng gia. Ngay cả việc tự ý bỏ triều đình ra đi, nhà vua cũng tự thấy: “tình thì thuận, mà lý thật chẳng thông”. Nhà vua nén giấu một tiếng thờ dài và tự nhủ: “cách xử thế của ta, vẫn còn điều gì xem như là bất ổn”. Chợt nhớ vẫn chưa trả lời cho thuyền sư, nhà vua liền đáp:

- Bạch thuyền sư, theo như chỗ bọn tiểu sinh được biết, hiện thời người Tổng suy yếu lắm. Cái chính vẫn là lòng dân Trung Hoa nản quá rồi. Bởi từ khi triều đình chuyển về phương nam, họ khuấy lên cả một trào lưu hường lạc bằng đủ các thứ nghệ thuật. Từ triết lý, thi văn, hội họa, đồ gốm, sứ, đến các thú tiêu dao sơn thủy và các thứ sa đọa khác, mà bỏ mặc đất nước cứ rơi dần vào tay bọn Thát – đất tàn bạo.

- A di đà Phật! Vậy là thiên triều có nguy cơ bị diệt vong? - Thuyền sư hỏi.

- Bạch thuyền sư, cái cơ bị diệt vong của nhà Tống đã sờ sờ ra đó. Có điều là nước Trung Hoa vẫn hiến vào bạc nhất thiên hạ này, hẳn không thể nào mất được. Và lại người dân Trung Hoa để gì quỳ gối trước ngoại bang. Suy như dân Đại Việt ta thì đủ rõ.

Nghe khách dẫn dụ, nhà sư gạt gù tán thưởng.

Giác Hải thuyền sư lại hỏi:

- Cứ như ý các tráng sĩ, họa nhà Tống không đáng ngại. Nhưng họa Thát-đất thì sao? Liệu mình có giữ nổi nhà không?

Thấy lão hoà thượng cứ chú mục mãi vào bọn xâm lăng, không kim lòng được, thân vệ tướng quân Trần Khuê Kinh bèn lên tiếng:

- Bạch hòa thượng. Nước là của dân. Nếu dân quyết giữ thì không giặc nào vào được. Hoà thượng thử nghĩ xem, dăm ba đạo quân với vài chục viên tướng của triều đình, thử hỏi cầm chân giặc đũ được mấy nă? Hòa thượng ở sát nơi thôn ấp, cứ nghe lòng dân thì đoán ra vận nước. Nhân đây xin hoà thượng chỉ cho bọn tiểu sinh được biết. Nhà Trần mở nghiệp, kể đã ngoại mười năm, chẳng biết lòng dân đã hướng về chưa, hay vẫn còn nhớ vua cũ.

Thấy tráng sĩ ăn nói gãy gọn, rõ ra con nhà võ, mà lại có cốt cách của đám nho sinh. Giác Hải thuyền sư đem lòng yêu mến cả ba người. Nhà sư bèn nói:

- Tráng sĩ quả là người thông tuệ. Đúng như tráng sĩ nói: “Cứ xem lòng dân thì đoán ra vận nước”. Bần tăng xin nói thêm một điều người xưa đã nói: “Vua lấy dân làm trời. Dân lấy miếng ăn làm trời”. Dăm bảy năm nay, bần tăng đi lại nơi thôn ấp, không thấy cảnh ăn mày ăn xin. Cũng chẳng làm gì có người chết đói, chết rét nơi đầu đường xó chợ. Vậy là dân đã tìm thấy Trời của họ rồi. Ai tìm giúp họ? Nhà Trần. Chính nhà Trần mở nghiệp bằng cách dẹp yên nội loạn. Khuyến nông. Tha bớt tô thuế. Giảm nhẹ lao dịch. Lại lo việc đắp đê chống lụt, giữ nước từ đầu nguồn tới biển, ấy là việc khiến người dân không thể không nhớ đến, không thể không biết ơn triều đình. Vậy thời người ta còn hoài hơi đâu mà nghĩ về cái thời đói khổ, loạn lạc làm gì. Nhưng bần tăng lại nghĩ, thời nào người dân chẳng phải làm đồ mồ hôi sôi nước mắt mới kiếm được miếng ăn. Sự cực nhọc, người dân đâu có sợ. Họ sợ nhất là đã cực nhọc rồi, lại còn không có gì để ăn nữa. Đến nước ấy, dầu vua chứ trời họ cũng quật đồ. Lại xét cho cùng, việc tha bớt tô thuế cho dân, triều đình có mất gì. Ngay cả việc thu tô thuế ở mức vừa phải, người dân còn chấp nhận được. Nhà nước cũng vì đó mà giàu thêm. Nhưng nếu quá mức, tức là sự cướp bóc dẽ mạt. Do đó người dân chán nản không muốn làm ăn nữa. Nhà nước lấy gì mà thu? Các bậc chẵn dân phải biết: Của cải không nằm trong kho nhà nước, thì nằm trong các nhà dân. Dân giàu nước mạnh, nước mạnh, đi đâu mà thiệt. Ngay cả việc đắp đê, là việc to lớn chưa từng thấy trong lịch sử khuyến nông của Đại Việt, thì cũng người dân nai lưng ra làm, chứ triều đình nào làm, vua chúa nào làm? Có dẽ chú cháu ông Trần Thủ Độ đi đắp đê chắc? Thuyền sư có vẻ đắc ý, ông cười ha hả. Lại hỏi:

- Bần tăng nói thế có đúng không, các tráng sĩ? Suy cho cùng vẫn là chính sách. Chính sách của triều đình thương dân thì dân tin; miệt dân thì dân ghét. Hiện thời theo thiên ý của bần tăng, không có một kẻ ngu khờ nào lại còn hướng về cái ông vua điên của nhà Lý, đã biến cả dân tộc thành một đám ma đói, một lũ ăn mày!

Cuộc đàm đạo giữa chủ khách đang say thì nghe thấy ba tiếng chuông, ấy là chú tiểu nhắc hòa thượng đã đến buổi tọa thiền. Nhà sư đi rồi, vua tôi lẫn ra ngủ dẽ sớm hôm sau có sức tiếp tục cuộc hành trình.

=====

1. Lời nói của Mạnh Tử: Tam nhân đồng hành, tất hữu ngã sư yên. Nghĩa là: ba người cùng đi, tất có một người có thể làm thầy ta.
2. Thiên tục khả phúng nghĩa là: tục tốt đáng khen

Liền năm chinh chiến, đương đầu với biết bao đối thủ hùng hổ, Trần Thủ Độ chưa bao giờ thoái chí! Trong cuộc đời ông, cho tới lúc này, chưa kẻ thù nào ông không khuất phục được. Thế mà đến cái việc này, ông bắt đầu ngán. Ông buồn nhất là quan thừa chỉ bỏ đi. Không ngờ sự việc xảy ra lại lớn đến thế. Việc quan thừa chỉ bỏ đi này, cũng giống như việc đức Không Tử từ bỏ nước Lỗ mà đi. Té ra việc ông làm, lại phạm vào nhân nghĩa. Ông vẫn tưởng đối xử với quan thừa chỉ như vậy, là ông quá độ lượng, nếu không nói là rộng lượng. Hóa ra ông đã nhầm.

Việc trước đây ông không giết quan thừa chỉ là nhân. Vì vậy ông ta đã ở lại với triều đình, đã tận tâm báo đáp. Chỉ riêng việc ông ta tâm phục được Nguyễn Nộn theo về vua mới, tránh cái hoạ nổi da xáo thịt; công ấy lớn lắm, không gì so sánh được.

Quan thừa chỉ bỏ đi có nghĩa là việc ông làm mới đây là bất nhân. Vì bất nhân, nên người hiền mới bỏ đi. “Người hiền bỏ đi!” Đó là điều Trần Thủ Độ lo sợ nhất. Ông đã cho người đi tìm các ngả vẫn không thấy tăm hơi gì. Người nhà cũng không biết quan thừa chỉ đi đâu. Ông lại cho hỏi cả chỗ thị nữ Trịnh Huyền, Huyền cũng không có tin tức gì về quan thừa chỉ.

Trần Thủ Độ buồn đến nẫu ruột. Ông tự thấy hổ thẹn. Đây là việc đầu tiên ông làm trái với lời dạy của Hoàng Tiên Sinh. Ông cảm thấy, như chính ông phản lại người thầy đã chỉ dẫn cho ông, những điều quan yếu nhất trong đạo lý làm người.

Trần Thủ Độ đang băn khoăn day dứt thì Lê Tản bước vào. Nét mặt tướng quân thân nhiên như không. Chẳng biết tướng quân đem đến tin lành hay tin dữ. Vái Trần Thủ Độ xong, Lê Tản nói:

- Trình Thái sư. Hiện thời chưa biết hoàng thượng ở đâu. Dò tìm mãi mới biết, sau khi chia tay đám quan ở nội hầu phía bắc, nhà vua đã cùng với thân vệ tướng quân Trần Khuê Kinh và chi hậu cục Trần Thiêm đi về hướng đông. Nhưng mất hút không tìm thấy dấu vết. Còn Hoài vương Liễu hiện đã về ở trong thái ấp. Nghe nói ông ta cũng đang gấp rút đôn đốc dân binh lên làm tinh binh.

Dẫn đo giây lâu, Trần Thủ Độ nói:

- Theo ta ước đoán, hoàng thượng lên Yên Tử. Ngay từ nhỏ, nhà vua đã có chí hướng tu Phật. Có nhẽ ngày mai thiết triều, ta phải bỏ các việc này cho bá quan văn võ cùng thấy. Rồi các quan chọn cử ít người cùng ta lên Yên Tử đón xa giá.

Có một việc ta muốn nhờ tướng quân. Phi tướng quân không ai làm nổi. Tức khi ta đi đón xa giá, thì tướng quân thống lĩnh việc cai quản kinh thành. Lê Tản nhìn vào gương mặt đau khổ của Trần Thủ Độ, hỏi:

- Bẩm... thái sư đi vắng bao lâu?

Ta đi nhanh nhất là năm ngày, chậm nhất là mười ngày sẽ lại có mặt ở Thăng Long.

- Trình thái sư, nếu Hoài vương đem binh vào kinh sư thì làm thế nào?

- Trước hết nó không thể họp binh nhanh như thế được. Nhưng nếu nó họp được binh mà kéo về kinh sư, tức là nó làm giặc. Tướng quân phải ra tay diệt. Ta cầu mong điều đó không bao giờ xảy ra. Nếu tướng quân nhận lời đảm trách việc cai quản kinh thành, ta đi mới thực yên tâm.

- Dạ... bẩm đức ông, nếu trong mười ngày thì tiểu tướng xin nhận... Ngoài mười ngày, tiểu tướng không dám nhận. Xin đức ông xét

cho.

- Được. Ta chỉ cần mười ngày thôi. Giã ƠN tướng quân. Ngày mai thiết triều, ta sẽ trao binh phù cho tướng quân, để tiện việc sai khiến.

Lại nói đến việc vua tôi Thái tôn từ chùa Giác Hải ra đi từ lúc mờ sáng. Cứ men theo sườn núi, băng rừng, nhưng rồi phải bỏ ngựa để vịn cây chuyển cảnh mà đi. Lặn mò mãi xế chiều mới tới chân núi Yên Tử. Mệt nhọc quá, vua tôi phải nghỉ lại đó, sáng hôm sau mới đi tiếp. Tính ra từ giã Thăng Long từ giờ Hợi ngày mồng ba tháng tư, mãi đến giờ Thìn ngày mồng sáu mới tới đỉnh núi Yên Tử.

Vua tôi vào chùa xin được gặp vị đại Sa Môn.

Vừa trông thấy Thái tôn. Phù Vân quốc sư đã vội reo lên:

- Lão tăng có lời chào bệ hạ! Lâu quá, lâu quá không có dịp về kinh. Nói xong, quốc sư dắt tay Thái tôn và dẫn cả đoàn vào nhà phương trượng.

Chú tiểu bê ra một coi trầu, và rót mời mỗi người một bát nước vối.

Thái tôn còn chưa hết bàng hoàng trước cảnh u nhĩ của núi rừng Yên Tử. Trời vẫn nắng một màu nắng tươi trong. Từ đây phóng tầm mắt có thể bao quát suốt một vùng biển bao la, tận tít tận phía chân trời. Hoặc nhìn ngược lên, thấy cả vùng ải bắc quanh co. Nhìn xuống chân, hiện lên nào rừng trúc, rừng thông... Những cây thông cao vút, tán xoè như chiếc lọng, đan nhau xếp hàng suốt từ chân lên tới đỉnh núi, như mới mọc, như dẫn lối chỉ đường cho khách hành hương về Yên Tử. Nhà vua nhìn quanh đây đó thấy gió vẫn thổi hiu hiu làm cho các tán rừng lay động. Nhưng lạ thay, nơi nhà vua ngồi quanh ngôi nhà phương trượng là cả một vùng chùa tháp, mây trắng cứ bồng bênh trôi. Những tầng mây sà xuống thấp rồi vút bay đi. Mây tiếp mây cứ đùn bốc lên, làm cho riêng chóp đỉnh này mang một màu trắng trong cao khiết, khiến nhà vua liên tưởng như mình đang sống trong thế giới của Phật, tiên. Hỏi ra mới biết, đây là ngọn Tử Phong. Có nghĩa là “gió chết”. Bởi vậy nơi đây tuy thật cao mà thoáng, nhưng dường như quang năm lặng gió. Và chỉ có mây. Thuần một thứ mây trắng nổi lên bồng bồng. Có lẽ vì thế, nên quốc sư mới lấy hiệu là “Phù Vân”.

Thái tôn vẫn miên viễn phiêu bồng trong thế giới lặng câm suy tưởng giữa tiếng ồn ào thăm hỏi. Một thoáng sau, nhà vua mới sực nhớ ra cảnh ngộ, liền ân cần, niềm nở với quốc sư. Nhà vua nói:

- Bạch quốc sư, đã lâu lắm không thấy quốc sư về triều, trẫm vẫn có lòng luyến nhớ, bèn rủ mấy người thân tín trèo non lội suối đến thăm quốc sư.

- Quý hoá! Quý hoá! Nhà sư cảm động không kém Thái tôn. Đoạn quốc sư hỏi:

- Lão tăng lòng ngay, tâm thẳng, cứ xin hỏi thật. Nhà vua thực tình đến thăm ta hay có việc riêng tư gì Đó? Vì ta thấy, nhà vua đi: từ tuý tùng đến áo xiêm mũ miện, đều không hợp lễ đế vương. Còn như nói rằng nhà vua vi hành trong chốn rừng Nho biển Phật, thì thật là không đúng chỗ. Bởi lão tăng đây với nhà vua có lạ gì nhau.

Lời nói thẳng của quốc sư không làm nhà vua phật ý, nhưng quả có làm Thái tôn lúng túng.

Quốc sư lại nói:

- Lão tăng đã lánh trốn bụi trần, không màng tưởng đến cả chức quốc sư mà các triều trước họ Lý đã ban. Lão đã quen cảnh thân khô, tâm lạnh, sương rần, mặt gầy; quen uống nước suối, chơi cảnh rừng, lòng nhẹ như đám mây nổi. Lão tự biết các cảnh khoe văn đấu võ

trước sau gì cũng bị đào thải, nên lánh mình vào chốn lâm tuyền, ích chi mà phải phơi mặt ra hi trường, nhảy múa ngông cuồng, đánh trống gõ mõ, tụ trung chẳng đi đến một kết cục nào, chỉ làm trò cười cho thiên hạ, mất hết nhân cách một con người. Phần lão tăng đã dứt đi một nhẽ. Còn nhà vua, sao lại tự nhiên đi bỏ cái thể nhân chủ, tìm đến sự quê hèn của núi rừng? Chẳng hay nhà vua muốn kiếm tìm điều chi mới lạ, muốn cầu điều chi cao quý hơn cả ngôi vua mà quá gót tới đây?

Nghe quốc sư hỏi, và cũng là sự dãi bày tâm huyết của Phù Vân, nhà vua lấy làm cảm động, tự nhiên hai hàng nước mắt cứ ứa ra. Một lát sau nhà vua mới nói được:

- Trẫm lên ngôi báu, từ khi còn là một đứa trẻ chưa ý thức được. Thế rồi hai thân sớm vội bỏ đi. Nhờ có Trần Công² giúp rập, việc lớn đang hình thành. Nay đã lớn khôn, trẫm ý thức được những điều như Quốc sư đã thấy và sớm lìa bỏ. Thử hỏi, ngôi báu mà làm chi? Quyền bính mà làm chi? Rốt cục cũng chỉ là “vạn pháp qui không”³. Nay trẫm vào núi này chỉ cầu làm Phật, chứ không cầu vinh hiển, hoặc một điều gì khác.

Nhà vua giấu biệt tâm trạng mình, và các sự kiện vừa xảy ra trong hoàng cung. Thành thử quốc sư cũng không hay biết gì về chuyện riêng tư của hoàng thượng. Phù vân tự nghĩ: “Một người dám bỏ ngôi báu mà đi. Giữ quyền thế như vứt bỏ một chiếc áo tơ rách. Việc đó xưa nay ngoại trừ thái tử Tất-đạt-đa⁴, chưa ai làm được. Quý thay tấm lòng thanh sạch của đức vua”.

Mặc dù vậy, Phù vân vẫn nói lại với nhà vua cho mình bạch:

- Lòng bệ hạ trắng trong chẳng có gì đáng phải ngờ. Song lão tăng cũng phải nói để bệ hạ rõ: “Trong núi vốn không có Phật” Vậy Phật ở đâu? Phật ở ngay trong lòng ta. Nay nhà vua ở ngôi cao mà thuần mưu việc thiện, để cứu vớt muôn dân. Lại giữ cho tâm, thân lúc nào cũng hờn nhiên vô trược, con người luôn luôn thể nhập với vạn vật mà không bị đắm chìm trong cảnh vật, tức là đã giữ cho cái tâm được trong lặng. Giác ngộ được cái tâm ấy, tức thị nhà vua đã liễu ngộ rồi, đã là Phật rồi, hà cớ gì phải đi cầu Phật ở đâu cho phí sức.

Nghe quốc sư nói, Thái tôn thấy như mình đã được giải thoát. Trong mấy ngày nghỉ ngơi, nhà vua thường được quốc sư thủ tiếp sau những buổi đèn nhang kinh kệ. Hai người đàm đạo thật là tâm đắc. Thực tình, nhà vua không còn nghĩ gì đến Thăng Long, không nghĩ tới chuyện trở lại với ngai vàng nữa. Nhà vua cũng không để ý đến việc ai sẽ thay mình lên ngôi quân trưởng. Trong khi nhà vua muốn an trụ với cảnh vật Yên Tử thì Trần Khuê Kinh, Trần Thiêm lại vô cùng ngao ngán. Thiêm vốn quen cảnh sống nhàn tản trong nội cung còn đỡ, chứ Khuê Kinh là một võ tướng quen nghề kiếm, kích, không thói luyện rèn, mà nay phải ăn không ngồi rồi, tưởng không kém chuyện bị cầm tù.

May thay tới giờ Ngọ ngày mừng chín, thì thấy tiếng người ồn ào lên núi. Một lát sau, Trần Thủ Độ và tả hữu rầm rập kéo vào nhà phương trượng. Nghe tiếng chân rậm rịch, Thái tôn đã đoán ngay điều gì sắp xảy ra. Tâm trạng nhà vua mèn mèn buồn. Cảnh Thăng Long lập tức hiện ra với bộ mặt đau khổ của Chiêu Thánh, với nỗi uất giận của Hoài vương, với lời đồn đại và sự khinh ghét của kẻ sĩ và dân chúng kinh kỳ, khiến nhà vua chán ngán đến rã rời. Trái với nhà vua, Khuê Kinh mừng như mở cờ trong bụng. Dù có là chỗ thân tình và nể trọng đức vua, Khuê Kinh cũng không thể náu mình ở chốn sơn lâm heo hút này được.

Thái sư dẫn tả hữu vào quỳ lạy đức vua và ra mắt Quốc sư.

Thủ Độ và các quan ra sức khuyên mời đức vua sớm trở lại triều đình. Nhà vua buồn rầu nói:

- Chí ta đã quyết ở nơi cửa Phật. Xin quốc phụ cùng bá quan chọn lấy người hiền để tôn phù lên ngôi quân trưởng.

Thái sư nói:

- Tôi chắc bệ hạ nhiều lần đi kinh lý, đi vi hành đều thấy lòng dân từ trẻ nhỏ đến các vị long lão⁵, không một ai không trông đợi ở bệ hạ. Từ các vị cổ lão trong triều đến các sĩ thứ trong nước, không ai là không hướng về bệ hạ. Thế mà nhà vua lại bỏ đi để mong thoả cái chí hướng riêng mình thì trăm họ bỏ cho ai, giang sơn rốt cuộc rồi sẽ ra sao?.

Tại sao bệ hạ lại bỏ muôn dân để vào trong núi tu Phật, mà không nghĩ rằng, có vì chúng sinh nên Phật mới trở thành Phật. Và lại Phật là ở nơi tâm bệ hạ, chứ còn phải cầu tìm ở đâu?

Các quan cũng hết lời khuyên mời. Nhà vua vẫn một mực chối từ.

- Trẫm còn trẻ dại, không xứng ở ngôi để làm nhục xã tắc.

Thái sư cũng tỏ ra quyết liệt, ông nói:

- Nếu bệ hạ đã quyết ở lại đây, thì hạ thần xin đoan quyết rằng - Xa giá ở đâu, triều đình ở đây. Nói rồi ông xăm xăm cùng tả hữu đi chọn các nơi trong núi: chỗ này xây điện Thiên An, chỗ này xây các Đoan Minh, chỗ kia là Tiễn Điện... rồi sai người gấp gấp xây dựng.

Quốc sư thấy vua tãi căng thẳng bèn nói:

- Xin bệ hạ gấp trở lại kinh sư, chớ nản nã ở đây làm hại đến cảnh núi rừng của lão tăng.

Thái tôn gượng phải vâng lời quốc sư. Trước lúc chia tay, Phù Vân quốc sư nắm lấy tay nhà vua nói:

- Phàm làm đấng nhân quân, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, và tâm của thiên hạ làm tâm của mình. Nếu bệ hạ thực lòng hiếu Phật, thì không gì bằng lo cho hạnh phúc của bách tính, giảm nhẹ hình án, chăm lo cây đức của mọi nhà mãi mãi sum xuê. Và nữa, sự tìm hiểu về nội điển, xin bệ hạ chớ nguôi quên.

Kể từ bữa ra đi tới ngày đón được xa giá về tới kinh sư, Trần Thủ Độ và tả hữu đã đi về mất đúng bảy ngày đêm.

Quan thái sư vừa về tới nhà, chưa kịp cởi khăn áo, Lê Tần đã có thư cấp báo:

“...Hoài vương Liễu hợp một vạn quân ở phía ngoài sông Cái từ giờ tuất đêm qua. Tiểu tướng đã cho chẹn các ngã. Đánh hay giữ, xin chờ lệnh thái sư”.

=====.

1. Không Từ làm tướng quốc nước Lỗ. Nước Lỗ mạnh, Tề sợ Lỗ mạnh sẽ chinh phục mình, bèn chọn gái đẹp dâng vua Lỗ. Mỹ nhân múa hát, Lỗ Định Công xem cả ngày không chán.

Từ Lộ bảo Không Từ: “Thầy nên đi thôi”, Không Từ nói: “Vua Lỗ sắp làm lễ tế giao, nếu nhà vua đem thịt tế đến cho các quan đại phu thì ta còn có thể ở lại”. Nhưng điều đó đã không xảy ra. Không Từ bỏ nước Lỗ mà đi.

2. Trần Thủ Độ.

3. Nghĩa là vạn sự, vạn vật đều trở về với hư không - chữ của nhà Phật.

4. Tức Phật Thích-ca.

5. Theo qui chế nhà Trần, con trai 18 tuổi gọi là “Hoàng nam”. 20 tuổi gọi là “Đại hoàng nam”. Người già trên 60 tuổi gọi “Long lão”

trên 70 tuổi, gọi là “Đại long lão”.

Phu nhân dọn một tiệc rượu tẩy trần, nhưng thái sư không cho mời ai. Đức ông đang để tâm đến việc dẹp cho êm Trần Liễu mà không kinh động đến thiên hạ.

Rượu được vài tuần, phu nhân mới lựa lời hỏi:

- Vậy là ông đoán đúng hướng đi của nhà vua. Chả trách người ta bảo ông xét công việc như thần.

Trần Thủ Độ vẫn lặng yên suy nghĩ.

Phu nhân lại hỏi:

- Quan ông tới đó hoàng thượng có chịu về ngay không?

“Hừm” một tiếng, Trần Thủ Độ nói:

- Không định về. Nhà vua muốn ở lại Yên Tử để làm Phật. Thái sư bật cười khách khách. Điều cười tinh táo nghe như có cái hồn ma quái. Dứt tiếng cười, ông lại nói: - Bọn nhãi ranh thời nay có cái bệnh thích đi vào cõi bất tử!

Nhìn phu nhân với vẻ cảm thông, Trần Thủ Độ nói như là khuyên nhủ:

- Nhà vua đã trở lại điện Thiên An rồi. Mọi việc đâu lại vào đấy như cũ. Bà xem lựa lời an ủi nhà vua. Dù là vua, nhưng nó vẫn thích được an ủi. Mẹ nó mất sớm. Nó khao khát tình mẫu tử. Bà khéo chiều con, việc trong nhà nên làm thế nào bà cứ làm, để tôi còn rảnh tay lo việc bên ngoài. Con Thuận Thiên thế nào? Vẫn ở bên ấy chờ hoàng thượng, hay lại bỏ về bên này rồi?

Phu nhân nhìn chồng với vẻ biết ơn. Bà nói:

- Tôi đã hai ba lần đến tìm con Chiêu Thánh, nó đều lánh mặt không gặp. Tôi nghiệp, tôi thương con bé quá.

- Ô hay, tôi đã bảo cứ để cho nó ở tạm đấy. Gần nơi thờ phụng cha nó, nó yên được cái tâm. Với nó lúc này không xằng được. Phải lựa để cho nó hồi cái tâm lại, không thì con bé điên mất. Nó giận bà lắm đấy. Nó cũng căm ghét cả tôi nữa. Thôi đừng chấp với trẻ nhỏ làm gì. À, nhưng tôi muốn hỏi bà về con Thuận Thiên kia mà.

- Vâng, con Thuận Thiên thì nói làm gì. Chịu rồi. Cũng hai ba lần cô ấy bỏ về bên này khóc lóc. Tôi giảng giải, nó đã nghe ra. Nó là một đứa con có hiếu. Mấy lại hỏi ta ép nó phải lấy lễ Phụng càn vương! nó cứ ca cẩm mãi. Bây giờ ông biết nó lo cái gì không. Nó lo đức vua ghét bỏ ruồng rẫy nó.

- Ôi thôi, cái phần ấy thuộc về mẹ con bà. Trần Thủ Độ có ý không muốn nghe tiếp câu chuyện nữa.

Ngay đêm ấy, thái sư sai người đem hỏa lệnh tới châu Hồng, và vùng Bắc Giang thượng hạ, điều quân các lộ, chặn đường rút của Trần Liễu ở phía bắc, phía đông.

Lại sai quân ở lộ Trường Yên chặn phía Nam. Trần Thủ Độ quyết khóa chặt đội quân của Trần Liễu, không cho tiến lui nửa bước. Ông cũng định phen này phải lột da Trần Liễu, để cho thằng cháu bất trị này biết tay ông.

Điều quân các ngả về vây chặt quân Trần Liễu xong đâu đấy, Trần Thủ Độ cho vời Lê Tần vào trong trướng, ông nói:

- Ta có lời khen ngợi tướng quân. Đất nước sẽ còn phải trông cậy ở những người như tướng quân nhiều lắm.

- Bẩm đức ông, tiểu tướng còn ít am tường về binh pháp.

- Cứ làm rồi khắc biết. Tướng quân còn trẻ, nếu có chí lo gì việc không thông hiểu. Nhưng thiếu gì kẻ lâu thông binh pháp, nghe họ nói về kế sách cướp lương, đánh thành, diệt viện, dụng gián, phản gián dễ như trở bàn tay. Tướng như phải liệt xếp họ vào hàng những danh tướng cổ kim. Ấy vậy mà cứ hễ cầm quân ra trận là thua, vì không bao giờ lừa được địch, dù chỉ là một mẹo nhỏ.

- Bẩm đức ông, Lê Tàn hỏi – Bí quyết của nghề làm tướng là ở chỗ nào?

Trần Thủ Độ cười khẩy:

- Tướng quân thừa biết. Làm gì có bí quyết. Người ta đã viết sách dạy đến từng việc nhỏ nhất của người cầm quân. Vậy mà tướng giỏi qua các đời, còn thừa vắng lắm; tướng quân có biết vì sao không? Là vì người làm tướng mà chỉ có dũng không thôi, là tướng ngu, hùng hục như trâu thúc đầu vào đá. Người làm tướng lại chỉ có trí không thôi là tướng hèn, suốt đời ba hoa cái lỗ miệng, chứ chẳng dám làm một việc gì. Loại đó, binh sĩ thường tôn làm bậc tướng đánh giặc mồm.

Bẩm thái sư, nếu có cả trí và dũng thì đã đủ chưa? Lê Tàn mạnh dạn hỏi lại.

- Chưa đủ. Trần Thủ Độ khoan thai nói – Có cả trí và dũng mới chỉ đảm bảo cho viên tướng ấy không thua, chứ khó thắng, đại sự khó thành. Vì sao vậy? Là bởi nếu chỉ có trí và dũng thôi, người làm tướng dễ khắc bạc. Mà khắc bạc thì không được lòng binh sĩ. Đã không được lòng binh sĩ thì sao họ có thể tận tâm, có thể xả thân cho nghĩa lớn. Thành thử, một tướng giỏi phải hội đủ ba điều: nhân - trí - dũng. Trong đó nhân là điều quan yếu nhất.

Lê Tàn định liệu hỏi thêm một điều nữa cho rõ nhưng lại ngần ngại. Đoán biết ý Lê Tàn, thái sư nói:

- Nếu có điều gì băn khoăn, tướng quân cứ hỏi. Ta không bao giờ để tâm đến những lời nói thẳng.

Được cổ vũ, Lê Tàn định liệu hỏi thêm một điều gì nữa cho rõ nhưng lại ngần ngại. Đoán biết ý Lê Tàn, thái sư nói:

Nếu còn điều gì băn khoăn, tướng quân cứ hỏi. Ta không bao giờ để tâm đến những lời nói thẳng.

Được cổ vũ, Lê Tàn mạnh dạn:

- Bẩmnhư đức ông đã gọi là đủ cả nhân - trí - dũng chưa?

Chưa. Thái sư cười vui. Ta chưa đủ. Trí và dũng ở ta còn tạm được. Chứ nhân, ta còn thiếu. Còn phải tu chính nhiều lắm mới đạt tới cõi nhân.

Lê Tàn buông một tiếng thở dài:

- Khó thật! Nghề làm tướng thật là khó.

Chợt nhớ mục đích của mình tới gặp thái sư là để hỏi cho rõ đối sách với Hoài vương Liễu, Lê Tàn bèn thưa:

- Bẩm đức ông, tới lúc này chắc Hoài Vương tự biết không đủ lực chống lại triều đình, sao đức ông không nói rộng vòng vây để Vương rút cho êm thuận?

Trần Thủ Độ cau vầng trán, khiến cho cặp lông mi xéch hằn lên, mặt đỏ phừng phừng, ông dần giọng nói:

- Các việc xảy ra trong điện Thiên An chắc tướng quân đã rõ. Việc ấy ta có lỗi. Đó là việc trong nhà. Nếu không thuận, Liễu cự lại ta. Đàng này Liễu bầy, biến việc nhà thành việc nước. Dẫu quốc vương cũng không được phép làm thế. Liễu đem quân áp sát kinh sư, là Liễu chống lại triều đình chứ đâu phải chống lại riêng ta. Thành thử, ta là tướng của triều đình, ta phải dẹp. Không. Không thể cho qua việc này được. Nếu dung túng như vậy, thì đâu còn là phép nước nữa.

Lê Tần thấy thái sư đang giận Hoài vương đến sôi máu, trong lòng cũng muốn giằng xé việc này cho Trần Liễu nhẹ tội. Tần nói:

- Bẩm thái sư, cũng có phần là do triều đình cho các vương hầu được lập binh riêng... Lê tần không dám nói hết ý.

- Vậy thì tội của nó càng nặng. Nhà nước cho lập binh riêng là để các nhà quản lý, vừa làm ruộng vừa tập luyện cho tiện. Bớt phần đóng góp của dân. Dân càng sốt sắng cả việc nông lẫn việc binh. Khuyến khích như vậy, là phòng nước có họa xâm lăng, thì dùng đến. Chớ đâu phải cho các vương hầu lập thân binh, dân binh để làm loạn. Xin thề với tướng quân, nếu ta không lột da Hoài vương Liễu chuyển này để làm gương cho kẻ khác, thời ta sẽ ném bộ hình luật san định năm Canh dần (1230) vào lửa.

Cảnh ngộ của Hoài vương Liễu lúc này thật bi thảm. Gần một vạn quân ô hợp nằm chết dí ở ngoài sông Cái. Tiến lên nửa bước không được, lùi một bước cũng không xong. Đã hơn một tuần qua đi, tình trạng cứ mỗi ngày một xấu thêm. Nhất là lương thực cho binh lính. Cứ thế này kéo dài thêm một tuần nữa, binh lính đến chết đói mất. Nếu không, cũng phải giết thịt lẫn nhau mà ăn.

Hoài vương là một người thiện cận. Nghĩ gì lập tức làm ngay mà không xét đến hậu quả. Liễu thấy nhà vua bỏ kinh sư ra đi. Lại thái sư thống quốc cũng đi nốt. Tường đâu việc phòng bị sẽ sơ hở. Chỉ cần đem một đội binh nhỏ, là chiếm ngay được khu nội điện. Và tự lập làm vua. Ngồi quân trưởng trả về dòng đích. Thế là hợp lẽ.

Nhưng không ngờ, việc ra khỏi kinh thành của thái sư lại là một cái bẫy. Tả hữu đang cùng Hoài vương tính kế thoát thân. Liễu cũng tự biết, nếu ông chủ đã ra tay, tức là sấm sét giáng xuống. Tới lúc này, không còn có thể nói chuyện gì với ông ta được nữa. Chỉ có hai con đường: một là quyết sống mái một trận, muốn ra sao thì ra. Hai là, tự trói mình ra hàng. Cân nhắc mãi, Liễu thấy cả hai đường dẫn tới chỗ chết. Nhất định ông chủ sẽ không tha, không cho hàng.

Viên tì tướng hiến kế:

- Người duy nhất có thể cứu được chúa công lúc này là nhà vua. Tại sao chúa công lại không cầu cứu đức vua. Nhà vua là một người khoan hậu, nữ nào lại đi giết anh em trong nhà.

Trần Liễu “à” lên một tiếng như người ngủ mê vừa thức tỉnh. Chợt lại thấy khó, Liễu nói:

- Bốn mặt quân triều đình bủa vây không còn một khe hở. Có mọc cánh cũng chưa dễ gì bay đi được. Mà dẫu có thoát, chưa chắc đã lọt được vào điện Thiên An.

Viên tì tướng lại nói:

- Tôi có một kế có thể dùng được. Xin chúa công thử xét.

- Người nói mau ta nghe.

- Trong quân tôi có một tên vốn làm nghề chài lưới, lặn cực giỏi. Y có thể ở lâu dưới nước tới nửa ngày. Nhà nó ở ngay phường Yên Hoa, giáp với hoàng thành. Nó lại có ông bác ruột làm chân giám mã cho nhà vua. Tôi nghĩ, chúa công nên có một bức biểu cho đức vua.

Tôi sẽ sai nó, nội trong đêm nay phải ngấm đi dưới nước, lọt được vào hồ Dâm Đàm. Rồi từ hồ Dâm Đàm nó tìm đường về nhà, không phải là chuyện khó. Nó sẽ đưa lá thư của chúa công, nhờ ông bác chuyển cho nhà vua. Việc hẹn hò thế nào tùy ý chúa công. Tình thế gấp lắm rồi đây. Nếu không khéo thì chết cả lũ.

Trần Liễu thấy không còn diệu kế nào khác, bèn chấp thuận. Ông nói nhiều đến tình máu mủ ruột rà. Nỗi thắc cô lại nhằm vào ông chú họ, tính tình khắc nghiệt, thô bạo. Nhất là việc ép duyên. Việc chia duyên rẽ thuy này làm cho tình cốt nhục phải tương tàn. Liễu nhắc khéo: “Hiền đệ phải lo xa. Phải có kế sách phòng bị ngay từ bây giờ. Kẻo mai đây ...”

Hẹn ngày giờ, địa điểm và nhận dạng xong, Trần Liễu hạ bút viết: “Chúc Thánh thượng vạn an. Chúng thần khóc chờ bệ hạ rõ máu mắt!”.

Quảng bút ra, thờ phào, Trần Liễu tự lấy làm bằng lòng với lời lẽ trong thư. Ông biết rõ người em của mình lắm. Bây giờ chỉ còn lo làm sao thư đến được tay Thái tôn, chứ không lo nhà vua bỏ ông. Nhìn viên ti tướng giây lâu, Liễu nói:

- Số phận ta với tướng quân là tùy thuộc ở người đưa bức thư này. Liệu tướng quân có tin rằng tên lính kia không phản lại chúng ta không? Nếu thay vì nhờ người giám mã, mà nó tự đem đến phủ thái sư thì sao?

Sau vài giây đắn đo, viên ti tướng nói:

- Bẩm vương, tôi không dám đoan chắc, vì lòng dạ con người lường sao hết được. Nhưng theo tôi nghĩ, lúc này cứ ngồi vẽ cọp ra mà sợ, thì chi bằng tự trối tay xin hàng là xong. Sự tráo trở là có đấy, nhưng tôi thiên nghĩ, nó thường xảy ra ở các bậc quyền cao chức trọng, hay tính toán đến sự mất còn. Chứ tên lính tốt kia, ở với vương hay ở với thái sư, thì nó vẫn là tên lính tốt, có gì mà nó phải so đo tính toán?

Liễu dẫn giọng:

- Thôi thì ta cũng liều với số phận ...

Đọc thư xong, Thái tôn sững sờ. Nhà vua không còn giận Liễu nữa, mà chỉ thấy thương.

Nhà vua băn khoăn: “Bốn mặt quân bủa, làm cách nào huynh thoát khỏi trùng vây mà đến được nơi huynh hẹn. Lại nữa từ bữa ta ở Yên Tử về tới nay, nghe Khuê Kinh nói, thái sư ngấm cho người giám sát ta. Hoặc là sợ ta lại bỏ đi. Hoặc là sợ ta về hòa với huynh trưởng chống lại Thái sư. Ôi, cái thân ta, trên đe dưới búa!”

Nhưng rồi nhà vua quyết: Tự ta sẽ làm việc này. Thân hoàng đế mà không cứu mạng được cho anh mình, còn sống làm gì nữa. Nói rồi Thái tôn xăm xăm đi đến cung phu nhân.

Thấy nhà vua đến đột ngột, phu nhân đơn đã hỏi:

- Hoàng thượng đến thăm ta hay có việc gì vậy? Thái tôn hỏi luôn:

- Thừa lệnh bà, quốc phụ có nhà hay ở bên cung Thủy Tinh?

Nét mặt phu nhân thay đổi hẳn. Giọng bà thì thảo:

- Không biết có việc gì cơ mật, mà mấy bữa nay ông ấy cứ sùng sục suốt ngày đêm. Đảo qua về nhà một lát, lại đi ngay. Nhiều khi bỏ cả ăn. Ta xem, ông ấy có điều gì uất hận lắm. Sợ chú cháu lại bất hoà chăng? Không có chuyện gì chứ, phải không con? Bà thờ dài – Mà

chẳng biết anh cả dạo này đi đâu. Đã mấy lần ta sang bên phủ Hoài vương, thấy nói vương về thái ấp, chưa lên. Ta cũng cố khuyên can ông ấy quên các chuyện vặt đi, để tình chú cháu êm hoà. Giời ơi, sao ruột tôi cứ nóng sôi lên thế này. Lại nhìn sâu vào mắt nhà vua, phu nhân gắng hỏi:

- Có chuyện gì nguy ngập không con? Ta linh cảm ... Ôi khốn khổ cái thân ta, suốt cuộc đời chưa lúc nào được yên ổn thân tâm. Nước mắt bà nhều ra.

Thái tôn lựa lời để an ủi phu nhân:

- Thừa lệnh bà. Tôi đến đây là vì việc lệnh bà đang băn khoăn lo lắng. Hoài vương đang bị quốc phụ vây chặt ở ngoài sông Cái. Tính mệnh của vương chỉ còn trong phút chốc. Lệnh bà chưa hay biết thật sao?

- Giời ơi, lại còn đến nông nỗi này nữa ư? Phu nhân nói chẳng ra lời - Vừa thoát được cái hoạ nội chiến, lại đến cảnh chú cháu trong nhà giết nhau!

- Chưa. Chưa giết nhau đâu. Nhưng nếu không ngăn lại kịp thì sẽ giết nhau. Thái tôn nói với về đau lòng - Thừa lệnh bà, nhà vua nói tiếp - Có một việc, tôi tha thiết nhờ lệnh bà hãy giúp tôi một tay. May ra tôi có thể hoá giải được nỗi lo của lệnh bà, và của chính tôi nữa. Ngày mai, tôi có việc phải đi khỏi kinh thành. Chỉ xin lệnh bà giữ dùm thái sư ở nhà từ giờ ngọ qua hết giờ mùi. Được như thế, việc cứu Hoài vương mới thực sự êm xuôi.

- Nhà vua nói thật, hay lại kiếm cớ xuất gia? Vương thượng ơi, ta van con, lúc này còn phải lo cứu lấy Hoài vương đã. Ôi ta sợ cảnh đầu rơi máu chảy lắm rồi.

- Xin lệnh bà yên tâm. Tôi đâu phải kẻ lòng lang dạ sói, chỉ biết sống lấy một mình.

Suy ngẫm một lát, phu nhân lại nói:

- Ta sẽ nghĩ kế để giữ ông ấy lại nhà. Nhưng con biết tính chú con rồi đấy. Phải lựa lời, và nhớ dặn Liễu đừng có căng với chú. Tính Hoài vương cứng lắm chứ không được như con đâu. Lúc này, cương lên là hỏng việc. Thôi con đi đi. Các việc khác, ta khắc lo được.

Sớm hôm sau, nhà vua đem theo thân vệ tướng quân Trần Khuê Kinh xuống lầu thuyền, để làm một cuộc nhàn du trên mặt sông Cái. Khuê Kinh đã được lệnh sửa soạn thuyền bè và các đồ ăn uống cần thiết trong mười ngày. Lần này nhà vua đi trên chiếc Kim Phượng nhỏ nhỏ. Chỉ có vài người tháp tùng đức vua, cùng hai chục tay chèo trái cứng cáp. Để tránh vùng hạ lưu gần kinh sư đang có biến, nhà vua cho thuyền ngược thượng lưu.

Mặc dù Khuê Kinh là người thân cận, nhưng nhà vua cũng không hé lộ cho biết một điều gì trong chuyến đi bất chợt này.

Trong khi Thái tôn làm một cuộc nhàn du ngược sông Cái, thì thái sư thống quốc lại về nằm khăn ở nhà. Phu nhân cũng chẳng phải mất công bày đặt trò này chuyện khác để kìm chân thái sư.

Ngay từ sáng sớm, Trần Thủ Độ đã nói với phu nhân:

- Đầu óc căng thẳng mệt mỏi quá. Bữa nay tôi nghỉ ở nhà. Bà xem nấu cho tôi một bát cháo lươn.

Phu nhân đã mừng thầm. Bà cho rằng phúc đức của nhà Trần còn vượng, nên trời không nỡ để cho người trong họ tàn sát lẫn nhau. Bà thầm khấn tổ tiên nội ngoại phủ hộ độ trì cho chồng bà thuận tính lại. Lúc đi ngang qua nhà bếp, bà còn giục bọn gia nhân nấu xong

sớm để cho ông ăn, ông còn đi nghỉ. Bà thấp ba nén hương lên bàn thờ Thiên2! Bà xin Trời, Phật phù hộ cho chồng bà ngủ thật say từ giờ Ngọ, qua giờ Mùi tới tận giờ Thân để cho các cháu bà thu xếp mọi việc xong xuôi.

Khoảng đầu giờ tị, đám nội nhân đã làm xong các món ăn dâng thái sư. Dù các kiểu nấu về lươn. Nào lươn om củ chuối. Lươn tần với nước hầm gà, hạt sen, nấm hương, hoài sơn. Thịt lươn luộc ra ướp hành, tiêu, bóp nhuyễn với lòng đỏ trứng gà rán nhỏ lửa. Và cuối cùng là cháo lươn. Khác với mọi bữa, thái sư không uống một giọt rượu nào. Bữa nay, thái sư uống hết một nậm rượu thạch xương bồ. Nhìn chồng ăn uống ngon lành, phu nhân thấy lòng ấm lại. Bà tự nhủ: “Có nhẽ lâu lắm, ông ấy mới lại được ăn một bữa cơm thư thái”. Bà trách mình ít săn sóc tới ông. Đúng là ông ấy thích ăn lươn và một số đồ bổ. Nhưng bà cứ phó mặc cho đám nội nhân. Ăn uống xong, Trần Thủ Độ lăn ra ngủ. ÔÂng ngáy, tiếng ngáy ran như sấm chuyển. Nghe tiếng ngáy của chồng, phu nhân hết đổi yên tâm. Bà chắc là Trời, Phật đã chứng nghiệm. Cứ điệu ngáy này - Bà nhẩm tính - Ông ấy phải ngủ qua giờ Tuất chứ giờ Mùi giờ Thân đã dậy làm sao được. Tiếng ngáy lúc đầu nghe lọt khọc khó chịu. Nhưng nghe lâu rồi quen. Như một nhịp ru toàn vãn trắc. Quen tai, bà ríu mắt lại. Phu nhân vào phòng trong, và bà thiếp đi lúc nào không biết. Cũng khoảng thái sư vào bữa ăn trưa, Thái tôn khề vổ vai Khuê Kinh nói:

- Khanh cho thuyền quay lại. Ta không muốn đi nữa.

Khuê Kinh răm rắp làm theo. Xuôi nước thuyền đi nhanh như chạy. Trước đây, Khuê Kinh cứ tưởng Thái tôn là người còi mờ, nhân hậu, dễ gần. Nhưng từ mấy hôm nay sự thể lại khác, Khuê Kinh có cảm giác, tâm sự nhà vua kín như một khúc gỗ. Thật là một con người khó hiểu. Chợt nhà vua đứng thẳng lên, bóng lùn tịt xuống dưới chân. Thái tôn tự biết lúc này đã chính ngọ. Thuyền đang đi vào điểm hẹn. Nhà vua bèn gọi thân vệ tướng quân lên mũi thuyền, hỏi:

- Khanh có biết hôm nay ta đi vì việc gì không?

- Tâu bệ hạ, thần chỉ thấy bứt rứt ở trong lòng. Bởi không biết bệ hạ đi đâu, làm gì. Hình như bệ hạ đang lo tính một chuyện gì đấy. Thần chỉ cảm được chứ không thấy được.

- Đến nước này, ta cũng chẳng giấu khanh làm gì nữa. Số là huynh trưởng ta khởi binh làm loạn phía ngoài sông Cái, khanh biết cả rồi chứ?

- Dạ, biết. Không cứ gì hạ thần, mà người trong nước đều biết cả.

- Hiện thời thái sư vây ráo riết lắm. Tính mệnh của huynh trưởng muôn chết một sống. Huynh có đưa thư cầu hoà. Nhờ ta dàn xếp. Huynh hẹn từ giờ ngọ đến giờ mùi, sẽ đón ta trên khúc sông này. Huynh đi bằng chiếc thuyền nan nhỏ, giả làm người đánh cá. Huynh sẽ chờ ta trong chiếc lều vệt bên tả ngạn. Từ đây, khanh nhìn kỹ giúp ta, xem có thấy chiếc thuyền nan và cái lều vệt.

- Phụng mệnh! Khuê Kinh đáp gọn lỏn và căng mắt nhìn về hai bờ tả hữu dòng sông.

Phù thái sư yên tĩnh lạ lùng. Chỉ có tiếng ngáy vang vọng. Tiếng ngáy cưa miết vào không gian. Bỗng im bất. Trời đầu hạ, cao vọi vọi. Nắng óng vàng như mật. Thái sư bưng tỉnh. Ông đưa mắt nhìn khắp nhà không thấy ai. Vội nhòm dậy, thuận tay với thanh trường kiếm treo giá đeo vào người. Thái sư đi thẳng ra cổng ngoài. Ở đó đã có một mã phu với con tía mật đang chờ. Thái sư thoát đã nhảy lên mình ngựa ra roi phi nước đại. Ra tới bờ sông Cái, sẵn có một đội thuyền đang chờ. Thái sư vừa leo lên thì cả đoàn thuyền hối hả lao đi. Ngồi trên thuyền, thái sư thầm khen Lê Tần là một tướng giỏi. Y điều hành công việc đâu vào đấy. Thuỷ, bộ phận mình. Quân cơ nghiêm chỉnh. Đi đúng kỷ cương. Tiến lui nhịp nhàng. Thật chẳng khác gì một viên đại tướng đã dạn dày chiến trận. Thái sư vẫn áy náy, chưa có dịp

nào thuận tiện, để đưa Lê Tần vào cương vị cao hơn, cho xứng với tài đức của Lê.

Trần Phủ Độ nhắc viên tì tướng phải quan sát thật kỹ phía thượng lưu, thấy dấu hiệu gì khả nghi phải báo ngay cho ông. Chẳng mấy chốc, quân vào bẫy: “Đã trông thấy thuyền ngư”. Thái sư lấy làm hài lòng, bảo tả hữu truyền cho ba quân phải đi nhanh về phía thuyền ngư.

Thuyền thái sư và thuyền ngư đi ngược chiều, nên khoảng cách thu ngắn lại rất nhanh. Có người đã nhìn thấy cánh thuyền nan, bơi từ phía lều vệt bên bờ tả ngạn, về phía thuyền ngư. Trần Phủ Độ đứng oai nghiêm trước mũi thuyền. Ông ra lệnh phải theo sát chiếc thuyền con, không cho trốn chạy. Chỉ còn non một dặm nữa là tới thuyền ngư. Nhà vua cho dừng thuyền lại chờ chiếc thuyền nan, chứ không đi về phía hạ lưu nữa. Tới lúc chỉ còn vài chục trượng thì chiếc thuyền nan đã áp sát thuyền ngư. Một người dong dỏng cao, đội nón lá, vận quần áo dân chài leo lên thuyền ngư. Vừa lúc thuyền của Trần Thủ Độ cũng áp sát thuyền vua. Ông hô lớn:

- Giết chết thẳng giặc Liễu! Vừa nói, Trần Thủ Độ vừa rút kiếm nhảy lên thuyền vua, toan xông vào chém Liễu.

Thái tôn vội đẩy Trần Liễu vào trong khoang, rồi lấy thân mình che cửa, đỡ cho Liễu. Vua hỗn hển nói với thái sư:

- Thưa chú, Phụng càn vương đến hàng đó.

Thủ Độ mặt đỏ phừng phừng đầy căm tức, quăng thanh kiếm xuống sông, mắng:

- “Ta không phải con chó săn của anh em nhà ngươi. Các ngươi dám cả gan khinh nhờn phép nước”.

Thái tôn trong lòng chưa hết lo sợ. Vội nói giải hoà cho thái sư nguôi giận. Nhà vua hứa:

- Cháu sẽ đuổi Liễu về ấp Yên Phụ. Và không cho tham gia chính sự. Không cho lập các đội dân binh nữa.

Trần Thủ Độ vẫn bưng bưng lửa giận, không nói một lời nào. Ổng trở lại thuyền mình và cho quân lui về kinh sư.

Trần Liễu đã về hàng. Đại quân của Liễu tự tan. Trần Thủ Độ cho đón bắt các ngả, giết không biết bao nhiêu mà kể.

Từ đây Liễu an phận thủ thường nơi thôn ấp, chứ không dám hăm hè tranh đoạt gì nữa.

=====.

1. Chức quan của Trần Liễu dưới thời Lý Huệ tôn.
2. Bàn thờ lộ ngoài trời. Thờ thần Trời.

Từ ngày lui về ở mấy gian nhà tuềnh toàng cùng khoảnh vườn nhỏ cạnh ngôi chùa cổ, Chiêu Thánh thấy lòng dịu lại. Nàng tu niệm chẳng khác gì kẻ đã xuất gia. Cũng áo nâu sòng, khăn nâu trùm kín cả mái đầu. Sớm sớm thức dậy đọc kinh, chiều chiều lại kinh kệ chuông mõ, đủ lệ bộ y hệt một đệ tử Phật. Ngoài hai buổi kinh kệ, Chiêu Thánh và Trịnh Huyền còn cuốc đất trồng dâu, chăn tằm, dệt lụa.

Sống ngay cạnh kinh kỳ, nhưng Chiêu Thánh không bao giờ để ý hoặc tới lui, thăm viếng hoàng cung. Đôi khi thái sư phu nhân có cho người đến thăm hỏi, nàng cũng không tiếp. Gởi quà cáp cho, nàng cũng không nhận.

Một sớm Chiêu Thánh đang hái dâu, Trịnh Huyền đi chợ về, chạy ừa vào nhà với dáng vẻ hốt hơ hốt hải, mặt mày tái mét:

- Hoàng hậu! Hoàng hậu! Trịnh Huyền gọi, giọng lạc hẳn đi.

Nghe tiếng gọi hốt hoảng, Chiêu Thánh vội buông cành dâu hái dở chạy về sân:

- Gì vậy, Huyền ơi! Chị đây mà! Chị đây, Huyền ơi.

- Gì ơi, khiếp quá, thưa hoàng hậu.

- Trịnh Huyền, chị đã nói với em bao lâu nay rồi. Rằng không có hoàng hậu nào ở đây cả. Chỉ có hai chị em mình, mà em cứ thủ lễ quá đáng. Chị đã bảo là đừng có gọi chị là hoàng hậu nữa, nhớ chưa?

- Dạ, em nhớ rồi ạ. Nhưng bỗng dưng thay bậc đổi ngôi, em thấy nó thế nào ấy.

- Tâu ... À quên, thưa chị Chiêu Thánh, người ta giết, bêu không biết bao nhiêu là thủ cấp ở chợ Cầu Đông.

- Cái gì, Chiêu Thánh sợ thót người, hỏi lại - Em nói cái gì ở chợ Cầu Đông?

- Đã bảo họ giết người, eo ơi khủng khiếp lắm chị Chiêu Thánh ơi.

- Gì ơi, em nghe ở đâu những chuyện ghê rợn thế?

- Không phải em nghe, mà em thấy cơ man nào đầu lâu người, bêu la liệt ở chợ Cầu Đông ấy.

Chiêu Thánh rùng mình bung mặt, hỏi thêm:

- Vậy chứ em có biết sự thế ra sao không?

- Đúng là chị em mình ở đây như ở trong một cái hủ dầy nút kín, chị Chiêu Thánh ạ. Ngoài đời náo loạn thế, mà chị em mình chẳng biết gì cả. Em nghe nói nhân lúc nhà vua bỏ kinh thành đi, thái sư cũng theo đi tìm nhà vua, thế là ông cả Liễu hợp hương binh gần một vạn đứa, kéo về sông Cái, định đánh úp kinh sư. Tướng Lê Tàn chặn lại. Đến lúc thái sư về, ngài mới xiết chặt vòng vây. Hoài vương phải lên trốn ra hàng. Thái sư định đâm chết, may có nhà vua che đỡ cho.

- Ủ, những chuyện ấy chị cũng đã biết.

- Làm sao mà chị biết được? Chị biết mà chị lại giấu em à?

- Chả là bữa trước chị sang chùa dâng hương, hoà thượng cho chị biết tin như em nói đấy. Chị còn được biết là ông Cả đã bị giáng chức đuổi về ấp Yên Phụ. Được thêm các ấp Yên Dưỡng, Yên Sinh, Yên Bang gì đó để làm thực ấp. Em trách chị làm gì. Chị chẳng có

bụng nào lại giấu em. Bởi nó có phải là tin vui, tin lành gì đâu. Nói làm em thêm buồn. Chị thì chị chán ngấy những cái chuyện nhàn cư sinh nhảm ở trong cung lắm rồi. À, vừa rồi em nói chuyện gì chết chóc ấy nhỉ?

- Chị mà trông thấy cảnh đầu lâu bên ngoài chợ, chị phải chết khiếp. Eo ôi, đầy một chợ, chỉ có quạ mấy đầu lâu thôi. Linh nhan nhân đầy đường. Em sợ quá, phải chạy vào chùa Cầu Đông. Sư cụ bảo đây là linh của ông Cả làm loạn, đức ông Trần Thủ Độ bắt về giết bêu đầu để răn kẻ khác. Sư cụ nói, nước mắt chảy ròng ròng. Cụ đang lo làm lễ cầu siêu cho những người linh bị chết oan.

- Nam mô A-di-đà-Phật! Chiêu Thánh chấp tay niệm Phật, mắt nhắm lại như cố tránh không muốn nhìn lại cảnh đời tàn ác.

- Nhưng mà chị Chiêu Thánh ơi, làm sao con người lại ác với nhau đến thế? Em cứ nghĩ, đến loài vật nó cũng không giết nhau như vậy. Thuở nhỏ, ở nhà em có đàn gà đen mới xuống ổ, mấy con cuốc con mất mẹ, theo lẫn cả trong đám gà con, gà mẹ bao dung nuôi hết. Lớn lên, cuốc lại lủi ra bụi, ra bờ sinh sống. Trâu, bò, chó, gà đều có húc hặc nhau, húc nhau, cắn nhau, chọi nhau chí chóe một lúc xong rồi thôi. Em chưa thấy chúng đánh nhau đến chết bao giờ. Khác với loài vật, con người cứ rình rập nhau đến cùng để giết nhau, ghê tởm quá, chị Chiêu Thánh ạ.

- Nhiều lúc chị cũng muốn bỏ quách chốn này mà đi lên núi ở ẩn. Sống đời trong lặng với cỏ cây, muông thú.

- Ôi thế thì thích lắm. Chị đi đi. Không phải lên núi làm gì. Cứ về quê em, vui lắm. Mọi người sống với nhau thuận thảo như chị em mình vậy thôi, chứ không có cảnh lèo lá, tráo trở để tiện như mấy ông quan lớn ở kinh sư đâu.

- Nói thật với em, nếu không vì ở lại để gần phụ vương của chị sớm chiều hương đặng, thì chị cũng chẳng thiết sống làm gì nữa. Chị chỉ ân hận, không làm tròn được lời phụ vương chị ký thác. Chắc phụ vương thương chị là phận gái, nên người cũng tha thứ.

- Chị Chiêu Thánh à, chị có muốn em ở với chị nữa không?

- Sao Huyền lại hỏi chị vậy. Chị có gì không phải với em. Hay chị em mình nghèo quá, em không muốn ở với chị nữa. Chiêu Thánh nói với vẻ mặt rầu rầu.

- Em hỏi thế không phải em chê chị nghèo. Nghèo của các ông hoàng bà chúa, bọn dân quê chúng em có nằm mơ cũng chẳng thấy được. Em hỏi chị thế, là bởi em không muốn chị phải lam lũ như bọn em. Nếu chị thích em ở đây hầu hạ chị, thì các việc từ cuốc đất, trồng cây, đến hái dâu, chăn tằm, cõm nước các thứ, chị để mặc em. Chị chỉ có mỗi một việc lo tụng kinh thôi. Tụng hai xuất vào, cho cả em một xuất nữa. Thế là công bằng, chị làm dứt đi một việc, em dứt đi một việc khác.

Chiêu Thánh cười hồn nhiên đáp lời:

- Chị mang ơn Huyền nhiều lắm. Em cứ để chị làm cho vui. Trước đây các hoàng cô nhà Lý, ai mà chẳng thạo việc tằm tang. Ngay cái nghề trồng dâu, chăn tằm, dệt lụa cũng do công chúa nhà Lý dạy cho con gái phường Yên Hoa này đấy chứ. Và đức tị tở cũng tự mình dạy cho cung nữ dệt được gấm vóc, kể từ năm Canh thìn². Các đức ở nghiệp của nhà Lý đều là bậc khai sáng. Nay nếu chị làm lại cái nghề này, cũng là nghề của tổ tiên truyền lại, có gì mà ngại hà em?.

- Không phải thế đâu, chị Chiêu Thánh, em thương chị gầy yếu quá, cứ làm vào rồi ốm mất. Mấy lại không ai đi làm cái việc của bọn đầy tớ thường làm.

- Trinh Huyền, chị cấm em từ nay không được nói cái chuyện chủ tớ ấy nữa nhé. Chị đã bảo bây giờ là chị em rồi cơ mà.

- Cảm ơn chị cho em được bằng vai phải lứa. Nhưng người đời thì phân biệt rõ lắm. Cứ ra đường là họ biết ngay chị là chủ, em là tớ.

- Đây là việc của người đời. Chị biết chị em mình từ nay gắn bó. Mà sao chị thấy bồn chồn quá em ơi. Em ở nhà, chị sang bên chùa một lát nhá. Chị phải trình với phụ vương, việc người ta tàn sát đám lính vô tội. Em biết không, đêm đêm chị vẫn mơ thấy phụ vương chị về đây.

Lại nói về bà Trần Thị Dung, hoàng hậu nhà Lý, bấy giờ là phu nhân của thái sư thống quốc Trần Thủ Độ. Sau khi bà đã khéo lựa để biến được những toan tính của bà thành các chính lệnh của ông, và suýt nữa thì gieo tai họa cho cả dòng họ, bà thấy hủ vía. Bà tự nhủ, từ nay chỉ làm các việc trong nhà thôi, chứ không dám can dự vào chính lệnh nữa. Mà thái sư cũng nghiêm lắm. Sau vụ xảy ra đó, thái sư chèo chống thật vất vả. Bà nhận thấy đức ông ít nói, nhiều lúc buồn đến thẩn thờ. Nom khuôn mặt ông ấy hiện lên một nét gì u tối, cứ như là chuyện giết đám dân binh của Liễu, đã ám ảnh ông. Nhưng thôi, mọi sự rồi sẽ qua đi. Chẳng có cơn bão nào kéo dài mãi. Bão tanh gió tan, khắc đến mưa dền cây. Ngay như Chiêu Thánh dù có giận bà, nhưng nó cũng đã yên phận ở gần linh hồn vua cha. Còn Thuận Thiên, cũng đã vui vầy với ngôi hoàng hậu. Lại vừa sinh cho nhà vua được một mụn con trai. Thôi thì con anh con em, cũng là dòng máu họ Trần cả. Lột sàng xuống nia, chẳng đi đâu mà thiệt. Nhà vua cũng đã nguôi quên. Đã tự mình chăm lo công việc triều chính, lại thường săn sóc cả hoàng hậu lẫn đứa bé. Thế là tốt rồi. Bà không đòi hỏi gì hơn nữa. Gần đây, nghĩ tình mẫu tử thế nào, nhà vua lại phong ta làm quốc mẫu. Ta cho việc đó là ưu hậu lắm. Vì trước ấy chỉ tặng phong cho các bà thái hậu.

Về phía Trần Thủ Độ, qua việc này, ông thấy những thành tựu đạt được, là do sự cưỡng bách của ông, không ai chống lại được. Ngay cả đức vua cũng không cưỡng nổi ý ông. Chính vì thế mà ông bắt đầu run sợ. Bởi người trong nước sẽ cho ông là một kẻ tàn bạo, bức bách nhà vua, thao túng triều đình. Cũng vì việc này mà quan thừa chỉ bỏ đi. Việc quan thừa chỉ bỏ đi, ông tự lấy làm hổ thẹn. Ông đã ngẫm ngẫm sai người đi dò tìm khắp nơi. Vẫn chưa thấy tăm hơi gì. Bữa có việc đi qua một ngôi làng trên mạn Quốc Oai, thấy làng nọ mới dựng một ngôi đình lớn, mái ngói còn đỏ au. Ông dừng lại ngắm xem, và thầm khen kíp thợ mộc ở đây tài hoa quá. Chợt thấy đôi câu đối trước cửa đình, ông nhẩm đọc:

LẬP THÀNH HỒ, CẠNH TRANH HỒ, PHÁ HOẠI HỒ, MẠC THỊ CƠ QUAN DO KHÍ HOÁ.

PHỤ TỬ DÃ, TRƯỞNG ÁU DÃ, PHỤ PHỤ DÃ, NGUYỄN U' ĐÌNH BẢNG TÁ PHÂN MINH3.

Trần Thủ Độ giật mình biết quan thừa chỉ có qua đây. Và lời lẽ này, chính là khẩu khí của ông. Rõ là ông chấp nhận việc thay đổi triều đại là lẽ thường của tạo hoá, đúng cái ý của vế trên. Còn vế dưới, ông muốn trách việc nhân luân sao không đem ra mà bàn bạc, ngõ hầu đem lại sự sáng trong của công lý. Đúng là một người có cái tâm chí thiênj, ngay cả lúc đã bỏ ta mà đi, ông vẫn có lòng muốn nhắn gửi lại để khuyên bảo ta. Tuy vậy, Trần Thủ Độ cũng không dò tìm được dấu vết của ông.

Năm tháng qua đi, những vết thương dần dần kín miệng. Nhưng dù có gặp thầy hay thuốc tốt, chữa trị giỏi giang thì các nơi thương tích kia vẫn còn hằn lại những vết sẹo. Với các người lớn tuổi, như thái sư Trần Thủ Độ và phu nhân hoặc Trần Liễu thì vết sẹo to, bóng nhẫy. Còn với các người trẻ trung như Trần Cảnh, Thuận Thiên, Chiêu Thánh, vết sẹo cũng chóng đầy và mờ dần theo năm tháng.

Thái tôn là một người đức độ, nên cũng dễ bỏ qua những lầm lỗi của người khác. Nhà vua không chấp trực, không dò tìm nguồn gốc sâu xa rồi để bụng thù hằn. Với một người đã chẳng coi ngôi vị đế vương là cái gì, và sẵn sàng từ bỏ, thì ở đời chẳng có gì đáng giá, ngoài đức thiện và lòng nhân.

Thái tôn được mấy người thầy học và các bậc lão thần tài đức khai tâm mở tính, trau dồi kiến thức cho, cùng với lòng nhà vua lúc nào cũng cầu sự tinh tiến, nên vào tuổi ngoài hai mươi, nhà vua đã chững chạc lắm. Ngài bắt đầu đề tâm đến việc thi cử, bổ dụng người hiền tài cho đất nước. Ngài cũng luôn chăm lo đến đời sống của người dân không chỉ riêng ở kinh sư, mà còn ở nơi thôn ấp hẻo lánh. Không những thế, còn chăm lo đến việc cải hoá phong tục, khuyến thiện, trừng ác. Nhà vua đã nhiều phen đàm đạo với các bậc quốc sĩ về các điều trọng yếu trong tam giáo. Cứ theo ý nhà vua lĩnh hội được, thì rường mối chính trị quốc gia phải dựa trên căn bản của tam giáo. Cũng có người tranh biện với Thái tôn, chỉ cần Nho giáo là đủ. Không nên tham bác các đạo khác, nó sẽ mất đi sự ngay chính của Không học.

Nhà vua nói:

- Ta vốn trọng đạo Nho. Vì nó chỉ cho ta nhiều điều quan yếu trong phép trị nước. Nhưng nếu chỉ thiên về Nho giáo, ta e khắc bạc quá. Mà đây cái sự khắc bạc ấy lên một tí nữa, là đi vào con đường chuyên chế tàn bạo của nhà Tần. Chi bằng ta lấy cái chuyên sâu của đạo Nho, cái thiện nghiệp của đạo Phật, với các dung dị bất tranh của đạo Lão, lại hoà vào nền văn hoá truyền thống của Đại Việt, ta được một cái đạo hoàn bị hơn. Thế là tam giáo cùng đua tranh nảy nở, phương chi cứ phải gò mình chịu trói trong một học thuyết ngoại lai, chưa phải đã thập phần hoàn hảo.

Nghe nhà vua nói, ai cũng thấy Thái tôn đã có một kiến thức hơn đời, và ngài đã có chủ kiến định hướng cho nền chính trị quốc gia. Đây là tâm vóc của các bậc đế giả. Một bữa nọ, nhà vua đang cấm cúi hoàn thiện mấy bài giáo huấn, nhằm vào việc giáo hoá cho các hoàng tử sau này thì thân vệ tướng quân Trần Khuê Kinh ló vào.

Nhà vua gọi Khuê Kinh lại, đọc cho nghe. Đọc xong, nhà vua nói thêm:

- Đây mới là việc ta răn dạy con cái trong nhà. Rồi ta sẽ ra hẳn một đạo luật, khiến các nhà phải có trách phận nuôi dạy con cái cho thuận thảo; và biết đủ các bổn phận đối với nước. Mỗi nhà lại phải lo sao cho ít nhất có một người biết chữ. Các gia đình cũng phải lo việc chăm chỉ làm sao cho nhà nhà đều đầy đủ, dư dật. Được vậy, hẳn là xã hội sẽ đua nhau làm việc thiện. Ta cho rằng, muốn tạo dựng một xã hội tốt đẹp, phải bắt nguồn từ mỗi gia đình tốt đẹp. Vì vậy, ta cũng phải lo cái gia đình của chính ta. Nếu làm được điều ta mong muốn, thời xã hội làm gì còn có nạn lưu manh, trộm cướp. Ta e rằng, bộ hình luật của ta sẽ có cơ không dùng đến nữa. Nói xong, Thái tôn mỉm cười, quay sang hỏi Khuê Kinh:

- Khanh thấy thế nào?

- Tâu bệ hạ, theo chỗ hạ thần nhận biết, thì bệ hạ muốn đức hoá, thiện hoá các hoàng tử và cả xã hội. Tâm của bệ hạ đã đạt tới cõi sạch trong rồi đó.

Thái tôn cười:

- Khanh chỉ được cái khéo nịnh ta.

- Tâu bệ hạ, bình sinh thần chưa nói một điều gì trái lòng mình cả. Đã thế, thần sẽ nói luôn điều bấy lâu nay thần đề tâm suy ngẫm, xem có phải lòng thần trung hay nịnh?

- Ôi, ta khao khát được nghe những lời ngay thẳng. Dù những lời đó có đau đớn, ta cũng không hề trách phạt khanh. Khuê Kinh biết đấy, khi ta đã ở ngôi cao, mọi sự việc ta làm, ta không kiểm xét được nó tốt xấu ra sao. Ích dân lợi nước, hay lại phiền nhiễu cho dân, mà cũng vô bổ cho nước. Ta biết, dù ta có dờ, mọi người vẫn cứ bảo ta hay. Ít ai dám nói ra sự thật. Ngay đến các gián nghị đại phu cũng vẫn

còn dè dặt lắm. Ta tự xét, từ lúc tám tuổi đã ở ngôi cao, đứng trên các bậc lão thần, quốc sĩ, lòng luôn run sợ. Ta cũng như những đứa trẻ kia, chứ có khác gì đâu. Chẳng qua, cái ngai vàng nó làm cho ta trở thành lỗi lạc. Nhưng cái ngai vàng là vật vô tri, còn ta vẫn chỉ là một đứa trẻ. Nếu ta không ý thức được điều đó, mà lại hợm mình nữa, chắc là sẽ dẫn dắt cả dân tộc này đi đứng quàng xiên bậy bạ. Khanh với ta nghĩa là vua tôi, tình là bè bạn, lại là chỗ huynh đệ thân tín trong nội tộc nữa, ta mong khanh hãy vì bách tính, nói cho ta hay những điều ta còn mù mờ. Những chính sách không được lòng dân. Hoặc những gì theo khanh cần phải tu chính. Nào khanh hãy nói đi.

Khi bị nhà vua chạm tới lòng tự trọng, Khuê Kinh muốn tỏ ra mình là người trung thực. Nhưng tới lúc bình lặng, xét suy về những lời mình sắp nói ra, không phải Khuê Kinh không đắn đo cân nhắc. Bởi những lời chàng sắp nói, hệ trọng lắm. Đụng tới cả bậc quyền uy nhất nước, mà ngay cả đến hoàng thượng cũng còn phải trọng nể. Đúng như nhà vua nói: “Ít ai dám nói ra sự thật lắm”. Nhất là nói trước những người quyền cao chức trọng, về những điều yếu kém hoặc lầm lỗi trong họ. Quả vậy, sự thật là một cái gì giản đơn lắm. Nhưng cũng khó nói ra lắm. Xưa đã thế, nay cũng thế và muôn đời sau vẫn còn như thế. Nhưng nếu không nói, thì ta cũng chỉ là một tên hèn nhát như tất cả những tên hèn nhác khác. Khuê Kinh cứ đắn đo cân nhắc mãi.

Thái Tôn liền bảo:

Nếu khanh vẫn còn chưa muốn nói ra, ta không ép.

Như có tiếng chuông thức tỉnh lương tâm, Khuê Kinh nhìn thẳng vào mắt nhà vua, nói:

- Tâu bệ hạ, từ lâu nay thần vẫn áy náy một điều. Rằng bệ hạ còn rất trẻ. Mà quyền hành lại tập trung quá nhiều vào tay thái sư. Việc ấy chẳng biết rồi sẽ dẫn tới đâu. Cho nên hạ thần trộm nghĩ, những dự liệu của bệ hạ, liệu có thi thố được không. Hay lại bị thái sư can phá. Ngay cả ngôi báu nữa, liệu có trường tồn không?

Nghe Khuê Kinh nói, Thái tôn bậm môi suy nghĩ giây lâu. Chợt nhà vua bật lên nói:

- Hay là thế này Khuê Kinh nhé. Ta với khanh cùng đến cung Thủy Tinh. Và khanh nói lại điều đó cho cả thái sư cùng nghe. Tiện hơn. Ta thấy thái sư cần phải được biết điều này.

Khue Kinh thấy hơi ớn lạnh ở sống lưng. Tướng quân không ngờ sự thể lại diễn ra như vậy. Chàng tự nhủ: “Đây là suy nghĩ chân thực của ta. Đã nói được cho đức vua nghe, thì cũng sẽ nói cho thái sư nghe”. “Quân tử bất sự nhị ngôn”. Người đứng đắn, không nói hai lời. Chàng vui vẻ đứng dậy theo nhà vua. Nhưng chưa lường được hậu quả sẽ dẫn tới đâu.

Quân vào bẩm có hoàng thượng tới dinh. Trần Thủ Độ lật đật chạy ra đón mãi cổng ngoài. Ông đơn đã nói:

- Chẳng hay bệ hạ có việc gì ngự giá đến nhà thần. Hạ thần không biết trước để làm lễ cung nghinh. Thật đắc tội.

Thái tôn khiêm nhường nói:

- Miễn lễ. Quốc công cứ bày vẽ làm trăm thêm phiền.

Trần Thủ Độ vừa ngừng đầu, đã thấy kiệu sau hạ xuống. Nhìn con người to, cao như một đô lực sĩ, thái sư vừa “à” lên một tiếng, Khuê Kinh đã kịp tới trước ông cúi chào.

- Thân vệ tướng quân vẫn mạnh chó. Bữa nay được đón hoàng thượng cùng tướng quân, thật là một may mắn bất ngờ cho bản chức.

Khue Kinh lễ độ thưa:

- Bẩm đức ông, nhân có câu chuyện thưa với bệ hạ, nhà vua dậy tiểu tướng cùng lại đây để trình đức ông tường.

Nội nhân đưa trầu, nước ra dâng nhà vua rồi lui.

Thái tôn nói:

- Khuê Kinh với trăm và Quốc công đều là người trong nội tộc. Nhân Khuê Kinh có điều tâm huyết vừa dãi bày. Trăm bảo Khuê Kinh lại đây nói để Quốc công cùng nghe. Xin Quốc công bình tâm, nếu câu chuyện có làm cho Quốc công phiền lòng.

- Bệ hạ đã rộng lượng. Thủ Độ tôi còn có điều gì phải lo nghĩ nữa.

Khuê Kinh nói lại điều mình băn khoăn, như lúc trước đã nói với nhà vua.

Thái tôn theo dõi câu chuyện và sắc diện của cả hai người. Nhà vua thầm khen: “Đáng trọng thay nhân cách của Khuê Kinh. Chẳng ta nói không sai một lời, không tỏ ra xun xoe, sợ sệt”. Và nhà vua cũng nhận thấy, Quốc công tiếp nhận lời Khuê Kinh một cách bình thản. Xem vậy đủ biết bụng dạ cả hai người đều trung chính, chứ không có một lý nào tà vạy. Điều đó khiến nhà vua yên tâm. Và tin rằng, Quốc phụ xưa nay vẫn xứng đáng là một phụ chính đại thần - một trụ cột của cả triều đình và trong hoàng tộc.

Nghe xong lời Khuê Kinh, Trần Thủ Độ lấy làm cảm kích. ÔÂng nói lại với nhà vua:

- Tâu bệ hạ, đúng như lời Khuê Kinh nói. Bấy lâu hạ thần thường lo lắng đến các trọng trách quốc gia. Thần chịu cổ mệnh của tiên quân, không phò bệ hạ từ ngày thơ ấu. Chỉ mong bệ hạ sớm trưởng thành để trao lại quyền bính. Nhân đây, thần xin bày tỏ: Bệ hạ cũng nên lo gây dựng nhân tài. Trao dần sự nghiệp cho mọi người cùng gánh vác. Các bậc lão thần thật đáng trọng. Song quả thật các vị không còn đủ năng lực gánh vác việc lớn quốc gia. Có khi còn cản trở. Xin bệ hạ nên ban thưởng tước cao lộc hậu, và xếp các vị cổ lão ấy vào hàng nhân tài. Còn công việc điều hành thực thụ, phải trao vào tay những con người còn khí huyết sung mãn, lại có đức có tài như Lê Tần hoặc thân vệ tướng quân đây. Bởi chung thời bình, còn phải lo tới cả thời chiến. Hạ thần đêm ngày đau đầu nghĩ về cái họa Thát-dát. Sớm muộn gì thì họ cũng chinh phục xong Trung nguyên. Sau Trung nguyên, họ chẳng để ta yên. Cho nên phải lo giữ nước từ khi chưa có mầm loạn. Và phải có kế sách làm cho dân giàu nước mạnh cấp kỳ, nếu không thì trở tay không kịp, hối không kịp.

Nghe Thủ Độ nói, nhà vua xúc động đến ứa nước mắt. Thái tôn nắm tay Khuê Kinh và Thủ Độ nói:

- Thế nước đứng được, là nhờ có bề tôi lương đồng như các khanh. Nhà vua buông tay hai người ra, nhìn sát vào Trần Thủ Độ, nói tiếp:

- Nhà Trần mở được nghiệp lớn huy hoàng, là nhờ có chú. Đúng như chú nói, việc tiếp theo phải làm cấp kỳ là lo cho dân giàu, nước mạnh.

- Còn một việc nữa, xin bệ hạ lưu tâm. Trần Thủ Độ nói - Cứ như ý thần, thẳng cháu Quốc Tuấn sau này sẽ trở thành một tướng tài kiệt hiệt. Bệ hạ nên đỡ đầu cho cháu về kinh sư học hành, cho cháu mở mang nhãn giới. Cháu phải được trau dồi kỹ càng cả về đường võ bị lẫn văn chất. Chứ cứ như thần, chữ nghĩa dờ dang, mọi đảng dốt nát, chẳng mấy chốc lại trở thành một thứ đồ rách rách ngáng chỗ.

Nhà vua chân thành nói:

- Xin vâng lời quốc phụ. Xin vâng lời quốc phụ!

=====

1. Chiêu Hoàng muốn nói đến Lý Thái tôn.

2. Canh thìn(1040).

3. Đại ý: Việc tạo lập cũng như việc huỷ hoại đều do sự biến đổi của thời gian (ý nói thiên nhiên) mà thành.

Còn như các mối quan hệ xã hội như cha con, già trẻ, chồng vợ mọi việc đều nên lấy chốn đình trung (ý nói pháp luật) làm nơi phân giải cho tỏ sáng.

Nhà vua triệu Quốc Tuấn về kinh sư theo học. Cầm tờ cáo(1) trong tay, Trần Liễu băn khoăn. Ông không hiểu đây là hảo ý của Thái tôn hay là ác ý của Thái sư? Họ định cho con ông theo học để đào luyện thành tài, hay họ trừ trước các mối lo? Thăng bé mới mười lăm tuổi, nhưng chừng chạc như một chàng trai hai chục tuổi.

Bao nhiêu năm qua, ông đã không ngại gian lao, tốn kém, đón thầy về dạy Quốc Tuấn đủ các môn võ thuật, quyền pháp, binh pháp và cả văn chương nữa. Mới sáu tuổi đã có thơ hay, chữ tốt. Ai cũng khen thăng bé có quý tướng, và sau này sẽ trở nên một tay hữu ích cho đời. Tiếng là anh vua, nhưng bị trầy trật thăng lên giáng xuống. Nay coi như bỏ. Ông mong mỗi Quốc Tuấn sẽ nối chí ông, làm việc lớn ông chưa làm được. Bây giờ người ta định dứt thăng bé ra khỏi tay ông, thế thì ông còn răn dạy, còn thôi thúc nuôi chí cho nó làm sao được.

Nếu ta im tờ cáo này đi, không cho Quốc Tuấn biết, tức là không cho nó về kinh sư thì có nghĩa là, ta đã chống lại mệnh triều đình. Họ sẽ khép ta vào tội “khí quân”. Chà chà, Trần Liễu chép miệng: “Có nhẽ ông Thái sư mong điều này lắm!”. Tay cầm tờ cáo, hết đọc mặt trước lại lật sang mặt sau, rồi giờ lên trời soi xem có thấy thêm điều gì không. Sự thật, vương vẫn nghi đây là mẹo của ông chú. Bắt thăng Quốc Tuấn đi, tức là ông ấy dứt được mối lo sau này. Hai là, nếu ta cưỡng mệnh vua, ông chú sẽ cứ chiều theo hình luật mà trị. Nếu việc đó xảy ra, ông sẽ cộng thêm cái tội hợp quân ở sông Cái năm trước - Hừ, Trần Liễu cười khẩy - Đã thế thì điều đó không bao giờ xảy ra nữa, ông chú ranh ma của tôi ơi!

Đưa mắt nhìn về phía lầu thường nguyệt, chợt thấy Quốc Tuấn ở nhà tàng thư đi về tàu ngựa. Trần Liễu gõ hai tiếng chuông. Rồi ông sửa lại khăn, áo ngồi ngay ngắn trên kỷ.

Quốc Tuấn ló đầu vào cửa, vòng tay lễ phép nói:

- Thưa cha, gọi con.

- Phải, con vào đây có chút việc ta muốn bàn.

Quốc Tuấn hơi bối rối. Vì từ trước chưa làm gì có chuyện bàn bạc. Ý cha thế nào, Quốc Tuấn cứ răm rắp tuân theo. Nay cha cho bàn, có nghĩa là mình đã lớn chẳng? Cha cho mình đã đủ trí lực để trở thành người lớn chẳng?

Quốc Tuấn khoanh tay đứng bên mép kỷ, chờ lĩnh ý cha.

- Con ngồi. Trần Liễu vừa nói vừa chỉ tay về phía chiếc đôn sứ kê cạnh kỷ.

Khi hai cha con đã ngồi đối diện, Hoài Vương đưa tờ cáo cho Quốc Tuấn.

Quốc Tuấn cầm tờ giấy Long tiên màu vàng, có điểm các vẩy bạc lưa thưa vẽ hình rồng, chữ viết đẹp như khắc và nhằm đọc. Mắt chàng thiếu niên vụt sáng lên, đôi má ửng đỏ. Đường như chàng cho đó là một ân sủng của nhà vua dành cho chàng.

Thấy niềm vui hiện trên khuôn mặt tuấn tú thơ trẻ của con, khiến Hoài Vương đau lòng. Đường như đây là một sự tranh chấp nguồn hy vọng của ông. Ngay cả đứa con đẻ ruột ra, chăm bẵm, nuôi dạy thế mà nó cũng không hiểu được ông. Trong lòng ông như có một sự rạn nứt. Nhưng ông lại nghĩ: “Quốc Tuấn sẽ là một người hiểu, nghĩa, trí, dũng. Không. Con ta không thể làm trái ý ta. Chẳng qua tuổi

trẻ hiếu kỳ, chúng thích được bay nhảy. Nhất lại về kinh sư với chú ruột là đức vua, và ông họ làm thái sư thống quốc, điều đó đáng cho nó hãnh diện lắm chứ”.

Thấy con đã đọc xong, Hoài vương liền hỏi:

- Ý con thế nào? Ông nhìn con thăm dò.

Với tính hồn nhiên của tuổi trẻ, Quốc Tuấn nói:

- Thừa cha, con nghĩ đây là một ân huệ lớn nhà vua ban cho con. Quốc Tuấn nhìn lại Hoài vương với vẻ ý nhị - Và cũng là món quà của chú tặng cha.

Vương Liễu làm như không để ý lời con, ông lại hỏi:

- Cha muốn biết con có thích về kinh không?

- Dạ, thưa cha, con nghĩ đây không chỉ là ơn vua, mà còn là lệnh của hoàng thượng.

- Nếu con muốn, ta sẽ có biểu trần tình với nhà vua.

- Thưa cha, con không hề nói là con không muốn. Lòng con còn ước ao được về kinh sư để mở mang sự hiểu biết của con. Nhất là đường học vấn, kể cả võ lẫn văn. Nay chú con đã có lòng như thế, con nghĩ không nên phụ. Dạ thưa cha, đối với con, đây lại là nghĩa quân thân.

Dẫn đo giấy lát, Hoài vương nói:

- Thôi được, con lo soạn sửa hành lý để sớm mai về kinh. Song có một vài điều, ta cần nói với con. Trước hết, cha muốn nói về binh pháp Tôn - Ngô, con đã nắm được những điều then chốt. Nhưng như thế không có nghĩa là con đã đủ tài làm tướng. Con phải để tâm nhiều lắm đến địa hình của đất nước, chắc mai đây phải dùng đến. Phép làm tướng, trong khi bày thế trận hoặc lâm trận mà không nắm vững địa hình, tức là thủ bại. Con đừng hoài vọng quá nhiều về những giáo điều trong sách. Sách chỉ mang tính ước lệ, nó gợi mở cho suy nghĩ của con, chứ nó không thể quyết định được. Thấy con chăm chú lắng nghe, Trần Liễu lấy làm hài lòng và có phần yên tâm - Thôi được, đêm nay ta sẽ viết vài lời về cho chú.

Về tới kinh sư, Trần Quốc Tuấn vào ngay nội điện trình thư cha, và được Thái tôn ân cần thăm hỏi. Quốc Tuấn thấy ấm áp như ở nhà. Có điều rằng trong cung điện của đức vua, cái gì cũng sang hơn, quý hơn, đẹp hơn những thứ mà trong vương phủ Quốc Tuấn có. Quốc Tuấn nhìn những thứ lạ lẫm ở kinh kỳ, ở nội điện. Còn Thái tôn lại nhìn Quốc Tuấn với tâm lòng ưu ái. Quốc Tuấn có dáng vóc to khỏe. Da dẻ tươi nhuận, sắc mặt hồng hào. Nhà vua tự nhủ: “Thằng bé còn ít tuổi, mà trông có vẻ đường bệ khác thường. Cháu ta dường như có được cái uy thiên bẩm. Vài tuổi nữa, chắc còn khá hơn nhiều”. Thái tôn đem lòng yêu mến. Nhà vua thăm khen: “Thái sư có con mất tình đời. Chính Thái sư tâu xin cho Quốc Tuấn được về kinh”.

Chợt có một điều làm nhà vua băn khoăn: “Vậy thì Quốc Tuấn sẽ ở đâu? Ở với ta là điều không phải nói. Nhưng... nhà vua thấy nhói buốt trong lòng. Thật là khó xử. Trước đây Quốc Tuấn cũng đã có lui tới dinh phủ của Hoài vương. Từng tiếp xúc với Thuận Thiên, khi ấy là mẹ kế. Nay thì ngôi bậc đã đổi. Thuận Thiên đã là hoàng hậu. Vậy nếu Quốc Tuấn ở với ta, sẽ gây lúng túng cho cả ba người. Vừa nghĩ tới nhà công quán hoặc quốc tử viện, Thái tôn bèn gạt phắt. Cuối cùng nhà vua nghĩ tới bà chị ruột - Công chúa Thụy bà. “Phải, Quốc Tuấn ở với cô ruột nó là hay nhất. Ta sẽ nhờ công chúa sắp sóc”.

Thụy bà là một người khoan nhân, đức độ. Quốc Tuấn xa mẹ, cần có bàn tay dịu hiền chăm sóc. Để Quốc Tuấn nghỉ tạm trong nội điện, nhà vua lên kiệu đến thẳng dinh công chúa Thụy bà. Thái tôn vừa ngỏ lời, công chúa cười vui, nhận lời ngay. Bà còn dò hỏi:

- Nếu em bằng lòng, chị sẽ nhận thẳng Quốc Tuấn làm con nuôi.

Thái tôn không còn mong gì hơn thế nữa. Nhà vua cảm động nói:

- Nếu sau này cháu Quốc Tuấn nên người, công ấy là của chị.

Công chúa nhà miếu bã trầu vút đi. Hai ngón tay vôi tím vành môi, rồi nhỏ phì phì những vụn trầu dính ở mép, ở môi. Bà từ tốn đáp lời em:

- Bệ hạ ban ơn cho chị sớm quá. Cứ để khi cháu nó trưởng thành đã.

Thái tôn mừng rỡ, hai chị em chuyện trò mãi không thôi.

Thụy bà, bấy lâu vẫn có chỗ áy náy ở trong lòng. Nghĩa là hồi Thuận Thiên hoàng hậu sinh được hoàng tử Quốc Khang. Chẳng nói thì ai cũng biết Khang là con ai rồi. Nhưng từ khi hoàng đích trưởng tử Trần Hoảng sinh, và được sách lập ngay làm Đông cung thái tử. Bà chưa hiểu danh phận của Quốc Khang sau này ra sao, bèn hỏi:

- Hoảng được lập rồi, còn Khang thế nào? Có phải họ Trần ta rồi thành lệ không em? Chị sợ không chính được vị rồi sau này khó lắm. Như Vương Liễu đấy, Liễu cứ hục hặc mãi, suýt binh biến.

Thái tôn buồn rầu nghĩ lại các việc đã qua. Nhà vua không trách chị, nhưng tự trách mình. Với vẻ mặt rầu rầu ngái hỏi.

- Thừa chị, nhìn bề ngoài thì thế đấy. Chị còn lạ gì, Khang có phải con đích của em đâu. Nhưng lớn lên, tuy tài định chức. Bây giờ đã biết thế nào mà dám nói trước. Để cho qua chuyện này, em xin chị lo dùm việc nuôi dạy, bảo ban cháu Quốc Tuấn. Em sẽ tìm thầy văn, thầy võ thật giỏi để rèn dạy cháu. Không biết sao em thấy mến thẳng bé quá. Và em cứ hoài vọng nó sẽ là chỗ dựa trụ cột nhất của triều đình mai sau.

- Bệ hạ khỏi lo, dù cực nhọc đến mấy, chị cũng không ngại. Và lại, chị cũng phải có trách phận với cháu nữa chứ. Ngay cả khi bệ hạ không uỷ thác cũng thế thôi.

- Dạ, được thế, em cũng yên tâm. Thôi kính chị, em về. Đã bước gần tới kiệu, Thái tôn còn quay lại hỏi công chúa Thụy bà:

- Thừa chị, bao giờ thì cháu Quốc Tuấn có thể về bên này được ạ?

- Bệ hạ cứ về đi. Mai chị sẽ sửa một cái lễ sang bên ấy để xin Quốc Tuấn. Phải làm cho có đầu có đuôi kéo cháu nó tui thân. Đừng để cháu nghĩ nhầm về chị em mình, rằng nó bị rẻ rúng.

- Vâng, chị nghĩ thế là phải. Kính chị, em về.

- Kính bệ hạ, mai chị sang

Được Quốc Tuấn về ở, công chúa Thụy bà vui lắm. Thụy bà săn sóc, quý mến như con ruột, khiến Quốc Tuấn yên tâm như khi còn đang ở ấp Yên Sinh vậy. Hàng ngày Quốc Tuấn vào điện Tập Hiền, để nghe quan Tư nghiệp quốc tử giám giảng kinh sách. Và mỗi tháng giành hẳn ra mười ngày để sang điện Giảng Võ, nghe giảng về binh thư và tập bầy, tập phá các thế trận.

Trần Thủ Độ đích thân giám sát việc học binh thư, đồ trận của Trần Quốc Tuấn. Một hôm Thái sư chứng kiến cảnh Quốc Tuấn phá

trận. Khi thầy đã bày xong, hỏi Quốc Tuấn:

- Đây là trận gì?

Quốc Tuấn nhảy phắt lên mình ngựa, ra roi đi vòng quanh trận một lượt, rồi trả lời thầy:

- Thừa sư phụ, đây là trận “bát quái”

- Tiểu tướng nói ta nghe cách phá.

Quốc Tuấn nói cách phá thế trận mạch lạc, khúc triết lắm. Thầy bảo.

- Vậy con phá đi. Nhưng nghe ta dặn trước khi vào trận. Điều cốt yếu con phải xác định cho thật rõ phương hướng chính của bốn cửa Đông - Tây - Nam - Bắc. Lâm trận phải bình tĩnh, gan dạ và vững tin vào cái mệnh của mình.

Quốc Tuấn cúi đầu, tỏ vẻ biết ơn sư phụ, lên ngựa xông thẳng vào trận. Vừa vào trong cửa, tự nhiên cổng thành khép lại rồi có tiếng nổ vang ầm. Cả người, ngựa lẫn xuống hố. Rồi không biết bằng cách nào, chàng lại vọt từ hố lên. Ai nấy đều có cảm giác đó là một viên thiên tướng. Vì chỉ có tướng nhà trời mới lên được như thế.

Ngay từ khi Quốc Tuấn tể ngựa vào phá trận, Trần Thủ Độ đã biết ngay rằng cháu ông xác định nhằm phương hướng. Nhẽ ra phải đánh từ cửa chính đông sang cửa chính tây, rồi đánh vòng từ chính nam sang chính bắc, thì phá xong ngay. Nhưng Quốc Tuấn lại đánh vào cửa đông – nam. Thế trận trở nên rối loạn. Quốc Tuấn bèn đánh trở lại, nhưng cửa thành đã bịt kín. Tuy vậy, Quốc Tuấn vẫn tỏ ra bình tĩnh. Dường như chàng thiếu niên này biết rõ, chàng không đánh vào cửa từ, nhất định không nguy hiểm gì cho tính mạng. Song gấp rắc rối là chắc. Điều quan trọng nhất lúc này, là phải bình tĩnh mới tìm được lối ra. Xem xét thế trận xong, Quốc Tuấn bèn thúc ngựa đánh thẳng sang cửa chính tây. Lập tức lửa bốc cháy như một bể dầu sôi, ngựa không dám nhích lên nửa bước. Liều, Quốc Tuấn đánh gấp sang cửa bên cạnh. May thay, đó chính lại là cửa tây - bắc, đối diện với cửa đông - nam.

Thế là cửa thành bật mở. Và chàng thoát ra được ngoài.

Đám thiếu niên trong hoàng tộc, cùng con cái các thế gia, được theo học tại Quốc học viện và Giảng Võ đường, Quốc Tuấn nổi lên như một ngôi sao chói sáng. Thật là một trang văn võ toàn tài. Không những Quốc Tuấn được các bậc bề trên yêu trọng, mà cả đám thiếu nữ con các nhà gia thế gia vọng tộc, cũng ném theo con mắt xanh ngưỡng mộ. Nhất khi Quốc Tuấn ở võ trường trở về, ngao nghể ngồi trên lưng con tía mật được phủ bằng cổ yên nạm bạc, đầu đội mũ trụ vàng, chân dận hia đen, râu đôi con chim hạc đỏ, lưng dắt thanh bảo kiếm, và cây cung đeo vắt ngang vai, thì có hàng đàn hàng lũ đám con gái, con trai trong thành chạy theo. Và cứ thế đồn thổi cái tin con trai của Hoài vương Liễu, một trang tuấn kiệt vừa xuất hiện tại kinh sư. Ngay cả điều đó cũng làm cho thái sư Trần Thủ Độ và nhà vua hài lòng.

Phu nhân thái sư, cũng luôn lui tới cung của công chúa Thụy bà, thăm viếng và uỷ lạo Quốc Tuấn. Người đẹp lòng và tỏ ra kiêu hãnh nhất là công chúa Thụy bà. Thật ra mỗi người đều có một sở cứ riêng để yêu thương Quốc Tuấn, cũng như có trăm ngàn lẽ để tự hào về chàng thiếu niên tài kiêm văn võ ấy. Các bậc quốc sĩ cũng như các bậc cổ lão trong đám quan văn quan võ, đều quả quyết rằng: nếu qua thi tuyển, Quốc Tuấn có thể đứng đầu bảng võ bảng văn. Hay ít ra văn cũng phải đạt tiến sĩ, võ thì tạo sĩ (2). Nhưng có ai hay, ở hương ấp Yên Phụ xa xôi kia, Hoài vương Liễu đang nở từng khúc ruột mà bấy lâu quặn thắt. Ông sung sướng nhất là việc ông xét đoán con không lầm. Vì vậy, việc nuôi dạy, và đón thầy về trợ giúp ông, trong sự rèn luyện tài năng và nhân cách của Quốc Tuấn, quả là không vô

ích một chút nào. ÔÂng hy vọng, mai đây Quốc Tuấn có thể làm nên sự nghiệp lẫy lừng. Nhưng vương cũng tự cười thầm mình, vì có chút hơi đa nghi. Vậy là cũng rõ, thái sư thường không chấp trước các việc đã qua. Rõ ràng ông ta là một người khắc bạc đến tàn bạo, song cũng là con người độ lượng khác thường. Ở ông ta có gì thật khó hiểu, chứ không nhất quán như chú em ta. Một đấng thiện vương. “Mà cùng phải, nếu không có thái sư rắn tay cầm cương thì không biết cỗ xe dân tộc này, đất nước này đã rẽ theo ngã nào, hay lại lao đầu xuống vực”. Khi đã không can dự vào các việc rối rắm, để cho cái tâm thư tĩnh, thường người ta có được những phút suy nghĩ đúng đắn, gần đạt tới cội thiện, tức là đạt tới sự giản đơn của chân lý. Và có lẽ trong đời Trần Liễu, sau bao cuộc toan tính không thành, đây là phút giây đúng đắn nhất mà ông có được.

Một bữa nọ, Trần Thủ Độ thấy rộn lên ở trong lòng những ý tưởng bấy lâu ông hằng suy nghĩ. Ông bèn lên kiệu tới thẳng nội tâm gặp nhà vua. Đang lúc Thái tôn chơi trò trốn tìm với hoàng tử Hoảng(3). Thái tử lúc này gần bốn tuổi. Đã chạy nhanh, nói sôi. Thái tử vận chiếc áo dài màu đỏ, đội chiếc mũ trắng có đính hồng ngọc, cổ tay, cổ chân đều đeo vòng ngọc bích, vòng bạc để kỷ năng gió. Thái tử có nước da trắng hồng, đôi mắt long lanh, cũng phát sáng chẳng kém gì mấy viên ngọc trên mũ. Nom thái tử đẹp như một tiên đồng.

Nhìn cha con nhà vua đang vui đùa, thái sư vui lây cái tình thơ trẻ. Ông cứ đứng ngắm nhìn mãi, cho tới khi thái tử chợt nhìn thấy Thủ Độ, bèn khoanh tay: “Chào ông!” . Lúc ấy thái tôn nấp ở sau gốc cột mới lộ ra. Nhà vua có vẻ hơi lúng túng.

- Thừa chú...

- Bệ hạ cứ chơi với thái tử đi. Chú rảnh, ghé thăm các cháu thôi. Không có việc gì hệ trọng đâu.

Nhà vua liền gọi mấy tùy nữ dẫn thái tử đi chơi. ÔÂng mời thái sư vào bàn trà, rồi sai pha loại trà quý. Cầm chén nước trên tay, thái sư cứ hít hà mãi mùi hương. Đoạn mặt ông ngẩn ra như đang muốn nhớ lại một cái gì đó chưa rõ nét.

Ngẫm đoán được ý thái sư, nhà vua lựa lời hỏi:

- Thừa, chắc chú thấy vị trà này hơi quen quen?

- Đúng thế - Trần Thủ Độ mỉm cười - Chú cứ ngỡ ngụ trà này chú đã được uống ở đâu, mà nghe có mùi sương móc. Hẳn là không phải trà Hàng Châu(4).

- Chú có trí nhớ tốt thật. Đây là loại trà quý trên Yên Tử, Phù Vân quốc sư mới gửi về cho mấy bịch. Cháu cứ để dành, dùng vào lúc có khách quý. Hoặc giả khi nào trong lòng náo động, dùng ấm trà này, tự thấy trong lặng khác thường. Để rồi đưa sang biếu chú một bịch.

- Chả hoá ra chú lại có được cái duyên may - Trần Thủ Độ vui lắm. Ông vừa nói vừa cười hồ hồ - Bữa nay chú cũng tự thấy lòng trong lặng, nên muốn đến bàn với bệ hạ đôi điều.

- Chắc Quốc công có điều gì răn dạy.

- Nghĩa vua tôi, bệ hạ nói thế, chú khó nghĩ quá. Hôm nay định đến tâu với bệ hạ vài việc.

- Dạ, chú cứ dạy, Thái tôn nhìn Thủ Độ và thăm đoán xem có điều gì hệ trọng lắm không. Nhưng nhà vua xét đoán sao nổi một con người từng trải như thái sư.

- Theo sự thăm định của hoàng thượng, hiện tình nước ta như thế nào? Trần Thủ Độ hỏi nhà vua với vẻ thăm dò, xem sự trưởng thành của Thái tôn đã tới mức nào, để ông còn liệu.

Thái tôn bị hỏi bất ngờ, nhưng vốn là người thông tuệ, lại nắm vững công việc triều đình, nhà vua vui vẻ nói luôn một hồi khiến quốc công lấy làm thích thú. Rõ ràng là nhà vua đã điều hành được bộ máy quốc gia một cách vững chắc. Và người dân khắp nước đều hưởng về kinh sư bái vọng.

Tuy nhiên, nhà vua đôi lúc còn băn khoăn chưa rõ nội tình đất nước khi ông còn nhỏ tuổi, Thái tôn bèn hỏi:

- Thưa Quốc công, xin Quốc công gia ân cho cháu được biết vào các năm đầu của triều ta, có những điều gì quan yếu nhất?

Quốc công chậm rãi thưa:

- Tâu bệ hạ, nếu kể từ khi bản triều ta nắm quyền đại thống, việc làm đáng kể trước tiên là san định được bộ hình luật. Điều đáng nói là việc san định bộ hình luật này, tiến hành ngay trong lúc vừa thống nhất được thiên hạ. Mọi sự còn ngổn ngang. Nạn đói đe dọa. Trộm cướp đầy đường. Lòng người chưa ổn. Chính nhờ có bộ luật vừa nghiêm chỉnh, vừa khoan thứ, nên ta ổn cố xã hội được mau chóng. Tiếp đó ta lại tha bớt tô thuế, tạp dịch. Vét kênh, đào mương, đắp đê, phòng lụt. Liền năm được mùa, người dân phải đóng góp ít. Đời sống dân chúng từ phường phố đến thôn ấp, đã thoát được cảnh lầm than đói khổ. Theo đó, ta ban hành bộ Quốc triều thường lễ. Nhờ có bộ sách này mà ta thống nhất được nghi lễ, phong tục. Có lệ tục mới được hình thành, lại có các tục lệ phiên toái, cổ hủ phải bãi bỏ. Người dân lúc đầu chưa quen. Sau thấy thuận tiện, mọi người nô nức làm theo. Thành thử thuần phong mỹ tục đã in được vết Trần trong nền văn hoá Đại Việt. Còn các việc về sau này chắc bệ hạ đã tường.

- Thưa chú, các việc gần đây như soát tù, đại xá và miễn một nửa số tô ruộng cho thiên hạ, là vì mùa hè đại hạn, mùa đông lại mưa lũ. Sơ có điều gì thất đức, Trời giáng hoạ, cháu cảm thấy run sợ, nên phải sửa mình. Còn như việc tu bổ Quốc tử giám là việc làm để vừa lòng các bậc lão thần, và các tầng lớp nho sĩ trong nước. Và lại, một nước văn hiến, phải lấy việc chăm lo đạo học làm đầu. Các việc ấy, tự tay cháu làm, nên hiểu được giá trị của nó. Nhưng đến việc chia nước làm mười hai lộ như ý chú, thay vì hăm bốn lộ như triều Lý đã chia. Điều đó quả thật cháu không hiểu. Nhưng cháu nghĩ, việc gì chú đã làm đều là có chủ ý và có lợi cho dân, cho nước. Thoáng một chút băn khoăn, Trần Thủ Độ thâm khen: “Biết nghi hoặc trước mỗi việc làm, là điều cần thiết đối với những ai có trách nhiệm, có lương tâm. Vậy là cháu ta đã đủ sức lèo lái được con thuyền quốc gia. Phải. Đã đến lúc cần phải trao lại toàn bộ quyền bính cho nhà vua”. Thái sư cười, nói:

- Việc bệ hạ băn khoăn thế là phải. Chú chỉ muốn nói một điều. Việc chia nhỏ ra cho vừa tầm tay với, như nhà Lý làm trước đây là đúng. Nó đúng với nhà Lý hồi quốc sơ. Bởi chung, nhà Đinh - Lê tiếng rằng đã hình thành một quốc gia, song vẫn còn non yếu lắm. Việc phòng thủ phải dựa vào núi rừng, hang động. Việc tổ chức bộ máy nhà nước, đều nhất loạt nằm trong tay một viên đô giám. Từ châu quận lên đến triều đình đều theo đó mà làm. Vua là một tổng đô giám. Mọi việc còn đơn sơ lắm. Vì sao vậy? Là vì dân trí còn mù mờ. Ngay cả những người đứng đầu bộ máy nhà nước cũng mù mờ, chữ nghĩa chẳng có, lễ giáo cũng không.

Sang đến nhà Lý, cõi bờ mở rộng. Văn hiến tỏ sáng. Kỷ cương lễ nghĩa rõ ràng. Thế nước đã vững, đủ sức hùng cứ một phương. Có thể sánh ngang với nước lớn lân bang. Hóa nên kinh sư phải là nơi giữa thanh thiên bạch nhật. Là nơi tụ hội của bốn phương. Do đấy nhà Lý đã dời đô về thành Đại La. Bộ máy hành chính lập tức được lập ra, để điều hành công việc quốc gia. Các lộ phải chia nhỏ như thế thì quan mới sát dân, mới điều khiển được dân. Ấy là bởi năng lực quan lại thời ấy còn có hạn. Nhiều người làm quan mà chưa biết chữ. Việc sổ sách giấy tờ: sổ đinh, sổ điền, sổ binh, sổ lương, tô thuế, mọi thứ giấy tờ phải tính toán, phải nhập tâm, mà châu to lộ lớn kham sao nổi.

Thấy Thái tôn chăm chú lắng nghe, Trần Thủ Độ ngừng lời, chiêu một hùm nước, lại nói:

- Tâu bệ hạ, triều ta, dựa trên các việc nhà Lý đã làm. Nhưng có cải biên đi cho hợp với hiện tình đất nước. Ta đã lập được bộ máy từ làng xã đến triều đình. Các chức sắc đều được chọn lựa chặt chẽ, lại được triều đình cấp cho lương, bổng. Các xã quan đều là những người ít nhiều có chữ nghĩa. Các quan lại từ châu, quận trở lên, phải là những người xuất thân có học. Bộ máy của ta đã tinh vi, lại được người có học thức nắm giữ. Hóa nên gom lại có lợi hơn. Vừa bớt được số chức dịch, vừa dựa vào đó để tổ chức các đơn vị dân binh lớn, khi cần nhà nước điều động nhanh hơn. Lương thảo cũng tập trung vào những kho dựn lớn hơn, tiện cho việc cung cấp hoặc chuyển vận. Chia lại bộ máy không những tiện cho việc hành chính, mà còn tiện cho việc dụng binh. Tâu bệ hạ, bấy lâu nay thần canh cánh lo việc nhà Tống với việc quân Thát- đất dòm ngó. Mừng rằng bệ hạ đã đủ trí lực, tài đức, thần xin thành thật tâu trình. Từ nay mọi việc trong ngoài: Phán, xử ra sao xin trao lại để bệ hạ điều hành, thần không dám dự quyết nữa. Nếu bệ hạ còn tin yêu, chỉ xin dự bàn. Duy có một việc, thần cho rằng thần cần phải giúp bệ hạ, ấy là việc binh nhung. Tuy nhiên, nếu cất nhắc được đám tướng trẻ tài đức, xin bệ hạ cho thần được lui về di dưỡng tinh thần là hay nhất. Bởi từ khi nhà Trần ta mở nghiệp, hạ thần đã theo hầu đức tiên quân đánh dẹp từ thuở còn niên thiếu. Lại kịp tới khi tiên quân uỷ thác cho việc phụ chính, trong nước năm bề bảy mối, trong triều cũng rối rắm nhiều bề, lúc nào thần cũng lo sợ như ngồi trên miệng núi lửa. Nay nhờ hồng phúc tổ tiên, mọi việc đều có mối rường, kỷ cương. Xin bệ hạ hãy nắm lấy.

Trần Thủ Độ dứt lời, chợt thấy nét mặt Thái tôn buồn rười rượi. Nhà vua nói:

- Đạo trước cháu đem Khuê Kinh đến thưa với chú điều tâm huyết đó, là cốt tránh thiên hạ dị nghị. Chứ không phải lòng cháu có chút hồ nghi. Phụ hoàng đã bỏ cháu đi từ buổi còn thơ ấu. Nhờ có chú cheo chống, thể nước nay đã vững. Chú cháu họ tộc đến lúc cùng hưởng lộc thái bình, chú lại định bỏ cháu bơ vơ chăng? Cháu cứ muốn chú sống lâu, mạnh khoẻ, mình mãi và mãi mãi nắm giữ trọng trách quốc gia.

Trần Thủ Độ rung rung cảm động:

- Vẫn biết bệ hạ có lòng quý mến chú, nhưng tình thế bây giờ khác lắm rồi. Bộ máy nhà nước cần phải được mở rộng cho những người tài đức bên ngoài tham gia. Không thể chỉ chuyên chế trong tay một số người họ Trần ta được. Kề sĩ bất mãn. Dân chúng cũng bất mãn. Nước là của trăm họ. Trời cho họ Trần ta có phúc lớn thì được ở trên trăm họ. Nhưng còn bộ máy, phải mở rộng hơn nữa cho người ngoài vào. Nếu không, các khoa thi Nhâm thìn (1232), Kỷ hợi (1239) ta tuyển lựa các thái học sinh để làm gì? Mong bệ hạ xem xét cho kỹ, kéo vì tình riêng mà quên cả việc lớn thiên hạ.

- Dạ thưa chú, chú đã dạy thế, cháu xin chú coi sóc cho việc binh nhung. Nhưng mỗi khi quyết việc gì hệ trọng, cháu sẽ thỉnh chú để chú xem xét. Thưa chú, có tin tức gì bên kia biên ải đưa về không ạ? Nhà Tống với quân Thát xâu xé nhau đến đâu rồi.

- Tâu bệ hạ, Nhà Tống sượn hèn cứ lùi dãn. Vừa đây, Tống Lý tông vì lòng tham muốn lấy lại phủ Khai Phong do quân Kim chiếm đóng, nhưng không đủ lực. Đã nhận lời hiệp tác cùng đánh Kim với quân Thát -đất. Nhưng diệt xong Kim, Thát-đất quay sang diệt Tống. Vua tôi đại bại chạy dài xuống phía nam.

Thái tôn gật gù về đăm chiêu suy nghĩ. Một lát, nhà vua hỏi:

- Thưa Quốc công, theo ý cháu, trước sau rồi người Thát-đất cũng chiếm được Trung Hoa. Song, chiếm cho hết được dài đất mệnh

mông ấy không phải là chuyện một mai một chiều có thể làm nổi. Vì vậy ta vẫn còn có thời cơ lo việc giữ nhà.

- Tàu hoàng thượng, đúng như vậy. Nhà Tống tuy yếu hèn, nhưng dân Tống và lớp sĩ phu không dễ gì khuất phục nổi họ. Bên kia biên ải im ắng lắm. Lính Tống nhút nhát, nhu nhược. Lỡ có việc gì tranh chấp xảy ra ở vùng biên thủy, các biên tướng Tống thường làm ngơ hoặc nhượng bộ. Còn biên ải phía tây nước Đại Lý do quân Thát-đát chiếm giữ, cũng không có động tĩnh gì. Có điều ta phải đề phòng. Thát-đát có lối đánh kỵ binh sở trường. Quân tinh nhuệ lại thiện chiến, mỗi ngày chúng có thể tiến hàng trăm dặm, thoát tởi, thoát lui, xuất quỷ nhập thần, khiến quan quân Tống phải lao đao. Tàu hoàng thượng, bấy lâu thần đang canh cánh lo cách đánh, đỡ thế nào để quân kia không phát huy được cái sở trường của nó.

- Dạ, việc đó chú nên hiệp các tướng lại mà bàn. Chú phải lo cử lính viễn thám cải dạng đi sâu vào đất Thát, xem xét việc tổ chức binh, lương, quân mã, quân bộ, quân thủy và phương lược dụng binh của họ thế nào, để còn liệu cách chống đỡ. Thưa chú, việc này lớn lắm, quan hệ đến sự mất còn của nhà nước Đại Việt. Chú thử xem sức quân, lòng dân như thế, liệu quân Thát vào cỡi, ta có đủ sức đánh không?

- Tàu bệ hạ, lòng bệ hạ yêu dân như con. Luôn lo lắng chăm chú cho họ. Chắc họ cũng chỉ mong có dịp để tỏ lòng trung với nước. Xin bệ hạ cứ bình tâm. Thần xin tận lực lo việc này. Dạ, bữa nay đến gặp bệ hạ, xin tâu có mấy việc như vậy. Chào bệ hạ, chú về.

Thái tôn toan đứng dậy tiễn Trần Thủ Độ, chợt nhớ ra điều gì. Nhà vua gờ tay ngăn lại:

- Thưa Quốc công, hai khoa thi trước, nhà nước cũng lựa được khá nhiều anh tài. Nay bổ dụng đã hết. Và lại để cho kẻ sĩ đua tài ra sức giúp nước, cháu định từ nay, việc thi thái học sinh cứ bảy năm một lần. Dạ, theo cháu sớm hơn nữa e không được, mà muộn hơn chắc nhiều người nản. Nếu chú thấy thế là được, sang năm triều đình sẽ ban lệ này, để lớp sĩ phu an tâm rèn rũa việc học.

- Bệ hạ nghĩ thế nào là đúng, cứ thế mà quyết. Chú chữ nghĩa lồm bồm không dám lạm bàn việc văn. Chỉ mong sao nước có nhiều người tài đức.

- Xin Quốc công từ nay đừng nhắc đến việc chữ nghĩa nữa. Quốc công không có thời gian để nghiền ngẫm tam giáo, cửu lưu đó thôi. Có sao Quốc công lại tự nhún mình thái quá làm vậy. Nhà vua nói và nhìn trên khuôn mặt quắc thước của ông chủ, để dò tìm xem ý tứ Quốc công ra sao. Trần Thủ Độ vừa nở một nụ cười tươi, làm khuôn mặt ông bừng sáng. Nhà vua nói tiếp:

- Quốc công chẳng thấy, biết bao người chữ nghĩa giỏi đến phát rồ lên, nhưng có làm được việc gì ra hồn. Chung qui cũng chỉ là bọn thợ nói, ích gì cho thiên hạ. Còn như Quốc công, chữ nghĩa tuy ít thật, nhưng Quốc công đã làm biết bao việc lớn. Có nhẽ trước Quốc công, chưa ai làm được như thế. Và sau Quốc công, chắc gì có người theo được. Quốc công là bậc kỳ tài có một không hai trong lịch sử nước nhà mà không tự biết, hoặc không cần biết đến.

Trần Thủ Độ cười lớn. Tiếng cười vang lên với vẻ sáng khoái khác thường. Đoạn ông im bặt và nói dần từng tiếng.

- Vương thượng ơi, sao lại coi thường người có chữ nghĩa được. Nhớ hồi mới dấy nghiệp, thế nước rối như một bụi bông bong, nếu không được Hoàng tiên sinh - một bậc cao sĩ dạy bảo cho đường đi nước bước, thời thần cũng chỉ là một tên võ phu, với một số võ công nhì nhằng. Rồi nhắm mắt lao vào con đường tranh chiến với các phe phái, đẩy đất nước vào cảnh nổi da xáo thịt. Chớ làm sao có thể tạo dựng được nghiệp lớn cho nhà Trần hôm nay.

Bỗng Trần Thủ Độ có vẻ bùi ngùi. Cặp mắt ông mơ màng nhìn vào một cõi xa xăm nào đó. Một lúc sau, ông mới lại cất được nên lời:

- Tới nay, thần vẫn còn hận vì đức mỏng nên không lưu giữ được tiên sinh. Không, ngày ấy hoàng thượng còn nhỏ lắm. Thần đã thờ tiên sinh như một bậc quốc phụ, lại mời tiên sinh tham dự triều chính. Nhưng tiên sinh một mực chối từ. Người chỉ nhận làm môn khách của thần, chứ không chịu làm chính khách của nước. Đúng là những người có đức lớn, không dễ gì lấy quyền uy và phú quý, vinh hoa để lôi kéo họ được. Sai khiến họ, quả là một điều khó. Cực khó.

Thái tôn tỏ vẻ buồn ngùi vì nuôi tiếc đã không giữ lại được một bậc quốc sĩ.

Thái tôn cũng cảm thấy chạnh lòng khi nghĩ tới sự thiếu vắng quan thừa chỉ - người đã khai mở cho nhà vua nhiều điều tốt đẹp. Thái tôn nói đầy vẻ tiếc nuối:

- Thừa Quốc công, việc Hoàng tiên sinh bỏ đi là tự ý ông ta không muốn ở lại giúp đời. Còn như việc ra đi của quan thừa chủ, mới làm trăm ân hận. Suốt đời ân hận. Xin quốc công từ nay hãy vì trăm họ mà trồng cây đức, sao cho người hiền không bỏ chúng ta đi nữa.

Trần Thủ Độ tự nghĩ: “Quan thừa chỉ bỏ đi, chẳng riêng gì nhà vua ân hận, chính ta còn cảm thấy tủi hổ và đau lòng khôn nguôi. Bởi chưng kẻ nắm giữ trọng trách quốc gia, mà để cho người tài đức phải bỏ nước ra đi, đây là sự phi nhỗ, sự khinh thị của họ đối với bộ máy nhà nước. ÔÂi, ta cho đó là một vết nhơ, một sự nhục mạ đối với thái sư thống quốc như ta”. Chợt nhớ, nhà vua vừa dặn. Với vẻ nghiêm trang kính cẩn, Trần Thủ Độ đáp:

- Tâu thánh thượng, nếu việc đó còn xảy ra, xin bệ hạ hãy chém đầu thần để giữ nghiêm phép nước.

=====.

1. Cáo: Một loại văn hành chính cung đình. Tùy theo mức độ quan trọng khác nhau mà dùng các thể khác nhau như: Chiếu, chế, cáo, biểu v.v....kiểu như thông tri, chỉ thị, giấy triệu tập....của ta bây giờ.
2. Tào sĩ: một bằng cấp về ngạch võ, tương đương với bằng tiến sĩ bên văn.
3. Trần Hoảng sau là Thánh tôn. Anh là Trần Quốc Khang không được lập, vì khi Thuận Thiên về với Trần Cảnh, đã có mang với Trần Liễu ba tháng. Khang chính là con của Liễu.
4. Thủ đô cũng là đất ăn chơi của nhà Nam Tống.

Lệ thi Thái Học Sinh vừa được vua ban năm trước. Năm sau mở khóa thi đầu tiên theo lệ mới. Sĩ tử cả nước nô nức đua tài để vào mùa xuân này độ sức. Nghe nói khoa này sẽ lấy tam khôi(1), và nhà vua đích thân chấm, chọn các bậc tiền tài cho đất nước.

Vừa ăn tết xong, kinh thành Thăng Long còn chưa tan hết khói pháo, sĩ tử các nơi đã dập diu kéo nhau về quốc học viện để dự các buổi bình văn. Một bữa nọ, Thái tôn ghé qua nhà Quốc tử giám, mới từ cổng nhìn vào đã thấy đám nho sinh ngồi la liệt chật sân, vẫn còn phải đứng ém trong góc vườn để nghe quan tư nghiệp thuyết giảng. Nhà vua nhìn đám sĩ tử đông nghịt, chen chúc nhau, nhưng vẫn im phăng phắc, lòng ngái vui như mở hội - Đây là dấu hiệu của thời thịnh. Giọng quan Tư nghiệp quốc tử giám sang sảng: "... Cái phần chiêu minh ở trong người ta gọi là tâm. Tâm là cái thần minh ở trong vạn vật, là cái tia sáng của Trời phú cho ta để hiểu biết các sự vật. Vũ trụ sở dĩ có là bởi có cái tia hồi quang ấy, chứ không thì dẫu có cũng như không mà thôi. Người ta có cái phẩm giá tôn quý, là cũng nhờ có cái tâm. Cho nên hễ bỏ cái tâm đi, thì vũ trụ chỉ là một khối vật chất vô giác. Bởi vậy, người ta phải giữ cho cái tâm được trong lặng. Tâm có trong lặng thì mới miễn nhuệ mà cảm ứng được các điều thiện, ác để hành hóa việc người cho hợp với thiện đạo của Trời..." Thái tôn rất bằng lòng với lời thuyết giảng của quan tư nghiệp, về lễ hăng mà đức Khổng Tử đã từng rao giảng trên thế gian, cách đây từ mấy ngàn năm trước.

Có người vào bẩm, đức vua ngự giá tới thăm quốc học viện. Quan quốc tử giám tể tửu lập cập từ nhà học đường chạy ra, rạp đầu lạy tạ, xin nhà vua tha tội.

Thái tôn ôn tồn nói:

- Quan tư nghiệp hãy bình thân. Mau trở lại tiếp tục cuộc bình văn. Ta rất vui, thấy sĩ tử cả nước đã sớm về kinh tụ hội, mặc dù còn lâu mới tới hạn kỳ thi tuyển. Nhìn đám nho sinh trong sân quốc tử giám, lại nhìn quan tể tửu với vẻ ái ngại, nhà vua nói.

- Quốc tử giám chật quá! Chật quá! Để các sĩ tử đã về kinh đều được nghe giảng trước ngày thi, ta sẽ cho mở cửa Chiêu Văn quán, Sứ quán, Tập Hiền viện để các quan vào đây bình văn, các sĩ tử chia nhau đi nghe giảng. Ngay cả toà Ngự Diên, ta cũng cho mở cửa, đích thân ta sẽ bình giảng. Nói rồi nhà vua quay đi. Khuôn mặt ngái ngời sáng như lấp lánh ánh hào quang.

Thăng Long rét muộn. Sau lễ thượng nguyên(2) rồi mà trong các ngõ xóm, các vườn nhà, đào, mai vẫn còn phô sắc thắm. Nhất là trong vườn ngự uyển, thôi thì đủ sắc đủ hương, trăm hồng ngàn tía. Đào phai, đào thắm xen lẫn hồng trà, bạch trà, hải đường. Lại có cả hoàng mai, bạch mai điểm xuyết một cách kín đáo nhưng không kém phần rực rỡ. Và kia, những khóm quất, quả còn sai trĩu trĩu, thắm một màu vàng. Nhưng các cành nhánh lại bật nở những nụ hoa trắng phau như những hạt bông thoang thoang đưa hương. Hương quất, hương bưởi, hương nhài, hương lan... cùng các loại hoa thơm khác hoà quyện với nhau. Và gió đem mùi thơm đi khắp kinh thành.

Quan đại an phủ sứ của kinh sư khuyến cáo dân chúng kinh kỳ dọn dẹp đường phố, sửa sang tư thất để đón khách bốn phương.

Người Thăng Long vốn hiếu khách, nên nhà nào có mầu mặt một tí đều lo chăng đèn, kết hoa, sửa sang nhà cửa. Thật ra thì cũng không phải sửa sang gì cho lắm. Bởi mới tết ra, nhà cửa còn sạch gọn. Chỉ cần treo lại cây đèn lồng. Soạn sửa lại phòng văn. Các đồ văn phòng tứ bảo còn thiếu gì mua sắm thêm. Mực, son, giấy, bút lông thô. Mua sắm sẵn đây cho lịch thiệp thôi, chứ các nho sinh đã về kinh, thì họ cũng đem theo đầy đủ cả. Phố phường chỗ nào cũng rực sáng ánh đèn ban đêm, tấp nập người qua lại ban ngày. Hết giờ bình văn,

các sĩ từ từ các cửa Đại Hưng, cửa Diệu Đức, cửa Tường Phù, cửa Quảng Phúc trong hoàng thành tỏa ra phố phường đông nghịt. Đông nhất vẫn là các phố Hàng Giấy, Hàng Bút. Các cửa hàng đua nhau trang hoàng rực rỡ. Các cô gái ngồi bán hàng duyên dáng chào mời các quan trạng, các tiến sĩ tương lai. Trong số các sĩ tử ấy, chắc chắn sẽ có người đoạt tam khôi. Bàng vàng, bìa đá, danh thơm muôn đời. Các cô gái ngồi sau những quầy hàng kia, trong lòng cô nào chẳng thầm mơ ước mình lọt vào mắt xanh của các vị đại khoa, mà tương lai chẳng còn xa xăm gì nữa. Các phố Hàng Vải thâm, Hàng Khăn lúc nào cũng nườm nượp người vào ra mua sắm. Nhưng đông hơn cả vẫn là phố chợ Cầu Đông(3). Đây vốn là một phố buôn bán sầm uất, trên bến dưới thuyền. Đây cũng là phố có nhiều nhà trọ, hàng quán. Suốt từ sáng sớm đến tối khuya, không lúc nào qua đây không thấy mùi thơm xào nấu, mùi thịt nướng, thịt quay ... Tiếng cười giòn giã, tiếng chào mời chào kéo, tiếng í ới gọi nhau lên đồ, xuống đồ. Tiếng xe ngựa rậm rịch. Vẳng nhất trong các phố phường vào những ngày thi cử, là phố Hàng Lọng. Các sĩ tử không một ai lộ mặt qua đây. Vì ai cũng sợ lỡ ra, các chủ hàng mời mua lọng, thì thật là xui. Bởi vậy, Hàng Lọng các nhà đều đóng cửa im im. Nhưng đằng sau những khuôn cửa đóng kín kia, các tay thợ, các gia nhân làm túi bụi ngày đêm không hết việc. Và tới khi kéo băng đề danh rồi, các nhà ở đây đều mở tung cửa đón khách. Tới lúc này, lại không một phố nào lộng lẫy và đông vui bằng phố Hàng Lọng. Vì rằng các quan trạng, thám hoa, bảng nhãn... một khi đã nhận ÁN TỬ VINH QUI(4) ai chẳng phải mua cho mình một chiếc lọng, để về bái tổ gia hương.

Tháng hai, hoa xoan nở tím cả kinh thành, muôm đã kết trái xanh non. Hoa chanh, hoa bưởi vẫn còn ngan ngát hương thơm. Người từ xứ kéo về kinh thành đông nghệt. Lều chõng, gánh gồng, bầu, níp giăng giăng. Tới lúc này sĩ tử đều phải có mặt hết ở kinh sư, đề độ mười ngày nữa là khoa thi bắt đầu. Dân kinh thành nào nức mong chờ xem quan trạng đầu tiên sẽ là ai. Và người ấy tài giỏi đến mức nào. Tin đồn đích thân hoàng thượng sẽ chấm các bài xuất sắc nhất để chọn tam khôi, càng làm cho kinh thành chộn rộn lên cái không khí của hội đua tài.

Túa về kinh sư đủ thứ đủ hạng người. Nào văn nhân, sĩ tử. Nào nhà buôn. Nào các giáo phường. Sĩ tử cũng chia làm năm bảy hạng. Người giàu có thì ngựa xe, võng cang, kẻ hầu người hạ. Người bậc trung thì tiểu đồng quảy theo tay nải áo quần, bút nghiên. Người nhà gánh gạo, gánh chõng lều, lốc thốc đi theo. Đến như những người nghèo túng lại rớt mấy khoa thi trước, tuổi vừa cao, vừa gò lưng gồng gánh tất cả các thứ, như một cái ngựa thồ.

Đất Thăng Long vắng vật, đón nhận một cách hào phóng sĩ tử từ bốn phương về dự tuyển. Quan đại an phủ sứ của kinh sư đã cho dựng mười hai dãy nhà ở phía sau Quốc tử giám, để đón nhận và cung phụng những hàn sĩ không đủ tiền vào nhà trọ. Lại sức cho các nhà hàng quán trọ, không được tăng giá tiền ăn tiền trọ, đối với các sĩ tử và thân nhân. Tuy vậy, nhiều nhà phú hào, nhà buôn, vừa mang tính hào phóng đất kinh sư, vừa thầm mong phúc ầm lại có một vị đại khoa nào đó đoái tưởng đến con gái mình, thường ra đường chào đón, mời gọi các hàn sĩ về nhà mình trú tạm. Trong suốt thời gian nho sinh lưu trú tại các tư gia ấy, đều được đón tiếp, phục dịch thật là ưu hậu, thật là nồng nhiệt, với tất cả sự hào hoa của đất kinh sư văn hiến.

Khoa thi này nhà vua đích thân kiểm xét các mặt, nên các quan từ sở tại cho tới các đài, sảnh, viện, các... đều lo chạy xôn xáo, cốt sao mọi việc thật chu toàn trước khi hoàng thượng ngó tới. Quan chánh chủ khảo đã cho nhóm họp các thuộc lại tới ba lần. Nói rõ các chức phận của từng người, từ viên Di phong(5), Khảo tự hiệu(6), Đăng lục(7) đến các quan Thí viện(8), Khảo viện(9) ai nấy đều phải thuộc nằm lòng các phần việc được giao phó.

Không khí văn vật trùm phủ khắp đất Thăng Long. Không một người dân nào không mong có dịp được làm một nghĩa cử, đối với các

tao nhân mặc khách, từ muôn phương về kinh sư tụ hội. Nhiều nhà sáng sớm đã nấu nước chè khiêng ra đầu đường, để khách qua lại tiện dùng. Không thiếu các nhà ngày nào cũng làm sẵn dăm bảy mâm cơm, để nếu có khách quen, khách lạ ghé vào là có thức ăn ngay. Khách bốn phương, ai gặp khó khăn thiếu thôn gì, chưa kịp bày tỏ hết lời, đã được bà con phường phố sẵn sàng đáp ứng. Người Thăng Long vốn hào hoa như thế đấy.

Được tin bữa nay nhà vua sẽ giảng kinh sách tại toà Ngự Diên(10), từ sáng sớm sĩ tử đã nườm nượp kéo nhau vào ngồi kín từ trong nhà tới ngoài sân.

Kiều vừa hạ xuống trước toà Ngự Diên, người ngồi chật cứng từ cổng không có lối vào. Quân thánh dực thét ầm ầm, lính hồ bôn xông vào đám đông ra roi định dẹp. Thái tôn vội ra hiệu cho viên đô giám bắt lính ngừng tay. Nhà vua ôn tồn bảo viên đô giám:

- Các người không dạy quân phải biết giữ lễ với kẻ sĩ. Có biết những người này là như thế nào không? Nhà vua chỉ về phía sĩ tử hỏi, và nhìn viên đô giám với vẻ trách móc - Họ là tinh hoa của đất nước, là bộ óc của cả dân tộc. Mai đây họ sẽ là những người nắm giữ các trọng trách quốc gia mà lũ người dám coi thường, thét mắng như một đám ăn mày. Không nể, vì có giới sĩ phu cả nước về đây, ta phải cho treo cổ người, để làm gương cho những đứa can đở dám coi thường kẻ sĩ. Nói rồi Thái tôn đi vào toà Ngự Diên. Sĩ tử dẹp lối cho nhà vua đi, và mọi người đồng thanh hô: “Hoàng thượng thiên tuế! ... Thiên tuế...!”

Thái tôn vừa ngồi vào chiếc ghế cao trên toà giảng, ngài đưa mắt nhìn khắp một lượt từ trong nhà ra ngoài sân. Phần đông họ là những người trai tráng, mặt mũi khôi ngô tuấn tú. Những gì suy nghĩ hoặc lo toan đều hiện hết trên các khuôn mặt. Nhà vua có thể đọc tâm tư họ như đọc các trang tạp biên thực lục(11). Nhìn kỹ, nhà vua thấy có những ông già râu tóc bạc phơ. Loáng thoáng có cả mấy đứa trẻ chỉ trên mười tuổi. Thái tôn lấy làm lạ. Ngài tự nghĩ: “Tài năng gì mà đám trẻ chưa ráo đầu máu đầu kia cũng dám chen vào đây?”. Rồi ngài tự trả lời: “Hắn là chúng phải vượt được các kỳ thi hương, thi hội rồi quan trường mới cho vào đây chứ. Ôi, nếu quả bọn trẻ kia thật sự có tài thì phúc cho nước nhà lắm lắm”. Nhà vua sung sướng tự hỏi: - “Thời thịnh chăng?”- “Thần đồng xuất hiện chăng?”.

Bắt đầu buổi thuyết giảng của mình, Thái tôn không đi hẳn vào một kinh sách nào cả. Vì việc đó, sĩ tử đã nghiền ngẫm thấu đáo. Nhà vua chỉ hỏi xem, có ai còn mắc vướng điều gì chưa hiểu trong năm kinh(12), bốn sách(13), ngài sẽ giảng giải cho. Tức là nhà vua chỉ giải đáp kinh nghi(14) mà thôi. Điều đó, dù nói kiến thức của nhà vua đã đạt tới chỗ uẩn ảo lắm, thâm viễn lắm.

Suốt một ngày dẫn dụ xong, nhà vua ôn tồn nói:

- Ta vui mừng vì sĩ tử cả nước đều cố công rèn rũa đạo học, ngõ hầu đem tài trí ra phụng sự quốc gia, dân tộc. Để tỏ rõ sự khuyến khích của triều đình đối với sĩ tử. Bắt đầu từ khoa này, nhà nước sẽ lấy tam khôi. Đích thân ta chấm, chọn. Ngoài ra, cứ theo tài năng xếp thứ bậc cho đỗ vào hàng thái học sinh(15). Thái tôn vừa nói tới đây thì thấy sĩ tử có vẻ nhón nhác nhìn ra ngoài. Nhà vua cũng đưa mắt, chợt thấy Quốc Tuấn và theo sau là công chúa Thiên Thành đang bước vào nội thất. Nhà vua tự hỏi: “Quốc Tuấn đi nghe bình văn đã đành. Lại em gái ta cũng yêu thích thi thư? Thật là một sự lạ. Sự lạ”.

Quốc Tuấn từ khi về kinh, nổi danh là một trang tuấn kiệt. Tài kiêm văn võ. Sáu tuổi chàng đã biết làm thơ. Nay thi lục thao tam lược, không gì là không thông hiểu. Sĩ tử nghe danh Quốc Tuấn đã tỏ lòng ngưỡng mộ từ lâu. Nay được diện kiến, làm gì mà chẳng xôn xao. Chàng có dáng người cao, to. Khuôn mặt vuông vức. Mắt sáng như sao. Cặp mắt to hơi xếch. Lông mày rậm. Nước da sáng lúc nào cũng hồng hào. Môi đỏ như tô son. Quốc Tuấn có giọng nói sang sảng vang ầm như tiếng chuông. Lời nói đanh gọn. Toàn bộ người chàng

toát lên một vẻ uy nghi đường bệ, nhưng lại có sức hấp dẫn lạ lùng. Chàng đi tới đâu, từ trẻ đến già đều mến mộ. Nhất là các cô gái con các đại gia, thâm ước ao được gần gũi. Từ khi chàng về ở với công chúa Thụy bà, công chúa Thiên Thành tuy sống trong nội điện, nhưng thường lui tới viếng thăm. Hai cô cháu quyền duyên nhau lắm. Thiên Thành tuy là cô ruột, nhưng lại là con út của thượng hoàng Trần Thừa. So ra còn thua Quốc Tuấn tới vài ba tuổi. Thiên Thành đang độ tuổi cập kê, nhan sắc nàng rực rỡ như một đóa phù dung. Bữa nay nàng mặc áo thụng thắt đai ngọc, may bằng thứ nhiễu Hàng Châu màu hồng nhạt, tóc đen mềm mại buông xoã hai bờ vai. Quần màu thiên thanh. Chân dận hài nhưng màu tím nhẹ, nạm hạt châu lấp lánh. Cổ đeo vòng ngọc bích nạm vàng. Nom nàng như một đóa hoa biết đi. Nàng tới đâu là hương thơm dịu dịu tỏa ra. Cứ như mùi thơm tho ấy toát ra từ da thịt nàng. Hiện thời nàng là bông hoa rực rỡ nhất kinh thành. Nghe đâu bên nhà Nhân Đạo vương, đã đánh tiếng với hoàng thượng xin nàng về cho Trung Thành vương(16). Giới sĩ tử không những hâm mộ sắc đẹp của công chúa Thiên Thành, mà còn ngưỡng mộ Quốc Tuấn, ai cũng mong được gần gũi, được kết bạn với chàng.

Khi thấy đám sĩ tử đã ngồi yên, Quốc Tuấn, Thiên Thành cũng chăm chú nhìn về phía nhà vua, Thái tôn lại tiếp:

- Ta mong sĩ tử cả nước hãy gắng gỏi lên. Mùa thu này ta sẽ mở thêm khoa thi tam giáo. Ai đỗ, cho xuất thân(17). Ta nghĩ rằng Đạo học của nước ta dựa trên căn bản của tinh thần tam giáo. Phải biến cái tinh túy của cả ba đạo lớn đó cùng với nền văn hoá truyền thống của nước ta thành một Chính đạo, một Thiệu đạo của Đại Việt. Các quan chức nắm giữ bộ máy nhà nước của ta, không thể không thông hiểu tam giáo. Nói xong nhà vua xuống đàn. Sĩ tử lại toả ra khắp nơi về nhà trọ.

Khi mặt trời lên tới đỉnh đầu, quan đề điệu cho đọc thẻ lệ trường qui, để hôm sau sĩ tử vào cuộc đua tài. Cả kinh thành bừng lên không khí của ngày hội...

Qua kỳ thi, Khảo viện lọc tất cả được bảy quyền ưu nhất, đệ trình lên hoàng thượng chọn lấy tam khôi. Căn nhắc suốt hai ngày đêm, Thái tôn lựa được ba quyền mà nhà vua cho là ưu việt nhất, và đã khuyên vào đó các chữ Nhất - Nhị - Tam.

Sợ rằng việc chọn lựa của mình có phần chưa chuẩn mực lắm, nhà vua cho Khảo viện minh xét lại một lần nữa. Các quan giám khảo, đồng giám khảo sau nửa ngày phân giải đều cho rằng sự thẩm định của nhà vua là sáng suốt.

Sau buổi kéo báng đề danh, các tân khoa được vào điện Thiên An diện kiến hoàng thượng.

Trước cửa điện, quan đề điệu lại xướng từng tên. Bắt đầu từ trạng nguyên.

Tiếng quan đề điệu vang vang:

Nguyễn Hiền(18) – trạng nguyên. Quan đề điệu xướng đến lần thứ ba, thì có một cậu bé mặt mũi khôi ngô bước vào thềm điện.

Thái tôn sừng sốt nhìn cậu bé đi vào, với dáng đi chững chạc.

Quan đề điệu xướng tiếp:

- Lê Văn Hưu(19), báng nhãn.

Một chàng trai tuấn tú, mà còn đậm lông tơ, bước tiếp theo quan trạng.

Lại xướng:

- Đặng Ma La(20) thám hoa lang.

Một cậu bé mặt đẹp như một viên ngọc minh châu bước tiếp theo tân khoa báng nhãn.

Không những nhà vua mà cả Khảo viện đều không tin ở mắt mình nữa. Thái tôn sau một phút bàng hoàng, nhà vua tự nghĩ: “Đây là trời cho các thần đồng xuống giúp nhà Trần”.

Hoàng thượng sung sướng bước ra khỏi ngai vàng, đích thân ban áo mũ cho quan trạng, bâng nhân, thám hoa lang.

Không lường trước được lại có hai cậu bé trúng tam khôi, nên áo mũ thuận may sắm cho người lớn. Thành thử quan trạng và thám hoa lang chỉ một chiếc áo đã trùm phủ quá người, rộng thùng thình, còn mũ thì trống trếch trùm sụp xuống cả mặt. Hò ra quan trạng Nguyễn Hiền mới có mười ba tuổi. Và thám hoa lang Đặng Ma La, mười bốn tuổi.

Tin đồn chiếm tam khôi kỳ này là ba cậu bé phút chốc bay khắp kinh thành. Dân chúng phố phường đất Thăng Long đổ ra đường để ngóng đợi phút đi dạo của các đại tân khoa, đáp lễ dân chúng kinh kỳ(21). Tin bay đến phủ thái sư. Phu nhân lòng khắp khỏi mừng vui. Bà muốn nhìn tận mắt sự lạ, bèn lên kiệu đi liền. Kiệu của phu nhân vừa tới cổng điện Thiên An thì quân cấm vệ ra ngăn lại. Bọn thị nữ và lính hầu phủ thái sư lập tức tiến lên đẩy tên lính ra. Rồi cả đoàn cả lũ cứ nhao nhao sĩ và tên lính.

- Đồ ngu, mày không biết kiệu của ai mà giám cản.

- Đồ súc sinh dám phạm thượng.

- Chúng tao mà bắt mày về phủ thái sư thì một gông con ạ.

Mặc cho bọn người hầu phu nhân ra sức chửi mắng, người lính cấm vệ vội chạy ra kéo sợi dây hạ lá chắn cổng xuống. Tiện tay giật tiếng chuông. Phu nhân tỏ vẻ bức tức lộ ra ngoài kiệu quát mắng.

- Lũ kia! Khôn hồn mở cửa cho kiệu của quốc mẫu vào điện diện kiến hoàng thượng!.

Đúng lúc đó viên quan đô giám nghe tiếng chuông đã chạy bỏ ra xem xét. Y nghe rõ tiếng thét mắng giận dữ của quốc mẫu. Y cho quân kéo lá chắn lên rồi phủ phục trước kiệu và nói lớn.

- Tâu lệnh bà. Chúng con không giám trái ý lệnh bà. Nhưng thân vệ tướng quân đã ra lệnh cho chúng con, công chính này chỉ có kiệu thiên tử đi qua. Còn kiệu các quan đi công bên. Con xin mở liền để kiệu lệnh bà qua ngay bây giờ. Nói rồi viên đô giám tự mình sấm sấm đi mở cửa gác.

Khi giận bốc lên, mặt đỏ phừng phừng, phu nhân lại quát:

- Lũ sâu bọ to gan lớn mật. Quân bay khiêng kiệu vào chính môn.

Thấy tình thế nguy ngập. Bên ngoài thì lính phủ thái sư nhao nhao xô đẩy. Chỉ còn vài bước nữa là họ dẫn kiệu qua chính môn. Ngặt vì trong điện Thiên An, nhà vua đang ban mũ áo cho các vị đại khoa, nên không thể kéo chuông cấp báo. Viên đô giám liều mạng đứng chắn trước cổng, kiếm tuốt trần, giơng đánh thép, y nói:

- Ta phụng quân mệnh, trấn giữ cửa này. Ai muốn vào phải bước qua xác ta. Đám thị nữ và lính tráng phủ thái sư thấy y lăm lăm tay kiếm, mặt đỏ như gấc, mắt nhìn nảy lửa, đều có ý chờn không dám tiến nữa.

Phu nhân lửa giận bùng. Song bà tự biết là quân cấm vệ không cho qua. Bà muốn mách với thái sư bắt quân kia về trị tội cho bỏ giận.

Ném vào mặt tên đô giám một cái nhìn khinh bỉ, phu nhân thét quân: - Lui!

Vừa thấy phu nhân ra đi, nay đã âm âm trở lại, thái sư vội vàng xuống kiệu sấm sấm đi vào. Trần Thủ Độ ân

cần hỏi:

- Thế nào, bà đã có gì ban thưởng cho quan trạng chưa?

Đường như chỉ chờ có thế. Phu nhân oà khóc. Vừa khóc vừa day nghiêng:

- Giờ ơi, tôi là vợ ông thái sư thống quốc. Tôi là mẹ vợ, là cô của đức vua. Nhà vua lại ban tặng cho tôi là quốc mẫu. Thế mà cả ông thái sư, cả đức vua để cho bọn lính nó làm nhục vợ mình, làm nhục quốc mẫu của mình.

Trần Thủ Độ không biết đầu đuôi câu chuyện ra sao, còn đang ngơ ngức, phu nhân lại thét gào:

-Ông thái sư thống quốc ơi, tôi già ông tất cả. Tất cả cơ nghiệp này, tôi về làng. Cái làng Ngừ của tôi, đứa nào hỗn xược, tôi vạ cổ. Chứ cái triều đình của ông lão nháo lăm.

Trần Thủ Độ đã thấy nóng nóng phía vánh tai. Ông gọi bọn thị nữ, lính kiệu đến hỏi. Chúng thuật lại đầu đuôi câu chuyện vừa xảy ra, cũng có thêm thắt chút ít. Cốt là đề mượn oai thái sư trị bọn lính cấm vệ dám hỗn hào, dám coi thường bên phủ thái sư. Từ trước, bọn lính hầu bên phủ thái sư có cái kiểu vênh vào thế. Cứ như thái sư và phu nhân là bề trên của đức vua, thì chúng nó cũng tự coi mình được ở trên bọn lính cấm vệ một bậc.

Nghe xong thái sư hầm hầm tức giận, cho đi bắt viên đô giám và tên lính cấm vệ giải về. Được tin thái sư cho lệnh bắt, thân vệ tướng quân Khuê Kinh tự tay đóng gông mấy người đó dẫn sang phủ thái sư. Khuê Kinh nói với thuộc hạ của mình:

- Sự việc có thể nào, các người cứ thế mà tâu trình, không thêm bớt nghe chưa?

Mấy người thuộc hạ run sợ dạ ran. Viên đô giám khi đã bình tâm lại, liền hỏi:

- Bẩm tướng quân. Vâng lời dạy của tướng quân, chúng tôi giữ nghiêm phép nước. Sao lại nói là chúng tôi phạm tội? Sao lại đóng gông chúng tôi như một lũ tội đồ.

- Vẫn biết thế! Vẫn biết thế! Khuê Kinh ôn tồn nhắc lại đến hai lần – Các người phải biết phu nhân là bậc quốc mẫu, đến vua cũng phải kính cẩn. Để ta lựa lời nói với thái sư. Ta chịu trách nhiệm cả. Ta không bỏ các người đâu mà lo. Nhưng cũng phải biết cái thế của mình.

Tới phủ thái sư. Khuê Kinh vào bẩm và xin nộp mấy viên thuộc hạ. Khuê Kinh nói:

- Bẩm đức ông, tiểu tướng thật có tội với đức ông.

Trần Thủ Độ vẫy tay cho tất cả vào thềm điện và sai mở gông cho mấy người lính. Đoạn ông nói:

- Khi chưa xét xử ngay gian, chưa biết người ta có tội hay không có tội, sao tướng quân lại đóng gông họ như là kẻ tội phạm?

Bọn lính tráng và thị nữ phủ Thái sư lúc này bị chặn lại, giờ đang lấp ló ở ngoài dè biiu:

- Cho chúng mày chết.

- Chúng mày cứ là một gông con ạ.

- Mất đầu con ạ.

Nghe tên lính cấm vệ và viên đô giám thuật lại với thái độ kính cẩn và run sợ, ăn năn, Thái sư đã thấy dịu dịu. Trần Thủ Độ bèn phái

người tới Đăng văn viện(22), gọi kiểm pháp quan sang xét xử.

Kiểm pháp quan là một ông già đầu hói xúng xính trong bộ áo thụng đen, đầu đội mũ bình thiên, tay chống cây gậy trúc đuôi gà nhẵn bóng. Kiểm pháp quan có bộ mặt xương xương, chòm râu dài tới ngực, trắng như bông. Nom quan ngài già nua lắm. Duy có đôi mắt của người là sắc sảo. Đôi mắt trong sáng lạ lùng như có thể nhìn thấu tận tim gan người khác. Đôi mắt ông bọc trục như là hiện thân của công lý. Theo ông là một viên tuý phái, bề trũ tay bộ Quốc triều hình luật.

Kiểm pháp quan làm việc. Ông nói vài lời về việc mọi người từ vua tới dân, ai ai cũng phải tôn trọng luật pháp. Rồi ông cho đối chất.

Lính hầu phủ Thái sư nói trước. Thấy không khí cực kỳ nghiêm trọng, bọn này cũng không dám thêm thắt như lúc đầu trình với thái sư. Tiếp đến là lính bên phủ Thân vệ tường trình.

Kiểm pháp quan quay về phía phu nhân hỏi.

- Bẩm lệnh bà, chẳng hay đôi bên tâu bày như vậy có đúng như sự thật đã diễn ra không?

Vẫn chưa nguôi nổi bất bình. Phu nhân gật đầu xác nhận, và chỉ buông một tiếng: “Đúng!”

Kiểm pháp quan hỏi tên lính cấm vệ:

- Ai dạy nguời, chính môn chi có kiệu thiên tử mới qua được?

- Bẩm pháp quan, thầy đô giám dạy con.

Kiểm pháp quan lại hỏi viên đô giám:

- Ai dạy ông điều ấy? Đô giám vòng tay đáp:

- Trình pháp quan, thân vệ tướng quân dạy chúng tôi. Vừa nói, viên đô giám vừa đưa mắt nhìn về phía Trần Khuê Kinh.

Kiểm pháp quan vuốt chòm râu bạc gật gù. Ông từ tốn nghiêng đầu về phía Trần Khuê Kinh hỏi.

- Thừa tướng quân. Sở cứ vào đâu mà tướng quân răn dạy thuộc hạ như thế?

Nghe kiểm pháp quan xét hỏi, phu nhân thấy trong lòng đã bày tám phần hồi tỉnh lại. Bà nghĩ “Kê kia không biết trên dưới phải trái là gì. Nay trước cửa công, thầy trò đã phải cúi đầu. Phải, cứ lấy phép công trừng trị, bọn chúng mới mở mắt ra được, kéo không rồi chúng lại bảo ta, thừa thế uỷ quyền”.

Bọn thị nữ và lính hầu phủ thái sư nghe pháp quan gặng hỏi thầy trò thân vệ tướng quân, trong lòng chúng như nở ra từng khúc ruột. Chúng thập thò, ngấp nghe phía ngoài đại sảnh, đứa nọ nhìn đứa kia nháy mắt, mỉm cười.

Thái sư Trần Thủ Độ lòng vẫn lặng trong. Chính ông mới là quan tòa cao nhất. Ông không muốn kiểm pháp quan vì ông mà vít cong cán cân công lý. Ông cũng không cho phép người ta đụng đến thanh danh của vợ ông. Bởi chung, nay người ta coi thường vợ ông, thì mai sẽ đến lượt ông.

Nghe pháp quan hỏi rành rõ từng lời. Thân vệ tướng quân Trần Khuê Kinh đứng thẳng người với tư thế của một vị tướng liền đáp:

- Thừa ngài Kiểm pháp quan thay mặt cho pháp đình tôn nghiêm. Tôi được bề trên thường răn dạy: “Người làm việc nước phải lấy phép nước làm trọng, không được để cho tình riêng hoặc vật dục làm cho mờ tối lương tâm”. Chính vì thế, tôi đã răn dạy các thuộc hạ tôi phải giữ nghiêm phép nước. Đúng là tôi đã dạy họ như thế.

Không khí im phăng phắc mà căng như một sợi dây đàn. Kiểm pháp quan, gõ chiếc gậy trúc ba lần xuống thêm điện, rồi nói:

- Thừa tướng quân, tôi lưu ý tướng quân, khi tòa án pháp đình làm việc, là căn cứ vào luật định, chứ không phải căn cứ vào lời khuyên bảo của bề trên nữa. Một lần nữa, tôi nhắc lại:

- Xin tướng quân cho biết: Căn cứ vào đâu mà tướng quân răn dạy thuộc hạ của mình như vậy?

Thân vệ tướng quân rướn người về phía Kiểm pháp quan, nói từng lời mình bạch:

- Thừa ngài Kiểm pháp quan tôn kính, tôi căn cứ vào thiên Triều nghị trong Bộ hình thư của Quốc triều, ban hành năm Canh dần (1230) đang nằm trong tay quý quan đó.

Nghe Khuê Kinh đối đáp, Trần Thủ Độ giật thót mình. Một giây sau, ông đã lại lấy điều đó làm vui. Vì rằng Khuê Kinh thân làm tướng mà cũng nắm vững luật pháp. Lại biết dạy thuộc hạ, lính tráng biết giữ nghiêm pháp luật. Ông thật không mong gì hơn điều đó.

Kiểm pháp quan khi nghe Trần Khuê Kinh biện bác trôi chảy, khiến ông lúng túng. Rõ ràng là tướng quân và thuộc hạ không có lỗi. Người có lỗi ở đây là phu nhân và bọn gia thuộc ý thể lộng hành. Ông khéo lựa lời:

- Bẩm thái sư và phu nhân tôn quý. Sự thể vậy đã rõ ràng. Thân vệ tướng quân và thuộc hạ làm đúng những điều đã ban trong “Quốc triều hình luật”. Xin thái sư thẩm định.

Nói xong, ông ý tứ rút lui khỏi bực. Viên tùy phái hấp tấp bê bộ hình thư lẻo đẻo theo sau.

Trần Thủ Độ miễn cưỡng đứng dậy. Mặt ông hơi ửng đỏ. Đường như có sự tự hổ thẹn về người vợ của mình, ông nói:

- Ta có lời khen thân vệ tướng quân, đã răn dạy thuộc hạ có thể thống. Phép nước vì đó được nghiêm giữ. Ta sẽ tâu xin hoàng thượng đặc cách ban cho tướng quân tước hai tư. Còn viên đô giám và tên lính kia, các người ở địa vị thấp hèn cũng biết giữ nghiêm phép nước. Ta còn biết nói thể nào nữa. Gợi có một chút quà thưởng cho hai người - Nói rồi, thái sư sai gia thuộc đưa vào bốn tấm lụa, hai đỉnh bạc. Phu nhân đã lùi ra từ lúc nào không ai biết.

1. Tam khôi - ba học vị cao nhất thời xưa: Trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa lang. Đời Trần lấy tam khôi bắt đầu từ khoa Đinh mùi.

2. Thượng nguyên: ngày lễ vào rằm tháng giêng.

3. Phổ tại bến sông. Tương đương với Hàng Đường, Hàng Ngang, Hàng Buồm ngày nay.

4. Các vị đỗ đại khoa, từ thái học sinh (tiến sĩ) trở lên, vua ban cho mỗi người một cái biển bằng gỗ có khắc bốn chữ: “Ân tứ vinh qui” sơn son thiếp vàng. Mỗi người được sắm hai cái long; riêng quan trạng được sắm ba long. Thường là việc chi về lễ vinh qui của các đại khoa, đều do các quan đầu tỉnh có các vị tân khoa bỏ tiền công ra chi phí.

5. Di phong: Viên giữ việc dán kín tên ở các quyển thi để người chấm không biết được quyển của ai.

6. Soạn tự hiệu: Viên giữ việc biên số hiệu vào các quyển thi.

7. Đăng lục: Người giữ việc viết lại các quyển thi.

8. Thí viện: Gồm các quan đề điệu, giám thí.

9. Khảo viện: Gồm các giám khảo, đồng khảo.

10. Ngự Diên: Toà nhà để vua giảng các kinh sách cho các quan trong triều nghe. Vì khoa thi này sĩ tử kéo về đông, lại về trước thời hạn để tập văn. Nên nhà vua cho mở cửa toà Ngự Diên và đích thân Thái tôn thuyết giảng để đo lường sức học của nho sinh.

11. Táp biên thực lục: Ghi chép các việc trong ngày, giống như ghi nhật ký ngày nay.

12,13. Xem chú thích ở chương XIX.

14. Kinh nghị: Hỏi những điều còn ngờ trong các kinh.

15. Tương đương với tiến sĩ sau này.

16. Trung Thành vương là con của Nhân Đạo vương.

17. Có nghĩa là được bổ nhiệm ra làm quan.

18. Nguyễn Hiền 13 tuổi, người huyện Thượng Nguyên (Nam Định).

19. Lê Văn Hưu 18 tuổi, người huyện Đông Sơn (Thanh Hóa).

20. Đặng Ma La 14 tuổi, người huyện Mỹ Lương.

21. Lệ xưa khi các tân khoa nhận sau khi nhận áo mũ vua ban, sẽ được lên kiệu đi một vòng quanh phố xá kinh sư để đáp lễ dân chúng kinh kỳ. Và đêm được dự dạ yến vua ban ngay trong vườn thượng uyển.

22. Đăng văn viện: Là cơ quan giữ việc tra xét các hình án. Đến đời Thiệu phong (1343) mới đổi thành Đình uý tự.

Trời hoe hoe nắng. Cái nắng đầu xuân như ngõ ngàng sau một mùa đông băng giá. Thấy có nắng, Chiêu Thánh lên tiếng gọi:

- Huyền ơi! Huyền! Huyền ơi, ra đây chị bảo này.

Trịnh Huyền đang loay hoay với mái gà xuống ổ, nghe tiếng Chiêu Thánh gọi, vội chạy tủa ra sân.

- Thưa, có điều gì chị sai bảo em đây ạ.

- Đây này, em đã nhìn thấy gì chưa?

- Ôi, thích quá! Thích quá chị Chiêu Thánh ơi. Tầm sắp nở ra cả rồi. May quá, mấy hôm nọ trời rét, em cứ sợ trứng ung hết. Đem xuống bếp để, em lại sợ nó chết sặc khói. Lửa dầu này là kịp đây chị nhi. Để chiều nay em phải pha nước dãi tưới thúc cho nó lên mau.

Chiêu Thánh khề lắc đầu:

- Chưa cần phải thúc đâu em ạ. Qua kỳ rét lộc này ầm lên, cứ gọi là hái không xuể. Em không nhớ năm ngoái đây à, chị em mình cứ sợ thiếu lá, thúc mãi phân tro vào, dâu vượt lên rồi rụng lá. Đến lúc tầm ăn rồi dâu quá lứa, tầm chê không ăn. Chị em mình chả phải đi hái khắp làng đây ư. Theo chị, cứ để từ từ. Tầm lớn đến đâu, thúc dâu đến đó.

Thấm thoát Chiêu Thánh về ở mảnh đất bên chùa Bảo Quang này đã được hơn chục năm. Chiêu Thánh đã lập riêng một điện để phụng thờ vua cha và Phật tổ. Ngày hai buổi sớm chiều nàng tụng niệm. Nhưng vẫn giữ đều, tháng đôi lần vào các ngày rằm, mồng một sang chùa làm lễ vua cha. Càng lớn, Chiêu Thánh càng khôn người thương cảm nỗi bất hạnh của cha mình. Nhớ mãi cuộc gặp vua cha lần cuối ở Điện chí kính. Những lời khuyên dạy của vua cha như còn văng vẳng. Cả những lời nguyên rủa các người trong phe cánh họ Trần, Chiêu Thánh vẫn còn nhớ rành rờ như mới hôm qua thôi. Nhất là ánh mắt lạnh lùng đầy căm ghét của vua cha đối với mẫu hậu. Đã nhiều lần Chiêu Thánh nguyện trước linh hồn vua cha và xin người tha thứ. Nàng không thể nào thực hiện được lời vua cha, rằng phải trừ khử hết phe cánh họ Trần. Chiêu Thánh tự biết, đó là do sự uất kết của vua cha, chứ tình thế bây giờ khác lắm rồi. Làm sao mà đảo ngược được thế cờ. Và lại, Thái tôn ít lâu nay đã tự mình giữ lấy then máy quốc gia. Nhà vua đức độ, dân chúng được hưởng ơn mưa móc, còn ai nghĩ đến vua cũ nữa. Ngay đến các đại thần nhà Lý cũng quy phục nhà Trần, tỏ tài mẫn cán, một lòng một dạ thờ vua mới. Thời thì vua nào cũng được, triều nào cũng xong. Đối với đám dân đen, họ không cần biết đến ai là người nắm giữ quyền hành. Cái mà họ cần là non nước thái bình. Không có giặc giã. Không lụt lội, cháy to. Tô thuế giảm nhẹ. Lao dịch khoan thứ. Nhà nhà có bát ăn bát để. Khốn nỗi các điều đó, khởi nghiệp nhà Trần đã lo liệu rồi. Và họ làm được. Sống bên nếp chùa thanh tịnh, sớm tối cầu việc phúc, Chiêu Thánh dần dần nhận ra được sự thật đau lòng đó. Và nàng chấp nhận như là lẽ đời phải vậy. Bởi thế, nàng không có gì ân hận, tủi buồn. Nàng an phận đến nỗi quên cả tấm thân danh giá, mà lam lũ trong việc chăn tằm, ương tơ. Dệt lấy lụa mà dùng. Cày cuộc lấy lúa gạo mà ăn. Một thầy một tớ, sống cuộc đời đạm bạc, lấy câu kinh, tiếng mõ làm lẽ sống cho mình. Bận bầu với cây cỏ cho qua ngày đoạn tháng. Thân không thể phát, nhưng tâm đã gửi trọn cửa từ bi. Ấy là nói về phần Chiêu Thánh.

Còn Trịnh Huyền thì lại khác. Trịnh Huyền từ khi quan thừa chỉ bỏ kinh thành ra đi, nàng như bị hụt hẫng, như mất hẳn chỗ dựa tinh thần. Đôi lúc cũng âm thầm ngao ngán. Nàng phải nén dấu tình cảm xót xa đau đẽ Chiêu Thánh đỡ buồn. Hoặc những khi trời đổi gió, chuyển mùa, Trịnh Huyền lại bồi hồi nhớ tới mẹ già. Thương mẹ thân góa bụa cô đơn, lại nghèo túng, lấy ai săn sóc, phụng dưỡng khi

nắng hạ, lúc rét đông. Có lúc soi bóng trong gương nàg giặt mình thấy nước do sạm mốc, và những vết rạn chân chim nơi khóe mắt, tự xót thương cho thân phận hẩm hiu. Nhưng nàg không hé một lời than, dường như nàg chấp nhận và đón đợi những gì cay đắng mà số phận giành cho nàg.

Ấy vậy, nhưng mỗi khi nhớ về cô chủ của mình, Trịnh Huyền cảm thấy yên phận. Bởi chưng, Chiêu Thánh thân lá ngọc cành vàng, mà kiên tâm chối bỏ cảnh lầu son gác tía, kẻ hầu người hạ, xe kiệu vào ra, yến tiệc linh đình. Dẫn thân vào cảnh nông tang lam lũ. Chưa một lần nào nàg thấy cô chủ hé miệng than van. Nhiều khi thấy Chiêu Thánh ủ buồn, Huyền khuyên nàg nên vào cung thăm quốc mẫu. Chiêu Thánh đều thoái thác. Có nhẽ nàg cũng đã có đôi phần nguôi ngoai. Vì nếu như trước kia, mỗi lần Huyền nhắc tới quốc mẫu, thì Chiêu Thánh ùng ùng nổi giận, kể lể, khóc than suốt buổi không thôi. Bây giờ, nàg chỉ ư hừ cho qua chuyện. Trịnh Huyền nhớ cách đây vài năm, thái sư phu nhân có ghé thăm Chiêu Thánh vào lúc sẩm chiều. Và đêm đó, bà ở lại ngôi nhà tranh vách đất lạnh lẽo này với con gái. Bà tỏ ra xót thương cho con gái tự đẩy thân vào cảnh khổ. Đôi lần bà gạn ép Chiêu Thánh trở về cung. Lúc đầu cô chủ Trịnh Huyền còn im lặng. Mãi sau nàg nói. Giọng trầm tĩnh của một người dường như không còn biết đến, hoặc giả không cần biết đến cảnh đời bon chen là gì nữa. Nàg nói:

- Phu nhân thử nghĩ xem. Bấy lâu nay phu nhân vẫn ở tại cung, phu nhân có sung sướng gì không. Ngay bây giờ đây, ghé chốn lầu tranh tẻ nhạt này, có đúng là tình mẫu tử thôi thúc phu nhân ra đi. Hay chỉ vì trong lòng phu nhân có điều gì u uất? Phu nhân buộc phải ra khỏi cung để được phút giây giải thoát. Và vì thế, phu nhân mới lạc bước tới đây.

Quốc mẫu rùng mình run sợ về những lời nói tàn nhẫn của con gái. Những tiếc thay, nó là sự thật. May nhờ có bóng đêm che giấu giùm khuôn mặt nhợt nhạt, và cặp mắt thất thần của bà. Mãi lâu sau bà mới lên tiếng. Giọng bà lạc đi, như không còn tự chủ được nữa:

- Đúng như con nói. Ta tuy thân ở trong cung, mà tâm không bao giờ được thư tĩnh. Con quả là cao thượng. Như con bây giờ mới là người sung sướng. Bởi con đã làm được điều con sở nguyện. Ta ao ước, ta cũng được giải thoát như con.

- Thừa lệnh bà. Chiêu Thánh nói với về lạnh lùng, xa lạ - Việc giải thoát là công quả của mỗi người tự tu luyện lấy. Ngay Phật tổ cũng không giải thoát được cho đệ tử của mình. Bởi lẽ, Phật tổ chỉ hướng nẻo cho chúng sinh con đường giải thoát thôi, chứ Phật sao có thể làm thay cho ta được. Nay lệnh bà đang ở địa vị tôn quý, có sao lại buông lời sầu não?

- Chắc con còn giận ta, nên con chưa cảm thông được với nỗi đau của mẹ. Con có biết ta ở địa vị cao sang, vậy mà mấy tên quân hiệu nó làm nhục ta, nhưng chú con – một ông thái sư thống quốc, uy quyền át cả vua, mà không bênh vực nổi. Con bảo ta còn sung sướng được cái nổi gì?

- Sao quốc mẫu lại cho điều đó là một sự nhục mạ? Chắc quốc mẫu muốn nhắc đến đám lính thân vệ, ngăn kiệu quốc mẫu qua chính môn dạo trước?

- Phải đó. Chuyện đó làm ta đau lòng mãi.

- Lẽ ra phu nhân phải mừng, bởi thái sư đã làm một việc cực kỳ chuẩn mực. Chính việc làm của thái sư đã nêu một tấm gương cao khiết, vì vậy phẩm hạnh của phu nhân càng thêm tôn quý. Việc ấy có chi phải buồn. Sao phu nhân không tự thấy: càng ở ngôi cao, càng phải giữ gìn đức lớn thì thiên hạ mới trọng nể. Ngay đến Thái tôn cũng còn đối lỗi từng ngày để mưu việc lớn cho trăm họ. Sửa mình là nghiệp thiện xưa nay, có gì mà phu nhân phải trầm cảm tới uất kết ở trong lòng?

Nghe Chiêu Thánh nhân giải, phu nhân lặng thinh không đáp. Không hiểu trong lòng bà đang diễn ra điều gì. Bà vui hay buồn. Giận hay thương. Điều quan yếu là ở chỗ, bà có nhận ra lỗi lầm của mình, và có chịu đổi lỗi, hay lại gây bè kết cánh để mưu hại người trung?

Linh từ quốc mẫu phải đầu là người hẹp lượng. Và có phải một mai một chiều gì mà bà không hiểu tính nết thái sư. Thái sư không bao giờ dung dưỡng sự lạm dụng quyền hành. Nhớ lại việc ông đi tuyên câu đương mà phu nhân nhờ vả, với việc bọn lính thân vệ ngăn kieu của bà, thái sư không hề bênh che. Điều đó chứng tỏ, ông không để cho tư tình khuất lấp kỷ cương.

Giây lâu sau phu nhân mới lại nói lời:

- Lòng con sáng trong nên con nhận ra ngay điều phải quấy. Ta phải cảm tạ trời đất đã dun dùi ta đến thăm con. Nghe con nói, lòng ta trở nên an tĩnh. Hứa với con, từ nay ta không bao giờ phạm lại các điều ta đã mắc, khiến cho đức ông và hoàng thượng phải phiền lòng.

Đúng là từ đạo ấy, lệnh bà đã tận tâm tu chính, khiến đức tốt của bà lan truyền khắp kinh sư.

Sớm hôm sau phu nhân dậy sớm đánh thức Trịnh Huyền. Bà dúm cho Huyền mười nén vàng và dặn: “Con giữ lấy để hộ thân cho hai thầy trò. Ta cấm con không được hở cho Chiêu Thánh biết chuyện này. Có thể con chôn giấu nó dưới một gốc cây nào đó trong vườn. Rồi như vô tình con đào được. Nếu có điều gì cần kíp, con cứ về cung tìm ta. Nhớ nhé!”.

Ngày tháng trời mau như vó câu qua cửa sổ. Thấm thoát đã lại chín một lứa tằm. Bữa nọ có việc Trịnh Huyền phải vào chợ Cầu Đông mua sắm. Nghe dân chúng kinh kỳ xôn xao tới ngày rằm này, nhà vua sẽ mở đại hội bảy ngày đêm. Trong hội lễ sẽ trưng bày các đồ lễ kết tóc, và các cửa hội môn của công chúa Thiên Thành, sắp về với Trung Thành vương.

Tới cả tháng nay, bên nhà Nhân Đạo vương kẻ hầu người hạ ra vào tấp nập. Nào sửa sang dinh thự. Nào tía xén cây cảnh. Nào mua sắm các thứ ngon vật lạ, để dùng vào tiệc cưới nay mai. Người ta đồn đại, Nhân Đạo vương đã nhờ khách thương Hôi - hột mua tham quý, sấp thơm, ngọc trai đỏ. Lại cho cả người vào tận vùng biên ải Lão - qua mua ngà voi, sừng tê và vật quý làm đồ dẫn cưới.

Trịnh Huyền đem chuyện này kể lại cùng Chiêu Thánh với niềm hứng khởi chân thành. Chính nàng cũng háo hức mong chờ ngày khai diễn hội lễ.

Suy ngẫm giây lâu, Chiêu Thánh gạn hỏi:

- Em nghe đích thực Thiên Thành công chúa đính hôn cùng Trung Thành Vương chứ?

Huyền mau mắn đáp lời:

- Dạ, đúng. Em không nhầm đâu chị Chiêu Thánh ạ.

- Em nghe nói nhà vua mở hội mấy ngày?

- Dạ, bảy ngày đêm. Bắt đầu từ sáng hôm rằm. Nhưng sao chị lại hỏi em đức phu quân của công chúa có đúng là Trung Thành Vương không?

- À, à... Chiêu Thánh hơi ấp úng. Đã định nói, nàng lại thôi. Vì rằng nàng cứ tưởng một hai Thiên Thành sẽ về với Quốc Tuấn. Bởi hai người quyền luyến nhau lắm. Họ thật đẹp đôi, chỉ hiếm Quốc Tuấn là bậc dưới. Tuấn phải gọi Thiên Thành bằng cô ruột.

Thiên Thành là em út của Thái tôn. Hai thân sớm khuất. Thái tôn thương em cô út, hết lòng săn sóc, cưng chiều. Bên nhà Nhân Đạo vương đã đánh tiếng xin Thiên Thành từ lâu, ngặt vì công chúa còn nhỏ tuổi. Độ vài năm nay, nàng mới phồng phao lên được. Vì gần đây

Thái tôn mới nhận lời dạm hỏi. Lễ cưới này, chắc nhà vua cho mở hội linh đình, và sẽ chia thưởng cho em gái nhiều báu vật. Nghĩ tới tuổi xuân của mình, Chiêu Thánh như nghẹn tắc ở trong lòng. Nàng thầm nghĩ: “Thời thiếu nữ vàng son của ta đã bị vùi chôn trong cung cấm, với biết bao bão táp chốn cung đình. Hồi Thiên Thành, ta ghen với em đó! Hạnh phúc của em thật đủ đầy. Nhưng tại sao ta vẫn muốn em đẹp duyên cùng Quốc Tuấn hơn là với người kia. Quốc Tuấn là một chàng trai đầy phách lực. Trung Thành vương sao có thể bén được gót chàng. Hay là em sợ miệng thế gian? Chao ôi, họ Trần nhà em đâu còn có nhân luân nữa mà phải giữ gìn!”.

Thăng Long vào hội. Kinh thành như rực rỡ hẳn lên. Từ phố phường tới cung cấm, đèn đài, đình tạ, đầu đầu cũng giăng mắc cờ hội, cờ phướn, đèn lồng, đèn kéo quân. Các giáo phường hát múa thâu đêm, người xem chen chúc như nêm. Góc phố này có một bãi thả diều, những con diều giấy khung tre to như những chiếc thuyền nan bay lơ lửng rợp từng không, phát ra những tiếng sáo du dương. Bởi trên mỗi con diều kia đều được đeo một chồng sáo trúc tới năm hoặc bảy chiếc. Chiếc to nhất bằng bắp đùi người lớn, nhỏ nhất bằng ngón chân cái. Mỗi chiếc là một thang âm. Hàng mấy trăm người như nín thở ngược nhìn, tai lắng nghe tiếng sáo bồng trầm dịu dặt, từ trời cao dội xuống như một thứ nhạc tiên. Góc kia là một cụm tới ba bốn cây đu. Từ xa đã nhìn thấy những dải yếm hồng, những tà áo nâu, quần quít tung bay trên nền trời. Những tay đu giỏi đánh giật tung rờn rọc, bụng chầm lá cờ giải treo trên đỉnh cột đu. Họ cứ vờn như thế tới vài ba lần, để khách xem dưới gốc đu thả sức reo hò, rồi họ mới thò tay ra giật lấy lá cờ. Khi bàn tay của người tranh giải chớm đặt vào mép lá cờ, khách xem nín thở hồi hộp, vừa mừng vừa lo. Khi lá cờ tuốt ra khỏi cán, và chạc đu đung đưa theo nhịp chậm dần, thì tiếng reo hò tưởng như long lở cả kinh thành. Biết bao nhiêu trò chơi khác như đua thuyền, kéo co, vật, đấu võ, múa khiên, múa rồng, chọi gà, chọi chim, chọi trâu, đua ngựa...

Trên đây là những trò chơi dân dã mở ra cho dân chúng kinh kỳ, và dân các lộ kéo về dự hội. Còn tại sân Long Trì lại có cuộc chơi riêng của giới quý tộc cung đình. Đó là môn đánh cầu được coi là môn chơi quý phái của giới thượng võ. Trên chiếc sân rộng ở hai đầu đông, tây dựng hai cầu môn. Trước cầu môn là một chiếc giá để cắm cờ có hai mươi bốn lỗ. Cuộc chơi tính điểm theo cách, nếu quân bên nọ đẩy được cầu qua vòng cầu môn bên kia thì được tính một điểm. Viên thông sự xá nhân bèn cắm một lá cờ vào giá. Bên nào giành trước được đủ hai mươi bốn lá cờ, bên ấy thắng cuộc.

Cầu là một quả bóng tròn bằng da, trong nhồi lông căng phồng, bắt đầu cuộc chơi, quan nội thị mở chiếc hộp vàng, lấy ra quả cầu da sơn đỏ, ném xuống sân Long Trì. Nhạc nổi lên rộn rã. Quân hai bên lần lượt cưỡi ngựa ra sân. Bên đông quân vàng, bên tây quân tía. Đuôi ngựa giốc thất màu sắc phục của mỗi bên.

Tướng Lê Tần cưỡi con ngựa bạch dẫn đầu quân tía. Tướng Khuê Kinh cưỡi con ngựa hồng cầm đầu đám quân vàng. Mỗi tướng tay cầm một cái trượng dài, hai đầu cong và bệch dùng để lấy cầu. Tay kia cầm cương ngựa. Hai tướng dẫn quân mình ra trước mỗi cầu môn. Trống chiêng khuua vang dội. Thái tôn uy nghi trong bộ triều phục, cưỡi con ngựa ô long phủ yên cương vàng. Nhà vua một tay nắm cương ngựa, tay kia xách chéo cây trượng dài, tể ngựa tới trước quả cầu thì nhạc ngừng bật. Nhà vua thúc cho ngựa lồng lên rồi ngoái lại dùng cây trượng gẩy cho quả cầu tung lên. Trống chiêng lại nổi lên từng bùng. Hai tướng dẫn theo cả một lũ người ngựa ủa ra tranh cầu. Cuộc chơi bắt đầu. Nhà vua bèn lui về kỳ đài ngồi với các đại thần để xem cuộc tranh tài cao thấp...

Dân chúng kinh kỳ không chỉ có nô nức đi xem các giáo phường diễn, hát, mà còn tham dự đủ các trò vui. Nhưng có lẽ điều gọi cho người kinh sư óc tò mò nhất, là việc cung cấm mở cửa trưng bày các của hồi môn của công chúa, và đồ dẫn cưới của Trung Thành vương. Thôi thì đủ thứ áo quần, vóc lụa, nhiều gấm sang trọng của Trung Hoa, Ba Tư, Tây Trúc như muốn đua tranh với một số hàng nội địa như

the, lụa, đũi, lĩnh... của các vùng cửu canh nổi tiếng như La, Bưởi, Sài ...

Những đồ trang sức bằng vàng, bạc chạm trổ tài hoa của các tay thợ nổi tiếng Đồng Sâm, Hàng Bạc. Nào vòng cổ, vòng tai, vòng tay, đai áo, mũ miện la liệt tới hàng trăm thứ, nom lóa cả mắt. Những loại hồng ngọc, bích ngọc, lưu ly, kim cương được nạm vàng thành những hoa tai, vòng cổ, hoặc những con giống nhỏ xinh, khiến người xem không hết kinh ngạc về sự sang giàu, xa phí của chốn quyền môn. Ngoài những đồ lụa, tơ, vàng, ngọc ra, còn phải kể tới áo quần, chăn ù, lông ấp bằng các loại lông thú, như hổ, báo, chồn, rái cá... Lại nữa, các đồ gốm sứ rất phong phú như Bát Tràng, của Đông Sơn. Từ những bức tranh sứ về cảnh thủy mặc, hoặc tứ dân, hoặc lục súc tranh công, tới các lọ hoa, chậu cảnh, độc bình, tháp, thố, tới các loại chén, bát, đĩa, mâm và các con giống bằng sứ gồm nhiều màu, nhiều cảnh. Những đồ sứ gốm của ta, đặt cạnh đồ sứ gốm của các thời Đường, Tống từ vóc dáng, tới hoa lá, men màu, mỗi bên có một nét đẹp riêng, chẳng thể nào lẫn át được nhau. Qua đồ gốm sứ lại tới đồ đồng. Nào mâm, chậu, nồi, xanh, chảo... tới các đồ thờ như cây nến, đỉnh và tượng phật. Đây mới chỉ nói tới của hồi môn. Còn các đồ dẫn cưới, tuy không nhiều bằng, nhưng cực kỳ sang quý, chỉ có thể kiếm được ở các vương quốc giàu có ngoài Đại Việt như La Mã, Trung Hoa, Ba Tư, Thổ Phồn...

Từ bữa nhà vua mở đại hội, Quốc Tuấn không ra khỏi nhà. Không phải chàng tráng sĩ được hâm mộ nhất kinh thành này đang ham mài luyện rèn kiếm cung, hoặc nghiên cứu binh thư đồ trận gì. Con tuấn mã theo thói quen sáng nào cũng được chủ dắt ra khỏi tàu ngựa, thắng yên cương và phi nước đại tới Giảng Võ đường, lượn một vòng quanh trường võ rồi đi vào các bài tập nhảy vượt chướng ngại như: gò, đồng, sông, suối. Nhưng đã ba sáng nay, sau một hồi hí dài con ngựa lại gục đầu lắc bồm, đập móng ngóng chờ chủ. Dù người giám mã có vỗ về, nựng nịu thế nào thì con tía mặt cũng không chịu bước chân ra khỏi tàu. Và nó ăn uống cũng chểnh mảng.

Trong thư phòng của Quốc Tuấn, những “Tôn tử binh pháp”, “Ngô gia binh pháp”, “Tôn tử thập gia chú”... xếp chồng đồng lên nhau, mờ mờ bụi phủ.

Quốc Tuấn làm gì? Chàng ở lì trong cung, đi quanh quẩn trong bốn bức tường, như một con sư tử vừa bị nhốt vào cũi. Chàng ngao ngán nghĩ về cảnh người yêu sắp đi lấy chồng. Chàng đã yêu mê mết công chúa Thiên Thành - Bông hoa rực rỡ nhất của Thăng Long hoa lệ. Sắp tới ngày cưới - Thiên Thành còn nói với Quốc Tuấn: “Thiếp sẵn sàng bỏ kinh thành đi trốn cùng vương”. Nhưng trốn đi đâu? Và tại sao phải đi trốn? Quốc Tuấn, một con người trí dũng, tự tin không chấp nhận một cuộc đi trốn. Không cùng nhau đi trốn, nhưng cũng không thể để mất nàng vào tay Trung Thành vương được.

Quốc Tuấn cũng mệt mỏi, cũng tù túng, chẳng khác gì con tuấn mã của chàng. Tất cả những dằn vặt của Quốc Tuấn không lọt qua mắt của công chúa Thụy bà. Vừa là cô ruột, vừa là mẹ nuôi, bà hiểu tâm trạng Quốc Tuấn, cũng như bà biết mối tình thầm lén giữa Quốc Tuấn và em gái bà. Song duyên phận của Thiên Thành đã được đích thân hoàng thượng chọn lựa. Nay đã tới lễ kết tóc, sao có thể đổi thay được nữa. Đôi lần bà đã toan khuyên can Quốc Tuấn. Rồi lại nghĩ: cứ để lễ cưới của Thiên Thành qua đi, Quốc Tuấn khắc biết tự xử. Còn như bây giờ, mọi sự khuyên bảo, chẳng khác gì tưới thêm dầu vào ngọn lửa si tình đang bùng cháy trong lòng chàng, nên Thụy bà vẫn cứ im lặng dõi theo.

Điều làm cho Quốc Tuấn băn khoăn, giữa lúc cần gấp gờ Thiên Thành nhất, thì nàng đã được đón vào ở ngôi biệt điện trong cung Nhân Đạo vương. Mặc dù nàng đã hứa không chung thân với Trung Thành vương. Nhưng làm sao chàng có thể yên tâm được. Thiên Thành đến ở trong cung nhà Nhân Đạo vương, để tiến hành lễ kết tóc với Trung Thành vương, có khác chi đem mỡ đặt trước miệng mèo.

Quốc Tuấn cứ loay hoay suy đi tính lại mãi, chưa biết định liệu ra sao. Nom chàng ủ dột như một con ngựa chiến bị trọng thương,

đứng rũ bờm tiều nuôi cảnh tung vó chốn sa trường giữa rừng thương, biển lửa. Quốc Tuấn về ra hàng trăm kẻ trong đầu, song nó cứ mông lung mờ ảo như khói như sương, chưa biết liệu tính ra sao. Giữa lúc đó tên gia nô đẩy cửa bê mâm cơm chiều vào dâng Quốc Tuấn. Chàng đã toan vẫy tay cho y trở lui, giống như bữa sáng, bữa trưa chàng đã làm. Nhưng chẳng biết thế nào chàng lại vẫy tay gọi y vào. Tên gia nô hơn hờ đặt mâm cơm vào kỷ, chấp tay đứng hầu.

Quốc Tuấn uống một hơi hết ba bát rượu, thấy đã nóng nóng phía vành tai. Chàng đưa cặp mắt sáng rực nhìn về phía cửa sổ, thấy trắng xóa một trời trắng. Lòng băng khuâng nhớ tới Thiên Thành, Quốc Tuấn đứng dậy toan lao ra cửa. Tên gia nô hốt hoảng kêu:

- Bẩm tiểu tướng, người chưa dùng cơm.

Như sực tỉnh, Quốc Tuấn lại ngồi xuống mỉm cười. Gia nô xới cơm. Chàng miễn cưỡng ăn mà hồn như phiêu lãng đâu đâu. Chợt ngừng nhìn gia nô, chàng khẽ gọi:

- Nô!

- Dạ. Bẩm tiểu tướng dậy con điều gì ạ?

- Nếu vào cảnh ngộ ta, mi sẽ làm gì?

Gia nô ngơ ngác nhìn tiểu chủ, rồi đáp với vẻ hết sức tự nhiên:

- Bẩm, nếu con ở cảnh ngộ của tiểu tướng, thì con đã uống cạn be rượu kia, và ăn hết mâm cơm này từ lâu rồi ạ.

Quốc Tuấn bật cười, hơi gắt:

- Đồ con tùu. Ta có hỏi mi việc ăn uống đâu.

- Dạ, bẩm tiểu tướng, con tưởng người ở vào cảnh ngộ nhịn đói suốt một ngày, thì bây giờ phải ăn thôi chứ còn có chuyện gì nữa?

- Nô! Nghe ta hỏi đây.

- Dạ, con đang nghe.

- Mi có biết chuyện ta với công chúa Thiên Thành không?

- Dạ, trước con biết lơ mơ ạ.

- Thế còn bây giờ thì sao?

- Dạ, bây giờ thì tiểu tướng đã nhịn đói suốt cả một ngày, còn bên cung, công chúa đang mở hội. Công chúa trang điểm rực rỡ, đẹp như một nàng tiên và chỉ mong cho chóng tới ngày làm lễ kết tóc với Trung Thành vương.

- Đồ súc sinh! Quốc Tuấn đập tay xuống kỷ, quát lớn:

- Có đúng như mi nói không?

Tên gia nô làm ra bộ ngơ ngác, khép nép thưa:

- Bẩm tiểu tướng, sao lại không đúng ạ. Cả kinh sư này ai mà không biết chuyện ấy.

Dường như Quốc Tuấn đã nhận ra sự thật cay đắng, chàng dịu giọng hỏi gia nô:

- Cứ cho rằng, điều mi nói là thật đi.

- Dạ, bẩm tiểu tướng, gia nô vội cướp lời Quốc Tuấn - Bẩm tiểu tướng, hiển nhiên là thật rồi chứ còn giả nữa hay sao. Còn hai ngày nữa là đến lễ kết tóc rồi.

- Thôi được, Quốc Tuấn một mối thừa nhận - Cứ cho rằng đó là sự thật đi. Nhưng nếu người ở vào cảnh ngộ ta, người sẽ làm gì?

Mặt gia nô ngậy ra với vẻ đần độn. Một thoáng ý nghĩ ra cửa, nhìn thấy trăng rằm dãi trắng cả trời đêm. Y gật gù với vẻ thận trọng, như nói với chính mình:

- Nếu vào cảnh ngộ con. Dù có xả thân con ra thành trăm mảnh, con cũng không bỏ người đẹp.

Nom bộ mặt nghiêm trang của y, Quốc Tuấn hiểu y nói thật lòng. Chàng tự nghĩ: “Vậy là nhân cách ta không bằng tên nô bộc”. Trong óc chàng vụt lóe một âm mưu. Chàng quay ra nói gia nô:

- Mi dọn ngay đi. Quốc Tuấn chỉ tay vào mâm cơm - Ta mệt, đêm nay ta muốn đi nghỉ sớm.

Gia nô vừa ra khỏi cửa, Quốc Tuấn vội mặc áo quần gọn ghẽ, nai nịt chặt chẽ, rồi dắt thanh đoản đao vào thắt lưng, tắt đèn lên giường nằm. Chừng canh ba, chàng nhóm dậy rồi lao vút vào đêm sáng nhòe trắng.

Mờ sáng, gia nô về bẩm với công chúa Thụy bà các việc xảy ra trong đêm. Công chúa hốt hoảng, mặt tái mét như không còn giọt máu, hấp tấp lên kiệu vào ngay nội điện.

Nội tửam cửa vẫn còn đóng im ỉm, nhà vua chưa tỉnh giấc vàng. Do dự một lát, Thụy bà giơ tay đập cửa thình thình.

Ngờ có biến, Thái tôn vội choàng lên người chiếc áo vóc, quơ lấy thanh trường kiếm phía đầu giường, rồi nhón gót nhìn qua hàng con tiện phía trên cánh cửa bức bàn.

Chỉ thấy có một mình công chúa Thụy bà, nhà vua bèn mở cửa ra hỏi:

- Có việc gì mà chị vào cung sớm thế? Sao mặt chị tái nhợt thế kia?

Thụy bà, giọng run run:

- Không ngờ Quốc Tuấn nó điên cuồng, rồ dại, đêm qua, dám vượt rào lên vào chỗ Thiên Thành ở. Nhân Đạo vương đã bắt giữ lại rồi. Sơ nọ bị giết. Xin bệ hạ thương cho, sai người đến cứu!

Thái tôn “hừm” một tiếng, rồi quát:

- Quân càn giữ!

=====.

Viết xong tại Giảng Võ

Ngày 24 tháng 11 năm 1988